

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**HOÀNG THẾ ANH**

**GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2015**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

HOÀNG THẾ ANH

# GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

*Chuyên ngành:* Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật  
*Mã số:* 62 38 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS. TSKH. ĐÀO TRÍ ÚC

HÀ NỘI - 2015

## **LỜI CAM ĐOAN**

Nghiên cứu sinh xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng của nghiên cứu sinh. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận của Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

*Nghiên cứu sinh*

***Hoàng Thế Anh***

## LỜI CẢM ƠN

*Nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia Hà Nội; Bộ Tư pháp; Tổng cục Thi hành án dân sự; các Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan; các thầy, các cô; các chuyên gia, nhà khoa học; cán bộ, công chức một số Cơ quan Thi hành án dân sự; bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã tận tình giúp nghiên cứu sinh hoàn thành luận án này.*

*Nghiên cứu sinh*

***Hoàng Thế Anh***

# MỤC LỤC

*Trang*

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục bảng	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN</b>	
<b>QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI</b> .....	8
<b>1.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến thi hành án dân sự</b> .....	8
<b>1.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến giám sát thi hành</b>	
<b>án dân sự</b> .....	15
<b>1.3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu</b> .....	20
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	22
<b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN</b>	
<b>DÂN SỰ Ở VIỆT NAM</b> .....	24
<b>2.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của thi hành án dân sự</b> .....	24
2.1.1. Khái niệm thi hành án dân sự và tính chất của hoạt động thi	
hành án dân sự.....	24
2.1.2. Đặc trưng của thi hành án dân sự.....	35
2.1.3. Vai trò của thi hành án dân sự.....	39
<b>2.2. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của giám sát thi hành án dân sự</b> .....	42
2.2.1. Khái niệm giám sát thi hành án dân sự.....	42
2.2.2. Phân biệt giám sát với kiểm sát, thanh tra và kiểm tra thi hành	
án dân sự.....	44

2.2.3.	Đặc trưng của giám sát thi hành án dân sự .....	47
2.2.4.	Vai trò của giám sát thi hành án dân sự .....	49
2.2.5.	Các yếu tố ảnh hưởng đến giám sát thi hành án dân sự.....	54
<b>2.3.</b>	<b>Chủ thể giám sát, đối tượng giám sát thi hành án dân sự.....</b>	<b>56</b>
2.3.1.	Chủ thể giám sát thi hành án dân sự .....	56
2.3.2.	Đối tượng giám sát thi hành án dân sự .....	67
<b>2.4.</b>	<b>Nội dung của giám sát thi hành án dân sự.....</b>	<b>74</b>
2.4.1.	Theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp đối với hoạt động của đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự .....	74
2.4.2.	Đề nghị, yêu cầu đối tượng giám sát xem xét lại tính hợp pháp và điều chỉnh các hành vi, quyết định có vi phạm.....	82
2.4.3.	Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét tính hợp lý, hợp pháp đối với các hành vi và quyết định của đối tượng giám sát và xem xét lại các chế độ, chính sách, quyết định trong quản lý thi hành án dân sự.....	84
<b>2.5.</b>	<b>Hình thức, phương thức giám sát thi hành án dân sự.....</b>	<b>86</b>
2.5.1.	Hình thức giám sát thi hành án dân sự.....	86
2.5.2.	Phương thức giám sát thi hành án dân sự .....	90
	<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>96</b>

### **Chương 3: THỰC TRẠNG GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

	<b>Ở VIỆT NAM .....</b>	<b>97</b>
<b>3.1.</b>	<b>Kết quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.....</b>	<b>97</b>
3.1.1.	Giám sát của nhân dân (công dân).....	98
3.1.2.	Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.....	102
3.1.3.	Giám sát thi hành án dân sự của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội .....	106
3.1.4.	Giám sát của Viện Kiểm sát nhân dân qua công tác kiểm sát thi hành án dân sự.....	108

3.1.5.	Giám sát thi hành án dân sự của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan .....	110
<b>3.2.</b>	<b>Thực trạng sử dụng hình thức và phương thức giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.....</b>	<b>112</b>
3.2.1.	Hình thức giám sát thi hành án dân sự.....	112
3.2.2.	Phương thức giám sát thi hành án dân sự .....	113
<b>3.3.</b>	<b>Đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân.....</b>	<b>122</b>
3.3.1.	Kết quả giám sát thi hành án dân sự .....	122
3.3.2.	Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam .....	127
	<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>131</b>
	<b>Chương 4: BẢO ĐẢM GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI .....</b>	<b>132</b>
<b>4.1.</b>	<b>Một số quan điểm về bảo đảm giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.....</b>	<b>132</b>
4.1.1.	Đặt trong tổng thể của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.....	132
4.1.2.	Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.....	133
4.1.3.	Không làm ảnh hưởng đến tính ổn định và phát triển của thi hành án dân sự.....	134
4.1.4.	Góp phần hạn chế tình trạng tiêu cực, sách nhiễu và vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự .....	135
4.1.5.	Phát huy được tổng hợp sức mạnh của toàn xã hội .....	136
<b>4.2.</b>	<b>Một số giải pháp bảo đảm giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.....</b>	<b>137</b>
4.2.1.	Hoàn thiện thể chế về giám sát thi hành án dân sự.....	137

4.2.2. Tăng cường hoạt động giám sát của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự.....	142
4.2.3. Nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với giám sát thi hành án dân sự .....	145
4.2.4. Mở rộng đối tượng giám sát, nội dung giám sát, đổi mới hình thức, phương thức giám sát.....	146
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>151</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN .....</b>	<b>154</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>155</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>158</b>



## DANH MỤC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 3.1:	Kết quả thực hiện giám sát của một số chủ thể từ năm 2010 đến năm 2014	123

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thi hành án dân sự là hoạt động quan trọng của Nhà nước nhằm đưa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án, Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ra thi hành để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân góp phần ổn định an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Điều 136 Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và gần đây nhất là Điều 106 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Bản án, quyết định của Toà án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”*.

Thi hành án Hiến pháp, Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 đã quy định:

Bản án, quyết định quy định tại Điều 2 của Luật này phải được cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành án.

Điều 2 Luật Thi hành án quy định:

Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm:

1. Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật:
  - a) Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;
  - b) Bản án, quyết định của Toà án cấp phúc thẩm;
  - c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Toà án;
  - d) Bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài, quyết

định của Trọng tài nước ngoài đã được Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

đ) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh mà sau 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật đương sự không tự nguyện thi hành, không khởi kiện tại Toà án;

e) Quyết định của Trọng tài thương mại.

2. Những bản án, quyết định sau đây của Toà án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị:

a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần, nhận người lao động trở lại làm việc;

b) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Thực hiện các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, để nâng cao kết quả, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong nhiều năm qua Đảng, Nhà nước ta đã từng bước tiến hành cải cách về mặt tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có Cơ quan Thi hành án dân sự như: chuyển giao công tác thi hành án dân sự từ Toà án nhân dân sang cho Chính phủ quản lý; cải cách và củng cố hệ thống các Cơ quan Thi hành án dân sự; ban hành nhiều nghị quyết và các Luật liên quan đến cải cách tổ chức và hoạt động của cơ quan Tư pháp nói chung và Cơ quan Thi hành án dân sự nói riêng như: Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự....

Để đảm bảo cho hoạt động thi hành án dân sự đạt được mục đích đề ra và

tuân thủ nghiêm chỉnh các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, các văn bản quy phạm pháp luật; bảo vệ có hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 đã quy định: “*Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan nhà nước khác trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật*”. Đây là bước tiến mới mang tính bước ngoặt, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với công tác giám sát hoạt động thi hành án dân sự (Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 1989; Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 không quy định về giám sát thi hành án dân sự).

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự không ngừng được hoàn thiện tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới về tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự trên toàn quốc (năm 2009 kết quả về việc đạt 78,72%, về tiền đạt 67,08%; năm 2010 kết quả về việc đạt 86,35%, về tiền đạt 80,1%; năm 2011 kết quả về việc đạt 87,96%, về tiền đạt 76,1%; năm 2012 kết quả thi hành án về việc đạt 88,58%, về tiền đạt 76,94%; năm 2013 kết quả về việc đạt 86,55% về việc, 73,71% về tiền; năm 2014 đạt 88,47 về việc, 76,72% về tiền) (chi tiết xem Phụ lục 1: Biểu thống kê kết quả thi hành án từ năm 2010 đến năm 2014). Những kết quả đã đạt được trong hoạt động của các cơ quan thi hành án dân sự đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện dân chủ, công bằng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, số lượng việc thi hành án dân sự tồn đọng trong thi hành án dân sự còn rất lớn. Tính đến ngày 31/3/2015 cả nước còn tồn đọng khoảng 317.000 việc, tương ứng với số tiền còn phải thi hành gần 86 nghìn tỷ đồng. Tình trạng vi phạm pháp luật, khiếu nại tố cáo trong thi hành án dân sự vẫn diễn ra nhiều; Số cán bộ, công chức vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật, thậm chí bị xử lý hình sự cao. Theo báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, riêng năm 2014 trong cả nước đã xảy ra 6.718 việc khiếu nại, 532 việc

tố cáo (trong số đó có 40 việc khiếu nại, tố cáo bức xúc kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm); số cán bộ, công chức vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật và khởi tố hình sự 114 trường hợp, trong đó: kỷ luật 98 trường hợp; bị khởi tố hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự và đã xử lý kỷ luật 16 trường hợp.

Nguyên nhân chủ quan, khách quan chủ yếu của những tồn tại, hạn chế trong công tác thi hành án dân sự nêu trên là do: các quy định của pháp luật nói chung, quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự nói riêng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, thiếu khả thi; số lượng việc, tiền phải thi hành án phát sinh mới hàng năm không ngừng tăng cao gây áp lực lớn cho việc quản lý điều hành và tổ chức thi hành án trình độ chuyên môn kỹ năng nghiệp vụ của một bộ phận Chấp hành viên, cán bộ, công chức thi hành án dân sự chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; vẫn còn hiện tượng những nhiễu, thậm chí là “hư hỏng”, cản trở hoặc gây khó khăn cho việc thi hành án để trục lợi như phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị tổng kết công tác thi hành án dân sự năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 của hệ thống các Cơ quan Thi hành án dân sự; vẫn còn hiện tượng bản án quyết định được xét xử nhiều lần với kết quả trái ngược nhau; bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót, khó thi hành; ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân tổ chức còn hạn chế nhiều trường hợp cố tình trì hoãn, cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thi hành án dân sự....Ngoài ra, ở góc độ theo dõi thi hành pháp luật, một nguyên nhân quan trọng của những tồn tại, hạn chế đã nêu trên là hoạt động giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự cũng còn nhiều bất cập cả về góc độ thể chế và thực tiễn; hoạt động giám sát chưa thực sự trở thành công cụ để đảm bảo cho các quy định pháp luật về thi hành án dân sự; các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh. Vì vậy, để nghiên cứu, góp phần đề xuất một số giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong hoạt động thi hành án dân sự nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự, nghiên cứu sinh chọn đề tài "**Giám sát thi hành án dân sự**" để làm đề tài luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích của luận án**

Xác định vai trò của giám sát trong hoạt động thi hành án dân sự; đánh giá thực trạng giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở đó đề xuất những quan điểm và giải pháp bảo đảm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam, từ đó nâng cao kết quả, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.

### **2.2. Nhiệm vụ của luận án**

Để đạt mục đích nêu trên, luận án có các nhiệm vụ: làm rõ khái niệm, vị trí, bản chất, vai trò của hoạt động thi hành án dân sự, từ đó xây dựng khung lý thuyết về giám sát thi hành án dân sự trên cơ sở khung lý thuyết về giám sát thi hành án dân sự phân tích, đánh giá thực trạng giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam; luận giải một số quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận về thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự; đánh giá thực trạng hoạt động giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước, cải cách tư pháp; cơ chế, chính sách và pháp luật liên quan đến giám sát thi hành án dân sự.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận án được thực hiện theo mã số chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật với không gian nghiên cứu là tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. Thời gian nghiên cứu được giới hạn từ sau khi hoạt động thi hành án dân sự được chuyển giao từ Tòa án sang cho Chính phủ quản lý (tháng 7/1993).

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

Cơ sở phương pháp luận cho việc nghiên cứu đề tài luận án là các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của

Đảng và Nhà nước ta về nhà nước và pháp luật , về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách bộ máy nhà nước , nhất là đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của các cơ quan nhà nước . Bên cạnh đó, tác giả Luận án cũng sử dụng các quan điểm khoa học được rút ra từ các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.

Các phương pháp nghiên cứu chủ đạo của Luận án là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Trong luận án, tác giả Luận án cũng sử dụng các phương pháp truyền thống như phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, quy nạp, so sánh, thống kê, kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động giám sát nói chung giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự nói riêng ở nước ta trong đó:

- Phương pháp lịch sử, phân tích, quy nạp được sử dụng chủ yếu tại Chương 2, nêu lên các cơ sở lý thuyết của vấn đề đặt ra, từ đó khái quát hóa thành những luận điểm, quan điểm làm nền tảng lý thuyết xuyên suốt toàn bộ nội dung luận án.

- Phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, thống kê, phỏng vấn, khảo sát được áp dụng nhằm làm rõ những nội dung của Chương 3. Đây là chương đánh giá thực trạng từ những báo cáo số liệu thu thập được, qua đó nhận diện những ưu điểm, hạn chế tạo cơ sở để luận giải các quan điểm giải pháp ở Chương 4.

- Phương pháp phân tích chứng minh được sử dụng chủ yếu tại Chương 4 để làm rõ những quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

### **5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Luận án là công trình nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về vấn đề giám sát thi hành án dân sự từ góc độ khoa học pháp lý và khoa học hành chính.

- Trên cơ sở phân tích các quan điểm lý luận và thực tiễn, luận án tiếp tục làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến khái niệm, tính chất, đặc trưng, vai trò của thi hành án dân sự;

- Xây dựng được khung lý thuyết về giám sát thi hành án dân sự với các nội dung: khái niệm; chủ thể, đối tượng; nội dung; hình thức, phương thức giám sát thi hành án dân sự.

- Đánh giá thực trạng hoạt động giám sát thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành để chỉ ra những kết quả, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.

- Đề xuất các quan điểm, giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần đề xuất những giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự dựa trên những cơ sở khoa học và thực tiễn.

- Kết quả nghiên cứu của luận án còn là tài liệu tham khảo cho học tập, nghiên cứu, giảng dạy ở các cơ sở nghiên cứu, đào tạo chuyên ngành luật học hoặc có liên quan.

- Việc nghiên cứu về giám sát thi hành án dân sự trên cơ sở cách tiếp cận của khoa học lý luận nhà nước và pháp luật sẽ đóng góp một cách thiết thực cho việc hoàn thiện cơ chế giám sát nói chung, giám sát thi hành án dân sự nói riêng.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án được thể hiện trong 4 chương, 13 tiết.

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu.

*Chương 2:* Cơ sở lý luận về giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.

*Chương 3:* Thực trạng giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam.

*Chương 4:* Bảo đảm giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam trong thời gian tới.



**Chương 1**  
**TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**  
**LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

Nghiên cứu vấn đề giám sát thi hành án dân sự cần đặt trong tổng thể của hoạt động thi hành án dân sự, vì vậy, việc đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án tập trung vào những nội dung sau:

**1.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến thi hành án dân sự**

Nâng cao kết quả, hiệu quả của hoạt động thi hành án nói chung và thi hành án dân sự nói riêng luôn là mối quan tâm lớn của các nhà khoa học, các cơ quan quản lý và người làm công tác thực tiễn. Trước yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, vấn đề này đã được nghiên cứu, tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau. Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu đã được công bố là:

- *“Về mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án”* (1996), Đề tài khoa học cấp bộ của Bộ Tư pháp;

- *“Thừa phát lại”*, Đề tài khoa học cấp Bộ do Viện Nghiên cứu khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp thực hiện;

- *“Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới”* (2003), Đề tài khoa học cấp nhà nước do Bộ Tư pháp chủ trì;

- *“Cải cách các cơ quan Tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân”* (2001-2005), Đề tài KX.04.06 thuộc Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước do Bộ Tư pháp chủ trì;

- *“Bình luận Pháp lệnh Thi hành án dân sự”* (2004), Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp;

- Giáo trình “*Kỹ năng thi hành án dân sự*”(2004), Học Viện Tư pháp;
- Sách “*Quy trình, thủ tục Thi hành án dân sự*” (2007), Nhà xuất bản Tư pháp;
- Giáo trình *Luật Thi hành án dân sự*, (2009), Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Sách “*Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp một số nước trên thế giới*” (2011), Bộ Tư pháp;
- “*Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện*” (2003), Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thanh Thủy;
- “*Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*” (2003), Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Quang Thái;
- “*Hiệu quả của thi hành án dân sự*” (2012), Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Đặng Đình Quyền;
- “*Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự hiện nay*”(2014), Luận án Tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Tuấn An;
- “*Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự thực tiễn áp dụng và phương hướng hoàn thiện*” (2000), Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Công Long;
- “*Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự*” (2002), Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Lê Xuân Hồng;
- “*Cơ sở lý luận và thực tiễn khắc phục án dân sự tồn đọng ở Việt Nam hiện nay*” (2003) của tác giả Nguyễn Đức Nghĩa;
- “*Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự Việt Nam*” (2005), Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Lê Anh Tuấn;
- “*Quan hệ của Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan trong việc phòng ngừa tội chống người thi hành công vụ khi tổ chức cưỡng chế thi hành án tại thành phố Hồ Chí Minh*” (2012) của tác giả Lê Văn Lương;
- “*Vài nét về thi hành án dân sự ở Singapore*” của tác giả Nguyễn Công Bình đăng trên Tạp chí Luật học số 5 năm 1999;

- “*Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” đăng trên Thông tin khoa học pháp lý số năm 2001 của Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp;

- “*Một số vấn đề về tổ chức và hoạt động thi hành án hiện nay*” đăng trên Thông tin khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp năm 2002;

- Báo cáo “*Tổng kết 10 năm hoạt động thi hành án dân sự - giai đoạn 1993 đến 2003*” của Bộ Tư pháp, năm 2004;

- “*Vấn đề đổi mới các quy định về thi hành án dân sự*” của Nguyễn Công Long đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, năm 2005;

- “*Nâng cao tính độc lập trong hoạt động của các cơ quan Thi hành án*” của tác giả Mai Kim Liên đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề năm 2006;

- “*Cải cách cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan Thi hành án trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*” của GS.TSKH Lê Cẩm đăng trên Tạp chí Nghề Luật số 2 năm 2006;

- Kỷ yếu Hội thảo “*Các mô hình tổ chức thi hành án trên thế giới*”, năm 2006 của Nhà pháp luật Việt – Pháp;

- “*Mô hình tổ chức thi hành án một số nước trên thế giới*”, Tạp chí Nghề Luật năm 2007;

- Báo cáo “*Sơ kết việc thực hiện Luật Thi hành án dân sự năm 2008*” của Bộ Tư pháp, năm 2012;

- Các báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về *Công tác Thi hành án dân sự* từ năm 1993 đến năm 2013;

- Báo cáo “*Tổng kết 20 năm hoạt động thi hành án dân sự*” của Bộ Tư pháp, năm 2013.

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá các công trình nêu trên về thi hành án dân sự có thể thấy rằng: về mặt lý luận, qua nghiên cứu các công trình đến nay vẫn còn là vấn đề mang tính thời sự, thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, người làm công tác thực tiễn trong lĩnh vực thi hành án dân sự, nhất

là trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay; phân tích, làm rõ được những vấn đề cơ bản như vị trí, vai trò, chức năng, bản chất, nhiệm vụ của hoạt động thi hành án dân sự, đồng thời xây dựng những thiết chế đảm bảo cho hoạt động thi hành án dân sự có hiệu quả, trong đó có giám sát thi hành án dân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành án dân sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Tuy nhiên, cho đến nay quan niệm về thi hành án dân sự và bản chất của hoạt động thi hành án dân sự vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, chưa có sự thống nhất, thừa nhận chung. Có quan niệm cho rằng thi hành án dân sự là hoạt động tố tụng - hành chính, vì từ khi công tác thi hành án dân sự được chuyển giao từ Tòa án sang các cơ quan thuộc Chính phủ thì thẩm quyền thi hành án dân sự thuộc về các cơ quan hành pháp, không thuộc Tòa án – cơ quan Tư pháp. Quan điểm khác lại cho rằng thi hành án dân sự là thủ tục tố tụng thi hành các bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân, gia đình, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định về hình sự, hành chính và quyết định khác do Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó cũng có quan điểm coi thi hành án dân sự là hoạt động tố tụng dân sự, giai đoạn thi hành án là giai đoạn cuối cùng của tố tụng dân sự vì nó mang đầy đủ tính chất, đặc trưng của tố tụng dân sự.

Về vị trí, vai trò và cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác thi hành án dân sự, các công trình tập trung nghiên cứu thực trạng tổ chức thi hành án dân sự ở Việt Nam, từ đó nêu nên những luận điểm, giải pháp và phương hướng đổi mới, hoàn thiện tổ chức cơ quan thi hành án nói chung và Cơ quan Thi hành án dân sự nói riêng. Đặc biệt là một số công trình nghiên cứu đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng về quản lý thi hành án dân sự đặt trong mối quan hệ với các loại thi hành án khác như thi hành án hình sự, hành chính để từ đó xác định thi hành án dân sự là một hoạt động phức tạp, có nhiều nội dung, liên quan đến nhiều ngành nhiều cấp, trong đó đặc biệt nhấn mạnh tới mối quan hệ giữa thi hành án hình sự và thi hành án dân sự;

kiến nghị về việc cần thiết phải tập trung việc quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự, hình sự vào một đầu mối do Bộ Tư pháp quản lý. Tuy nhiên, song song với nhận định này, thì hàng loạt câu hỏi được đặt ra như: thế nào là quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự; quản lý nhà nước thi hành án dân sự bao gồm những nội dung gì; nếu Bộ Tư pháp quản lý thống nhất thì vai trò quản lý nhà nước của Chính quyền các cấp có hay không và đặc biệt một câu hỏi lớn được đặt ra là Bộ Tư pháp quản lý nhà nước thống nhất về thi hành án thì có phải chuyển giao hoạt động thi hành án hình sự từ Bộ Công an sang Bộ Tư pháp hay không.... Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò và tính độc lập của chấp hành viên trong hoạt động thi hành án dân sự, từ đó đề xuất tăng tính độc lập của chấp hành viên và Cơ quan Thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định đảm bảo cho chấp hành viên hoàn toàn độc lập trong tổ chức thi hành án dân sự như tính độc lập của thẩm phán trong xét xử nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong áp dụng các quy định của pháp luật vào quá trình tổ chức thi hành án.

Về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, đây là nội dung được nhiều tác giả tập trung nghiên cứu, trong đó có những công trình nghiên cứu chung về vấn đề hoàn thiện trình tự, thủ tục thi hành án dân sự đề cập đến tất cả các thủ tục thi hành án dân sự. Bên cạnh đó cũng có những công trình tập trung nghiên cứu chuyên sâu vào một số thủ tục như vấn đề phối hợp trong cưỡng chế thi hành án dân sự; bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự; vấn đề cưỡng chế thi hành án dân sự trong điều kiện cải cách nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa... . Khi nghiên cứu nội dung này, phần lớn các tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng pháp luật thi hành án dân sự, kết quả, hiệu quả và tác động của các quy phạm pháp luật thi hành án dân sự trong thực tiễn, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự hoặc đề xuất hoàn thiện một số trình tự, thủ tục thi hành án dân sự cụ thể như: các quy định về áp dụng các biện pháp bảo đảm; biện pháp cưỡng chế thi

hành án dân sự... . Ngoài ra, một số công trình tập trung nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số nội dung cơ bản của pháp luật thi hành án dân sự hiện hành để làm rõ nội dung và tác động của các quy định trong thực tiễn thi hành án dân sự hoặc làm sáng tỏ những điểm mới so với các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự trước đây.

Về các thiết chế bảo đảm tuân thủ pháp luật; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và công dân trong thi hành án dân sự, các công trình đã tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đảm bảo pháp chế trong thi hành án dân sự; giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra thi hành án dân sự; xử lý vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự. Tuy nhiên, số lượng các công trình nghiên cứu về nội dung này còn rất ít, mà chủ yếu được nghiên cứu, đề cập đến trong các báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Chính phủ, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án dân sự. Các công trình nghiên cứu này chủ yếu tập trung đánh giá việc thực thi các quy định của pháp luật thi hành án dân sự trong thực tiễn; thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát; giám sát thi hành hoạt động tư pháp, hoạt động thi hành án dân sự, từ đó làm nổi bật các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và đề xuất các giải pháp bảo đảm pháp chế, tăng cường giám sát, kiểm sát hay hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.

Về xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự. Trên cơ sở Nghị quyết số 08/NQ-TU của Bộ Chính trị, một số công trình đã chú trọng nghiên cứu vấn đề xã hội hóa đối với hoạt động thi hành án dân sự nhằm chuyển giao một số hoạt động thi hành án dân sự ra khỏi khu vực nhà nước, chuyển giao cho tư nhân thực hiện. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là Số chuyên đề “Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự - một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp; Luận văn Thạc sĩ “*Xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự*” của tác giả Lê Xuân Hồng; Đề tài về Thừa phát lại do Sở

Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn; Lịch sử thi hành án dân sự, Thừa phát lại ở Việt Nam và kinh nghiệm thi hành án dân sự một số nước như Cộng hòa liên bang Đức, Thụy Điển, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, từ đó đề xuất những giải pháp, mô hình xã hội hóa một số hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam; đề xuất mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Thừa phát lại ở Việt Nam.

Về xử lý việc thi hành án dân sự tồn đọng. Đây là vấn đề được nhiều cơ quan có thẩm quyền và dư luận xã hội giành sự quan tâm lớn trong thời gian qua. Tuy nhiên, các tác giả nghiên cứu về nội dung này có rất ít. Tương tự như nội dung nghiên cứu thiết chế bảo đảm tuân thủ pháp luật trong thi hành án dân sự, vấn đề xử lý việc thi hành án dân sự tồn đọng cũng cơ bản được các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, các công trình độc lập của tác giả là cá nhân có rất ít. Các công trình nghiên cứu nội dung này tập chung phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn xác định nội hàm của khái niệm việc thi hành án dân sự tồn đọng, từ đó xây dựng các tiêu chí phân loại, tiêu chí xác định việc thi hành án dân sự tồn đọng; nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc thi hành án dân sự tồn đọng, thực tiễn giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng, nguyên nhân việc thi hành án dân sự tồn đọng từ đó đề xuất các giải pháp xử lý việc thi hành án dân sự tồn đọng như xây dựng, hoàn thiện các quy định nhằm hạn chế các nguyên nhân dẫn đến việc thi hành án dân sự tồn đọng hoặc xây dựng các giải pháp tình thế như miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu kinh nghiệm thi hành án dân sự ngoài nước cũng tập trung nghiên cứu về pháp luật, mô hình tổ chức, trình tự, thủ tục thi hành án dân sự và vấn đề tư nhân hóa hoạt động thi hành án dân sự của một số nước nhằm làm rõ những ưu điểm, phù hợp từ đó tiếp thu và áp dụng vào quá trình hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự trong nước nhằm đổi mới tổ chức, hoạt động thi hành án dân sự.

## **1.2. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến giám sát thi hành án dân sự**

Giám sát, kiểm soát quyền lực trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước là một trong những vấn đề cơ bản nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền, đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội, đặc biệt là từ khi chúng ta thực hiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Liên quan đến vấn đề này, đã có nhiều công trình nghiên cứu ở cả góc độ lý luận và thực tiễn, trong đó tiêu biểu như:

- *“Phân công, phối hợp quyền lực và kiểm soát quyền lực trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*, Đề tài khoa học (Mã số KX. 04-28/6-10) do GS.TS Trần Ngọc Đường làm chủ nhiệm;

- *“Xây dựng cơ chế pháp lý đảm bảo sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính trị”* (Mã số KX 10 – 07), Đề tài khoa học do GS.TSKH. Đào Trí Úc làm Chủ nhiệm;

- *“Tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội nước ta”*, Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2000 – 2001 do PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh làm chủ nhiệm;

- *“Đổi mới hoạt động giám sát và xây dựng quy trình giám sát của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội”*, Đề tài khoa học năm 2005 do tác giả Đặng Văn Chiến;

- *“Sự hạn chế quyền lực nhà nước”* (2000) của GS.TS Nguyễn Đăng Dung, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội;

- *“Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân”* (2007) của GS.TSKH Đào Trí Úc, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

- *“Kiểm soát quyền lực nhà nước - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay”* (2008) của TS Trịnh Thị Xuyên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

- *“Về quyền giám sát tối cao của Quốc hội”* (1995) của TS. Phạm Ngọc Kỳ, Nxb Chính trị Quốc gia;



- “*Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” (2001) của tập thể tác giả do PGS.TS. Lê Minh Thông chủ biên, Nxb Khoa học xã hội;
- “*Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay*” (2003) của tập thể tác giả do GS.TSKH. Đào Trí Úc và PGS.TS. Võ Khánh Vinh đồng chủ biên, Nxb Công an nhân dân;
- “*Quyền giám sát của Quốc hội – Nội dung và thực tiễn từ góc nhìn tham chiếu*” (2004) của TS. Nguyễn Sĩ Dũng chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
- “*Thường thức về hoạt động giám sát của Quốc hội*” (2006) của TS. Nguyễn Sĩ Dũng chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
- “*Cơ quan lập pháp và hoạt động giám sát*” (2006) của Văn phòng Quốc hội, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- “*Tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội Việt Nam*” (1993), Luận án Tiến sĩ của tác giả Phạm Trọng Kỳ;
- “*Quyền giám sát của Quốc hội đối với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân*” (2004), Luận án Tiến sĩ của tác giả Phạm Văn Hùng;
- “*Hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo chức năng giám sát của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” (2007), Luận án Tiến sĩ của tác giả Trương Thị Hồng Hà;
- “*Một vài suy nghĩ về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội*” của Nguyễn Thị Nguyệt, Tạp chí Người đại biểu nhân dân, số tháng 2 năm 1997;
- “*Kế thừa và phát triển những quyền của Hiến pháp nước ta về chức năng giám sát của Quốc hội*” của Phan Trung Lý, Phạm Văn Hùng, Tạp chí Nhà nước-Pháp luật, năm 1998;
- “*Một vài suy nghĩ về hoạt động chất vấn của Quốc hội*” của Trần Thị Tuyết Mai, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 2 năm 1999;
- “*Trao đổi về hoạt động giám sát của Quốc hội*” của Hoàng Duy – Hoàng Minh Hiếu, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 3 năm 2000;

- *“Hoạt động chất vấn – nhìn từ thực tế một kỳ họp”* của Nguyễn Thành, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 6 năm 2001;
- *“Một số vấn đề về quyền giám sát của Quốc hội”* của Phạm Văn Hùng, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, 2002;
- *“Những biện pháp chủ yếu về nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố trong năm 2002”* của tác giả Hoàng Công Huân đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 2 năm 2002;
- *“Hoạt động giám sát của Quốc hội đối với văn bản pháp luật”* của Bùi Xuân Đức, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 1 năm 2003;
- *“Quyền giám sát tối cao của Quốc hội và quyền giám sát của các cơ quan của Quốc hội”* của GS.TS Trần Ngọc Đường, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 3 năm 2003;
- *“Một số kinh nghiệm của nước ngoài về công tác công tố và giám sát tư pháp”* của tác giả Nông Xuân Trường đăng trên Đặc san Nghề luật số 4 năm 2003;
- *“Đối tượng giám sát thi hành án của Quốc hội”* của Trần Thanh Hương đăng trên Tạp chí Lập pháp, số 2 năm 2003;
- *“Quan niệm về giám sát thực hiện quyền lực nhà nước”* của GS.TSKH Đào Trí Úc đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6/2003;
- *“Hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo chức năng giám sát của Quốc hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* của Trương Thị Hồng Hà, Tạp chí Nhà nước và pháp luật năm 2003;
- *“Quốc hội nên tăng cường chức năng giám sát”* của Mai Thúc Lân, Tạp chí Hiến kế lập pháp, năm 2006;
- *“So sánh hoạt động giám sát của Quốc hội Nhật bản và Quốc hội Việt Nam”* của Trương Thị Hồng Hà, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á số 2 năm 2006;
- *“So sánh hoạt động giám sát của Quốc hội Thụy Điển và Quốc hội Việt Nam”* của Trương Thị Hồng Hà, Tạp chí nghiên cứu Châu Âu năm 2006;
- *“Yêu cầu phân cấp, phân quyền trong thực thi quyền lực nhà nước ở*

*địa phương*” của tác giả Chu Văn Hường, tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 21 (137) tháng 12/2008;

- “*Phân công, phối hợp và kiểm soát trong thực hiện quyền lập pháp ở Việt Nam*” của TS Lương Minh Tuân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 9 (146) tháng 5/2009;

- “*Cơ chế thực thi giám sát quyền lực nhà nước*” của tác giả Nguyễn Mạnh Bình, tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12 (149) tháng 6/2009;

- “*Giám sát xã hội trong nhà nước pháp quyền*” của TS Vũ Anh Tuấn, đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 31 (130) tháng 7/2009;

- “*Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (và cả quyền lập pháp) trong nhà nước pháp quyền*” của GS.TSKH Lê Văn Cẩm và ThS Dương Bá Thành, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 1 (162) tháng 1/2010.

- “*Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (và cả quyền lập pháp) trong nhà nước pháp quyền*” của GS.TSKH Lê Văn Cẩm và Th.S Dương Bá Thành, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 1 tháng 1/2010;

Qua nghiên cứu, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến giám sát thi hành án dân sự cho thấy rằng:

- Về lý luận giám sát, các công trình chủ yếu tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phân chia, kiểm soát quyền lực nhà nước, chống lạm quyền trong thực thi quyền lực và tập trung nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, thực trạng việc thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội; xác định vị trí pháp lý của Quốc hội trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam với tư cách là cơ quan đại diện cho cử tri cả nước, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và khẳng định giám sát là một chức năng quan trọng của Quốc hội. Đồng thời, các công trình tập trung luận giải cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả giám sát của Quốc hội.

- Về giám sát tối cao của Quốc hội, các công trình nghiên cứu về chức năng giám sát của Quốc hội, các tác giả tập trung phân tích vị trí, vai trò của quyền giám sát trong cơ chế quyền lực nhà nước, phân tích những vấn đề lý

luận về quyền giám sát tối cao của Quốc hội Việt Nam. Ở nội dung này, một số tác giả nhấn mạnh vai trò của Quốc hội trong việc kiểm soát cơ quan hành pháp và coi đây như một chức năng căn bản của Quốc hội. Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về quyền giám sát tối cao của Quốc hội Việt Nam, một số tác giả cũng tìm cách lý giải, làm rõ phạm vi của giám sát tối cao. Theo đó có tác giả cho rằng giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước có nghĩa là Quốc hội giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương, nhưng cũng có tác giả lại quan niệm rằng giám sát tối cao có nghĩa là giám sát các cơ quan ở “tầng cao nhất” của bộ máy nhà nước, tức là chỉ giới hạn ở các cơ quan do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

- Về hiệu lực, hiệu quả của giám sát và giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội, các công trình tập trung phân tích, cơ sở lý luận về hiệu quả của giám sát, từ đó đề xuất việc xây dựng các bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả giám sát. Riêng về các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội, một số công trình chỉ ra rằng cần phải đổi mới toàn diện cơ chế giám sát hiện nay, phân định rõ phạm vi giám sát thuộc thẩm quyền của Quốc hội và phạm vi giám sát thuộc thẩm quyền của các cơ quan nhà nước khác, tăng cường các điều kiện bảo đảm hoạt động giám sát của Quốc hội. Bên cạnh đó, một số công trình đã đề xuất một số giải pháp cụ thể như hoàn thiện quy định pháp luật về giám sát, xác định rõ mục tiêu của các cuộc giám sát, nâng cao trình độ đại biểu. Một số công trình tập trung nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát của Quốc hội đối với hoạt động tư pháp và đề xuất các giải pháp đi sâu vào hoàn thiện cơ chế pháp lý về giám sát.

- Đối với các công trình ngoài nước nghiên cứu về giám sát, qua nghiên cứu cho thấy phân chia quyền lực và giám sát là lĩnh vực được các nhà khoa học ngoài nước đề cập nhiều, tuy nhiên qua một số sách, chuyên đề, bài viết có thể thấy:

+ Phần lớn các công trình nghiên cứu đều tập trung nghiên cứu hoạt động giám sát của Quốc hội với Chính phủ. Do đó, các công trình đã làm rõ

được khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ. Điển hình là nghiên cứu trong khuôn khổ luận án Tiến sỹ của E.B.Kovriakova viết về *Hoạt động giám sát của nghị viện*. Trong công trình này, tác giả đã nghiên cứu hoạt động giám sát của các nước điển hình trên thế giới như Nga, Mỹ, Đức, Pháp, trên cơ sở đó tác giả đã hệ thống được cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động giám sát của Nghị viện các nước, so sánh những ưu điểm và nhược điểm của mô hình giám sát do Nghị viện các nước tiến hành.

+ Hầu hết các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài khi nghiên cứu hoạt động giám sát của Quốc hội đều đặt Quốc hội trong mối quan hệ với Chính phủ và nhân dân, dựa trên cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước của chính nước đó. Các công trình nghiên cứu đều chỉ ra rằng muốn quyền lực của nhà nước cân bằng phải phụ thuộc vào khả năng giám sát Quốc hội đối với Chính phủ và ngược lại.

+ Việc đánh giá thực trạng hoạt động giám sát của Quốc hội được các công trình nghiên cứu nước ngoài đánh giá rất khách quan và dựa trên các số liệu cụ thể, kèm theo các dẫn chứng minh họa rất phong phú. Đặc biệt là thực trạng hoạt động chất vấn, thực trạng hoạt động điều tra của các Ủy ban.

+ Các công trình nghiên cứu đều khẳng định được những hoạt động giám sát chưa làm tốt ở các Nghị viện trên thế giới là hoạt động xét báo cáo, hoạt động bỏ phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu bất tín nhiệm và các hậu quả pháp lý của hoạt động giám sát do Quốc hội tiến hành.

### **1.3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu**

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu như nêu trên và xuất phát từ thực tế là một số công trình nghiên cứu được công bố vào những thời điểm trước đây cho thấy rằng các nội dung chưa đề cập trực diện đến giám sát thi hành án dân sự, do vậy trong điều kiện hiện nay, luận án xác định những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu về giám sát thi hành án dân sự ở một số vấn đề cơ bản sau:

- Nghiên cứu, làm sâu sắc hơn khái niệm, đặc trưng, vai trò của thi hành án dân sự và giám sát thi hành án dân sự.

- Khái quát, đánh giá thực trạng hoạt động giám sát thi hành án dân sự trong thời gian qua từ cả góc độ thể chế và thực tiễn thi hành pháp luật, đặc biệt là các cơ chế nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền của tổ chức, cá nhân trong quá trình thi hành án dân sự, đề từ đó xác định những yêu cầu cơ bản để nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế giám sát thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xác định quan điểm, định hướng và đề xuất các giải pháp đảm bảo nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt là trong bối cảnh hoàn thiện bộ máy nhà nước trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi năm 2013.

Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu nêu trên sẽ là những nội dung được trình bày trong các phần tiếp theo của Luận án. Vì vậy, với sự tìm hiểu các công trình nghiên cứu trên đây, đề tài mà tác giả lựa chọn làm Luận án tiến sĩ luật học có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức thi hành án; cơ chế giám sát thi hành án dân sự trong điều kiện xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu các công trình trong và ngoài nước về thi hành án dân sự, giám sát, giám sát thi hành án dân sự cho thấy trong khi giám sát được các công trình trong và ngoài nước đề cập, nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng đối với thi hành án dân sự và giám sát thi hành án dân sự cơ bản chỉ được tập trung nghiên cứu từ năm 1993 khi công tác thi hành án dân sự được chuyển từ Tòa án sang Chính phủ quản lý (năm 1993), đặc biệt vấn đề giám sát thi hành án dân sự với tư cách là một hoạt động của bộ máy nhà nước hầu như chưa được nghiên cứu, mà chủ yếu được đề cập rất ít trong một số báo cáo của các cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và Viện Kiểm sát nhân dân) khi thực hiện chức năng của mình theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi nghiên cứu, Chương này chỉ ra những nội dung cơ bản của các công trình nghiên cứu, nhận thức các kết luận quan trọng của những nghiên cứu về thi hành án dân sự, về giám sát, giám sát thi hành án dân sự, từ đó kế thừa và phát hiện những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để xác định phương hướng nghiên cứu của luận án. Cụ thể:

- Các công trình nêu trên chủ yếu tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn về mô hình tổ chức, hoạt động của các Cơ quan Thi hành án dân sự và giám sát, kiểm soát nói chung trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Liên quan đến giám sát thi hành án dân sự, các công trình được công bố mới chỉ đề cập đến giám sát nói chung của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và một số cơ quan có liên quan. Tuy nhiên, các công trình trên phần lớn tiếp cận giám sát thi hành án dân sự từ góc độ thể chế thông qua các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước ở bình diện chung để từ đó đánh giá hiệu lực, hiệu quả giám sát và những tồn tại, hạn chế từ sự đối chiếu các quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động giám sát đối với các cơ quan nhà nước mà chưa đề cập sâu vào giám sát thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền của các Cơ quan Thi hành án dân

sự với những đặc thù nhất định – cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành bản án, quyết định nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

- Các kiến nghị, khuyến nghị về phương hướng đổi mới, nâng cao hiệu quả giám sát cũng tập trung vào đổi mới tổ chức, phương thức giám sát đối với các cơ quan nhà nước nói chung mà chưa tập trung sâu vào hoạt động của các Cơ quan Thi hành án dân sự với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ đặc thù được pháp luật quy định trong hệ thống các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương.

Trên cơ sở đó, Luận án đã xác định những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết với mong muốn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta.



*Chương 2*  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁM SÁT THI HÀNH**  
**ÁN DÂN SỰ Ở VIỆT NAM**

Xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả nhằm kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật và sự lạm quyền trong thi hành án dân sự cũng như nhận diện những vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để khuyến nghị, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thi hành án dân sự, góp phần bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và công dân luôn là mục tiêu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Để làm được điều này, cần phải làm sáng tỏ một số nội dung cơ bản về thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự, từ đó làm căn cứ xây dựng cơ chế giám sát thi hành án dân sự phù hợp và hiệu quả ở Việt Nam.

**2.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của thi hành án dân sự**

**2.1.1. Khái niệm thi hành án dân sự và tính chất của hoạt động thi hành án dân sự**

Quan niệm về thi hành án dân sự ở Việt Nam, cho đến nay vẫn còn là vấn đề mang tính thời sự, thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, người làm công tác thực tiễn trong lĩnh vực thi hành án dân sự, nhất là trong điều kiện cải cách tư pháp hiện nay. Giải đáp được vấn đề thi hành án dân sự là gì, bản chất như thế nào sẽ là nền tảng căn bản để xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hoạt động thi hành án dân sự, đồng thời xây dựng những thiết chế đảm bảo cho hoạt động thi hành án dân sự có hiệu quả, trong đó có giám sát thi hành án dân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành án dân sự trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hiện tại có rất nhiều sách, báo và các công trình khoa học đề cập đến thuật ngữ "thi hành án dân sự", đặc biệt là từ khi chúng ta có chủ trương

thống nhất công tác quản lý công tác thi hành án về một đầu mối. Tuy nhiên, cho đến nay quan niệm về thi hành án dân sự và bản chất của hoạt động thi hành án dân sự vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, chưa có sự thống nhất, thừa nhận chung. Qua nghiên cứu các công trình đã được công bố cho thấy có một số quan niệm về thi hành án dân sự và bản chất của hoạt động thi hành án dân sự như sau:

*Quan điểm thứ nhất*, thi hành án dân sự là hoạt động tổ tụng hành chính vì từ khi công tác thi hành án dân sự được chuyển giao từ tòa án sang các cơ quan thuộc Chính phủ thì thẩm quyền thi hành án dân thuộc về các cơ quan hành pháp, không thuộc Tòa án – cơ quan tư pháp. Đồng thời, việc phúc đáp các khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự trong thi hành án đã khác hẳn về hình thức, thủ tục so với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng dân sự [68, tr.60].

*Quan điểm thứ hai*, thi hành án dân sự là hoạt động hành chính tư pháp nhằm thực hiện đầy đủ, kịp thời những bản án, quyết định về dân sự có hiệu lực pháp luật của Tòa án do cơ quan Thi hành án, chấp hành viên tiến hành theo một trình tự, thủ tục nhất định do pháp luật qui định [51, tr.12].

*Quan điểm thứ ba*, thi hành án dân sự là hoạt động tổ tụng dân sự, giai đoạn thi hành án là giai đoạn cuối cùng của tổ tụng dân sự vì nó mang đầy đủ tính chất, đặc trưng của tổ tụng dân sự. Theo quan niệm này, Cơ quan Thi hành án dân sự tuy được đặt trong hệ thống các cơ quan hành chính, nhưng nó không có chức năng quản lý hành chính mà chỉ có chức năng thực hiện các bản án, quyết định của Tòa án - cơ quan xét xử. Do vậy “thực chất Cơ quan Thi hành án dân sự là cơ quan tiến hành tổ tụng thực hiện nhiệm vụ của tổ tụng dân sự là thi hành các bản án, quyết định của tòa án” [1, tr.6].

*Quan điểm thứ tư*, thi hành án dân sự là một loại tổ tụng đặc biệt vì nó mang cả đặc trưng của Luật tổ tụng dân sự và Tổ tụng hành chính, nó vừa tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, vừa biểu hiện tính cưỡng chế nhà nước [68, tr.60].

*Quan điểm thứ năm*, thi hành án dân sự là hoạt động tư pháp, qua đó

bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh tế và các quyết định về hình sự và quyết định khác được thi hành theo quy định của pháp luật [47, tr.18].

Ngoài ra, cũng còn một số quan điểm khác cho rằng, thi hành án dân sự cũng giống như thi hành án hình sự, được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, thi hành án dân sự phải được coi là một giai đoạn của tố tụng dân sự và là hoạt động tố tụng mang tính chất tư pháp thuần túy.

Nghiên cứu các quan điểm trên có thể thấy rằng chưa có định nghĩa một cách chính xác thế nào là hoạt động thi hành án dân sự; các quan điểm nêu trên cũng chưa có những luận cứ rõ ràng nhằm xác định bản chất của hoạt động thi hành án dân sự là gì mà hầu hết đều xuất phát điểm từ pháp luật thực định, cụ thể là vị trí, tính chất của chủ thể tiến hành các hoạt động thi hành án dân sự, tính chất loại công việc của Cơ quan Thi hành án dân sự để xác định thi hành án dân sự là loại hoạt động gì, có tính chất như thế nào. Do đó, các quan điểm này vẫn chưa thể giải quyết được thỏa đáng các vấn đề đặt ra. Cụ thể là:

- Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, thì việc thi hành án hình sự được giao cho các cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thi hành (Bộ Công an tổ chức thi hành hình phạt tù, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thi hành án quản chế, các cơ quan tổ chức nơi người bị án treo, đảm trách việc thi hành án treo đối với cá nhân, công dân thuộc sự quản lý của cơ quan tổ chức đó). Như vậy, việc thi hành án phạt tù vẫn được coi là một giai đoạn của quá trình tố tụng, đồng thời, theo quy định của pháp luật thì cơ quan điều tra và một số cơ quan khác thuộc chính phủ được giao nhiệm vụ điều tra đối với một số tội phạm thuộc lĩnh vực quản lý như: Công an, Hải quan, Kiểm lâm, Điều tra quân đội, những cơ quan này đều là các cơ quan thuộc Chính phủ, nằm trong hệ thống các cơ quan hành pháp, nhưng các hoạt động do các cơ quan này tiến hành vẫn là hoạt động tố tụng. Từ đó, căn cứ vào việc cơ quan nào đảm nhận việc tổ chức thi hành

các bản án, quyết định dân sự để xác định hoạt động thi hành án dân sự là tổ tụng hay không tổ tụng; mang bản chất là hoạt động tư pháp hay hoạt động hành chính là chưa thỏa đáng.

- Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự hiện nay, ngoài việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định về dân sự có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án, nhưng được thi hành ngay, thì Cơ quan Thi hành án dân sự còn tổ chức thi hành quyết định của Trọng tài thương mại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh không phải là cơ quan Tư pháp, không nằm trong hệ thống các cơ quan Tư pháp và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp tại các cơ quan này không phải là tổ tụng tư pháp, nên kết quả của hoạt động giải quyết tranh chấp không phải là sản phẩm của quá trình tổ tụng tư pháp. Do đó, việc căn cứ vào nguồn gốc công việc “đầu vào” của Cơ quan Thi hành án dân sự phải thực hiện để xác định thi hành án dân sự là một giai đoạn của tổ tụng là chưa thuyết phục.

- Các quan niệm này cũng chưa định nghĩa được hoạt động thi hành án dân sự, mà mới chỉ nêu chung về tính chất của hoạt động thi hành án dân sự. Do đó, để xác định được bản chất của thi hành án dân sự, trước tiên cần phải xác định rõ khái niệm thi hành án dân sự.

Thi hành trong tiếng anh là “Execution” còn có nghĩa là thực hiện, chấp hành; thi hành án dân sự trong tiếng Anh là “Execution of civil judgments” còn có nghĩa là thực hiện hay chấp hành bản án, quyết định dân sự.

Theo Từ điển Luật học của Nhà xuất bản Tư pháp năm 2006 do Tiến sĩ Nguyễn Đình Lộc làm Chủ tịch Hội đồng biên soạn thì:

Thi hành án dân sự là hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, người phải thi hành án và các chủ thể khác trong việc thực hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án, bao gồm các hoạt động như cấp, chuyển giao bản án, quyết định dân sự; giải thích bản án, quyết định dân sự; gửi đơn yêu cầu thi hành án, ra quyết định thi hành án; ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án, ra quyết định trả lại

đơn yêu cầu thi hành án; ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án, tổ chức cưỡng chế thi hành án... . Thi hành án bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định; bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức kinh tế; tổ chức xã hội và công dân [67, tr.706].

Như vậy, có thể thấy rằng thi hành án dân sự chính là việc thực hiện bản án, hay chấp hành (sau đây gọi chung là chấp hành) bản án của người có quyền, nghĩa vụ theo nội dung quyết định của bản án, quyết định (sau đây gọi chung là người được thi hành án, người phải thi hành án) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chấp hành bản án, quyết định bằng hành vi của mình (thực hiện hoặc không thực hiện một công việc nhất định), người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có liên quan có thể tự mình thực hiện các quyền, nghĩa vụ đã được Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp ghi nhận trong bản án, quyết định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không phải mọi trường hợp người được thi hành án, người phải thi hành án đều tự nguyện thực hiện, phần lớn người phải thi hành án đều có xu hướng trì hoãn, trốn tránh, chống đối việc thi hành án. Trong những trường hợp đó, để đảm bảo cho bản án, quyết định được nghiêm chỉnh chấp hành, Nhà nước đã xây dựng thiết chế cần thiết để đảm bảo thực hiện, đó chính là thiết chế **Thi hành án dân sự** (một số nước xây dựng Luật cưỡng chế thi hành án dân sự như Nhật Bản, Thụy Điển...).

Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, về nguyên tắc, người được thi hành án, người phải thi hành án phải nghiêm chỉnh chấp hành bằng hành vi tích cực của mình một cách tự nguyện. Nếu một trong hai bên không tự nguyện thực hiện, bên kia có quyền gửi đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật. Quá trình tổ chức thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ tác động đến ý thức của người phải thi hành án, người được thi hành án để họ tự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Nếu họ không thực hiện, nhất là về phía người phải thi hành án,

nếu không tự nguyện thi hành án mặc dù có điều kiện thi hành, thì Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế cần thiết buộc họ phải thực hiện để chấp hành hành bản án, quyết định. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án chủ yếu được áp dụng đối với người phải thi hành án khi họ có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định và yêu cầu của người được thi hành án.

Bên cạnh đó, trong quá trình thi hành án dân sự, để đảm bảo cho bản án, quyết định được nghiêm chỉnh chấp hành, Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành nhiều biện pháp nghiệp vụ nhằm trực tiếp tác động tới ý thức của người được thi hành án, người phải thi hành án, tiếp tục hướng dẫn họ thỏa thuận tự nguyện thi hành án, hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để thi hành án dứt điểm. Quá trình này đòi hỏi sự hợp tác, chấp hành của nhiều cơ quan, tổ chức và nhân dân để hỗ trợ Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành án như: phối hợp với Cơ quan Thi hành án dân sự giáo dục, thuyết phục người phải thi hành án tự nguyện thi hành án; cung cấp thông tin về nhân thân, về tài sản của người phải thi hành án; trực tiếp tham gia vào quá trình thi hành (chứng kiến việc kê biên tài sản; tham gia các Hội đồng cưỡng chế...); thực hiện các quyết định của chấp hành viên (quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự...). Để thu hút cơ quan, tổ chức, cá nhân vào các hoạt động này, Cơ quan Thi hành án dân sự căn cứ quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để có những tác động thích hợp từ động viên, lôi kéo, đến đề nghị, yêu cầu....

Như vậy, nếu các bên đương sự, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự nguyện thực hiện quyền và nghĩa vụ theo phán quyết của Tòa án, thì hoạt động thi hành án dân sự do các bên tự quyết định, không cần tới sự tác động của Cơ quan Thi hành án dân sự. Ngược lại, khi các bên đương sự

không tự nguyện thi hành, thì một bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành và căn cứ quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, kể cả biện pháp bảo đảm (phong tỏa tài khoản; tạm giữ tài sản, giấy tờ; tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng tài sản), biện pháp cưỡng chế (Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án; trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ; khai thác tài sản của người phải thi hành án; buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ; buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định) để thi hành án. Do đó, khi bản án, quyết định không được tự nguyện thi hành, thì hoạt động tổ chức thi hành án dân sự của Cơ quan Thi hành án dân sự là trung tâm, tác động tới hành vi của các đương sự và người có liên quan để thi hành án. Như vậy, tham gia vào quan hệ thi hành án dân sự có rất nhiều chủ thể khác nhau, tùy thuộc từng trường hợp cụ thể, nhưng cơ bản có một số chủ thể sau đây:

- *Một là*, người được thi hành án - người phải thi hành, là người có quyền, nghĩa vụ trong bản án, quyết định;

- *Hai là*, Cơ quan Thi hành án dân sự - người được Nhà nước giao cho thẩm quyền tổ chức thi hành án;

- *Ba là*, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – người có quyền, nghĩa vụ độc lập trong bản án, quyết định;

- *Bốn là*, Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi hành án dân sự - người có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thi hành án dân sự để thi hành án hoặc người có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án.

Mỗi một chủ thể nêu trên đều có những quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ cụ thể trong thi hành án dân sự theo pháp luật quy định, trong đó Cơ quan Thi hành án dân sự đóng vai trò trung tâm, được sử dụng quyền lực nhà

nước tác động tới người được thi hành án, người phải thi hành án và cơ quan, tổ chức, cá nhân nhân có liên quan để tổ chức thi hành án.

Từ những phân tích nêu trên, có thể khái niệm: *Thi hành án dân sự là việc các bên đương sự - cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng hành vi tích cực của mình tự nguyện chấp hành hoặc dưới sự tác động của Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện hành vi theo quy định của pháp luật để thi hành những phán quyết của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.*

Trên cơ sở khái niệm thi hành án dân sự, có thể xác định bản chất của thi hành án dân sự dựa trên một số yếu tố cơ bản sau đây:

- *Thứ nhất*, mục đích của thi hành án dân sự: Trong quá trình tố tụng, cũng như sau khi đã kết thúc quá trình tố tụng, Tòa án ra bản án hoặc quyết định giải quyết về nội dung vụ án (trường hợp vụ án được đưa ra xét xử). Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng các quy định của pháp luật xác định rõ sự thật khách quan của vụ án - xác định rõ quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia vào quá trình tố tụng. Tuy nhiên, lúc này quyền và nghĩa vụ của các bên mới được ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án mà chưa được thực hiện trong thực tiễn. Tương tự như vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Trọng tài Thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh cũng mới chỉ vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc và kết quả của quá trình giải quyết tranh chấp đó cũng là các quyết định giải quyết tranh chấp.

Để các quyền, nghĩa vụ này được thực thi trên thực tế đòi hỏi các bên đương sự phải tự nguyện thi hành án. Trường hợp họ không tự nguyện thì cần phải có cơ chế để tổ chức thực hiện, đó chính là cơ chế thi hành án dân sự như đã nêu ở trên. Vì vậy, có thể thấy, mục đích của thi hành án dân sự là tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đã được xác định trong nội dung bản án, quyết định có hiệu lực thi hành buộc các bên đương sự, người có quyền, lợi ích có liên quan phải chấp hành bản án, quyết định để khôi phục tình trạng ban đầu của các quan hệ xã hội đã bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại và khắc phục những thiệt hại đã xảy ra. Từ đó có thể suy luận, nếu coi mục đích của tố tụng



là đảm bảo công bằng, công lý, bảo vệ và khôi phục lại trật tự pháp luật đã bị xâm hại, đưa nó trở về trạng thái ban đầu như trước khi bị vi phạm, thì thi hành án dân sự là một giai đoạn của tố tụng. Có thể nói, mục đích của quá trình tố tụng bao trùm lên mục đích của thi hành án dân sự. Mục đích của thi hành án dân sự là nhằm củng cố thêm mục đích của tố tụng.

*Thứ hai, bản chất công việc “đầu vào” mà Cơ quan Thi hành án dân sự phải thực hiện: Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Thi hành án dân sự hiện hành, Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Tòa án; bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam; quyết định của Trọng tài Thương mại Việt Nam có hiệu lực thi hành, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh) và những bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay (bản án, quyết định sơ thẩm về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; nhận người lao động trở lại làm việc; quyết định khẩn cấp tạm thời để bảo đảm lợi ích cấp thiết của đương sự, bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án...) đều là kết quả của quá trình giải quyết tranh chấp, nhưng tính chất lại khác nhau. Bản án, quyết định của Tòa án là kết quả của quá trình tố tụng, nên nó mang bản chất tư pháp. Còn quyết định của Trọng tài Thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh là kết quả của quá trình giải quyết tranh chấp thông thường, nên nó không mang bản chất tư pháp. Do đó, căn cứ “đầu vào” của quá trình thi hành án dân sự để cho rằng thi hành án dân sự mang bản chất tư pháp là chưa thực sự thỏa đáng.*

*Thứ ba, tính chất các hoạt động do Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện để tổ chức thi hành một bản án, quyết định về dân sự:* Nếu coi xét xử là giai đoạn cuối cùng của quá trình tố tụng và bản án, quyết định là “điểm nút” kết thúc giai đoạn đó, đồng thời kết thúc quá trình tố tụng, thì thi hành án dân sự là giai đoạn sau của giai đoạn xét xử, mang tính chấp hành, vì lúc này sự thật khách quan về vụ án đã được sáng tỏ, các quyền và nghĩa vụ của các bên đã được xác định rõ, Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ căn cứ vào đó để tổ chức thi hành. Cơ quan Thi hành án dân sự phải tổ chức thi hành đúng nội dung của bản án, quyết định (trường hợp chủ động thi hành án); thi hành đúng nội dung bản án, quyết định và đơn yêu cầu thi hành án (trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự). Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức thi hành án mặc dù, quyền định đoạt của các bên đương sự vẫn được tôn trọng, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về cách thức, phương thức thi hành án. Tuy nhiên, nếu như các bên không thỏa thuận được về phương thức thi hành án, hoặc đã thỏa thuận nhưng bên phải thi hành án không tự nguyện thực hiện đúng, thì Cơ quan Thi hành án dân sự sử dụng quyền lực nhà nước thông qua việc áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế cần thiết để tổ chức thi hành dứt điểm bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài thương mại và quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Đây là một trong những dấu hiệu rất đặc trưng thể hiện bản chất hành chính của thi hành án dân sự. Mọi trường hợp đương sự có điều kiện thi hành án, nhưng không tự nguyện thi hành, sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành dứt điểm.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thi hành án, nếu đương sự, khiếu nại, tố cáo đối với hành vi và các quyết định về thi hành án dân sự của chấp hành viên, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự thì việc giải quyết khiếu nại được thực hiện thông qua thủ tục hành chính. Người có thẩm quyền sẽ giải quyết khiếu nại bằng một quyết định giải quyết khiếu nại. Trong quyết định giải quyết khiếu nại sẽ chấp nhận, không chấp nhận, chấp nhận một phần hay chấp nhận toàn bộ khiếu nại của đương sự. Trường hợp chấp nhận khiếu nại

của đương sự, người có thẩm quyền sẽ hủy bỏ các quyết định có vi phạm của chấp hành viên và yêu cầu chấp hành viên tổ chức thi hành lại theo đúng trình tự thủ tục đã được quy định trong Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành, mà không tổ chức thi hành án lại theo trình tự khác tương tự như phúc thẩm hay giám đốc thẩm trong tố tụng. Như vậy, có thể thấy rằng, thi hành án dân sự là hoạt động có chứa đựng một số dấu hiệu đặc trưng của của hoạt động hành chính.

*Thứ tư, mối quan hệ giữa Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan khác trong quá trình tổ chức thi hành án:* Khác với các hoạt động tố tụng khác như điều tra, truy tố, xét xử, mối quan hệ giữa cơ quan điều tra, truy tố, xét xử được quy định chặt chẽ trong luật tố tụng và được phân chia rõ nét thành các giai đoạn của tố tụng, quan hệ trên cơ sở luật tố tụng. Nhưng trong thi hành án dân sự, mối quan hệ giữa Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan chức năng khác chủ yếu dựa trên cơ sở các quy định của Luật Thi hành án dân sự và các luật, pháp lệnh, nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức có liên quan; quan hệ này là các quan hệ có tính chất hành chính, hỗ trợ cho hoạt động thi hành án dân sự. Do đó, quan hệ của Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan khác chủ yếu là các quan hệ mang bản chất hành chính, có tính chấp hành, điều hành và phối hợp.

Ngoài ra, khác với các hoạt động tố tụng khác đòi hỏi thủ tục rất chặt chẽ và chỉ do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện, thì việc thi hành bản án, trong một số trường hợp có thể để người dân tự chịu trách nhiệm, tức là có thể tiến hành xã hội hóa một số hoạt động thi hành án.

Từ các phân tích trên cho thấy, về bản chất, thi hành án dân sự là hoạt động vừa mang dấu hiệu của hoạt động hành chính vừa có dấu hiệu của hoạt động tư pháp, hay nói cách khác thi hành án dân sự là hoạt động mang tính chất hành chính - tư pháp. Tuy nhiên, nếu xem xét mục đích của quá trình tố tụng theo nghĩa rộng đó là công lý, công bằng, thì hoạt động thi hành án dân sự nằm trong chuỗi các hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm khôi phục lại

các quan hệ xã hội đã bị xâm hại, đưa chúng về trạng thái ban đầu như trước khi có hành vi vi phạm pháp luật và khắc phục những tổn thất do các hành vi này gây ra, thì thi hành án dân sự là một hoạt động nối dài của quá trình tố tụng, mang tính chất tố tụng, tiếp nối quá trình giải quyết tranh chấp của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền nhằm đảm bảo cho công lý được thực thi triệt để trong thực tiễn đời sống.

### **2.1.2. Đặc trưng của thi hành án dân sự**

Từ khái niệm, tính chất của hoạt động thi hành án dân sự như đã nêu tại điểm 2.1.1 trên đây cho thấy thi hành án dân sự có một số đặc trưng sau đây:

*Một là*, thi hành án dân sự là giai đoạn tiếp nối hay nói cách khác là “nối dài” của quá trình tố tụng. Tính tiếp nối tố tụng của thi hành án dân sự thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

- Thi hành án dân sự là quá trình tố tụng kéo dài của tất cả các hoạt động tố tụng (tố tụng hình sự, tố tụng hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng trọng tài...). Quá trình giải quyết tranh chấp, đối với mỗi loại tranh chấp khác nhau Tòa án sử dụng các loại tố tụng phù hợp để xử lý như: giải quyết vụ án hình sự, thì sử dụng tố tụng hình sự; giải quyết vụ án dân sự thì sử dụng tố tụng dân sự; xử lý vụ án hành chính, thì sử dụng tố tụng hành chính.... Còn đối với cơ quan Trọng tài khi xử lý tranh chấp, thì sử dụng tố tụng trọng tài. Nhưng thi hành phần dân sự trong tất cả các bản án, quyết định về hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, lao động, kinh doanh thương mại, chỉ sử dụng chung duy nhất một trình tự thi hành án dân sự thống nhất.

- Thi hành án dân sự là hoạt động mang tính chất hành chính - tư pháp. Như đã phân tích ở trên, căn cứ để Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành án là các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án và quyết định của Trọng tài Thương mại, quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực thi hành. Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực, Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ căn cứ vào nội dung của bản án, quyết định để tổ chức thi hành. Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm tổ chức thi hành đúng nội dung

của bản án, quyết định; người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án phải nghiêm chỉnh chấp hành, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và cá nhân tôn trọng. Chính vì vậy, ở đây thể hiện rất rõ tính chấp hành trong hoạt động thi hành án dân sự. Chấp hành viên với tư cách là người được Nhà nước trao quyền và chịu trách nhiệm chính, trong quá trình tổ chức thi hành án, căn cứ vào các quy định của pháp luật về thi hành án chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vấn đề có liên quan đến thi hành án. Đặc biệt, trong nhiều trường hợp chấp hành viên còn chịu trách nhiệm và điều hành cả các thành viên thuộc các cơ quan, tổ chức khác có tham gia vào quá trình thi hành án. Ví dụ: làm Chủ tịch Hội đồng cưỡng chế, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, tiêu hủy tài sản...

Mặt khác, hầu hết các hoạt động thi hành án đều hướng đến việc thực hiện các nghĩa vụ về tài sản, trực tiếp tác động đến tài sản của các đương sự. Theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, thì:

Những bản án, quyết định được thi hành theo Luật này bao gồm:

1. Bản án, quyết định quy định tại Điều 1 của Luật này đã có hiệu lực pháp luật:

a) Bản án, quyết định hoặc phần bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm;

b) Bản án, quyết định của Toà án cấp phúc thẩm;

c) Quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của Toà án;

d) Bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

đ) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh mà sau 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực pháp luật đương sự không tự nguyện thi hành, không khởi kiện tại Toà án;

e) Quyết định của Trọng tài thương mại.

2. Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị:

a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả lương, trả công lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp mất sức lao động hoặc bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tổn thất về tinh thần, nhận người lao động trở lại làm việc;

b) Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Như vậy, có thể thấy mọi hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự hầu hết nhằm tới việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản theo nội dung quyết định của bản án, quyết định của Tòa án - kết quả của hoạt động tư pháp.

*Hai là*, tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, đề cao tính tích cực của người được thi hành án, người phải thi hành án. Khác với thi hành án hình sự, người bị kết án phải chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thi hành án hình sự có trách nhiệm tổ chức thi hành dứt điểm các hình phạt đối với người phạm tội mà không có bất cứ sự thỏa thuận nào. Tuy nhiên, trong thi hành án dân sự, ngoài các trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự phải chủ động ra quyết định thi hành án (án phí, lệ phí Tòa án, trả lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; hình phạt tiền; tịch thu tài sản, truy thu thuế, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính; xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ; thu hồi đất theo quyết định của Tòa án; quyết định khẩn cấp tạm thời của Tòa án), Cơ quan Thi hành án dân sự chỉ tổ chức thi hành án trên cơ sở yêu cầu thi hành án của đương sự.

Cơ quan Thi hành án dân sự chỉ ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành trong phạm vi yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án. Đồng thời, người được thi hành án có quyền yêu cầu không thi hành án, hoặc cho người phải thi hành án hoãn việc thi hành án; thỏa thuận với người phải thi hành án về phương thức, cách thức và địa điểm thi hành án. Do đó, có

thể thấy rằng trong giai đoạn thi hành án dân sự, ở một trình mức nhất định, người được thi hành án, người phải thi hành án vẫn có thể tự quyết định việc thi hành án như thế nào thông qua sự thoả thuận giữa hai bên. Đây chính là một trong những biểu hiện của nguyên tắc tự định đoạt trong tố tụng dân sự và được tiếp tục kéo dài đến giai đoạn thi hành án dân sự.

Do đó, để đảm bảo quyền của các bên đương sự, trong quá trình thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự phải giành thời gian để người phải thi hành án tự nguyện thi hành án, chỉ khi họ không tự nguyện thi hành án mặc dù có tài sản để thi hành án, thì Cơ quan Thi hành án dân sự mới được phép áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành và ngay cả trong khi áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế, Cơ quan Thi hành án dân sự vẫn phải chấp nhận một số yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án như: Kê tài nào trước, tài sản nào sau; hướng dẫn đương sự thoả thuận về giá về lựa chọn tổ chức thẩm định giá; lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản; nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án; được quyền chuộc lại tài sản trước khi đưa ra bán đấu giá....

*Ba là*, thi hành án dân sự lấy hoạt động của chấp hành viên làm trung tâm. Trong thi hành án dân sự, tính chủ động trong hoạt động tác nghiệp của chấp hành viên được đề cao. Chấp hành viên căn cứ vào các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, căn cứ vào tình hình thực tế của vụ việc để lựa chọn các biện pháp thi hành phù hợp. Ví dụ, vụ việc đơn giản, ý thức chấp hành pháp luật của người phải thi hành án tốt, thì chấp hành viên lựa chọn biện pháp giáo dục, thuyết phục người phải thi hành án tự nguyện thi hành án. Ngược lại, nếu sau khi xác minh thấy người phải thi hành án có điều kiện để thi hành án, nhưng người phải thi hành án ý thức chấp hành pháp luật không tốt, có biểu hiện tẩu tán tài sản, hoặc cố tình chây ì không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên lựa chọn, áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế được quy định tại Điều 66, Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự (khấu trừ tài khoản, trừ vào tiền, thu hồi giấy có giá của người phải

thi hành án; trừ vào thu nhập của người phải thi hành án; phong tỏa tài khoản, tài sản của người phải thi hành án tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc; kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án kể cả tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ; buộc giao nhà, chuyển quyền sử dụng đất hoặc giao vật, tài sản khác; cấm hoặc buộc người phải thi hành án không làm hoặc làm công việc nhất định...) để tổ chức thi hành án dứt điểm.

### **2.1.3. Vai trò của thi hành án dân sự**

*Thứ nhất*, thi hành án dân sự là phương tiện đưa bản án, quyết định có hiệu lực thi hành vào cuộc sống. Bản án, quyết định có hiệu lực thi hành, nhưng không được thi hành dứt điểm, tức là các quyền, nghĩa vụ chưa được thực thi trong thực tế, quyền lợi của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân không được bảo vệ một cách triệt để có thể làm mất tác dụng của các giai đoạn tố tụng trước đó. Quá trình thi hành án dân sự, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự bằng hành động của mình, theo quy định của pháp luật giáo dục, thuyết phục, động viên người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế để thi hành dứt điểm bản án. Do đó, thi hành án trở thành công cụ hữu hiệu để đảm bảo cho các bản án, quyết định của Tòa án, của Trọng tài Thương mại và Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh được thực hiện trên thực tế.

*Thứ hai*, thi hành án dân sự là thước đo kiểm nghiệm quá trình tố tụng. Trong các giai đoạn tố tụng và giải quyết tranh chấp trước đó như: xác minh, điều trần, điều tra, truy tố, xét xử của Tòa án và quá trình giải quyết tranh chấp của Trọng tài Thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, các cơ quan này mới chỉ xem xét nội dung vụ án dưới góc độ pháp lý, vận dụng các quy định của pháp luật, phân tích các khía cạnh pháp lý của các sự kiện để xác định sự thật khách quan của vụ án, xác định ai là người có quyền, ai là người có nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ của mỗi người đến đâu và xác định ai là người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Kết quả của quá trình đó là bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của Trọng tài thương mại hoặc Hội đồng xử lý



vụ việc cạnh tranh. Lúc này các quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan chỉ mới được xác định về mặt pháp lý, chưa được thực hiện trong thực tiễn, nên chưa biểu hiện mức độ phù hợp thực tiễn của bản án, quyết định đó. Đến giai đoạn thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó trên thực tế, yêu cầu các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Lúc này sự phù hợp hay không phù hợp giữa các quyền, nghĩa vụ được xác định trong bản án với thực tế sẽ được bộc lộ.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thi hành án, để việc thi hành án được thuận lợi, Cơ quan Thi hành án dân sự nghiên cứu kỹ nội dung bản án, các tình tiết có liên quan đến vụ án để lên phương án và lựa chọn biện pháp thi hành án. Chính trong quá trình này, Cơ quan Thi hành án dân sự có thể phát hiện ra các sai sót của các giai đoạn tố tụng trước đó, từ đó sẽ yêu cầu giải thích, đính chính hoặc kiến nghị với người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm hay tái thẩm. Theo Phụ lục IV: Số bản án, quyết định Cơ quan Thi hành án có văn bản đề nghị giải thích, đính chính, kiến nghị Tòa án kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và trả lời của Tòa án 10 tháng năm 2014 gửi kèm báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội năm 2014, thì trong 10 tháng năm 2014, các Cơ quan Thi hành án dân sự trong cả nước đã có 779 văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân giải thích, đính chính đối với bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót; có 142 văn bản kiến nghị với Tòa án có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với 142 bản án, quyết định.

Như vậy, có thể thấy rằng, thi hành án dân sự là công cụ, là thước đo, để kiểm tra tính đúng đắn của các giai đoạn tố tụng và giải quyết tranh chấp trước đó. Nếu tính đúng đắn của các giai đoạn tố tụng, giải quyết tranh chấp trước đó thực sự chính xác, công minh, khách quan, công bằng thì việc thi hành án sẽ thuận lợi, ngược lại nếu các giai đoạn tố tụng trước đó có vấn đề, thì quá trình thi hành án dân sự sẽ gặp nhiều khó khăn.

*Thứ ba*, thi hành án dân sự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người

được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án. Như đã nêu, thi hành án dân sự luôn liên quan trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân như quyền sở hữu, sử dụng tài sản; quyền nhân thân, do đó, thực tiễn cho thấy rằng người phải thi hành án thường có tâm lý trì hoãn, cản trở thi hành án, nhất là đối với những trường hợp người phải thi hành án không thỏa mãn với kết quả xét xử của Tòa án do quá trình xét xử không khách quan, hoặc có sự không rõ ràng về pháp lý, nên người phải thi hành án tìm mọi cách để trì hoãn, chống đối việc thi hành án. Chính vì vậy, thi hành án dân sự sẽ là một cơ chế hữu hiệu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

Tuy nhiên, thi hành án dân sự không chỉ bảo vệ riêng quyền lợi của người được thi hành án, mà thi hành án dân sự còn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người phải thi hành án, những người có quyền, lợi ích liên quan đến việc thi hành án. Thi hành án dân sự một mặt bảo vệ quyền lợi của người được thi hành án, nhưng mặt khác, nó cũng bảo vệ người phải thi hành án trước những kiểu đòi nợ theo kiểu "luật rừng". Không những vậy, trong pháp luật về thi hành án dân sự cũng có nhiều quy định cho phép người phải thi hành án chống lại sự lạm dụng quyền lực của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên trong tổ chức thi hành án dân sự như: quyền được khiếu nại, tố cáo; quyền được nhận các loại giấy tờ, văn bản (quyết định thi hành án quyết định cưỡng chế thi hành án; các loại thông báo về thi hành án...) có liên quan đến việc thi hành án.

*Thứ tư*, thi hành án dân sự góp phần đảm bảo trật tự pháp luật và nâng cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bản án, quyết định của Tòa án nhân danh Nhà nước để phán xử, nếu không được tổ chức thi hành, thì toàn bộ kết quả của cả quá trình tố tụng và giải quyết tranh chấp trước đó trở nên vô nghĩa, dẫn đến kỷ cương phép nước bị coi thường. Thông qua thi hành án dân sự, các mối quan hệ xã hội bị xâm hại được khôi phục lại tình trạng ban đầu, trật tự pháp luật được lập lại. Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành một cách triệt để sẽ có tác động đến ý thức chấp hành pháp luật của người được thi hành án,

người phải thi hành án nói riêng và nhân dân nói chung, từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, làm cho mọi người hiểu và làm theo pháp luật, góp phần nâng cao pháp chế xã hội chủ nghĩa.

*Thứ năm*, thi hành án dân sự là kênh tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân. Quá trình thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự thông qua các hoạt động nghiệp vụ của mình giáo dục, thuyết phục, động viên người phải thi hành án tự nguyện thi hành án; tiến hành hòa giải để hai bên đương sự thỏa thuận với nhau về phương thức thi hành án. Để làm được việc này, đòi hỏi chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự phải phổ biến, giải thích rõ các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan để các bên thực hiện. Do vậy Cơ quan Thi hành án dân sự đã trực tiếp tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật nói chung đến người được thi hành án, người phải thi hành án. Mặt khác, do thi hành án là hoạt động mang tính chất đặc thù, có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan, nên họ có điều kiện tiếp xúc, nắm bắt các quy định của pháp luật về thi hành án và các quy định có liên quan.

## **2.2. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của giám sát thi hành án dân sự**

### **2.2.1. Khái niệm giám sát thi hành án dân sự**

Giám sát là một thuật ngữ được hiểu theo nhiều cấp độ khác nhau, tùy theo cách thức tiếp cận, phạm vi, mục tiêu nghiên cứu khác nhau. Về mặt thuật ngữ, "Giám sát" trong tiếng Anh là "supervise" (động từ), "supervision" (danh từ) và trong tiếng Pháp là "superviser" (động từ), "supervision" (danh từ), có nghĩa là trông nom, kiểm tra, theo dõi các đối tượng, công việc, hoạt động... với mục đích để cho các đối tượng, công việc, hoạt động đó được thực hiện theo đúng các trình tự, qui định, qui tắc, đưa lại kết quả tốt hoặc ở trong tình trạng được bảo đảm.

Theo Từ điển tiếng Việt năm 1995 của Viện Ngôn ngữ học, "giám sát" được hiểu là theo dõi, kiểm tra xem có thực hiện đúng điều quy định không. Theo Đại từ điển Tiếng Việt năm 1999 của Nhà xuất bản Văn hóa thông tin,

thì "giám" được hiểu là theo dõi để kiểm tra, đôn đốc: giám binh, giám định, giám hộ, giám khảo, giám sát, giám sát viên... Còn thuật ngữ "giám sát" được hiểu là theo dõi, kiểm tra thực thi nhiệm vụ. Ở một khía cạnh khác "Giám sát là theo dõi, kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ"; [65, tr.108]; "sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để buộc và hướng hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được những mục đích, hiệu quả xác định từ trước, bảo đảm cho pháp luật được tuân thủ nghiêm chỉnh" [65 tr.108]; là hình thức hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội nhằm đảm bảo pháp chế hoặc sự chấp hành những quy tắc chung nào đó" [65, tr.112]. Còn theo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, thì "giám sát" là việc Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội....

Trong quá trình thực hiện giám sát, chủ thể giám sát được thực hiện các biện pháp xử lý, giải quyết theo thẩm quyền kiến nghị, yêu cầu, hủy bỏ, sửa chữa để bảo đảm mục đích giám sát. Mặc dù vậy, giám sát không phải là một hoạt động mang tính thụ động, chỉ được thực hiện sau khi có các vi phạm chuẩn mực do chủ thể giám sát đề ra, mà nó còn là một hoạt động mang tính chủ động, tích cực, thể hiện mối quan hệ qua lại giữa đối tượng giám sát và chủ thể của giám sát. Hoạt động giám sát không chỉ với ý nghĩa là phát hiện các sai sót của đối tượng bị giám sát so với chuẩn mực đã được đề ra, tìm nguyên nhân và khắc phục nó, mà giám sát ở một góc độ khác nó còn mang tính tích cực, đó là chủ thể giám sát cũng sẽ tự hoàn thiện mình. Trong quá trình giám sát, chủ thể giám sát sẽ tự phát hiện ra những khiếm khuyết trong các quy định, quyết định do mình đã đặt ra, từ đó điều chỉnh các quy định, quyết định cho phù hợp với thực tế, đảm bảo cho đối tượng giám sát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Với cách tiếp cận như vậy, có thể hiểu *giám sát* là việc chủ thể giám sát theo dõi, quan sát hành động mang tính chủ động, thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động để buộc và hướng hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi vào đúng trật tự đã định nhằm đạt được mục đích đã đề ra.

Trên cơ sở phân tích khái niệm về thi hành án dân sự và giám sát như trên, có thể khái niệm: *Giám sát thi hành án dân sự* là quá trình theo dõi, quan sát, thường xuyên, liên tục của các chủ thể giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự của đối tượng giám sát, nhằm tổ chức thi hành có hiệu quả các bản án, quyết định có hiệu lực thi hành của Tòa án, Trọng tài Thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và các quyết định giải quyết tranh chấp khác.

### **2.2.2. Phân biệt giám sát với kiểm sát, thanh tra và kiểm tra thi hành án dân sự**

Giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra xét cho cùng đều là phương thức nhằm kiểm soát quyền lực nhằm định hướng điều chỉnh hướng đi cho các chủ thể bị quản lý đi đúng hướng, đúng quy tắc và đạt được mục đích đề ra của các chủ thể quản lý. Có thể nói giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra luôn gắn liền với quản lý, đã có quản lý thì có giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra. Thông qua hoạt động giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra các chủ thể quản lý phát hiện và tác động điều chỉnh buộc các đối tượng của quản lý phải có hành động đúng đắn, tuân thủ nghiêm chỉnh trình tự, thủ tục, quy tắc và các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi xem xét dưới những tiêu chí, nội dung cụ thể, thì giám sát, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra vẫn có sự khác biệt tương đối:

*Thứ nhất, giám sát với kiểm sát:* Trước hết về chủ thể của giám sát và kiểm sát. Chủ thể của giám sát rất rộng, bao gồm nhân dân, cơ quan đại diện của nhân dân và các đoàn thể nhân dân. Còn chủ thể của kiểm sát là Viện Kiểm sát nhân dân với chức năng được quy định tại điều 137 Hiến pháp 1992 (sửa đổi một số điều năm 2014) thì Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, góp phần đảm bảo cho pháp

luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất... . Như vậy, chủ thể của hoạt động kiểm sát hẹp hơn so với chủ thể của hoạt động giám sát. Bên cạnh đó, nếu xem xét dưới góc độ tổ chức quyền lực nhà nước, tính chất của các chủ thể, thì chủ thể của giám sát là cơ quan quyền lực, đại diện cho quyền lực của nhân dân, còn chủ thể của hoạt động kiểm sát là một thiết chế trong Bộ máy nhà nước được tổ chức ra nhằm thực hiện giám sát việc thực hiện một số chức năng nhất định của Bộ máy nhà nước, đó chính là kiểm sát đối với các hoạt động tư pháp, trong đó có thi hành án dân sự.

Về phạm vi của giám sát và kiểm sát. Giám sát được thực hiện đối với toàn bộ hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan nhà nước khác trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật. Còn kiểm sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án nhằm đảm bảo việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật. Do đó có thể thấy phạm vi của giám sát rộng hơn kiểm sát, thậm chí còn bao trùm lên cả hoạt động kiểm sát. Hoạt động kiểm sát chỉ được thực hiện đối các tổ chức cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thi hành án.

Về nội dung của giám sát, kiểm sát. Nội dung giám sát rộng, toàn diện, không chỉ đối với hoạt động tổ chức thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự mà còn cả đối với việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật trong thi hành án dân sự. Kiểm sát chỉ kiểm sát việc chấp hành pháp luật trong tổ chức thi hành bản án, quyết định. Do vậy, nội dung kiểm sát hẹp, nhưng mang tính chuyên sâu.

*Thứ hai, giám sát với thanh tra:* Thanh tra thi hành án dân sự là phương thức đảm bảo pháp chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự, đảm bảo cho mọi hoạt động của cơ quan thi hành án, chấp hành viên và công chức làm công tác thi hành án được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Do đó, có thể thấy thanh tra và giám sát thi hành án dân sự khác nhau trên một số phương diện sau đây:

Về chủ thể. Do thanh tra là phương thức tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước đối với hoạt động thi hành án dân sự. Do vậy, xét cho cùng thì thanh tra chính là một trong những công cụ để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, giúp cho Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án dân sự kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm của các nhân, tổ chức trong thi hành án dân sự. Thanh tra tư pháp là cơ quan thanh tra ngành giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp – Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án dân sự thực hiện việc thanh tra trong thi hành án dân sự. Do vậy, chủ thể của hoạt động thanh tra thi hành án dân sự chỉ có thể được thực hiện thông qua bộ máy thanh tra tư pháp và là công cụ của Thủ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực.

Về phạm vi thanh tra. Thanh tra chỉ hướng tới việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự, do vậy nếu xét dưới góc độ hẹp, thì thanh tra chỉ thực hiện đối các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thi hành án dân sự thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp mà không thực hiện việc thanh tra đối với hoạt động nghiệp vụ tổ chức thi hành án dân sự.

Về nội dung thanh tra. Xuất phát từ phạm vi thanh tra, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, do vậy thanh tra chỉ thực hiện các nội dung thanh tra chuyên ngành hoặc thanh tra hành chính trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về thi hành án dân sự.

Về trình tự, thủ tục. Khi thực hiện thanh tra, người thành tra phải là thanh tra viên và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành cuộc thanh tra.

*Thứ ba, giám sát với kiểm tra:* Kiểm tra là hoạt động xem xét, đánh giá việc thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý nhà nước. Chủ thể có quyền thực hiện hoạt động kiểm tra là Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, với mục đích xem xét việc thực hiện các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên cũng như các quyết định quản lý của mình. Hoạt động kiểm tra được tiến

hành thường xuyên theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý và được thực hiện bằng hình thức Thủ trưởng cơ quan hoặc người được thủ trưởng cơ quan ủy quyền trực tiếp nghe báo cáo hoặc xem xét tại chỗ. Tuy nội dung, phạm vi kiểm tra phụ thuộc vào nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan nhưng nhìn chung, nội dung kiểm tra được thực hiện trên hai phương diện: xem xét việc thực hiện pháp luật cũng như việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch và các quyết định quản lý, làm rõ nguyên nhân những sai sót, hạn chế để khắc phục hoặc có biện pháp xử lý. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, chủ thể kiểm tra có quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật như xử phạt hành chính, đình chỉ hành vi vi phạm, khôi phục tình trạng trước khi có vi phạm, buộc bồi thường thiệt hại...

### ***2.2.3. Đặc trưng của giám sát thi hành án dân sự***

*Thứ nhất, giám sát thi hành án dân sự mang tính quyền lực.* Giám sát thi hành án dân sự với tính cách là phương thức thực thi quyền lực nhà nước và đảm bảo thực thi quyền lực nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự luôn gắn với quyền lực nhà nước, do chủ thể của quyền lực nhà nước hoặc những chủ thể được trao thực hiện quyền lực nhà nước thực hiện để theo dõi, kiểm tra và sẵn sàng tác động đến các đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự để buộc các đối tượng giám sát phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, từ đó nâng cao kết quả, hiệu quả thi hành án dân sự. Do đó, giám sát thi hành án dân sự nhằm đảm bảo cho các hoạt động thi hành án dân sự được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trong quá trình giám sát thi hành án dân sự, để tác động đến các đối tượng giám sát, các chủ thể giám sát có quyền kiến nghị, đề nghị, yêu cầu và buộc đối tượng bị giám sát phải điều chỉnh các hành vi vi phạm của mình cho phù hợp các quy định của pháp luật, đồng thời xác định nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục. Do đó, giám sát thi hành án dân sự mang tính quyền lực.

*Thứ hai, hoạt động giám sát thi hành án dân sự mang tính xã hội cao.*



Xuất phát từ đặc thù của công tác thi hành án dân sự là có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức thi hành án, vì vậy hoạt động thi hành án dân sự có phạm vi rất rộng, bao trùm lên mọi hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan hữu quan. Chủ thể của quyền giám sát gồm nhiều đối tượng khác nhau. Do đó, giám sát thi hành án dân sự mang tính xã hội cao.

*Thứ ba, chủ thể và đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự đa dạng, có tính đan xen.* Trong quá trình tổ chức thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội, giám sát của Hội đồng nhân dân; Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Ngoài ra, với địa vị là cơ quan thực thi quyền lực nhà nước, Cơ quan Thi hành án dân sự còn phải chịu sự giám sát trực tiếp của nhân dân, người đã ủy thác cho Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện quyền lực của mình để xem xét quyền lực đó được thực thi như thế nào trong cuộc sống. Bên cạnh đó, để tổ chức thi hành án dân sự có hiệu quả, Cơ quan Thi hành án dân sự phải huy động nhiều đối tượng khác nhau tham gia vào quá trình thi hành án. Với bản chất là hoạt động mang tính chấp hành, điều hành, khi tổ chức thi hành án, ngoài việc Cơ quan Thi hành án dân sự phải chấp hành pháp luật, tổ chức thi hành đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của Trọng tài Thương mại, của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh Cơ quan Thi hành án dân sự còn có quyền đòi hỏi, yêu cầu những người có liên quan phải chấp hành các quyết định của chấp hành viên khi họ có liên quan đến việc thi hành án. Trong những trường hợp như vậy, những đối tượng này hoặc là trực tiếp hoặc là gián tiếp tham gia vào quá trình thi hành án và họ có nghĩa vụ phải chấp hành các yêu cầu của chấp hành viên và các quy định của pháp luật có liên quan. Ví dụ, Tòa án nhân dân phải trả lời các yêu cầu của Cơ quan Thi hành án dân sự về việc giải thích bản án; Cơ quan Công an phải bố trí lực lượng bảo vệ cưỡng chế thi hành án theo yêu cầu của chấp hành viên...

Mặt khác, việc thi hành án dân sự có quan hệ và ảnh hưởng trực tiếp

đến các quyền của công dân, nên hoạt động thi hành án dân sự còn phải tuân thủ nghiêm túc và chặt chẽ các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự. Để đảm bảo các quy định của pháp luật được Cơ quan Thi hành án dân sự nghiêm chỉnh chấp hành, pháp luật quy định các hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự được đặt dưới sự kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân các cấp. Tuy nhiên, với tư cách là cơ quan được phân công thực hiện quyền lực của nhân dân, trong quá trình thực hiện chức năng kiểm sát các hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, thì Viện Kiểm sát cũng đã trực tiếp tác động đến quá trình thi hành án và gây ảnh hưởng gián tiếp đến các quyền lợi hợp pháp của công dân. Chính vì vậy, bản thân Viện Kiểm sát cũng chính là đối tượng bị giám sát đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm sát thi hành án dân sự.

*Thứ tư, giám sát thi hành án dân sự là quá trình quan sát, tác động từ bên ngoài.* Bản chất của giám sát là sự quan sát, tác động từ bên ngoài. Do đó, các chủ thể giám sát trong thi hành án dân sự không thuộc hệ thống Cơ quan Thi hành án dân sự hay thuộc Chính phủ - cơ quan thực hiện quyền hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành án.

#### ***2.2.4. Vai trò của giám sát thi hành án dân sự***

*Thứ nhất, giám sát thi hành án dân sự là yếu tố quan trọng hạn chế sự lạm quyền từ phía các cơ quan thực thi pháp luật.* Bất kỳ một Nhà nước nào để tồn tại và duy trì trật tự xã hội, đều phải chú trọng việc giữ gìn và bảo vệ pháp chế trong đó yêu cầu các cơ quan nhà nước, nhân viên của Nhà nước, các tổ chức và người dân phải thực hiện đúng, thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật do Nhà nước ban hành. Mục tiêu cao nhất của việc giám sát thực thi pháp luật trong một xã hội dân chủ, cho dù cơ quan nào tiến hành giám sát đi chăng nữa, cũng là để bảo đảm rằng các cơ quan hành pháp và các cơ quan nhà nước khác nói chung hành động vì lợi ích của người dân mà không sử dụng quyền hạn được giao để gây hại cho lợi ích của Nhà nước và của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Khi thi hành án, cơ quan, tổ chức được giao quyền tổ chức thi hành án hay có quyền can thiệp đến hoạt động thi hành án dân sự, ở một chừng mực nhất định nào đó dù cố tình hay vô ý, có thể có những hành động gây hại tới lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân. Do đó, giám sát thi hành án dân sự sẽ là một công cụ hữu hiệu nhằm phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi lạm quyền trong quá trình thực thi công vụ của người có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án, quyết định và các cơ quan có liên quan.

*Thứ hai, giám sát thi hành án dân sự giúp phát hiện những khiếm khuyết trong quản lý.* Để quản lý xã hội, Nhà nước ban hành pháp luật và đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành. Cơ quan được trao quyền tổ chức thi hành án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành các hoạt động liên quan đến việc thi hành án dân sự có trách nhiệm tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật để tổ chức thi hành án. Đây chính là quá trình chuyên hóa các quy định của Nhà nước vào thực tiễn đời sống. Lúc này tính hợp lý, phù hợp thực tiễn của các quy định mới được bộc lộ. Nếu các quy định do Nhà nước ban hành phù hợp, sẽ khuyết đáp được những đòi hỏi của xã hội và ngược lại, nếu các quy định không phù hợp nó sẽ cản trở quá trình thi hành án và gây thiệt hại cho chính Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Lúc này thông qua hoạt động giám sát, Nhà nước sẽ kịp thời phát hiện ra các bất hợp lý, khiếm khuyết và điều chỉnh hoặc yêu cầu điều chỉnh cho phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho thuận lợi cho hoạt động thi hành án dân sự. Như vậy, bản thân giám sát thi hành án dân sự khi được thực hiện đã giúp cho chính Nhà nước tự phát hiện, điều chỉnh và hoàn chỉnh các công cụ điều chỉnh, quản lý xã hội của mình.

*Thứ ba, giám sát thi hành án dân sự góp phần nâng cao tính trách nhiệm, đảm bảo sự khách quan, trung thực trong hoạt động thi hành án dân sự.* Trong nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, pháp luật phải được thực thi một cách công bằng, bình đẳng và tuân thủ những nguyên

tắc đã đề ra. Điều này đòi hỏi các cơ quan trong hệ thống công quyền, nhất là tổ chức được giao quyền thi hành bản án, quyết định phải có tính trung lập và không thiên vị, tránh sự đặc quyền, đặc lợi. Để làm được điều này, giám sát thi hành án dân sự là một công cụ hữu hiệu và không thể thiếu. Thông qua giám sát thi hành án dân sự, các cơ quan có thẩm quyền kịp thời phát hiện và điều chỉnh ngay những hành động thiên vị, nếu cần sẽ có các biện pháp mạnh để xử lý. Kết quả của sự tác động, điều chỉnh và xử lý này không chỉ có tác dụng khắc phục, ngăn chặn các hành động không đúng đắn mà thông qua đó làm chuyển biến ý thức trách nhiệm của những người có thẩm quyền và người có liên quan đến quá trình tổ chức thi hành án dân sự theo chiều hướng tích cực. Bên cạnh đó, khi trách nhiệm của cơ quan được giao quyền tổ chức thi hành án và những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được nâng cao, cùng với nó, tính công khai, minh bạch và công bằng trong thi hành án dân sự cũng được nâng lên sẽ là yếu tố thúc đẩy và đảm bảo dân chủ trong thi hành án dân sự.

*Thứ tư, giám sát thi hành án dân sự góp phần củng cố tổ chức, tăng cường hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự:* Thi hành án là một công việc hết sức phức tạp, trong quá trình tổ chức thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự có quan hệ với nhiều cơ quan khác nhau, áp dụng nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau để giải quyết vụ việc. Đặc biệt, thi hành án trực tiếp đụng chạm đến lợi ích kinh tế, tinh thần của người được thi hành án, người phải thi hành án, nên trong giai đoạn thi hành án, sự cản trở, chống đối và can thiệp từ bên ngoài vào quá trình thi hành án nảy sinh nhiều, điều này làm cho hoạt động thi hành án dân sự không được thực thi trong khuôn khổ của pháp luật. Do đó, trong thi hành án dân sự hoạt động giám sát thi hành án dân sự đảm bảo cho Cơ quan Thi hành án dân sự có điều kiện thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật, trong phạm vi khuôn khổ pháp luật.

Mặt khác, do chủ thể giám sát thi hành án dân sự rất đa dạng, nhiều nội dung, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nên hoạt động giám sát thi hành án dân sự diễn ra thường xuyên, liên tục và chủ động, chính vì vậy, cũng

có tác dụng ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự. Đồng thời, thông qua hoạt động giám sát thi hành án dân sự, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm góp phần làm lành mạnh môi trường, trong sạch bộ máy Cơ quan Thi hành án dân sự, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức thi hành án dân sự, từ đó nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự.

*Thứ năm, giám sát thi hành án dân sự trực tiếp bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành và của Nhà nước:* Như đã nêu ở trên, thi hành án dân sự có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và Nhà nước, tuy nhiên, điều này chỉ có thể đạt được khi mục đích của thi hành án dân sự đạt được.

Để đạt được các mục đích của thi hành án dân sự, đòi hỏi toàn bộ hệ thống tổ chức Cơ quan Thi hành án dân sự, từ hoạt động của bộ máy đến hoạt động của chấp hành viên và các cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự phải được vận hành một cách nhịp nhàng, thống nhất, đúng pháp luật. Mọi hoạt động của bất cứ cá nhân, tổ chức nào có liên quan đến hoạt động thi hành án đều phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, các văn bản có liên quan và đều hướng tới một mục đích chung là thi hành một cách triệt để nội dung quyết định trong bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài Thương mại và theo đơn yêu cầu thi hành án.

Hoạt động của chấp hành viên với tư cách là hạt nhân của quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định phải là những hành vi chuẩn xác, mẫu mực, đáp ứng được đòi hỏi của các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nói riêng và của pháp luật nói chung. Trong quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định, mỗi một chấp hành viên đều phải lấy quyền lợi của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quyền lợi của Nhà nước làm trọng, không được vì mục đích riêng mà có những tác động không đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quá trình thi hành án. Hoạt

động của các cơ quan hữu quan khác liên quan đến thi hành án dân sự ở các mức độ khác nhau, đều là hoạt động hỗ trợ, giúp cho hoạt động thi hành án dân sự đạt được hiệu quả cao. Vì vậy, hoạt động của các cơ quan này cũng phải nằm trong khuôn khổ của pháp luật và cũng phải hướng tới đích chung là nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải lúc nào hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, của chấp hành viên và các cơ quan hữu quan cũng đạt được những mục đích như mong muốn, mà vẫn có những vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình thi hành án dân sự. Để khắc phục được điều này, giám sát thi hành án dân sự có vai trò rất quan trọng, nó trở thành phương tiện đảm bảo cho hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên và các cơ quan hữu quan được thực thi đúng pháp luật, trong khuôn khổ pháp luật. Từ đó mà các quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Nhà nước được bảo vệ.

*Thứ sáu, giám sát thi hành án dân sự góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng:* Một trong những nguyên tắc của thi hành án dân sự là Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên phải tổ chức thi hành án đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án và của Trọng tài Thương mại, của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan Tư pháp và giải quyết tranh chấp chỉ thực sự được phát huy khi bản án, quyết định được nghiêm chỉnh thi hành. Một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu không được thi hành, thì cũng không hơn gì mớ “giấy lộn” vì các quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan không được thực hiện trên thực tế; các quan hệ xã hội bị vi phạm không được khôi phục lại tình trạng ban đầu, không phát huy được tác dụng trong thực tiễn cuộc sống sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của tất cả các cơ quan tư pháp. Giám sát thi hành án dân sự nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự đã trực tiếp góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan tư pháp và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, làm cho quá trình tố tụng trở lên có ý nghĩa thực tế trong cuộc sống.

### **2.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giám sát thi hành án dân sự**

*Thứ nhất*, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về giám sát thi hành án dân sự.

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định:

Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng lãnh đạo đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự, hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua chủ trương, chính sách. Do đó, mọi hoạt động của Nhà nước phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và chịu ảnh hưởng trực tiếp của các chủ trương, chính sách của Đảng. Giám sát thi hành án dân sự là một hoạt động của cụ thể của Nhà nước, dựa trên các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự để theo dõi, tác động nhằm bảo đảm tính đúng đắn trong thi hành án dân sự sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chủ trương, chính sách của Đảng về giám sát nói chung và giám sát hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động giám sát thi hành án dân sự nói riêng.

*Thứ hai*, thể chế giám sát thi hành án dân sự. Quá trình giám sát thi hành án dân sự, trên cơ sở các quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung, mối quan hệ pháp lý giữa chủ thể giám sát thi hành án dân sự với đối tượng giám sát thi hành án dân sự để tiến hành theo dõi, tác động đến các đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, để xem xét, đánh giá, các chủ thể giám sát cần căn cứ vào các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để phân tích, xác định các hoạt động của đối tượng bị giám sát có đáp ứng đúng, đầy đủ chính xác các quy định hay không. Do đó, có thể

thấy các quy định của pháp luật về giám sát thi hành án dân sự, thi hành án dân sự có ảnh hưởng lớn đến chất lượng giám sát thi hành án dân sự. Nếu các quy định của pháp luật về giám sát thi hành án dân sự, về thi hành án dân sự đầy đủ sẽ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho giám sát thi hành án dân sự. Ngược lại, nếu các quy định về giám sát thi hành án dân sự, thi hành án dân sự tản mạn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực tới chất lượng thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự.

Ngoài ra, hệ thống các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự đầy đủ, minh bạch, rõ ràng không chỉ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho quá trình thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự, mà còn là công cụ kiểm soát, phòng ngừa chính những hành vi vi phạm, sự tùy tiện hoặc lạm quyền trong giám sát thi hành án dân sự từ đó hạn chế các tác động tiêu cực từ giám sát thi hành án dân sự đối với quá trình thi hành án dân sự.

*Thứ ba*, chất lượng của chủ thể giám sát thi hành án dân sự. Giám sát thi hành án dân sự được tiến hành thông qua hoạt động của chủ thể giám sát thi hành án dân sự - tổ chức, con người cụ thể trong cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ và có thẩm quyền trong giám sát thi hành án dân sự. Quá trình giám sát thi hành án dân sự chủ thể giám sát vận dụng các quy định của pháp luật về giám sát thi hành án dân sự, thi hành án dân sự và các quy định của pháp luật có liên quan nhằm theo dõi, đánh giá, tác động tới đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Do đó, đòi hỏi chủ thể giám sát thi hành án dân sự phải nắm vững các quy định của pháp luật; phân tích và vận dụng một cách chính xác các quy định này trên thực tế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự. Vì vậy, nếu các chủ thể giám sát thi hành án dân sự thực sự công tâm, có năng lực, trình độ chuyên môn tốt, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng thì chất lượng giám sát sẽ được nâng cao. Ngược lại, thì chất lượng giám sát sẽ không đáp ứng được yêu cầu đặt ra cho giám sát thi hành án dân sự.



*Thứ tư*, cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Quá trình giám sát, các chủ thể giám sát sử dụng nhiều hình thức, phương thức khác nhau để tiến hành giám sát. Để tiến hành giám sát, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ. Do đó, nếu kinh phí, cơ sở vật chất không được đảm bảo, các hoạt động giám sát sẽ không thể tiến hành hoặc tiến hành không đầy đủ; không toàn diện sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng giám sát. Có thể nói kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc là một trong những điều kiện quan trọng nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng giám sát thi hành án dân sự. Quan điểm chính trị, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; quy định của pháp luật về thi hành án đầy đủ, rõ ràng; chất lượng chủ thể giám sát thi hành án dân sự đáp ứng được yêu cầu đặt ra, nhưng kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành án dân sự không được đảm bảo cũng sẽ ảnh hưởng tới chất lượng giám sát thi hành án dân sự. Kinh phí, cơ sở vật chất có ý nghĩa quan trọng trên các phương diện:

*Một là*, cung cấp và đảm bảo nguồn lực nhằm xây dựng hệ thống thể chế, chính sách; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giám sát đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng;

*Hai là*, cung cấp và đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ giám sát thi hành án dân sự.

### **2.3. Chủ thể giám sát, đối tượng giám sát thi hành án dân sự**

#### **2.3.1. Chủ thể giám sát thi hành án dân sự**

Chủ thể giám sát là những người có quyền kiểm tra, theo dõi, tác động đến các hoạt động của đối tượng giám sát, định hướng cho hoạt động của đối tượng giám sát đi đúng hướng nhằm đạt được mục đích của đã đề ra.

Trong thi hành án dân sự, chủ thể giám sát thi hành án dân sự là những người có quyền theo dõi, tác động đến hoạt động của đối tượng giám sát thi hành án dân sự, nhằm mục đích đảm bảo cho hoạt động thi hành án dân sự được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, từ đó nâng cao kết quả, hiệu

quả công tác thi hành án dân sự góp phần bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước, người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Để xác định chủ thể của giám sát thi hành án dân sự, cần căn cứ vào các yếu tố sau:

*Một là, vị trí, tính chất của hoạt động thi hành án dân sự trong việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước.* Thi hành án dân sự là hoạt động để thực hiện chức năng của Nhà nước góp phần gìn giữ và bảo vệ công lý, được giao cho cơ quan nhà nước hoặc ủy quyền cho tổ chức khác thực hiện một số công đoạn trong thi hành án dân sự. Thi hành án dân sự chủ yếu bao gồm các hoạt động liên quan đến tổ chức thực hiện pháp luật về thi hành án dân sự (áp dụng pháp luật trong thi hành án dân sự; phòng chống tham nhũng trong thi hành án dân sự...). Như đã phân tích ở Chương 1, thì thi hành án dân sự chủ yếu được thực hiện dưới hai phương thức là: (i) tự nguyện chấp hành thông qua hành vi tích cực của người được thi hành án, người phải thi hành án và (ii) thông qua tác động của Cơ quan Thi hành án dân sự - người được Nhà nước trao quyền tổ chức thi hành bản án, quyết định.

Ở phương thức thứ nhất, sau khi có bản án, quyết định, các bên đương sự bằng hành vi tích cực của mình chủ động thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng nội dung bản án, quyết định, lúc này không cần sự can thiệp của Nhà nước. Tuy nhiên, ở phương thức thứ hai, do các bên đương sự không tự nguyện thực hiện quyền, nghĩa vụ, nên Nhà nước phải can thiệp để buộc các bên đương sự phải thi hành nhằm hiện thực hóa các quyền, nghĩa vụ trên thực tế. Nhưng, tôn trọng quyền dân sự và tự định đoạt của các bên đương sự, ở giai đoạn đầu của quá trình tác động, Nhà nước vẫn giành một khoảng thời gian hợp lý để các bên tiếp tục thỏa thuận và tự nguyện thi hành án. Hết thời hạn này các bên không tự thực hiện, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, mà cao nhất là cưỡng chế để buộc các bên phải thực hiện. Do đó, các biện pháp thi hành án dân sự mang nặng tính chất hành chính, thể hiện quyền lực nhà nước, nhằm thực thi quyền lực nhà nước, nên cần có sự kiểm chế, giám sát từ cơ quan quyền lực nhà nước.

Mặt khác, nếu xét từ giác độ tổ chức quyền lực nhà nước, thì thi hành án dân sự là một bộ phận cấu thành của quyền hành pháp. Do đó, thi hành án dân sự phải chịu sự giám sát của các chủ thể có quyền giám sát đối với hoạt động của các cơ quan hành pháp. Tuy nhiên, căn cứ để Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành án dân sự lại là kết quả của quá trình tố tụng (bản án, quyết định của Tòa án), những sản phẩm mang bản chất tư pháp. Đồng thời, kết quả thi hành án dân sự lại hướng tới việc lập lại trật tự pháp luật, khôi phục lại tình trạng các quan hệ xã hội đã bị xâm phạm trước đó, đảm bảo công bằng xã hội, đó cũng chính là mục tiêu của tư pháp mà trung tâm là hoạt động xét xử. Chính vì vậy, với tư cách là một giai đoạn tiếp nối của tố tụng, thi hành án dân sự cũng phải chịu sự giám sát của các chủ thể có quyền giám sát đối với hoạt động tư pháp.

*Hai là, căn cứ vào mức độ tác động của chủ thể giám sát đối với đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự.* Mức độ tác động của chủ thể giám sát đến đối tượng giám sát đó chính là các quyền của chủ thể giám sát khi thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự. Các quyền được thực hiện trên cơ sở vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của chủ thể giám sát trong bộ máy nhà nước, được ghi nhận trong các văn bản pháp luật và được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa chủ thể giám sát và đối tượng giám sát. Do đó, chỉ có hoạt động của những chủ thể nào có thể tác động trực tiếp đến hoạt động của đối tượng giám sát mới là chủ thể của giám sát thi hành án dân sự. Tùy thuộc vào mức độ tác động, phạm vi tác động và mối quan hệ pháp lý giữa của chủ thể giám sát với đối tượng giám sát và căn cứ vào các quy định của pháp luật để chúng ta xác định chủ thể giám sát thi hành án dân sự.

*Ba là, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ theo pháp luật của các chủ thể giám sát trong thi hành án dân sự.* Trong quá trình hoạt động, các cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định để thực hiện. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, các cơ quan tổ chức xác

định mình được làm gì, phải làm gì và làm như thế nào. Chính vì vậy, khi xác định chủ thể giám sát thi hành án dân sự, chúng ta cũng cần căn cứ vào các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến thi hành án dân sự.

Xuất phát từ những phân tích đã nêu trên, có thể thấy chủ thể của giám sát thi hành án dân sự rất rộng. Sau đây là một số chủ thể giám sát cơ bản nhất:

**Nhân dân:** Trong lịch sử từng có nhiều quan điểm về nhân dân, có quan niệm cho rằng nhân dân là toàn bộ cư dân của một nước chịu ảnh hưởng của chủ quyền quốc gia của nước đó; quan điểm khác lại cho rằng, nhân dân là một bộ phận dân cư quốc gia hợp thành từ cá nhân được Hiến pháp của quốc gia đó trao quyền bầu cử. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân dân là một phạm trù lịch sử và mang tính chính trị. Lợi ích chính trị chung tạo thành phạm trù nhân dân. Theo quy định tại Hiến pháp 1992, ở nước ta:

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức; Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện [34, Điều 2, 3].

Do đó, có thể thấy lợi ích chính trị chung của nhân dân là thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Chính vì vậy, nhân dân được hiểu là toàn bộ cư dân có chung một mục đích sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Nhân dân vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước, nhưng đồng thời cũng là chủ thể giám sát hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức nhà nước, Hiến pháp 1992 qui định:

Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với

nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng [34, Điều 6].

Vì vậy, nhân dân là chủ thể quan trọng của hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, nhân dân là một khái niệm chung, có tính trừu tượng, khái quát hóa cao, nhưng không cá biệt hóa được chủ thể cụ thể tham gia vào giám sát thi hành án dân sự. Do đó, trong giám sát thi hành án dân sự cần hiểu nhân dân là cá nhân một công dân với đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Giám sát của nhân dân đối với hoạt động thi hành án dân sự được biểu hiện qua hoạt động của các cá nhân và cơ quan, tổ chức đại diện cho quyền lực của nhân dân.

**Quốc hội:** Tư tưởng xuyên suốt quá trình lập hiến ở nước ta luôn khẳng định quyền lực nhà nước là thống nhất, không có sự chia cắt và thuộc về nhân dân. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, theo đó, quyền lực của nhân dân được thực hiện thông qua thiết chế dân chủ đại diện, cụ thể là thông qua cơ quan quyền lực nhà nước do chính nhân dân bầu ra, đó là Quốc hội. Như vậy, Quốc hội là thiết chế dân chủ đại diện được thiết lập thông qua bầu cử mang tính đại diện cho quyền và lợi ích của nhân dân hay nói cách khác nhân dân thực hiện quyền dân chủ thông qua một cơ quan đại diện bao gồm những đại biểu do mình bầu ra. Thông qua cơ quan đại diện của mình nhân dân bảo vệ quyền và lợi ích của chính mình và cũng thông qua đó nhân dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó có Cơ quan Thi hành án dân sự, giúp cho hoạt động thi hành án dân sự đi vào nền nếp, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật. Như vậy, với tư cách là đại diện của nhân dân, được nhân dân ủy quyền, Quốc hội thay mặt cho nhân dân thực hiện quyền lập pháp, định ra các nguyên tắc hoạt động của Bộ máy nhà nước, đồng thời theo dõi, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước nói chung và Cơ quan Thi hành án dân sự nói riêng. Điều này được thể hiện cụ thể trong tất cả các bản Hiến pháp của nước

ta kể từ khi lập nước và ngày càng được khẳng định: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Điều 83 của Hiến pháp 1992 quy định “*Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước*”. Như vậy, có thể thấy Quốc hội không chỉ có quyền giám sát, mà là giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước, trong có hoạt động thi hành án dân sự. Quốc hội giám sát việc thực thi pháp luật trong thi hành án dân sự từ khâu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự đến tổ chức thực hiện pháp luật trong thi hành án dân sự và thực hiện các nhiệm vụ về thi hành án dân sự theo pháp luật và các Nghị quyết của Quốc hội về thi hành án dân sự.

**Hội đồng nhân dân:** Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Tương tự như Quốc hội, Hội đồng nhân dân là thiết chế dân chủ ở địa phương, được hình thành bằng con đường bầu cử. Do đó, Hội đồng nhân dân đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân tại địa phương, thay mặt cho nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước tại địa phương, bao gồm: Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân được tiến hành thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn do pháp luật quy định. Như vậy, Hội đồng nhân dân là một trong những chủ thể giám sát quan trọng trong giám sát thi hành án dân sự.

***Viện kiểm sát nhân dân:*** Viện Kiểm sát nhân dân là một thiết chế trong bộ máy nhà nước thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Thi hành án dân sự là hoạt động có tính chất hành chính - tư pháp, vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân cũng là chủ thể giám sát thi hành án dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân giám sát hoạt động thi hành án dân sự thông qua việc thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

***Tòa án nhân dân:*** Là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Quá trình xét xử, Tòa án nhân dân ban hành bản án, quyết định trong đó xác định rõ các quyền, nghĩa vụ của các bên phải thực hiện. Bản án, quyết định của Tòa án chính là kết quả của quá trình phân tích chứng cứ, sự kiện pháp lý và vận dụng pháp luật, thông qua hoạt động áp dụng pháp luật

của Thẩm phán và Hội đồng xét xử - quá trình đi tìm sự thật, chân lý được nhận thức đầy đủ và Thẩm phán, Hội đồng xét xử sẽ đưa ra phán quyết về một vụ án. Bản án có khách quan, công bằng và đạt được chân lý hay không hoàn toàn phụ thuộc và quá trình nhận thức và áp dụng pháp luật của Thẩm án, Hội đồng xét xử và phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Tòa án phải chịu trách nhiệm đến cùng đối với bản án, quyết định do mình ban hành. Do đó, việc giám sát của Tòa án đối với quá trình thi hành bản án, quyết định là cần thiết, giúp Tòa án kịp thời nắm, phát hiện và xử lý những sai sót, vi phạm trong bản án, quyết định mình đã ban hành để kịp thời xử lý, rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp. Bên cạnh đó, thông qua giám sát thi hành án dân sự, Tòa án xem xét người được thi hành án, người phải thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự có chấp hành nghiêm các phán quyết của mình hay không.

***Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã hội:*** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân; cùng Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Do đó, để có thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, đòi hỏi Mặt trận tổ quốc phải tham gia sâu vào các hoạt động quản lý nhà nước; tham gia tích cực vào quá trình giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước,



trong đó có hoạt động thi hành án dân sự để làm nền tảng cho các kiến nghị của mình với Đảng, Nhà nước.

Tại Điều 6 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003 có quy định: Khi thực hiện quyền giám sát, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội dựa vào sự tham gia của nhân dân, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận và có thể mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan tham gia; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu này.

Như vậy, có thể thấy hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước, nhằm góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật, trong đó có hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự. Chính vì vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã hội cũng là một trong những chủ thể quan trọng trong giám sát thi hành án dân sự.

***Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*** Là những người có quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự. Việc thi hành án dân sự tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Bên cạnh đó, nếu xét dưới góc độ tổ chức quyền lực nhà nước, thì họ cũng là chủ thể của quyền lực nhà nước, nên họ có quyền đòi hỏi, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án dân sự phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, họ cũng là chủ thể giám sát thi hành án dân sự. Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, lợi ích liên quan thực hiện giám sát thi

hành án dân sự thông qua thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi trái pháp luật của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự.

- Người được thi hành án là những người có quyền lợi theo nội dung quyết định của bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Những người này bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, công dân được Tòa án công nhận có quyền đòi hỏi người khác thực hiện các nghĩa vụ về vật chất hoặc tinh thần đối với mình.

- Người phải thi hành án là người có trách nhiệm phải thực hiện các nghĩa vụ về vật chất hoặc tinh thần theo nội dung của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật vì quyền lợi của người được thi hành án. Cũng như người được thi hành án, người phải thi hành án bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, công dân.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan, được hiểu là tất cả những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có hai loại là: *người có quyền, nghĩa vụ liên quan được ghi nhận trong bản án, quyết định của tòa án* (người được Tòa án đưa vào tham gia quá trình tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ có liên quan) và *người có quyền, nghĩa vụ liên quan phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự* (người không có liên quan gì đến bản án, quyết định, không được Tòa án đưa vào quá trình tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan, nhưng họ xuất hiện trong quá trình Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành các hoạt động tác nghiệp để thi hành án).

- Người được ủy quyền, người giám hộ, là những người được người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án ủy quyền cho thực hiện quyền khiếu nại hoặc thực hiện quyền khiếu nại thay cho người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Người khác, là người thừa kế của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án (trường hợp có người chết trong quá trình tổ chức thi hành án).

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam thì chủ thể giám sát thi hành án dân sự rất rộng. Những chủ thể giám sát nêu trên đều có những quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm nhất định tùy thuộc vào vị trí, chức năng, mối quan hệ với đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự. Tuy nhiên, xét thi hành án dân sự dưới góc độ hiệu quả thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và đảm bảo tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự thì chủ thể chính thực hiện quyền giám sát là Viện Kiểm sát nhân dân và đương sự (người được thi hành án và người phải thi hành án). Bởi vì, Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan có thẩm quyền kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, đảm bảo cho quá trình tổ chức thi hành án dân sự được tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Trong quá trình thi hành án dân sự, đương sự (người phải thi hành án và người được thi hành án) là những người trực tiếp có các quyền và nghĩa vụ được xác định trong bản án, quyết định, do đó không ai khác chính đương sự phải tự giám sát việc Cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan có liên quan có thực hiện đúng các quy định pháp luật hay không; các quyết định, hành vi của chấp hành viên, cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự có vi phạm pháp luật, vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình hay không.

Trong giám sát nói chung, giám sát thi hành án dân sự, vấn đề quan trọng nhất là xác định chủ thể giám sát để từ đó giới hạn thẩm quyền, phạm vi giám sát, đồng thời, giám sát thi hành án dân sự phụ thuộc vào mô hình tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và mô hình tổ chức Cơ quan Thi hành án dân sự nói riêng. Do đó, dưới góc độ pháp luật so sánh, có thể thấy rằng chủ thể giám sát thi hành án dân sự có sự khác biệt ở mỗi nước. Ở những nước tổ chức mô hình cơ quan thi hành án trực thuộc Tòa án (ví dụ như: Singapore, Indonesia, Đức, Nhật Bản), thì chấp hành viên là công chức đặt tại Tòa án do Chánh án hoặc Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm. Toàn bộ hoạt động thi hành án đặt dưới sự giám sát, chỉ đạo của Chánh án Tòa án địa phương hoặc thẩm phán thi hành án. Do đó, chủ thể giám sát chính đối với hoạt động thi hành án dân sự là Chánh án hoặc thẩm phán thi hành án. Đối với những

nước tổ chức Cơ quan Thi hành án dân sự thuộc cơ quan hành pháp (Điển hình là Nga, Hoa Kỳ, Thụy Điển, Thái Lan, Philippines, Trung Quốc...) thì chủ thể chính giám sát thi hành án dân sự là cơ quan quản lý hoạt động thi hành án dân sự là Bộ Tư pháp (Nga, Hoa Kỳ, Thụy Điển, Thái Lan, Philippines) hoặc Hội đồng thuế quốc gia (Thụy Điển). Ví dụ như ở Cộng hòa liên bang Nga, đội ngũ chấp hành viên được tổ chức thành hai bộ phận: bộ phận thứ nhất thực hiện chức năng bảo đảm an ninh trật tự tại Tòa án và bộ phận thứ hai chịu trách nhiệm thi hành bản án và quyết định khác của Tòa án. Bộ Tư pháp liên bang Nga chịu trách nhiệm về việc phối hợp và giám sát hoạt động của Cục Thi hành án Liên bang và thực hiện các chức năng liên quan đến việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của Cục Thi hành án Liên bang. Đối với lực lượng chấp hành viên làm nhiệm vụ bảo vệ thì cơ quan giám sát là Tòa án mà các chấp hành viên đó trực thuộc; khiếu nại về hành vi của chấp hành viên do Tòa án giải quyết trong các trường hợp do pháp luật quy định.

### ***2.3.2. Đối tượng giám sát thi hành án dân sự***

Đối tượng giám sát thi hành án dân sự là những cơ quan, tổ chức và cá nhân mà hoạt động của họ có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự và tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, lợi ích liên quan đến việc thi hành án dân sự. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc thù của thi hành án dân sự là có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân khác nhau. Vì vậy, cũng như chủ thể giám sát, cần phải xác định những đối tượng giám sát thi hành án dân sự cơ bản, chủ yếu nhất, từ đó làm rõ mối quan hệ giữa chủ thể giám sát và đối tượng bị giám sát trong thi hành án dân sự, làm rõ các quyền và nghĩa vụ của các bên trong giám sát thi hành án dân sự. Để xác định đối tượng giám sát thi hành án dân sự cần căn cứ một số vấn đề sau:

*Một là, căn cứ vào vai trò của đối tượng giám sát thi hành án dân sự trong thi hành án dân sự: Vai trò của đối tượng giám sát thi hành án dân sự*

trong việc tổ chức thi hành bản án, quyết định có ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Đối tượng nào có vai trò càng lớn trong quá trình tổ chức thi hành án, thì mức độ ảnh hưởng của đối tượng đó đối với hoạt động thi hành án dân sự càng nhiều, ngược lại, đối tượng nào có vai trò ít quan trọng hơn, thì sự ảnh hưởng của các hoạt động của những đối tượng này đối với quá trình thi hành án dân sự ít hơn. Chính vì vậy, vai trò càng lớn, mức độ giám sát càng cần phải cao để đảm bảo cho hoạt động của đối tượng giám sát được thực hiện đúng chuẩn mực, trình tự, thủ tục đã được quy định trong pháp luật, tránh được sự lạm dụng quyền lực, sự nhũng nhiễu và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự.

*Hai là, căn cứ vào mối quan hệ giữa chủ thể giám sát và đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự:* Thi hành án dân sự là một hoạt động đặc thù, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự có rất nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào việc thi hành án, đã làm xuất hiện nhiều mối quan hệ giữa Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan đó. Tùy thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức này mà sự tham gia của họ vào quá trình thi hành án dân sự, cũng như mối quan hệ giữa họ với Cơ quan Thi hành án dân sự ở các mức độ khác nhau. Do đó, việc xác định đối tượng của giám sát thi hành án dân sự cũng rất khó khăn và chỉ mang tính tương đối. Như đã trình bày ở trên, trong nhiều trường hợp một cơ quan, tổ chức nào đó có thể vừa là chủ thể giám sát, nhưng đồng thời lại vừa là đối tượng giám sát và điều này được xác định tùy thuộc vào các mối quan hệ cụ thể giữa đối tượng giám sát và chủ thể giám sát thi hành án dân sự.

*Ba là, căn cứ vào các quy định của pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan tổ chức trong quá trình thi hành án dân sự:* Các quy định của pháp luật là sự thể chế hóa và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức trong quá trình thi hành án dân sự. Căn cứ vào các quy định của pháp luật để xác định vị trí, vai trò, quan

hệ của từng cơ quan tổ chức khi tham gia vào quá trình thi hành án dân sự, từ đó xác định đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

Tóm lại, căn cứ vào tính chất của hoạt động thi hành án dân sự, hoạt động giám sát thi hành án dân sự; căn cứ vào vai trò của đối tượng tiến hành các hoạt động thi hành án và tham gia vào quá trình thi hành án dân sự và mối quan hệ giữa chủ thể giám sát thi hành án dân sự với đối tượng cần kiểm tra, theo dõi, tác động trong quá trình thi hành án dân sự; các quy định của pháp luật có liên quan để xác định đối tượng giám sát thi hành án dân sự cơ bản sau đây:

- *Cơ quan Thi hành án dân sự*: Theo quy định của pháp luật Cơ quan Thi hành án dân sự - cơ quan được Nhà nước giao cho nhiệm vụ tổ chức thi hành án dân sự bao gồm: Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Cục Thi hành án dân sự); Chi cục Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Chi cục Thi hành án dân sự); Phòng Thi hành án quân khu, quân chủng và tương đương (sau đây gọi chung là Phòng Thi hành án).

Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Phòng thi hành án chịu trách nhiệm tổ chức thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài Thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh; giải quyết khiếu nại về thi hành án; tổng kết thực tiễn thi hành án dân sự, thực hiện chế độ báo cáo thống kê thi hành án.... Ngoài ra, Cục Thi hành án dân sự còn chỉ đạo hoạt động thi hành án dân sự đối với Chi cục Thi hành án dân sự; hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án dân sự cho chấp hành viên, công chức khác của các Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương trên địa bàn.

Như vậy, Cơ quan Thi hành án dân sự là trung tâm của hoạt động thi hành án dân sự, chịu trách nhiệm chính về việc lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thi hành án dân sự. Do đó, hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự có ảnh hưởng lớn đến quyền, lợi ích của các bên đương sự, nên Cơ quan Thi hành án dân sự phải chịu sự giám sát của chủ thể giám sát thi hành án dân sự và trở thành đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

- *Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự*: Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự là người lãnh đạo cao nhất của Cơ quan Thi hành án dân sự, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự có nhiệm vụ, quyền hạn: Ra các quyết định về thi hành án; phân công chấp hành viên tổ chức thi hành án; hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo, kiểm tra công tác thi hành án đối với chấp hành viên hoặc Cơ quan Thi hành án dân sự cấp dưới theo quy định của pháp luật; đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân phối hợp trong việc tổ chức thi hành án; yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích bằng văn bản những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định đó để thi hành; kiến nghị với người có thẩm quyền xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nếu có căn cứ cho thấy có vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án hoặc phát hiện có tình tiết mới; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án và trả lời kháng nghị về thi hành án theo thẩm quyền; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm; báo cáo công tác thi hành án dân sự trước Cơ quan quản lý thi hành án dân sự và Cơ quan Thi hành án dân sự cấp trên, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm tổ chức thi hành án. Trong quá trình tổ chức thi hành án, chấp hành viên có nhiệm vụ, quyền hạn: Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định dân sự; áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; triệu tập đương sự, người có liên quan đến trụ sở Cơ quan Thi hành án dân sự hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành án để thực hiện việc thi hành án; giải thích, thuyết phục các đương sự tự nguyện thi hành án; ấn định thời hạn để người phải thi hành án tự nguyện thi hành án; xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của đương sự; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài

liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan hữu quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác có liên quan đến việc thi hành án; quyết định áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự quy định của Luật Thi hành án dân sự để bảo đảm thi hành án; lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành án dân sự; quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm.

Qua các quy định trên có thể thấy rằng hầu hết các hoạt động của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự đều trực tiếp liên quan đến quyền lợi của người được thi hành án, người phải thi hành án và có tác động quyết định đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung của bản án, quyết định. Đồng thời, hoạt động của chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự còn có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ trật tự pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nếu như hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự là trung tâm của thi hành án dân sự, thì có thể nói hoạt động của chấp hành viên là hạt nhân, vì hoạt động của chấp hành viên tạo lên sức mạnh, uy tín của Cơ quan Thi hành án dân sự. Cơ quan Thi hành án dân sự mạnh hay yếu, hoạt động có hiệu quả hay không có hiệu quả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và của Nhà nước đến mức độ nào phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của chấp hành viên. Chính vì vậy, hoạt động của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự cũng cần được đặt dưới sự giám sát của các chủ thể có quyền giám sát trong thi hành án dân sự và trở thành đối tượng giám sát quan trọng nhất trong giám sát thi hành án dân sự.

- *Các cơ quan tiến hành tố tụng*: Trước hết là Viện Kiểm sát nhân dân Theo quy định Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong phạm



vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án, nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật.

Để thực hiện được chức năng của mình, pháp luật quy định cho Viện Kiểm sát nhân dân những quyền hạn nhất định (quyền được rút hồ sơ thi hành án để kiểm sát hoạt động thi hành án; kiểm sát trực tiếp quá trình thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, yêu cầu hoãn việc thi hành án, kháng nghị, kiến nghị đối với việc thi hành án dân sự...), khi thực hiện những quyền năng này, Viện Kiểm sát đã tác động trực tiếp đến quá trình thi hành án. Như vậy, khi thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự, thì ngoài việc trở thành chủ thể giám sát thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân với tư cách là người thực hiện quyền lực nhà nước và đảm bảo cho quyền lực nhà nước được thực hiện, cũng trở thành đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

Đối với Tòa án nhân dân, theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án có nhiều hoạt động có ảnh hưởng đến tiến trình thi hành án dân sự. Ví dụ: sau khi tuyên án, Tòa án phải cấp cho đương sự bản án có ghi chữ "để thi hành" và giải thích cho đương sự về quyền làm đơn yêu cầu thi hành án. Nếu như Tòa án, không thực hiện, thì rất có thể đương sự sẽ không được biết về quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, từ đó khó có thể yêu cầu thi hành án được kịp thời, thậm chí có trường hợp còn để hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Hoặc theo quy định của pháp luật, thì Tòa án phải chuyển giao đầy đủ bản sao bản án, cùng các tang vật, tài sản cho Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, nhưng nếu Tòa án không chuyển giao kịp thời sẽ gây cản trở cho Cơ quan Thi hành án dân sự trong việc chủ động ra quyết định thi hành án đối với những khoản Cơ quan Thi hành án dân sự phải chủ động thi hành...

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, Tòa án còn có quyền yêu cầu hoãn, kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án... nếu việc thực hiện các quyền này bị Tòa án lạm dụng, thì sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án.

Cũng như Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình có rất nhiều hoạt động liên quan đến thi hành án dân sự và có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thi hành án dân sự, kể cả hoạt động xét xử của Tòa án. Vì vậy, hoạt động của Tòa án nhân dân có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự cũng cần đặt dưới sự giám sát của Chủ thể giám sát thi hành án dân sự và trở thành đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự.

- *Các đối tượng khác:* Theo quy định của Hiến pháp, pháp luật về thi hành án dân sự về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân trong việc thi hành án, thì cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và công dân phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ yêu cầu của chấp hành viên trong việc thi hành án; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án ở địa phương; Tư lệnh Quân khu và tương đương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức phối hợp các cơ quan hữu quan trong việc thi hành án trên địa bàn Quân khu và tương đương; Cơ quan Công an có nhiệm vụ giữ gìn trật tự, kịp thời ngăn chặn những hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án. Trong trường hợp cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án, thì Cơ quan Công an và các cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ phối hợp thực hiện theo yêu cầu của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự hoặc chấp hành viên.

Như vậy, có thể thấy ở giác độ này hay giác độ khác, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự mà vai trò của họ được thể hiện trong quá trình thi hành án dân sự là nhiều hay ít và ở mức độ này hay mức độ khác, đều có thể

là đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, phạm vi của luận án này chỉ đề cập đến một số đối tượng giám sát thi hành án dân sự chính nêu trên.

Ngoài ra, thì bản thân người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan cũng có trách nhiệm phải thực hiện nghiêm chỉnh nội dung quyết định của bản án án, quyết định của Tòa án và quyết định thi hành án, các quyết định khác của Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên để đảm bảo cho bản án được thi đúng pháp luật, đạt hiệu quả cao. Nếu xem xét về trách nhiệm của họ đối với thi hành án dân sự, thì họ cũng phải là đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, với tư cách họ là những người có quyền, nghĩa vụ chịu sự tác động trực tiếp của hoạt động thi hành án dân sự và là đối tượng chính cần được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp trong thi hành án dân sự, nên luận án không xem xét họ với tư cách là đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

#### **2.4. Nội dung của giám sát thi hành án dân sự**

Nội dung của giám sát thi hành án dân sự bao gồm những việc mà các chủ thể giám sát thi hành án dân sự, đối tượng giám sát thi hành án dân sự cần làm, được làm, không được phép làm và mối quan hệ giữa chủ thể giám sát thi hành án dân sự với đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Nói cách khác, nội dung giám sát thi hành án dân sự chính là những quyền và nghĩa vụ pháp lý và mối quan hệ giữa chủ thể giám sát với đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Nội dung của giám sát thi hành án dân sự bao gồm:

##### ***2.4.1. Theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp đối với hoạt động của đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự***

Xét trong mối quan hệ thi hành án dân sự, ngoài hai bên đương sự - người được thi hành án, người phải thi hành là những người có quyền, nghĩa vụ theo phán quyết của Tòa án, Cơ quan Thi hành án là người có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ nếu các bên đương sự không tự nguyện thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Như vậy, khác với quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động nhằm

chứng minh sự thật khách quan, trả lại công bằng, công lý về “danh nghĩa” cho các bên đương sự, thì quá trình thi hành án dân sự, các Cơ quan Thi hành án dân sự có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đã được xác định trong nội dung bản án, quyết định nhằm chuyển hóa công bằng, công lý trên “danh nghĩa” thành công bằng, công lý trong thực tế.

Để thực hiện nhiệm vụ này, Cơ quan Thi hành án được nhà nước trao cho những quyền năng phù hợp để tác động tới các bên đương sự nhằm thúc đẩy họ thực hiện các quyền, nghĩa vụ đã được xác định trong nội dung bản án, quyết định. Tuy nhiên, để hạn chế sự lạm quyền trong khi tổ chức thi hành án, bên cạnh việc trao quyền năng cho Cơ quan Thi hành án dân sự, Nhà nước cũng xác định trách nhiệm của Cơ quan Thi hành án dân sự nhằm giới hạn và ngăn cản những hành vi vượt quá khuôn khổ của quyền năng đã cho phép. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ, Nhà nước đã thể chế hóa các quyền năng và những hạn chế thành các quyền và nghĩa vụ của Cơ quan Thi hành án dân sự và quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Trên hành lang pháp lý đã được xác định, chấp hành viên, Cơ quan Thi hành án tiến hành các hoạt động đưa bản án, quyết định ra thi hành để khôi phục lại tình trạng ban đầu của các quan hệ xã hội đã bị xâm hại hoặc khôi phục lại những tổn thương về mặt lợi ích, tinh thần do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

Để thực hiện việc này, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên sử dụng nhiều biện pháp khác nhau từ giáo dục, thuyết phục để các bên tự nguyện thi hành đến việc sử dụng các biện pháp mạnh như: biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án để tác động đến người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan để buộc họ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Chính vì vậy, hoạt động thi hành án dân sự tác động mạnh đến quyền, lợi ích về tài sản và nhân thân của người phải thi hành án, trong đó có nhiều trường hợp thi hành án dân sự làm thay đổi cuộc sống của người phải thi hành án và gia đình họ. Do đó, hoạt động thi hành án dân

sự phải tuân theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ, từ khi nhận bản sao bản án, quyết định của Tòa án, đơn yêu cầu thi hành án; ra quyết định thi hành án; thụ lý; giáo dục thuyết phục; cưỡng chế thi hành án cho đến khâu cuối cùng là kết thúc việc thi hành án, đưa hồ sơ vụ án vào lưu trữ. Toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án dân sự, hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên được biểu hiện ra ngoài thông qua các quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên.

Mặt khác, mặc dù Cơ quan Thi hành án dân sự, trực tiếp là chấp hành viên - người được Nhà nước giao trách nhiệm tổ chức thi hành án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thi hành án. Tuy nhiên, như trên đã trình bày, hoạt động thi hành án dân sự có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt do tính phức tạp của thi hành án dân sự mà trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự phải huy động tổng hợp sức mạnh của nhiều cơ quan trong hệ thống chính trị để đảm bảo cho việc thi hành án được thống nhất, thuận lợi và thông suốt. Việc huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị vào thi hành án dân sự được thực hiện dựa trên cơ sở của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên và bản thân các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Trên cơ sở các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu của chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức và cá nhân hữu quan sẽ tham gia vào quá trình thi hành án dân sự bằng các hoạt động cụ thể. Các hoạt động này được biểu hiện thông qua các quyết định của những người đại diện có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đó khi tham gia vào những vụ việc cụ thể. Do vậy, trong giám sát thi hành án dân sự, chủ thể giám sát theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của đối tượng giám sát thông qua việc theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý đối với các quyết định, hành vi của Thủ trưởng, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự, Kiểm sát viên, Thẩm phán và những đối tượng khác có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự. Cụ thể:

*Một là, các quyết định và hành vi của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự:* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện các hành vi và ban hành: Quyết định thi hành án; quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án; quyết định ủy thác thi hành án; quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành án; quyết định đình chỉ thi hành án dân sự; quyết định tiếp tục thi hành án; quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án (theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 quy định này đã bị bãi bỏ); quyết định bác đơn khôi phục thời hiệu thi hành án hoặc quyết định cho khôi phục thời hiệu thi hành án; quyết định áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự; quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản; quyết định tiêu hủy vật chứng tài sản; quyết định công nhận việc người được thi hành án nhận quyền sử dụng đất đã kê biên để trừ vào tiền thi hành án; quyết định kết thúc việc thi hành án; quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận tố cáo của đương sự về thi hành án dân sự....

Để làm căn cứ cho việc tổ chức thi hành án, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cần phải ban hành hoặc không được ban hành các quyết định nêu trên khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Ví dụ: phải ban hành quyết định thi hành án dân sự khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài Thương mại, của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh (đối với trường hợp chủ động ra quyết định thi hành án), khi nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu thi hành án), không được ban hành quyết định hoãn thi hành án dân sự khi không có căn cứ hoãn thi hành án dân sự... Đồng thời, khi ban hành các quyết định, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cần phải tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục, điều kiện và yêu cầu về nội dung, hình thức của mỗi loại quyết định.

Khi giám sát, các chủ thể giám sát căn cứ các quy định của pháp luật có

liên quan đến thẩm quyền, nội dung, hình thức, điều kiện, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định nêu trên để xác định tính hợp pháp của các quyết định mà Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự đã ban hành.

*Hai là, quyết định và hành vi của chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự:* Chấp hành viên là người chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của Trọng tài Thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Để tổ chức thi hành án, chấp hành viên ra các quyết định và thực hiện những hành vi như: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định giải tỏa việc phong tỏa, kê biên tài sản; quyết định áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án (quyết định cưỡng chế giao vật, tài sản; quyết định cưỡng chế giao nhà; quyết định cưỡng chế giao quyền sử dụng đất; quyết định cưỡng chế buộc phải làm công việc...).

Các hành vi của chấp hành viên trong thi hành án dân sự bao gồm toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của chấp hành viên trên cơ sở các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan để tổ chức thi hành án như: thực hiện việc tổng đạt, thông báo về thi hành án dân sự; xác minh điều kiện thi hành án dân sự; lập các loại biên bản trong thi hành án dân sự; giáo dục, thuyết phục người phải hành án tự nguyện thi hành án; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản của người phải thi hành án. Trình tự, thủ tục, các điều kiện để tiến hành những hoạt động này được quy định chặt chẽ và đòi hỏi chấp hành viên phải nghiêm chỉ chấp hành. Hoạt động giám sát nhằm đảm bảo cho hoạt động của chấp hành viên trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi lạm quyền trong thi hành án dân sự.

*Ba là, quyết định của Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân:* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, khi thực hiện chức năng kiểm sát đối với hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định kháng nghị đối với các quyết định của Thủ

trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên. Để thực hiện chức năng kiểm sát đối với hoạt động thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ, quyền hạn: Yêu cầu Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án ra quyết định thi hành án đúng quy định của pháp luật; tự kiểm tra việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện Kiểm sát nhân dân; thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án; trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành án; kháng nghị với Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trong việc thi hành án; yêu cầu đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án dân sự; nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và các Bộ luật, luật về tố tụng (Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính...) thì trong quá trình tố tụng, Viện Kiểm sát nhân dân khi thực hiện thẩm quyền tố tụng, còn có quyền yêu cầu hoãn thi hành án để xem xét việc kháng nghị và có quyền kháng nghị, tạm đình chỉ thi hành án trong thời gian xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định. Do đó, có thể thấy hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân trong quá trình thi hành án dân sự liên quan đến hai nội dung hoàn toàn khác nhau, nhưng đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thi hành án dân sự, cụ thể:

Các hoạt động nhằm thực hiện quyền của cơ quan Kiểm sát trong tố tụng



như: yêu cầu hoãn để có thời gian xem xét việc kháng nghị đối với bản án, quyết định; kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án để đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm; kiểm sát việc trả lời của Tòa án nhân dân đối với các yêu cầu của cơ quan Thi hành án về việc giải thích, đính chính bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót...

Hoạt động nhằm kiểm sát tính hợp pháp trong hoạt động của các Cơ quan Thi hành án dân sự như: kiểm sát việc ra quyết định thi hành án; việc thông báo thi hành án; việc giáo dục, thuyết phục thi hành án; việc áp dụng các quy định của pháp luật thi hành án dân sự về cưỡng chế thi hành án và việc áp dụng các trình tự, thủ tục khác trong thi hành án dân sự; kiểm sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi hành án của Tòa án, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Quá trình thực hiện quyền năng của mình, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên ban hành các văn bản yêu cầu hoãn thi hành án; kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án đối với nội dung thứ nhất; ban hành các kiến nghị, kháng nghị đối với hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên và các tổ chức cá nhân khác trong thi hành án dân sự khi phát hiện các hành vi của họ không phù hợp các quy định của pháp luật và gây thiệt hại tới quyền, lợi ích người được thi hành án, người phải thi hành án; quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước hoặc những hành vi trực tiếp đe dọa đến trật tự, an toàn xã hội.

Khi thực hiện các hoạt động này, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trực tiếp tác động tới quá trình thi hành án, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động bình thường của Cơ quan Thi hành án dân sự, gián tiếp gây ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức và công dân. Do đó, các hành vi này cần phải đảm bảo tính chuẩn mực và hợp pháp, nên cần phải được đặt dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền giám sát.

*Bốn là, quyết định và hành vi của Tòa án nhân dân và người có thẩm quyền trong thi hành án dân sự:* Để bản án, quyết định có hiệu lực trên thực tế, đòi hỏi các quyền, nghĩa vụ trong nội dung bản án, quyết định phải được

ng nghiêm chỉnh chấp hành. Để thực hiện được điều này, đòi hỏi người được thi hành án, người phải thi hành án bằng hành vi tích cực của mình để tự nguyện thi hành án. Tuy nhiên, trên thực tế, người phải thi hành án dân sự rất ít tự nguyện thi hành, nhất là trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam hiện nay, khi mà ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp hành bản án, quyết định, thì người có quyền, nghĩa vụ đều có quyền “cậy nhờ” đến cơ quan có thẩm quyền để thi hành. Do đó, pháp luật quy định người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án đưa bản án, quyết định ra thi hành. Để tạo điều kiện cho công dân thực hiện điều này, đòi hỏi Tòa án phải có trách nhiệm trong việc cấp bản án, quyết định và giải thích các quyền, nghĩa vụ cho người được thi hành án, người phải thi hành án. Mặt khác, trong bản án, quyết định ngoài nghĩa vụ giữa cá nhân, cơ quan, tổ chức với cá nhân, cơ quan, tổ chức còn có nghĩa vụ giữa cá nhân, cơ quan, tổ chức với Nhà nước trong việc thi hành các khoản thu nộp án, phí, tiền phạt, truy thu lợi bất chính... . Trong tình huống này, Nhà nước – người được thi hành án để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hồi các khoản tiền, tài sản mà ngân sách nhà nước được hưởng đã ủy quyền cho Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án, nên Nhà nước đã tạo ra cơ chế để gắn trách nhiệm của Tòa án trong việc chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan Thi hành án để thi hành. Bên cạnh đó, kết quả của quá trình tố tụng và giải quyết tranh chấp – bản án, quyết định là “nguyên liệu đầu vào” của quá trình thi hành án dân sự cũng là sản phẩm của ý chí, gắn với quá trình áp dụng pháp luật, nên cũng có thể có sai sót. Do đó, để tạo cơ hội cho Tòa án, cơ quan giải quyết tranh chấp khắc phục những thiếu sót, Nhà nước đã xây dựng cơ chế để Tòa án thực hiện điều này. Những nội dung này đều được thể chế hóa trong pháp luật về thi hành án dân sự; luật về tố tụng. Theo đó, Tòa án nhân dân có trách nhiệm chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan Thi hành án dân sự; được quyền yêu cầu hoãn thi hành án, quyền tạm đình chỉ thi hành án; có trách nhiệm trả lời các kiến nghị, hay đề nghị giải

thích bản án, quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự; xem xét việc miễn, giảm đối với khoản án phí tiền phạt... . Do đó, cũng tương tự như hoạt động của Viện Kiểm sát, các hoạt động của Tòa án nhân dân cũng có tác động lớn tới tiến độ thi hành án, nên cũng cần được đặt dưới sự giám sát của các chủ thể giám sát. Nội dung giám sát đối với các quyết định của Tòa án bao gồm: Việc chấp hành các quy định của pháp luật thi hành án dân sự về thời hạn và thủ tục chuyển giao bản sao bản án, quyết định, bản sao biên bản kê biên, tạm giữ tài sản, tang vật, chuyển giao tài sản tang vật; việc cấp bản sao bản án, quyết định cho các đương sự; việc yêu cầu hoãn thi hành án; việc kháng nghị, tạm đình chỉ thi hành án; việc trả lời văn bản yêu đính chính, giải thích bản án, quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự; trả lời kiến nghị của Cơ quan Thi hành án dân sự về xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với bản án, quyết định có căn cứ kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm; việc xem xét và quyết định miễn, giảm thi hành án đối với các khoản án phí, tiền phạt; thụ lý và giải quyết yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; yêu cầu của chấp hành viên về việc phân chia tài sản để thi hành án hoặc giải quyết các tranh chấp có liên quan đến tài sản kê biên để thi hành án.

#### ***2.4.2. Đề nghị, yêu cầu đối tượng giám sát xem xét lại tính hợp pháp và điều chỉnh các hành vi, quyết định có vi phạm***

Mục tiêu của giám sát thi hành án dân sự là đảm bảo cho hoạt động của đối tượng bị giám sát trong thi hành án dân sự được thực thi đúng các quy định của pháp luật, hạn chế và ngăn chặn các hành vi lạm quyền hoặc không thực hiện đúng chức trách, quyền hạn gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và Nhà nước. Do đó, quá trình theo dõi hoạt động của đối tượng giám sát, trên cơ sở nội dung giám sát cụ thể, chủ thể giám sát luôn căn cứ vào các tiêu chuẩn của chân lý và các quy phạm pháp luật cụ thể để đánh giá xem hoạt động của đối tượng giám sát có phù hợp hay không phù hợp. Trường hợp hoạt động của đối tượng giám sát phù hợp với

các quy định của pháp luật, chủ thể giám sát tùy thuộc từng trường hợp cụ thể để có sự tác động nhằm thúc đẩy quá trình thi hành án hoặc có những tác động nhằm làm gia tăng hiệu quả của hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong trường hợp ngược lại, chủ thể giám sát phát hiện hành vi, quyết định của đối tượng giám sát không phù hợp với các quy định của pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc Nhà nước, thì các chủ thể giám sát ngay lập tức cần phải đưa ra các quyết định phù hợp để ngăn chặn và yêu cầu khắc phục các hành vi, quyết định vi phạm đó. Trong các tình huống khác nhau, các quyết định của chủ thể giám sát được thể hiện dưới các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể giám sát và mối quan hệ pháp lý giữa chủ thể giám sát với đối tượng giám sát và được thể hiện dưới các cấp độ sau:

*Một là*, kiến nghị với người đã ban hành quyết định hoặc có hành vi vi phạm pháp luật tự xem xét lại và điều chỉnh quyết định, hành vi của mình cho phù hợp; kiến nghị với người quan có thẩm quyền để xem xét tính hợp pháp của quyết định, hành vi do đối tượng giám sát đã ban hành hoặc thực hiện được cho là vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật để điều chỉnh cho phù hợp với các chuẩn mực, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật.

*Hai là*, yêu cầu người đã ban hành quyết định hoặc có hành vi vi phạm pháp luật phải chấm dứt hành vi vi phạm đó, đồng thời thu hồi, sửa đổi, hủy bỏ quyết định hoặc điều chỉnh hành vi cho phù hợp với quy định của pháp luật; thu hồi, sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định vi phạm pháp luật hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và Nhà nước.

*Ba là*, kháng nghị đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát, đồng thời yêu cầu người đã ban hành quyết định hoặc có hành vi vi phạm pháp luật phải thu hồi, hủy bỏ, cải sửa các quyết định đã ban hành hoặc hành vi đã thực hiện nhằm đảm bảo tính hợp pháp của quyết định, hành vi đó.

**2.4.3. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét tính hợp lý, hợp pháp đối với các hành vi và quyết định của đối tượng giám sát và xem xét lại các chế độ, chính sách, quyết định trong quản lý thi hành án dân sự**

Hoạt động giám sát thi hành án dân sự không chỉ dừng lại ở việc theo dõi tính hợp pháp của các quyết định, hành vi của đối tượng giám sát; kiến nghị, yêu cầu thu hồi, sửa đổi, hủy bỏ hoặc điều chỉnh các quyết định, hành vi của đối tượng giám sát, giám sát thi hành án dân sự còn nhằm phát hiện các bất cập trong các chủ trương, đường lối, chính sách về thi hành án dân sự, từ đó kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tạo lập hành lang pháp lý chuẩn mực, có tính khả thi giúp đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Nội dung của hoạt động này chủ yếu hướng tới các cơ quan quản lý thi hành án dân sự; cơ quan có thẩm quyền ban hành các chủ trương, đường lối, chính sách và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự.

Công tác thi hành án dân sự bao gồm hai hoạt động đó là hoạt động quản lý thi hành án dân sự và hoạt động thi hành án dân sự. Trong đó hoạt động thi hành án dân sự là hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, mà hạt nhân là chấp hành viên thi hành án dân sự để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo nội dung bản án, quyết định. Hoạt động quản lý là hoạt động của các cơ quan được giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự. Để thực hiện quản lý, ngoài các hoạt động mang tính chất chỉ đạo, điều hành; thanh tra, kiểm tra, các cơ quan nhà nước còn ban hành các quyết định quản lý thông qua các quyết định cá biệt nhằm giải quyết các vụ việc cụ thể, hoặc ban hành các văn bản mang tính quy phạm nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt tổ chức thi hành bản án, quyết định của các Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên. Quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự có trách nhiệm kiểm tra, điều chỉnh định hướng cho hoạt động

của Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành việc nằm trong hành lang pháp lý đã được xây dựng. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, thì các cơ quan quản lý có quyền tác động để buộc các Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên phải thực hiện đúng. Do đó, nếu quá trình giám sát, nếu phát hiện các hành vi vi phạm, cơ quan giám sát có quyền kiến nghị, đề nghị, yêu cầu Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự có biện pháp xử lý.

Bên cạnh đó, để tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của các Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, các Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự tiến hành xây dựng và ban hành các quy phạm pháp luật để xây dựng các thiết chế, thể chế cho hoạt động thi hành án dân sự. Như vậy, có thể nói các chủ trương, đường lối, chính sách, các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự đều là sản phẩm xuất phát từ ý chí của Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự, thông qua hoạt động lý luận, tổng kết thực tiễn và dự liệu tình huống để xây dựng. Do đó, các quy định này về nguyên tắc có thể đúng, có thể sai; có thể phản ánh đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời các sự kiện có thể xảy ra trong thực tiễn, nhưng cũng có thể chưa đúng, chưa chính xác, thậm chí là sai lệch, gây cản trở quá trình thi hành án dân sự. Thông qua hoạt động giám sát, các chủ thể giám sát trên cơ sở vận dụng các quy định này trong thực tiễn nếu phát hiện các sai sót, bất cập sẽ kiến nghị, đề nghị, yêu cầu các Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, nhằm tháo gỡ khó khăn cho quá trình quản lý và tổ chức thi hành án.

Ngoài ra, để thi hành các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, các cơ quan quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự còn ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hướng dẫn triển khai thi hành Luật, Nghị quyết trên thực tế. Để đảm bảo cho các văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, không trái với các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, các chủ thể giám sát đối chiếu, so sánh với Luật, Nghị quyết của Quốc hội để xem xét tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản đó. Bên cạnh đó, thông qua quá trình giám sát đối với văn bản quy phạm pháp

luật, chủ thể cũng tiến hành xem xét tiến độ, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị quyết của Quốc hội có đáp ứng được các yêu cầu đặt ra hay không để có biện pháp xử lý phù hợp.

## **2.5. Hình thức, phương thức giám sát thi hành án dân sự**

Hình thức, phương thức giám sát là các biện pháp, cách làm mà chủ thể giám sát sử dụng để giám sát hoạt động của đối tượng giám sát, nhằm đạt được mục đích đã đặt ra đối với từng chủ thể giám sát trong thi hành án dân sự, từ đó tác động đến đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Có rất nhiều hình thức, phương thức giám sát khác nhau, tùy thuộc vào mục đích, vị trí, vai trò và chức năng của mỗi chủ thể giám sát hoặc dựa trên các tiêu chí khác nhau để phân loại.

### ***2.5.1. Hình thức giám sát thi hành án dân sự***

Về lý thuyết, hiện tại có hai hình thức giám sát được sử dụng trong giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước đó là hình thức giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp.

*Thứ nhất, giám sát trực tiếp.* Đây là hình thức mà các chủ thể giám sát trực tiếp theo dõi, kiểm tra hoạt động của đối tượng giám sát và có thể tác động trực tiếp đến hoạt động của đối tượng giám sát. Khi thực hiện hình thức giám sát này, các chủ thể giám sát bằng các hoạt động của mình như: quan sát trực tiếp hành vi, quá trình ra quyết định về thi hành án dân sự của đối tượng bị giám sát; tham gia vào hoạt động và quá trình ra quyết định của đối tượng giám sát để quan sát, nắm bắt các thông tin cần thiết phục vụ cho nội dung giám sát hoặc thông qua hành vi của các đối tượng có liên quan để kiểm tra tính phù hợp trong các hành vi, quyết định của đối tượng giám sát; trực tiếp chất vấn, phỏng vấn đối tượng giám sát. Cụ thể:

- Quan sát hành vi của đối tượng giám sát. Hoạt động thi hành án dân sự được biểu hiện thông qua hành vi của đối tượng giám sát. Để đảm bảo cho quyền, lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức, và Nhà nước, các hành vi, này phải tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với chuẩn mực của đạo

đức và thực tiễn thi hành pháp luật. Do đó, khi quan sát hành vi của đối tượng giám sát, các chủ thể giám sát căn cứ các quy định của pháp luật các chuẩn mực đạo đức để xem xét, đánh giá mức độ phù hợp hay không phù hợp đối với hành vi của đối tượng giám sát.

Để quá trình quan sát đạt được hiệu quả, các chủ thể giám sát có thể công khai quan sát hoặc quan sát bí mật. Khi công khai quan sát, chủ thể giám sát công khai cho các đối tượng giám sát biết sự hiện diện của mình và các hoạt động sẽ được tiến hành để giám sát. Ngược lại, khi quan sát bí mật, các chủ thể giám sát sẽ không công khai sự hiện diện của mình trong các hoạt động của đối tượng giám sát. Tuy nhiên, để có thể đạt được kết quả tốt nhất, tùy thuộc vào từng loại chủ thể giám sát, đối tượng giám sát; mục đích giám sát, nội dung giám sát; thời điểm giám sát, hoàn cảnh giám sát khác nhau mà các chủ thể giám sát có thể quyết định việc lựa chọn cách quan sát bí mật hay công khai hoặc có thể kết hợp cả bí mật lẫn công khai.

Khi quan sát hành vi của đối tượng giám sát, chủ thể giám sát xem xét cả những hành vi được thực hiện bằng hành động (giao tiền, giao tài sản; giao, nhận các loại giấy tờ trong thi hành án dân sự...) và những hành vi được thực hiện bằng không hành động (không được thực hiện những hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho người được thi hành án, người phải thi hành án để trục lợi; không được thực hiện những hành vi pháp luật cấm không được làm như: cưỡng chế vào ngày lễ, ngày nghỉ; cưỡng chế vào ban đêm... mà không có lý do không chính đáng).

- Quan sát quá trình ra quyết định của đối tượng giám sát. Quá trình thi hành án dân sự, các đối tượng giám sát ngoài việc thực hiện các hành vi, còn ban hành các quyết định về thi hành án dân sự, ví dụ như: Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự ban hành quyết định thi hành án dân sự; chấp hành viên ban hành quyết định cưỡng chế thi hành án dân sự; người có thẩm quyền ban hành kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án dân sự... . Về nguyên tắc, các quyết định này khi được ban hành phải có những điều kiện bắt buộc và được



pháp luật quy định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng đối tượng, ví dụ: Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án; quyết định hoãn thi hành án... nhưng không có thẩm quyền ra quyết định kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án; người có thẩm quyền kháng nghị tạm đình chỉ thi hành án lại không có quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành án hay quyết định thi hành án... . Thậm chí bản thân Thủ trưởng Cơ quan thi hành án được quyền ra quyết định thi hành án nhưng không được quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc bảo đảm thi hành án, khi ra quyết định này Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án phải ra quyết định với tư cách là chấp hành viên.

Khi quan sát quá trình ra quyết định thi hành án của đối tượng giám sát, các chủ thể giám sát sẽ xem xét tính phù hợp của các yếu tố: căn cứ ra quyết định; thẩm quyền ra quyết định; trình tự ra quyết định; nội dung của quyết định; hình thức quyết định; trình tự thông báo, tổng đạt và phát hành quyết định. Để quan sát được, các chủ thể giám sát có thể xem xét các quyết định cụ thể đã được ban hành và các tài liệu có liên quan đã được các đối tượng giám sát sử dụng làm căn cứ cho việc ban hành quyết định.

- Trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự để giám sát hành vi, quyết định của đối tượng giám sát. Khi trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự, chủ thể giám sát tự mình tham gia vào các hoạt động của các đối tượng giám sát như: tham gia các hoạt động sơ kết, tổng kết của Cơ quan Thi hành án dân sự; tham gia các cuộc hội thảo, tọa đàm về thi hành án dân sự; tham gia vào quá trình giáo dục, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án; trực tiếp tham gia và chứng kiến việc cưỡng chế thi hành án dân sự; tham gia vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm của đối tượng giám sát.

- Chất vấn, phỏng vấn đối tượng giám sát. Trên thực tế, do đối tượng giám sát nhiều, nội dung đa dạng, phức tạp, do đó, các chủ thể giám sát không thể hoặc không có điều kiện để có thể quan sát hoặc trực tiếp tham gia vào

mọi hoạt động thi hành án dân sự. Do đó, để thu thập thông tin phục vụ cho giám sát, các chủ thể giám sát cũng có thể tiến hành thu thập thông tin bằng cách chất vấn, phỏng vấn về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.

*Thứ hai, giám sát gián tiếp:* là hình thức mà các chủ thể giám sát thi hành án dân sự thông qua hoạt động của người khác: người đại diện, cơ quan đại diện của mình hoặc thông qua hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để giám sát hoạt động của đối tượng giám sát. Khi sử dụng hình thức này, chủ thể giám sát không tiến hành giám sát trực tiếp hoạt động của đối tượng giám sát mà ủy quyền cho người đại diện hoặc thông qua hoạt động của các cơ quan chức năng được trao quyền để giám sát hoạt động của đối tượng giám sát. Để đảm bảo cho việc giám sát đạt hiệu quả cao, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các đối tượng giám sát, khi ủy quyền, trao quyền giám sát, các chủ thể giám sát định ra những quy định, những thể chế phù hợp với từng chủ thể được trao quyền để giám sát việc thực hiện ủy quyền đó. Trên thực tế, cũng như về mặt lý thuyết, hình thức giám sát gián tiếp thông thường được các chủ thể của quyền lực thực hiện, đó chính là nhân dân – người nắm trong tay toàn bộ quyền lực nhà nước, ủy quyền cho đại biểu của mình là Quốc hội, Đại biểu quốc hội; Hội đồng nhân dân, Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp thực hiện quyền giám sát đối với toàn bộ hoạt động nhà nước, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự.

Khi thực hiện giám sát gián tiếp, các chủ thể giám sát xem xét hoạt động của các cơ quan đã được ủy quyền tại các kỳ họp; phiên chất vấn; tiến hành giám sát trực tiếp; gửi câu hỏi chất vấn đến đối tượng giám sát và yêu cầu được trả lời về những vấn đề mình quan tâm.

Như vậy, có thể thấy rằng giữa giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tùy thuộc vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi chủ thể giám sát. Đồng thời, mỗi một hình thức giám sát khi nhìn nhận và tiến hành dưới các hoạt động khác nhau, khi kết hợp với các phương thức giám sát khác nhau đều có những ưu điểm, hạn chế nhất

định, nên trên thực tế, việc giám sát thường được tiến hành song song hoặc kết hợp với những liều lượng, mức độ khác nhau tùy thuộc và mục đích, nội dung, thẩm quyền của mỗi chủ thể giám sát.

Do đó, việc sử dụng hình thức giám sát trực tiếp hay gián tiếp hoàn toàn phụ thuộc vào vị trí, vai trò của chủ thể giám sát thi hành án dân sự trong hệ thống chính trị và việc sử dụng hình thức giám sát nào lại mang tính tương đối, không cứng nhắc. Một chủ thể có thể sử dụng nhiều hình thức giám sát thi hành án dân sự khác nhau. Ví dụ, nhân dân có thể thực hiện giám sát thi hành án dân sự bằng hình thức gián tiếp là thông qua cơ quan đại diện là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, nhưng cũng có thể thực hiện giám sát trực tiếp thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và Nhà nước.

#### ***2.5.2. Phương thức giám sát thi hành án dân sự***

Phương thức giám sát là cách thức các chủ thể giám sát tiến hành giám sát. Để thực hiện giám sát, chủ thể giám sát sử dụng nhiều phương thức khác nhau, tùy thuộc vào nội dung giám sát và yêu cầu của mỗi đợt giám sát, cũng như chức năng, nhiệm vụ của chủ thể giám sát. Căn cứ vào chức năng, quyền hạn của chủ thể giám sát thi hành án dân sự, có thể xác định có những phương thức giám sát sau:

*Một là, xét báo cáo, thẩm tra báo cáo về thi hành án dân sự:* Là việc các chủ thể giám sát xem xét báo cáo về hoạt động thi hành án dân sự. Thông qua thẩm tra, xét báo cáo về hoạt động thi hành án dân sự, chủ thể giám sát giám sát hoạt động của đối tượng giám sát trong việc tiến hành các hoạt động thi hành án dân sự như: việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật; việc tổ chức thi hành bản án, quyết định có hiệu lực thi hành; việc thi hành pháp luật trong thi hành án dân sự; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện chế độ, chính sách trong thi hành án dân sự. Khi xét

báo cáo, chủ thể giám sát yêu cầu đối tượng giám sát xây dựng báo cáo về thi hành án dân sự và các vấn đề có liên quan; trả lời các câu hỏi chất vấn liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự.

Phương thức xét, thẩm tra báo cáo thường được chủ thể giám sát là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tại các kỳ họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Tại kỳ họp, đối tượng giám sát trình bày báo cáo về hoạt động thi hành án dân sự trước Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Tuy nhiên, trước khi báo cáo được trình bày tại phiên họp toàn thể, Báo cáo cần được các cơ quan thường trực, cơ quan chuyên môn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thẩm tra.

Kết quả của việc xét, thẩm tra báo cáo là Quốc hội, Hội đồng nhân dân ban hành các Nghị quyết về thi hành án dân sự hoặc Nghị quyết chung về tình hình kinh tế xã hội... trong đó có hoạt động thi hành án dân sự. Căn cứ Nghị quyết về thi hành án dân sự, đối tượng giám sát thi hành án dân sự thực hiện và tiếp tục có báo cáo với Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp vào các kỳ họp tiếp theo.

*Hai là, xem xét văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự:* Là việc chủ thể giám sát xem xét việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng, các Bộ trưởng; văn bản pháp luật liên tịch giữa Bộ trưởng với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương về thi hành án dân sự. Khi thực hiện việc xem xét văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự, các chủ thể xem xét: tiến độ ban hành văn bản; thẩm quyền ban hành văn bản; việc tuân thủ trình tự thủ tục ban hành văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp; tính phù hợp thực tiễn và tính khả thi của văn bản; tác động của văn bản tới thi hành án dân sự nói riêng và đời sống xã hội nói chung. Khi sử dụng phương pháp này, các chủ thể giám sát căn cứ Luật, Nghị quyết của Quốc hội để xem xét những vấn đề, những nội dung Luật, Nghị quyết giao cho các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành

án dân sự đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành để đánh giá về các nội dung đã nêu trên.

Thông thường, giám sát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội. Quá trình giám sát, Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cung cấp danh mục và văn bản đã được ban hành; tổ chức các Đoàn giám sát theo chuyên đề về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự hoặc tổ chức các Đoàn giám sát chung, trong đó có nội dung về giám sát ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án dân sự. Tuy nhiên, việc giám sát này cũng có thể được thực hiện thông qua các cuộc khảo sát; các hội nghị, tọa đàm hoặc các cuộc giám sát khác về thi hành án dân sự.

*Ba là, tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề về thi hành án dân sự:* Là việc chủ thể giám sát tổ chức các Đoàn giám sát theo từng chuyên đề hoặc giám sát toàn diện đối với hoạt động giám sát theo kế hoạch giám sát hoặc qua giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của quần chúng nhân dân, thông qua phương tiện thông tin đại chúng phát hiện có vi phạm đến tận nơi xảy ra sự kiện để làm rõ. Phương thức giám sát này thông thường được Quốc hội, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan chuyên môn của Hội đồng nhân dân các cấp áp dụng. Khi tiến hành giám sát, Đoàn giám sát sẽ tiến hành chất vấn, hỏi và nghe giải trình; nghiên cứu hồ sơ, tài liệu; tổ chức xác minh hoặc làm việc với các cơ quan có liên quan để làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.

*Bốn là, chất vấn đối tượng giám sát:* Là phương thức mà chủ thể giám sát tiến hành chất vấn đối với đối tượng giám sát về những nội dung có liên quan đến hoạt động thi hành án mà Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cử tri quan tâm. Chất vấn có thể được thực hiện tại kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân hàng năm hoặc chất vấn giữa các kỳ họp. Chất vấn có thể được thực hiện trực tiếp thông qua hỏi đáp trực tiếp tại các phiên họp hoặc chất vấn bằng văn bản. Khi chất vấn, chủ thể giám sát nêu câu hỏi, đặt vấn đề, đối tượng giám

sát có trách nhiệm trả lời, giải trình. Do đó, chất vấn luôn đi đôi với giải trình và gắn với trách nhiệm giải trình của đối tượng giám sát.

*Năm là, cử thành viên đến cơ quan, tổ chức hữu quan để xem xét, xác minh:* Là phương thức mà chủ thể giám sát căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cử thành viên đến cơ quan của đối tượng giám sát hoặc các cơ quan có liên quan để xem xét, xác minh làm rõ các nội dung giám sát. Do đó, phương thức này thường được sử dụng trong các trường hợp chủ thể phát hiện được các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự thông qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc thông các nguồn tin khác như phản ánh, dư luận của nhân dân; các cơ quan thông tin, đại chúng hoặc thông qua chính quá trình giám sát đối với các đối tượng giám sát.

*Sáu là, tổ chức nghiên cứu, xử lý và xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân:* Đây là một trong những phương thức rất đặc thù trong hoạt động giám sát. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ hoạt động này với hoạt động giải quyết khiếu nại của các Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự là hoạt động trực tiếp giải quyết khiếu nại và đi vào các vấn đề về nội dung là chủ yếu. Trong giám sát thi hành án dân sự, việc nghiên cứu, xử lý khiếu nại, tố cáo chủ yếu tập trung vào việc đánh giá quá trình giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự của cơ quan có thẩm quyền, từ đó có những kiến nghị, yêu cầu điều chỉnh nếu phát hiện quá trình giải quyết khiếu nại của đối tượng giám sát không đúng thẩm quyền, không đảm bảo tính vô tư, khách quan và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và Nhà nước.

Phương thức này thường được các Ủy ban, các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân sử dụng khi giám sát thi hành án dân sự và Viện Kiểm sát nhân dân sử dụng khi tiến hành kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, nhất là kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự đối với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

*Bảy là, trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự:* Khi sử

dụng phương thức này, chủ thể giám sát trực tiếp tham gia quá trình thi hành án để thực hiện một số hành vi theo quy định của pháp luật, nhằm hỗ trợ và giám sát các hoạt động thi hành án dân sự, đồng thời thông qua đó đảm bảo tính đúng đắn trong hoạt động của đối tượng giám sát. Ví dụ người làm chứng tham gia làm chứng trong việc kê biên tài sản, hoặc cưỡng chế yêu cầu giao vật, tài sản cho người được thi hành án hoặc cho người mua đấu giá thành; Viện Kiểm sát cử Kiểm sát viên tham gia các Hội đồng do chấp hành viên làm Chủ tịch như: Hội đồng cưỡng chế; Hội đồng tiêu hủy tang vật, tài sản để giám sát hoạt động của chấp hành viên và các thành viên khác của Hội đồng....

*Tám là, kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, là hoạt động của Viện Kiểm sát trong kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự:* Quá trình kiểm sát, Viện Kiểm sát sử dụng hai phương thức chủ yếu đó là kiểm sát thông qua các văn bản theo quy định của pháp luật Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan hữu quan phải gửi cho Viện Kiểm sát hoặc thông qua quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát trực tiếp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thông qua việc mở các cuộc kiểm sát đột xuất hoặc các cuộc kiểm sát theo chương trình, kế hoạch tại Cơ quan Thi hành án dân sự.

*Chín là, gặp gỡ để thu thập thông tin:* Là phương thức mà các chủ thể giám sát cử thành viên hoặc tổ chức các Đoàn công tác để thu thập, nắm bắt thông tin về đối tượng giám sát. Đây là hoạt động thường xuyên của các chủ thể giám sát và được nhiều chủ thể giám sát tiến hành, trong đó điển hình là Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu quốc hội. Thông thường phương thức này được tiến hành thông qua hoạt động tiếp xúc (tiếp xúc cử tri) để nghe phản ánh, trao đổi của các cá nhân, tổ chức về hoạt động thi hành án dân sự. Từ đó xác định việc tiến hành các hoạt động tiếp theo nhằm giám sát thi hành án dân sự. Do đó, trong thực tiễn, phương thức này thường được sử dụng như một trong những biện pháp để thu thập thông tin, chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch giám sát hoặc chuẩn bị cho việc thực hiện các phương thức giám sát khác như: tổ chức Đoàn giám sát; chất vấn yêu cầu giải trình....

*Mười là, gửi đơn khiếu nại, tố cáo, thư phản ánh đến các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý các hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật trong hoạt động thi hành án dân sự. Phương thức này thường được cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thi hành án sử dụng nhằm phản ánh tới các Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự hoặc các cơ quan có liên quan khác như: Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội; Viện Kiểm sát nhân dân... để yêu cầu được giải quyết. Khi áp dụng phương thức này, chủ thể giám sát thường gửi đơn, bản yêu cầu hay kiến nghị tới các cơ quan để có biện pháp giải quyết.*



## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Tóm lại, qua phân tích về khái niệm, tính chất của thi hành án dân sự, các đặc trưng của thi hành án dân sự, vai trò của thi hành án dân sự; khái niệm về giám sát thi hành án dân sự, đặc trưng của giám sát thi hành án dân sự, chủ thể giám sát thi hành án dân sự, đối tượng giám sát thi hành án dân sự, nội dung, hình thức, phương thức giám sát thi hành án dân sự, vai trò của giám sát thi hành án dân sự đối với hoạt động thi hành án dân sự, luận án đã xây dựng khung lý thuyết cơ bản về giám sát thi hành án dân sự. Trong đó tiếp tục phân tích hoàn thiện được khái niệm về thi hành án dân sự và giám sát thi hành án dân sự:

*Thi hành án dân sự là việc các bên đương sự - cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng hành vi tích cực của mình tự nguyện chấp hành hoặc dưới sự tác động của Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện hành vi theo quy định của pháp luật để thi hành những phán quyết của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.*

*Giám sát thi hành án dân sự là quá trình theo dõi, quan sát, thường xuyên, liên tục của các chủ thể giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự của đối tượng giám sát, nhằm tổ chức thi hành có hiệu quả các bản án, quyết định có hiệu lực thi hành của Tòa án, Trọng tài Thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và các quyết định giải quyết tranh chấp khác.*

Do đó, giám sát thi hành án dân sự có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo thực thi quyền lực nhà nước và hạn chế các yếu kém, từ đó nâng cao kết quả, hiệu quả thi hành án dân sự.

### *Chương 3*

## **THỰC TRẠNG GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Kết quả giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành**

Giám sát thi hành án có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh pháp luật và chống lại sự lạm quyền trong hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, hoạt động giám sát thi hành án dân sự trong những năm vừa qua chưa thực sự được quan tâm đúng mức, chính vì vậy, giám sát thi hành án dân sự mặc dù đã được triển khai thực hiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hiệu quả của công tác thi hành án dân sự:

Về nghiên cứu đối với giám sát thi hành án dân sự. Như đã trình bày tại Chương 1, mặc dù có rất nhiều công trình nghiên cứu về thi hành án dân sự, giám sát, nhưng chưa có bất cứ một công trình hay một nghiên cứu nào của cơ quan có thẩm quyền chuyên sâu về công tác giám sát thi hành án dân sự;

Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giám sát thi hành án dân sự. Mặc dù Đảng, Nhà nước đã có một số Nghị quyết, văn bản đề cập đến việc tăng cường giám sát đối với hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự (Nghị quyết số 08/NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020), nhưng cho đến nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về giám sát thi hành án dân sự ngoài quy định tại Điều 12 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi năm 2014 được ban hành và một số quy định khác quy định về kiểm sát thi hành án dân sự trong các văn bản quy định về công tác kiểm sát như: Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân; Luật Thi hành án dân sự.

Theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự Việt Nam hiện hành, Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan nhà nước khác trong thi

hành án dân sự theo quy định của pháp luật. Viện Kiểm sát các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật (Điều 12 Luật Thi hành án dân sự năm 2008); đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình (Điều 140 Luật Thi hành án dân sự năm 2008). Tuy nhiên, những quy định này cũng mới chỉ dừng lại ở việc quy định mang tính nguyên tắc về sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện Kiểm sát các cấp trong việc giám sát, kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự.

Do đó, giám sát hoạt động thi hành án dân sự mặc dù đã được các cơ quan có thẩm quyền như Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Viện Kiểm sát nhân dân triển khai thực hiện, nhưng kết quả chưa được như mong muốn, số lượng cuộc giám sát chưa tương xứng yêu cầu nhiệm vụ, chất lượng giám sát còn hạn chế; chưa thu hút được sự tham gia giám sát mạnh mẽ của các chủ thể giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự, đặc biệt là sự giám sát của nhân dân – chủ thể quan trọng nhất của quyền lực nhà nước [chi tiết kết quả giám sát xem Phụ lục 2]. Bên cạnh đó, do chưa có những nghiên cứu chuyên sâu và những văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về giám sát thi hành án dân sự, nên trong quá trình giám sát thi hành án dân sự, các chủ thể giám sát cũng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, lúng túng trong việc xác định nội dung, lựa chọn hình thức, phương thức giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự, nên kết quả giám sát chưa thực sự phát huy được hiệu quả, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với công tác giám sát thi hành án dân sự trong tình hình mới.

### ***3.1.1. Giám sát của nhân dân (công dân)***

Với mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì

dân, đảm bảo thực sự quyền lực nhà nước là của nhân dân, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã tạo nhiều cơ chế, mở rộng dân chủ để nhân dân tham gia vào các hoạt động của Nhà nước. Hiến pháp năm 1992 đã khẳng định "Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức". Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Việc giám sát của nhân dân đối với hoạt động thi hành án là hình thức giám sát trực tiếp nhất thông qua các hành vi của công dân. Công dân thông qua quyền khiếu nại, tố cáo của mình và trực tiếp tham gia vào quá trình thi hành án để thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự.

Theo quy định của pháp luật, công dân giám sát thi hành án dân sự bằng cách trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đối với những hành vi vi phạm pháp luật của chấp hành viên, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự. Cụ thể:

*Thứ nhất, trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự:* Khi tham gia trực tiếp vào hoạt động thi hành án, công dân có thể tham gia với nhiều tư cách khác nhau và thực hiện nhiều công việc khác nhau trong quá trình thi hành án dân sự như: nhận các loại giấy báo thay cho người được thi hành án, khi các loại giấy báo không gửi trực tiếp đến được người phải thi hành án; tham gia với tư cách là người làm chứng khi chấp hành viên áp dụng các

biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự như: giao tài sản cho người mua đấu giá thành; tham gia bảo quản tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án. Khi trực tiếp tham gia vào các hoạt động thi hành án, công dân cũng có trách nhiệm tuân thủ mọi yêu cầu của chấp hành viên, người tham gia bảo quản tài sản phải chịu trách nhiệm về việc bảo đảm an toàn tài sản, phải thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo quản tài sản, giao và nhận tài sản bảo quản theo đúng quy trình. Khi trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự, công dân cũng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên đảm bảo quyền lợi của mình và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thi hành án, được quyền tham gia ý kiến và giám sát tính đúng đắn đối với các hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự.

*Thứ hai, thực hiện quyền tố cáo:* Để đảm bảo thực hiện quyền giám sát thi hành án dân sự, công dân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật và những tiêu cực và các hành vi khác của Cơ quan Thi hành án dân sự và các đối tượng khác có liên quan, khi các hành vi này gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và của bất kỳ công dân nào. Khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo có các quyền, nghĩa vụ như: Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình; yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo; yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù; trình bày trung thực về nội dung tố cáo; nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự, công dân có quyền theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp đối với các hoạt động của chấp hành viên, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan hữu quan; có quyền đề nghị chấp hành viên, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan hữu quan điều chỉnh lại các quyết định không đúng quy định của pháp luật, hoặc kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của các quyết định đó. Chấp hành viên, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành

án dân sự, những người có liên quan phải xem xét lại các hành vi, quyết định của mình. Người có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét các kiến nghị của công dân về thi hành án dân sự.

Tuy nhiên, với tư cách là một chủ thể độc lập, không liên quan đến việc thi hành án, thì giám sát của công dân trong thi hành án đã bị hạn chế một bước, bởi quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Theo quy định này, chỉ người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án mới được khiếu nại về thi hành án, còn người khác không có quyền khiếu nại về thi hành án dân sự.

Do đó, trên thực tiễn, khi giám sát thi hành án dân sự, công dân tham gia trực tiếp vào quá trình thi hành án với tư cách người nhận giấy báo thay, người làm chứng, người bảo quản tài sản, người mua đấu giá tài sản hoặc thực hiện quyền tố cáo đối với những hành vi vi phạm pháp luật của chấp hành viên, Thủ trưởng và công chức khác của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Xuất phát từ các quy định nêu trên, việc giám sát của nhân dân đối với thi hành án dân sự trên thực tiễn đã gặp phải những khó khăn bất cập, vì khi thực hiện quyền tố cáo, cá nhân công dân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung mình đã tố cáo. Trong khi đó, trong thi hành án dân sự, có nhiều hành vi của Thủ trưởng, chấp hành viên và công chức làm công tác thi hành án dân sự dù có vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức gây thiệt hại cho một cá nhân nào, nên không có căn cứ để tố cáo. Bên cạnh đó, mặc dù thi hành án dân sự có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức vào quá trình thi hành án, nhưng sự tham gia của nhân dân lại tương đối hạn chế. Với tư cách là nhân dân nói chung, không có liên quan đến hoạt động thi hành án, thì ngoài việc tham gia vào quá trình thi hành án dân sự trong vai trò của người làm chứng, người tham gia bảo quản tài sản theo yêu cầu của Cơ quan Thi hành án dân sự..., nhân dân hầu như không có sự chủ động tham ra vào hoạt động thi hành án dân sự, nên đã hạn chế quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự trong việc tổ chức thi hành án.

Sở dĩ có điều này, bởi lẽ hoạt động thi hành án là hoạt động mang tính chuyên môn, nghiệp vụ sâu, nên sự hiểu biết của công dân về thi hành án dân sự còn rất ít, trong khi việc tuyên truyền về pháp luật thi hành án lại chưa được thực hiện một cách thường xuyên và sâu rộng, mà chủ yếu tuyên truyền thông qua các hoạt động thực tiễn của bản thân Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên. Vì vậy, người dân ít được biết đến hoạt động thi hành án. Mặt khác, thi hành án dân sự trực tiếp tác động gây ảnh hưởng đến quyền lợi vật chất của các bên đương sự, nên người dân do ngại va chạm mà không dám trực tiếp tham gia vào quá trình thi hành án dân sự để giám sát việc thi hành án dân sự.

### ***3.1.2. Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp***

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân là giám sát của cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân.

*Thứ nhất, giám sát của Quốc hội:* Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, thì Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự và các đối tượng có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự như Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và một số cơ quan nhà nước ở Trung ương khác có liên quan. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao của mình tại kỳ họp Quốc hội trên cơ sở hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội.

Trong thi hành án dân sự, Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của các Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên thông qua báo cáo hàng năm của Chính phủ; xem xét trả lời chất vấn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân

dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về các vấn đề có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự, hoặc có thể thành lập Ủy ban lâm thời để xem xét các vấn đề có liên quan đến thi hành án dân sự. Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ, xem xét việc trả lời chất vấn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và những người có liên quan đến thi hành án dân sự trong thời gian Quốc hội không họp, xem xét và giải quyết các khiếu nại của công dân liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thành lập và tổ chức Đoàn giám sát đối với thi hành án dân sự.

Đại biểu Quốc hội giám sát thi hành án dân sự thông qua chất vấn Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Thủ trưởng các cơ quan hữu quan có liên quan đến công tác thi hành án dân sự; giám sát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động thi hành án và giám sát việc thi hành pháp luật về thi hành án dân sự ở địa phương; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Đại biểu Quốc hội tự mình tiến hành hoạt động giám sát hoặc tham gia hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội; tham gia Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tại địa phương khi có yêu cầu.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 57 Luật Tổ chức Quốc hội, thì Quốc hội thành lập các Ủy ban của Quốc hội và quy định cho các Ủy ban các quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể. Ủy ban Tư pháp được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có hoạt động thi hành án dân sự. Như vậy, theo quy định này, thì chỉ có Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tư pháp Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội mới là chủ thể giám sát thi hành án dân sự.

Khi thực hiện việc giám sát hoạt động thi hành án dân sự, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm bảo đảm công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát. Ủy ban Thường vụ Quốc hội;



các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm về quyết định, yêu cầu, kiến nghị giám sát của mình. Quốc hội xem xét, đánh giá và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước cử tri cả nước. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước Quốc hội. Đoàn đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm về hoạt động giám sát của mình; báo cáo về hoạt động giám sát của Đoàn và của các Đại biểu Quốc hội trong Đoàn với Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình trước cử tri tại địa phương.

*Thứ hai, giám sát của Hội đồng nhân dân:* Đối với Hội đồng nhân dân, theo quy định tại Điều 1 của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, thì Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, giám sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương, trong đó có thi hành án dân sự.

Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân được tiến hành thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Giám sát của Hội đồng nhân dân bao gồm: giám sát của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp; giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân; giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân và giám sát của Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Để giám sát thi hành án dân sự, Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo về thi hành án dân sự, thẩm tra các báo cáo thi hành án dân sự, chất vấn Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự về công tác thi hành án dân sự; thành lập Đoàn giám sát thi hành án dân sự; tổ chức nghiên cứu và giải quyết khiếu nại tố cáo thi hành án dân sự; cử thành viên xác minh, xem xét các vấn đề thuộc nhiệm vụ của các ban.

Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát do Hội đồng nhân dân giao, Đoàn giám sát có trách nhiệm: Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là bảy ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát; Mời đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận và yêu cầu đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan tham gia giám sát; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu này; Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát và thẩm quyền, trình tự, thủ tục giám sát theo quy định của pháp luật; không làm cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát; Trong trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xử lý người vi phạm nhằm khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị vi phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về yêu cầu, kiến nghị qua hoạt động giám sát của mình.

Như vậy, trên thực tế chủ thể giám sát thi hành án là Hội đồng nhân dân bao gồm Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân giám sát thi hành án dân sự thông qua các báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và thông qua hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân.

Thực hiện các quy định của Pháp luật nêu trên, kể từ năm 1993, khi thi hành án dân sự được chuyển giao sang cho Chính phủ quản lý, hàng năm tại các kỳ họp Quốc hội, Quốc hội đều tiến hành giám sát hoạt động thi hành án dân sự, thông qua xem xét báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự và chất vấn của đại biểu Quốc hội đối với Bộ trưởng Bộ Tư pháp về thi hành án dân sự. Thông qua giám sát thi hành án dân sự Quốc hội, đã kịp thời phát hiện ra những vấn đề bức xúc, tồn tại từ đó có những chủ trương lớn nhằm tháo gỡ những khó khăn cho công tác thi hành án dân sự. Ví dụ, thông

qua giám sát, Quốc hội đã phát hiện ra những bất cập trong tổ chức của Cơ quan Thi hành án dân sự và một số vấn đề liên quan đến chính sách thi hành án dân sự như giải quyết án tồn đọng do những điều kiện khách quan không thể thi hành được, từ đó Quốc hội đã nhiều lần tiến hành sửa đổi pháp luật về thi hành án dân sự như: Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 (có hiệu lực từ 01/7/2015) để kịp thời tháo gỡ những bất cập trong thi hành án dân sự.

Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân các cấp và các Đại biểu Hội đồng nhân dân cũng thường xuyên tiến hành giám sát đối với thi hành án dân sự thông qua các báo của Sở Tư pháp (từ năm 2009 trở về trước) đối với thi hành án dân sự. Giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu của Hội đồng nhân dân cũng đã giúp chấn chỉnh được một số vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự ở địa phương.

### ***3.1.3. Giám sát thi hành án dân sự của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội***

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương cử ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động. Do đó, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc giám sát thi hành án dân sự là một trong những hoạt động nằm trong tổng thể các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Theo quy định của pháp luật, để thực hiện giám sát thi hành án dân sự, Mặt trận Tổ quốc góp ý kiến vào các dự thảo văn bản pháp luật về thi hành án dân sự của Chính phủ, các bộ, ngành, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tham gia với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, với Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân trong các Đoàn kiểm tra, giám sát

theo chương trình hàng quý, hàng năm đối với công tác thi hành án dân sự; tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo của công dân; phát hiện những vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân trong thi hành án dân sự; kiến nghị với Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét trả lời những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân liên quan đến công tác thi hành án dân sự; cử đại diện của Mặt trận Tổ quốc tham gia Ban chỉ đạo thi hành án dân sự địa phương, trực tiếp tham gia các cuộc họp liên ngành để giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân đối với những công việc cụ thể trong thi hành án dân sự. Chỉ đạo hoạt động của các Ban thanh tra nhân dân trong thi hành án dân sự.

Để hoạt động giám sát thi hành án dân sự có hiệu quả, cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, tiếp thu kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, của Ban thanh tra nhân dân và ý kiến của các tầng lớp nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc.

Khi cần thiết Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm mời đại diện Ban thanh tra nhân dân tham gia giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương. Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc cùng cấp hướng dẫn, giúp đỡ, động viên và bảo vệ công dân khi họ thực hiện quyền giám sát của mình.

Ngoài ra, khi Mặt trận Tổ quốc trực tiếp thực hiện giám sát thi hành án dân sự, thì người đứng đầu của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự có trách nhiệm cung cấp thông tin và giải trình những vấn đề liên quan theo yêu cầu của Mặt trận Tổ quốc; cử đại diện tham gia hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc khi Mặt trận Tổ quốc đề nghị; xem xét, giải quyết kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc về việc biểu dương, khen thưởng người tốt; xem xét, giải quyết, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm pháp luật và thông báo kết quả cho Mặt trận Tổ quốc.

Trong thi hành án dân sự hiện nay Mặt trận Tổ quốc thường tham gia giám sát thi hành án dân sự thông qua hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án

dân sự của các địa phương và tham gia giải quyết các vụ án cụ thể khi có tổ chức các cuộc họp liên ngành, có mời Mặt trận Tổ quốc làm thành viên. Tuy nhiên, việc Mặt trận Tổ quốc tham gia còn mỏng, nên hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

#### ***3.1.4. Giám sát của Viện Kiểm sát nhân dân qua công tác kiểm sát thi hành án dân sự***

Theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Thi hành án dân sự thì Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ở địa phương mình. Trong kiểm sát thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của đương sự, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan nhà nước khác, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án dân sự, nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật.

Khi thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện quyền kháng nghị đối với các quyết định của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân.

Khi nhận được kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm trả lời kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân đối với quyết định về thi hành án của mình hoặc của chấp hành viên thuộc Cơ quan Thi hành án dân sự của mình.

Trong trường hợp Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện không nhất trí với kháng nghị của Viện Kiểm sát thì phải báo cáo với Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh và Viện trưởng Viện Kiểm sát

cấp trên trực tiếp. Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải xem xét, trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh không nhất trí với kháng nghị của Viện Kiểm sát thì phải báo cáo với Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Thủ trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp xem xét và trả lời trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo. Văn bản trả lời của Thủ trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành.

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, trong đó có hoạt động kiểm sát thi hành án, Viện Kiểm sát nhân dân được tổ chức theo một hệ thống dọc, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương có Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ở địa phương có Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh. Các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương thực hiện việc kiểm sát thi hành án dân sự đối với các Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương. Để thực hiện nhiệm vụ kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân thành lập nên các cơ quan trực thuộc Viện Kiểm sát để tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập Vụ Kiểm sát thi hành án dân sự, ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các Phòng Kiểm sát thi hành án, thực hiện cả việc kiểm sát thi hành án hình sự. Riêng cấp huyện không có phòng chuyên môn để kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự. Việc tổ chức như trên, trong thời gian qua đã giúp Viện Kiểm sát nhân dân hoàn thành tương đối tốt nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, qua hoạt động thực tiễn, cũng như sự phát triển của hệ thống pháp luật, việc mở rộng thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện, thì việc tổ chức các cơ quan chuyên trách thuộc Viện Kiểm sát như đã nêu trên để kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự không còn phù hợp.

*Một là*, ở Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chỉ tổ chức một phòng chức năng thực hiện cả việc kiểm sát hoạt động thi hành án hình sự và hoạt động thi hành án dân sự là chưa thực sự phù hợp, không tạo điều kiện để thực hiện việc chuyên môn hóa và hiện đại hóa công tác kiểm sát thi hành án dân sự;

*Hai là*, Viện Kiểm sát cấp huyện chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện việc kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, mà chủ yếu giao cho một hoặc một vài kiểm sát viên phụ trách việc kiểm sát thi hành án dân sự là chưa ngang tầm nhiệm vụ. Có thể nói, trong nhiều vụ việc cụ thể, tham gia kiểm sát trực tiếp của kiểm sát viên còn rất hạn chế. Hơn nữa, do không có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm sát thi hành án dân sự, mà chỉ có phân công kiểm sát viên phụ trách, nên chưa nâng cao được tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên và chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của Viện Kiểm sát đến kiểm sát thi hành án dân sự, nên Kiểm sát viên kiểm sát thi hành án dân sự thường xuyên bị thay đổi, làm cho việc kiểm sát thi hành án dân sự gặp nhiều khó khăn.

### ***3.1.5. Giám sát thi hành án dân sự của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***

Người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự là những người có quan hệ trực tiếp với Cơ quan Thi hành án dân sự về mặt quyền và nghĩa vụ. Họ là những người trực tiếp chịu sự tác động của chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự, nhưng đồng thời giữa người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan cũng có sự tác động qua lại về mặt lợi ích, nghĩa vụ của người này sẽ là quyền lợi của người kia và ngược lại. Chính vì vậy, sự giám sát của họ đối với hoạt động của các đối tượng giám sát là trực tiếp nhất và quan trọng nhất. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện giám sát hoạt động thi hành án dân sự thông qua việc khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định và hành vi vi phạm pháp luật của chấp hành viên và Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự.

Điều 140 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 quy định:

Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, chấp hành viên nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Khi thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trực tiếp khiếu nại tới người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo, hoặc gửi đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo. Tuy nhiên, việc khiếu nại không phải được thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào, mà được giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định. Hết khoảng thời gian đó mà người được thi hành án, người phải thi hành án không thực hiện quyền khiếu nại, thì coi như mất quyền khiếu nại.

Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo trong thi hành án dân sự có trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại tố cáo, xem xét và giải quyết khiếu nại tố cáo trong thời hạn luật định.

Đối với khiếu nại quyết định hoặc hành vi trái pháp luật của chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện, thì Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện nơi có khiếu nại có trách nhiệm giải quyết và trả lời cho người khiếu nại. Nếu không đồng ý với nội dung giải quyết, thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh. Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải giải quyết khiếu nại đó và trả lời cho người khiếu nại biết, Quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh có hiệu lực thi hành.

Đối với khiếu nại quyết định hoặc hành vi trái pháp luật của chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, thì Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi có khiếu nại giải quyết và trả lời cho người khiếu nại. Nếu không đồng ý với nội dung giải quyết, thì người khiếu nại có quyền khiếu nại



đến Thủ trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Thủ trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp phải giải quyết và trả lời cho người khiếu nại. Trường hợp vụ việc phức tạp, thì thời hạn giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có thể được kéo dài. Quyết định giải quyết khiếu nại của thủ Trưởng Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có hiệu lực thi hành.... Tuy nhiên, do quy định Thủ trưởng hoặc cấp trên giải quyết khiếu nại đối với hành vi của người bị khiếu nại thuộc quyền quản lý của mình nên có lúc, có nơi đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hiệu quả giám sát của người được thi hành án, người phải thi hành án do có xu hướng bao che cho cấp dưới và chính cơ quan mình. Do đó, khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự trong những năm vừa qua, nhất là khiếu nại, tố cáo nhiều lần với một việc, khiếu nại vượt cấp, khiếu nại, tố cáo bức xúc kéo dài vẫn diễn ra nhiều. Theo báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội 10 tháng năm 2014 có 5.425 việc/7.294 đơn khiếu nại và 856 đơn tố cáo về thi hành án dân sự.

### **3.2. Thực trạng sử dụng hình thức và phương thức giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam**

#### ***3.2.1. Hình thức giám sát thi hành án dân sự***

Trong thực tiễn giám sát thi hành án dân sự, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự sử dụng hai hình thức cơ bản đó là hình thức giám sát trực tiếp và hình thức giám sát gián tiếp. Tuy nhiên, việc xác định hình thức giám sát nào trong thực tế lại chỉ mang tính tương đối, bởi lẽ, có những hình thức là gián tiếp của chủ thể này, nhưng lại là trực tiếp của chủ thể khác. Ví dụ, Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành lập Đoàn giám sát thi hành án dân sự, giám sát tại chỗ đối với hoạt động thi hành án dân sự, thì đối với với Quốc hội và Hội đồng nhân dân với tư cách là chủ thể giám sát thi hành án dân sự đó là hình thức giám sát trực tiếp. Nhưng với tư cách là đại diện cho nhân dân, thì đó chính là việc nhân dân đang giám sát thi hành án dân sự gián tiếp thông qua người đại diện của mình. Mặc dù vậy, với tư cách là chủ thể của giám sát

thi hành án dân sự, thì việc sử dụng hình thức giám sát nào phụ thuộc rất lớn vào chức năng, nhiệm vụ và vị trí vai trò của chủ thể giám sát trong bộ máy nhà nước nói riêng và trong hệ thống chính trị nói chung.

Nhìn chung trong thực tiễn giám sát thi hành án dân sự thời gian qua, các chủ thể sử dụng cả hình thức giám sát trực tiếp và hình thức giám sát gián tiếp. Ví dụ, nhân dân trong quá trình giám sát thi hành án dân sự có thể sử dụng hình thức giám sát trực tiếp bằng cách tham gia trực tiếp vào quá trình thi hành án dân sự như tham gia với tư cách người làm chứng, hoặc sử dụng quyền khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự. Nhưng nhân dân cũng giám sát thi hành án dân sự gián tiếp thông qua hoạt động giám sát của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội. Khi sử dụng hình thức này, nhân dân có thể gửi các thắc mắc, kiến nghị của mình đến Quốc hội, đại biểu Quốc hội để đề nghị chất vấn Cơ quan Thi hành án dân sự về hoạt động thi hành án dân sự. Hoặc Viện Kiểm sát nhân dân khi thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án cũng sử dụng cả hai hình thức gián tiếp và trực tiếp. Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện việc kiểm sát trực tiếp tham gia vào quá trình thi hành án (kiểm sát tại chỗ) hoặc kiểm sát gián tiếp hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự thông qua hồ sơ thi hành án dân sự hoặc trực tiếp tham gia vào quá trình thi hành án dân sự như tham gia Hội đồng cưỡng chế, Hội đồng tiêu hủy tang vật, tài sản thi hành án dân sự. Do có sự quy định không rõ ràng về hình thức giám sát, bất cứ một chủ thể nào cũng có thể sử dụng cả hai hình thức giám sát, chính vì vậy, việc lựa chọn hình thức giám sát của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự còn gặp nhiều lúng túng, điều này dẫn đến việc lựa chọn, sử dụng biện pháp, phương thức giám sát thi hành án dân sự gặp nhiều hạn chế.

### ***3.2.2. Phương thức giám sát thi hành án dân sự***

*Thứ nhất, chất vấn:* Chất vấn là một phương pháp đặc thù, được Quốc hội và các Đại biểu Quốc hội sử dụng trong giám sát thi hành án dân sự. Có thể nói trong thời gian vừa qua, chất vấn là phương pháp chủ yếu được Quốc hội và các Đại biểu Quốc hội sử dụng để giám sát thi hành án dân sự. Chất

vấn thường được sử dụng ngay trong kỳ họp, tại phiên họp của Quốc hội hoặc bằng văn bản ngoài phiên họp Quốc hội. Chất vấn cũng được các Đại biểu Quốc hội sử dụng thường xuyên giữa hai kỳ họp Quốc hội để tiến hành giám sát hoạt động thi hành án dân sự, khi có các đơn, thư khiếu nại, tố cáo gửi tới Đại biểu Quốc hội hoặc thông qua cơ quan báo chí Đại biểu Quốc hội phát hiện ra những vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự. Xuất phát từ bản chất của chất vấn là hỏi và đáp một cách trực tiếp, khi sử dụng phương pháp chất vấn cho phép Quốc hội, Đại biểu Quốc hội thực hiện giám sát thi hành án dân sự một cách công khai, kịp thời, nhất là tại các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Ngay trong kỳ họp Quốc hội, hoặc vào giữa thời gian hai kỳ họp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội đều có thể thực hiện việc giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp chất vấn còn bộc lộ một số hạn chế như:

*Một là, trả lời chất vấn không kịp thời.* Việc chất vấn đối với công tác thi hành án dân sự trong thời gian qua cho thấy chủ yếu về các vấn đề rất cụ thể trong thi hành án dân sự như vấn đề giải quyết án tồn đọng hay các vụ việc thi hành án cụ thể và chất vấn được thực hiện đối với Bộ trưởng Bộ Tư pháp, trong khi đó, các vụ việc thi hành án cụ thể do các Cơ quan Thi hành án dân sự địa phương trực tiếp tổ chức thi hành và có sấp xỉ tám trăm ngàn vụ việc mỗi năm, khiến cho Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ngay tức khắc không thể trả lời được câu hỏi chất vấn của Đại biểu Quốc hội, nên việc trả lời chất vấn tại phiên họp Quốc hội thường không thỏa mãn được những thắc mắc của Đại biểu Quốc hội. Thông thường khi nhận được các câu hỏi chất vấn, Bộ Trưởng Bộ Tư pháp cần phải có thời gian yêu cầu các cơ quan hữu quan thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn, giải trình các vấn đề có liên quan, thậm chí có nhiều trường hợp còn phải có thời gian để điều tra, xác minh làm rõ các vấn đề liên quan đến câu hỏi chất vấn, nên có nhiều câu hỏi chất vấn của kỳ họp này, thì đến kỳ họp sau mới được trả lời.

*Hai là, câu hỏi chất vấn khó có phương án trả lời toàn diện.* Trong quá trình chất vấn về thi hành án dân sự có nhiều câu hỏi do Đại biểu Quốc hội

đặt ra có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp khác nhau, nhưng khi chất vấn các Đại biểu Quốc hội không tách bạch được những vấn đề thuộc phạm vi thi hành án dân sự, nên thường gộp lại đề hỏi, khiến cho việc trả lời của Bộ trưởng Bộ Tư pháp không được toàn diện, không giải đáp hết các thắc mắc của người chất vấn.

*Ba là, các câu hỏi chất vấn không phản ánh hết các tình tiết liên quan đến vấn đề chất vấn.* Trên thực tế, khi Đại biểu Quốc hội chất vấn chủ yếu dựa vào các khiếu nại, kiến nghị của cử tri trong đơn gửi tới Đại biểu Quốc hội, trong khi đó thi hành án dân sự là lĩnh vực cụ thể, có tính chất chuyên sâu, đồng thời do bảo vệ quyền lợi của mình theo ý chí chủ quan, nên người khiếu nại thường không đưa đầy đủ thông tin liên quan đến vụ việc, mà chỉ nêu nên các thông tin có lợi cho mình, nhưng Đại biểu Quốc hội lại không có điều kiện để thẩm tra, xác minh làm rõ những thông tin đó trước khi đặt câu hỏi chất vấn, nên câu hỏi chất vấn thường không phản ánh được hết các tình tiết liên quan đến vấn đề chất vấn, khiến có việc trả lời chất vấn gặp nhiều khó khăn.

*Thứ hai trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án dân sự:* Đây là phương pháp mà công dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, thường sử dụng. Khi sử dụng phương pháp này, nhân dân tham gia vào quá trình thi hành án dân sự với tư cách người làm chứng, người trông coi, bảo quản tài sản. Còn Mặt trận Tổ quốc tham gia thông qua việc tham gia ý kiến về việc chỉ đạo phối hợp liên ngành để thi hành các vụ án khó khăn phức tạp tại Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự hoặc tại các cuộc họp liên ngành để giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Nhìn chung đây là phương pháp được đa phần các chủ thể giám sát thi hành án dân sự sử dụng và đã đạt được hiệu quả nhất định trong giám sát thi hành án dân sự như trực tiếp tham gia giải quyết các vụ án khó khăn phức tạp; giúp Cơ quan Thi hành án dân sự tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo bức xúc của nhân dân. Tuy nhiên, khi sử dụng phương pháp này còn một số hạn chế sau:

*Một là, chưa bảo đảm tính chủ động của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự.* Trên thực tế, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự giám sát thi

hành án dân sự bằng hình thức này chủ yếu dựa trên cơ sở chỉ đạo của Lãnh đạo cấp trên, hoặc trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Thi hành án dân sự. Do đó, khi sử dụng phương pháp này các chủ thể bị hạn chế sự chủ động của mình.

*Hai là, chưa có cơ chế để các chủ thể giám sát thi hành án dân sự nắm vững tình tiết của các vụ án trước khi tham gia vào quá trình thi hành án dân sự.* Các chủ thể giám sát tham gia trực tiếp vào quá trình thi hành án dân sự, chủ yếu trên cơ sở đề nghị của Ban chỉ đạo thi hành án, hoặc của Cơ quan Thi hành án dân sự để giải quyết các vấn đề rất cụ thể, mang tính đột xuất trong thi hành án dân sự, trong khi đó, khi đề nghị các chủ thể giám sát tham gia, các Cơ quan Thi hành án dân sự rất ít khi gửi trước tóm tắt về các vấn đề cần bàn bạc, mà chủ yếu đến khi bắt đầu vào cuộc họp, Cơ quan Thi hành án dân sự mới phổ biến nội dung vụ việc, trong khi đó, phần lớn các chủ thể giám sát thi hành án không chuyên sâu về thi hành án, nên việc tham gia rất hạn chế.

*Thứ ba, kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự:* Kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự là phương pháp giám sát đặc biệt, được tiến hành theo một trình tự thủ tục rất chặt chẽ và được tiến hành bởi một chủ thể duy nhất có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp đó là Viện Kiểm sát nhân dân. Ngoài Viện kiểm sát nhân dân, không có bất cứ một chủ thể nào được sử dụng phương pháp này.

Khi tiến hành kiểm sát thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân yêu cầu Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự hoặc tự mình kiểm tra việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát nhân dân; thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án và trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới,

chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan và việc giải quyết kháng cáo, khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành án dân sự. Do đó, suy cho cùng, bản chất của phương pháp này cũng là việc sử dụng các phương pháp xem xét báo cáo và theo dõi quá trình tự kiểm tra của các đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự. Mặc dù vậy, Viện Kiểm sát nhân dân cũng vẫn có sự đặc thù khi kiểm sát thi hành án dân sự, đó là quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định và hành vi trái pháp luật của Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trong việc thi hành án; yêu cầu đình chỉ việc thi hành án, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án; nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự; trong trường hợp do pháp luật quy định thì khởi tố về hình sự. Do có tính đặc thù như vậy, nên hiệu quả của công tác giám sát thi hành án của Viện Kiểm sát đạt rất cao. Có thể nói trong thời gian qua, nhờ sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên của Viện Kiểm sát mà những sai phạm trong thi hành án dân sự đã sớm được phát hiện và chấn chỉnh kịp thời, đã nâng cao hiệu quả phòng, chống vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự. Mặc dù vậy, hoạt động kiểm sát thi hành án dân sự trong thời gian qua cũng vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục, đó là: Hoạt động kiểm sát chỉ tập trung vào hoạt động của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự mà chưa mở rộng tới tất cả các đối tượng chịu sự kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân. Theo quy định của Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Thi hành án dân sự, thì Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành án dân sự. Tuy nhiên, hoạt động của Viện Kiểm sát trong thời gian qua chỉ tập trung vào các hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên mà không chú ý đến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các đối tượng khác. Thậm chí, ngay cả trong trường hợp có khiếu nại về thi hành án dân sự, Viện Kiểm sát cũng chỉ chú ý đến việc xem

xét tính hợp pháp, hợp lý của các quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên mà không chú ý kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong khi việc tuân theo pháp luật về thi hành án dân sự có ảnh hưởng lớn đến kết quả thi hành án. Ví dụ như: việc cơ quan, tổ chức nơi chi trả lương cho người phải thi hành án không chấp hành quyết định cưỡng chế khấu trừ vào thu nhập của người phải thi hành án hoặc việc người phải thi hành án trốn tránh, chây ì, chống đối việc thi hành án v.v...

*Thứ tư, gặp gỡ, tiếp xúc các đối tượng có liên quan đến thi hành án dân sự để thu thập thông tin liên quan đến thi hành án dân sự:* Khi sử dụng phương thức này, các chủ thể giám sát tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc với các đối tượng có liên quan đến thi hành án dân sự để tìm hiểu, nắm bắt, xác minh các thông tin liên quan đến những vấn đề mà chủ thể giám sát đang quan tâm. Cũng như phương pháp trực tiếp tham gia hoạt động thi hành án dân sự, đây là phương pháp được hầu hết các chủ thể giám sát thi hành án dân sự sử dụng trong giám sát thi hành án dân sự. Nhưng phạm vi áp dụng thì lại hẹp hơn và tần xuất sử dụng ít hơn, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự chủ yếu sử dụng phương thức này trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của đương sự. Ví dụ, Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri hoặc Viện Kiểm sát nhân dân gặp gỡ các cá nhân, cơ quan, tổ chức để tìm hiểu, xác minh những tình tiết liên quan để giải quyết khiếu nại, tố cáo.

*Thứ năm, gửi đơn phản ánh, kiến nghị, đơn khiếu nại, tố cáo:* Gửi đơn khiếu nại, tố cáo là việc các chủ thể giám sát khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền để khiếu nại các hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự. Đây là một trong những phương thức giám sát hữu hiệu nhất trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của những người có liên quan trực tiếp đến việc thi hành án như: người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án, người có tài sản chung với người phải thi hành án bị kê biên. Do đó, chủ thể giám sát sử dụng

phương thức này chủ yếu là những người có liên quan trực tiếp đến việc thi hành án, họ có thể là cá nhân, hoặc cơ quan, tổ chức.

Phương thức này được chủ thể giám sát sử dụng khi phát hiện Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên có dấu hiệu vi phạm pháp luật và có các hành vi hoặc quyết định gây thiệt hại đến quyền lợi của mình. Căn cứ để sử dụng phương pháp này là các hành vi không hợp pháp của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên, do đó, trong nhiều trường hợp nếu như người trực tiếp bị gây hại đến quyền lợi không phát hiện ra, thì những công dân khác cũng có thể sử dụng phương pháp này bằng cách tố cáo với người có thẩm quyền về hành vi vi phạm đó.

Trên thực tế phương pháp này trong thời gian qua đã được người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường xuyên sử dụng để bảo vệ quyền lợi của mình. Sử dụng phương pháp này cho phép họ trực tiếp đề đạt nguyện vọng của mình đến những người có thẩm quyền giải quyết vụ việc, nên việc điều chỉnh các hành vi không hợp pháp trong thi hành án dân sự được kịp thời. Mặt khác, trong trường hợp các hành vi, quyết định vi phạm chưa được khắc phục, thì người khiếu nại có quyền được khiếu nại đến người có thẩm quyền cao hơn, nên họ có điều kiện theo đuổi đến cùng vụ việc. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp này vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc sau:

*Một là, được ít chủ thể sử dụng và việc sử dụng không rộng rãi.* Do việc khiếu nại chủ yếu tập trung vào các hành vi, quyết định vi phạm pháp luật của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự và nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của người được thi hành án, người phải thi hành án có liên quan trực tiếp đến việc thi hành án, nên chủ thể giám sát thi hành án sử dụng phương pháp này rất hẹp, hầu như chỉ có người liên quan đến thi hành án mới sử dụng. Thậm chí, theo quy định của pháp luật, thì mọi công dân đều có thể sử dụng quyền tố cáo để kiến nghị với người có thẩm quyền để xử lý các hành vi, quyết định vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự, nhưng kể



từ ngày thành lập (năm 1993) ngành Thi hành án dân sự đến nay, chỉ có rất ít trường hợp công dân (người không có liên quan đến thi hành án) tố cáo hành vi, quyết định vi phạm pháp luật của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên.

*Hai là, phạm vi đối tượng chịu sự tác động của phương pháp này hẹp.* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, lợi ích liên quan có quyền khiếu nại đối với các hành vi, quyết định của Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, nếu có căn cứ cho rằng các quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, theo quy định này, thì chỉ có Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự và chấp hành viên mới là đối tượng chịu sự giám sát, còn các cán bộ, công chức khác không phải là đối tượng chịu sự giám sát của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan, trong khi đó hoạt động của họ cũng có tác động lớn đến quá trình thi hành án.

*Ba là, chỉ nhằm đến các vụ việc cụ thể.* Do mục đích của việc khiếu nại là chỉ nhằm đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chỉ những người có liên quan trực tiếp đến thi hành các vụ việc cụ thể mới có quyền thực hiện việc khiếu nại về thi hành án. Do đó, khi sử dụng phương thức này, chủ thể giám sát không có điều kiện, thậm chí không có quyền được đề cập đến các vấn đề khác không có liên quan, nếu không trực tiếp gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình mặc dù phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật.

*Bốn là, lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để cản trở quá trình thi hành án dân sự.* Trong thực tiễn hoạt động thi hành án dân sự, do nhận thức của một bộ phận đương sự về quyền khiếu nại chưa cao; quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, về thi hành án dân sự còn nhiều kẽ hở, thiếu chặt chẽ, trong khi xu hướng chung của người phải thi hành án dân sự thường tìm cách trì

hoãn việc thi hành án. Do đó, họ thường lợi dụng quyền khiếu nại để kéo dài việc thi hành án, gây cản trở việc thi hành án dân sự.

*Thứ sáu, xét báo cáo và kiểm tra hồ sơ thi hành án dân sự:* Kiểm tra hồ sơ thi hành án và xem xét các báo cáo thi hành án dân sự là phương pháp mà các chủ thể giám sát thi hành án dân sự trực tiếp kiểm tra hồ sơ thi hành án của chấp hành viên hoặc xem xét các báo cáo về thi hành án dân sự. Đây là phương pháp được các chủ thể có quyền giám sát tối cao và các chủ thể có chức năng quản lý nhà nước đối với thi hành án dân sự sử dụng nhiều. Việc kiểm tra hồ sơ thi hành án và xem xét các báo cáo về thi hành án dân sự có thể được các chủ thể giám sát sử dụng kết hợp, hoặc sử dụng riêng biệt. Ví dụ khi giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo vừa xem xét các báo cáo của Cơ quan Thi hành án dân sự nơi người bị khiếu nại, tố cáo đang công tác vừa kiểm tra trực tiếp hồ sơ thi hành án do người bị khiếu nại, tố cáo đang trực tiếp tổ chức thi hành.

Phương pháp kiểm tra hồ sơ thi hành án và xem xét các báo cáo cho phép giám sát được một cách toàn diện hoạt động thi hành án, từ các vấn đề cụ thể liên quan đến việc tổ chức thi hành một bản án, quyết định và những vấn đề lớn, mang tính chất vĩ mô. Thông qua việc sử dụng phương pháp này, chủ thể giám sát có thể đưa ra những kiến nghị tổng thể về việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến thi hành án dân sự. Ví dụ, thông qua việc xem xét các báo cáo thi hành án dân sự, Quốc hội thấy rằng tình trạng khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự ngày càng tăng, đặc biệt tính chất của các khiếu nại, tố cáo ngày càng phức tạp, Quốc hội đã chỉ đạo các cơ quan hữu quan rà soát lại các quy định của pháp luật có liên quan và tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, thì việc sử dụng phương pháp này vẫn còn hạn chế đó là không được tiến hành thường xuyên. Thông thường việc xem xét các báo cáo về thi hành án dân sự của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp chỉ được tiến hành một năm hai lần trước, hoặc trong kỳ họp Quốc hội. Do đó, việc phát hiện và xử lý những bất cập trong thi hành án dân sự không được kịp thời.

*Thứ bảy, thành lập Đoàn giám sát về thi hành án dân sự:* Thành lập Đoàn giám sát là việc các chủ thể giám sát thi hành án dân sự tổ chức các Đoàn hay Tổ công tác để giám sát những vấn đề cụ thể trong thi hành án dân sự. Phương pháp này thường được Quốc hội, Hội đồng nhân dân sử dụng. Ví dụ, Quốc hội thành lập Đoàn giám sát của Quốc hội để giám sát hoạt động thi hành án dân sự.

Việc thành lập Đoàn giám sát thường được tổ chức khi giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc xem xét các vấn đề chuyên sâu. Để thực hiện giám sát thi hành án dân sự, trong thời gian vừa qua Ủy ban Tư pháp Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc đã thành lập nhiều Đoàn giám sát để giám sát hoạt động thi hành án dân sự. Ví dụ, năm 2014 Quốc hội, tiến hành 13 cuộc giám sát, Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành 219 cuộc giám sát, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiến hành 3 cuộc giám sát. Nhìn chung, việc thành lập các Đoàn giám sát để giám sát thi hành án dân sự cho phép chủ thể giám sát có thể tập trung xem xét sâu sắc, toàn diện về những vấn đề phát sinh tại cơ sở trong thi hành án dân sự, điều này đã hạn chế được khiếu nại vượt cấp về Trung ương. Hơn nữa qua xem xét các vấn đề về thi hành án tại cơ sở, cho phép các chủ thể giám sát tìm hiểu sâu về những nguyên nhân của những thành công và hạn chế trong thi hành án dân sự, từ đó có thể đề xuất các biện pháp phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tồn tại trong thi hành án dân sự. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, thì phương pháp này cũng còn một số hạn chế như: khi thành lập Đoàn giám sát, Đoàn kiểm tra cần nhiều người nên ít khi thành lập được các Đoàn kiểm tra, Đoàn giám sát. Đối với các chủ thể giám sát như Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc khi tổ chức Đoàn giám sát thì thi hành án dân sự chỉ là một trong những nội dung của giám sát tuân theo pháp luật mà chưa có những Đoàn giám sát chuyên sâu về thi hành án dân sự.

### **3.3. Đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.3.1. Kết quả giám sát thi hành án dân sự**

Trên cơ sở thực hiện các quyền, nghĩa vụ và sử dụng các hình thức,

phương pháp giám sát đã nêu trên, trong thời gian qua các hoạt động giám sát đã đạt được một số kết quả đáng kể. Hoạt động giám sát của hầu hết các chủ thể giám sát thi hành án dân sự đã được tăng cường, nhất là hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, hoạt động kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân, của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Kết quả cụ thể (Bảng 3.1):

**Bảng 3.1: Kết quả thực hiện giám sát của một số chủ thể từ năm 2010 đến năm 2014**

<i>Số TT</i>	<i>Năm</i>	<i>Quốc hội (Cuộc giám sát)</i>	<i>Hội đồng nhân dân (Cuộc giám sát)</i>	<i>Mặt trận Tổ quốc (Cuộc giám sát)</i>	<i>Viện Kiểm sát nhân dân (Cuộc kiểm sát trực tiếp)</i>	<i>Người được thi hành án, người phải thi hành án (đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh)</i>
	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
1	2010	29	211	3	652	5.069
2	2011	8	277	7	878	5.758
3	2012	6	280	9	884	5.298
4	2013	10	262	4	731	6.452
5	2014	12	219	3	759	9.797

(Nguồn: Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự từ năm 2010 đến năm 2014).

Qua thống kê nêu trên cho thấy, việc giám sát trực tiếp nhất và nhiều nhất và có su hướng tăng là giám sát của người được thi hành án, người phải thi hành án thông qua việc thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo đối với thi hành án dân sự. Tuy nhiên, đây chỉ là những trường hợp đương sự phát hiện có vi phạm và khiếu nại. Trên thực tế, hầu hết các bên đương sự đều giám sát chặt chẽ việc tổ chức thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự. Do đó, giám sát của đương sự là một trong những hình thức giám sát thường xuyên nhất, liên tục và thực chất, vì hoạt động thi hành án dân sự trực tiếp tác động

đến lợi ích hợp pháp của họ. Tiếp đến là hoạt động giám sát của Viện Kiểm sát nhân dân thông qua thực hiện chức năng kiểm sát thi hành án dân sự. Số lượng cuộc kiểm sát nêu trên là các cuộc kiểm sát trực tiếp của Viện Kiểm sát nhân dân tại Cơ quan Thi hành án dân sự hàng năm. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chức năng của mình, Viện Kiểm sát nhân dân còn thường xuyên giám sát hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự thông qua việc tham gia vào một số hoạt động thi hành án dân sự như tham gia Hội đồng tiêu hủy tang vật, tài sản; Hội đồng cưỡng chế thi hành án dân sự. Giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và giám sát của Quốc hội, của mặt trận Tổ quốc. Số lượng các cuộc giám sát của các cơ quan hàng năm chiếm số lượng ít.

Kết quả này đã tích cực góp phần vào việc nâng cao kết quả, hiệu quả của công tác thi hành án dân sự. Có thể nói kết quả cuối cùng của giám sát thi hành án dân sự được biểu hiện qua kết quả của thi hành án dân sự. Cụ thể:

*Một là*, giám sát thi hành án dân sự góp phần nâng cao kết quả công tác thi hành án dân sự. Sau trên 30 năm đổi mới, cùng với sự phát triển của đất nước, sự đa dạng của các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính, lao động nhiều chủ thể quan hệ pháp luật mới đã xuất hiện; các tranh chấp dân sự, kinh tế vì thế mà cũng trở nên nhiều hơn, phức tạp hơn và đang dạng hơn, nhiệm vụ giao cho các Cơ quan Thi hành án dân sự cũng không ngừng được mở rộng, và tăng lên rất nhiều. So với năm 1994 là năm đầu tiên nhận bàn giao công tác thi hành án, tổng số vụ việc phải thi hành khoảng 162 nghìn việc với số tiền phải thu trên 700 tỷ đồng, thì những năm sau số lượng các vụ việc cơ quan thi hành hành án dân sự phải tổ chức thi hành tăng lên gấp nhiều lần, năm 2014 cả nước phải tổ chức thi hành sấp xỉ 800 nghìn việc với số tiền phải thi hành gần 95 nghìn tỷ đồng (tăng sấp xỉ 5 lần về việc và gần 136 lần về tiền) (Nguồn Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về công tác thi hành án dân sự năm 1994 và năm 2014).

Mặc dù khối lượng công việc không ngừng tăng lên sau mỗi năm, nhưng cùng với sự cố gắng, nỗ lực của cán bộ, công chức ngành thi hành án,

dưới sự thanh tra, kiểm tra nhất là sự giám sát chặt chẽ của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự, kết quả thi hành án cũng không ngừng được nâng lên. Kết quả thi hành án năm sau đều cao hơn năm trước. Đặc biệt, nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng lâu năm; việc khiếu nại, tố cáo bức xúc kéo dài đã được tổ chức thi hành dứt điểm (ví dụ như: vụ án Epcó Minh Phụng, Vụ Công ty nước hoa Thanh Hương, Vụ án Tân trường xanh, Vụ án Tamexco ở thành phố Hồ Chí Minh; Vụ Kiều Trinh ở Lào Lai; Vụ Lã Kiều Oanh ở Hà Nội...), bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân, từ đó củng cố và nâng cao uy tín của Cơ quan Thi hành án dân sự nói riêng và bộ máy nhà nước nói chung.

*Hai là*, giám sát thi hành án dân sự góp phần hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự. Kể từ tháng 7/1993 khi Cơ quan Thi hành án dân sự được chuyển từ Tòa án sang các cơ quan của Chính phủ, lúc này cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thi hành án dân sự chưa hoàn thiện, đội ngũ cán bộ công chức thi hành án dân sự còn hạn chế về chất lượng, số lượng; năng lực làm việc còn nhiều hạn chế, bất cập, thậm chí một số lượng không nhỏ cán bộ công chức làm công tác thi hành án dân sự phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Do đó, đứng trước công việc mới, phức tạp lại trực tiếp liên quan đến quyền lợi vật chất của các bên đương sự, nên một số cán bộ, công chức thi hành án đã không làm chủ được bản thân đã có hành vi vi phạm pháp luật thi hành án dân sự. Nhưng từ năm 2004 trở đi, khi mà sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với công tác thi hành án dân sự được nâng lên một bước, nhiều nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật của nhà nước được ban hành, thì những khiếm khuyết, kẽ hở của pháp luật về thi hành án dân sự được hạn chế, sự giám sát đối với công tác thi hành án dân sự được tăng cường, thì tình hình vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự đã giảm xuống đáng kể.

*Ba là*, giám sát thi hành án dân sự góp phần làm chuyển biến nhận thức của xã hội đối với công tác thi hành án dân sự. Một trong những kết quả quan

trọng nhất trong công tác thi hành án dân sự trong những năm qua là đã tạo ra sự chuyển tích cực về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể và công dân về công tác thi hành án dân sự. Giám sát thi hành án dân sự có tác động trực tiếp đến nhận thức về vai trò của các cấp ủy Đảng và nhân dân đối với thi hành án dân sự. Do đó, thi hành án dân sự đã được coi là một trong các nhiệm vụ chính trị quan trọng, được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm. Vai trò chỉ đạo tổ chức thi hành án của các cấp chính quyền địa phương ngày càng được tăng cường, bước đầu hình thành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hữu quan ở địa phương trong công tác thi hành án. Đặc biệt, thông qua giám sát thi hành án dân sự, Chính phủ đã phát hiện ra những hạn chế trong nhận thức và trong chỉ đạo phối hợp thực hiện việc thi hành các bản án, quyết định của Tòa án. Do đó, ngày 11/9/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/2001/CT-TTg về "Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự". Sau khi có chỉ thị này, công tác thi hành án dân sự đã có bước chuyển biến mới cả về nhận thức và hành động. Đến nay, cả nước đã có 63 Ban chỉ đạo thi hành án cấp tỉnh, và cơ bản thành lập xong Ban Chỉ đạo thi hành án cấp huyện do Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban. Nhiều nơi cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân địa phương ở cả cấp tỉnh và cấp huyện (Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Hưng Yên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Long An, An Giang, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Dương, Bình Thuận, Ninh Thuận...) đã ban hành nghị quyết, chỉ thị về các biện pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, giao trách nhiệm cụ thể cho các ngành các cấp trong việc tổ chức thi hành án. Nhờ đó, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác thi hành án trong phạm vi từng địa phương đã sâu sát kịp thời hơn, đạt hiệu quả cao hơn, nhất là đối với các vụ việc có tính chất phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, trật tự - trị an ở địa phương. Nhiều địa phương đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của Ủy ban

nhân dân xã, phường, thị trấn trong quá trình triển khai thi hành án, đặc biệt trong việc thực hiện chủ trương chuyển giao số án có giá trị dưới 500.000 đồng cho Ủy ban nhân dân cấp xã đơn đốc thi hành.

### ***3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam***

*Thứ nhất, về một số hạn chế trong giám sát thi hành án dân sự:* Mặc dù đã đạt được một số kết quả đáng kể, nhưng giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam thời gian qua vẫn còn một số hạn chế sau:

*Một là, chủ thể giám sát tiến hành giám sát thi hành án dân sự chưa thường xuyên, đồng đều.* Thi hành án dân sự là hoạt động khó khăn và phức tạp, có nhiều nội dung, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, diễn ra thường xuyên, liên tục trên phạm vi rộng và đụng chạm trực tiếp đến lợi ích vật chất, tinh thần của các bên đương sự, nhưng lại được tiến hành trong điều kiện các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự còn nhiều bất cập, nên dễ xảy ra vi phạm pháp luật. Do đó, đòi hỏi các chủ thể giám sát thi hành án dân sự phải thường xuyên giám sát và việc giám sát phải được tiến hành một cách đồng đều. Tuy nhiên, qua kết quả hoạt động giám sát cho thấy, hoạt động của một số chủ thể giám sát chưa được thường xuyên, nhất là giám sát của Quốc hội, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội đối với thi hành án dân sự.

*Hai là, giám sát thi hành án dân sự chưa bao trùm lên tất cả các đối tượng giám sát.* Về lý luận, cũng như thực tiễn, có rất nhiều đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Ở mức độ nào đó, thì hoạt động của mỗi đối tượng này đều có tác động đến thi hành án dân sự. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự chỉ tập trung vào giám sát hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự mà chưa chú trọng giám sát đối với hoạt động của tất cả các đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

Do có những hạn chế trên, nên giám sát thi hành án dân sự trong thời gian vừa qua vẫn chưa thực sự phát huy hết hiệu quả trong việc góp phần giải quyết các tồn tại trong công tác thi hành án dân sự. Cụ thể:



Chưa góp phần thúc đẩy việc giải quyết triệt để tình trạng án tồn đọng. Mặc dù cơ chế quản lý thi hành án dân sự đã dần từng bước được thay đổi, hoạt động giám sát thi hành án dân sự của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự không ngừng được tăng cường cả về số lượng các cuộc giám sát, tần suất giám sát và chất lượng giám sát, nhưng kết quả, hiệu quả thi hành án dân sự vẫn chưa thực sự được như mong muốn. Số lượng các vụ việc tồn đọng chưa được thi hành vẫn còn nhiều so với tổng số án phải thi hành.

Tình trạng vi phạm pháp luật vẫn còn, khiếu nại tố cáo bức xúc chưa được giải quyết triệt để. Thực trạng khiếu nại, tố cáo liên quan đến thi hành án dân sự hiện đang là một trong những vấn đề nổi cộm trong công tác thi hành án. Việc khiếu nại, tố cáo của công dân trong lĩnh vực thi hành án dân sự có xu hướng gia tăng, nhất là ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị lớn. Nhiều trường hợp không được giải quyết dứt điểm đã trở thành khiếu kiện gay gắt, bức xúc. Số lượng công dân trực tiếp đến hoặc gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi hành án tới Bộ Tư pháp cũng như các cơ quan Đảng và Nhà nước ngày càng tăng. Nội dung khiếu nại, tố cáo thường đan xen nhau, chủ yếu về việc áp dụng trình tự, thủ tục thi hành án, như chậm ra quyết định thi hành án, kê biên không đúng đối tượng, định giá tài sản thấp, cưỡng chế thi hành án không đúng quy định, chấp hành viên có tiêu cực, cố tình kéo dài vụ án; tranh chấp tài sản thi hành án; khiếu nại về nội dung xét xử của tòa án các cấp và về các nội dung khác (sự can thiệp, cản trở của các cơ quan chức năng trong quá trình thi hành án)... Đặc biệt là tình trạng đơn, thư khiếu nại vượt cấp, khiếu nại nhiều lần trong thi hành án dân sự chiếm tỷ lệ tương đối lớn cho thấy việc giám sát giải quyết khiếu nại của các chủ thể giám sát chưa được quan tâm đúng mức, nên không giải quyết được dứt điểm các khiếu nại của đương sự ngay từ cơ sở.

*Thứ hai, về nguyên nhân của hạn chế:* Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong giám sát thi hành án dân sự có rất nhiều yếu tố khách quan, chủ quan cơ bản sau đây:

*Một là, pháp luật về thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự còn nhiều bất cập chưa được bổ sung kịp thời:* Trong giám sát thi hành án dân sự, pháp luật thi hành án dân sự là cơ sở để các chủ thể giám sát thi hành án dân sự tiến hành giám sát, còn pháp luật về giám sát là công cụ, phương tiện để các chủ thể giám sát thi hành án dân sự thực hiện việc giám sát. Chính vì vậy, kết quả giám sát, chất lượng giám sát phụ thuộc rất lớn vào sự hoàn thiện của hai hệ thống văn bản này. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua hai hệ thống văn bản này cũng vẫn còn nhiều bất cập chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung, mặc dù đã có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

Đối với hệ thống các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự, được sự quan tâm của các cơ quan có thẩm quyền, trong thời gian vừa qua nhiều văn bản pháp luật liên quan đến thi hành án dân sự đã được ban hành, được sửa đổi, bước đầu đã khắc phục một số khó khăn, bất cập trong thủ tục thi hành án dân sự, nhưng cũng vẫn chưa đáp ứng được các nhu cầu đặt ra và chưa theo kịp với những biến đổi năng động của cuộc sống. Nhiều quy định liên quan đến thủ tục thi hành án dân sự vẫn còn chưa giải quyết hết được những tình huống thực tế cuộc sống đặt ra. Đặc biệt, các quy định về minh bạch hóa quá trình thi hành án dân sự chưa được quan tâm xây dựng. Chính vì vậy, dẫn tới thiếu các quy định làm căn cứ cho việc đánh giá tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hoạt động của đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến hoạt động giám sát thi hành án dân sự vẫn còn tản mạn, nhiều quy định được nằm trong các văn bản pháp luật quy định về quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự, mà chưa được hệ thống hóa thành văn bản quy định riêng về giám sát thi hành dân sự hoặc đưa vào thành một chế định riêng trong Luật Thi hành án dân sự, kể cả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 mới đây nhất cũng chỉ sửa một số điều về Kiểm sát thi hành án dân sự mà chưa xây dựng một cách có hệ thống các quy định về giám sát thi hành án dân sự. Chính vì vậy, trình tự, thủ tục giám sát thi hành

án dân sự vẫn chưa được quy định cụ thể, nên các chủ thể giám sát thi hành án dân sự gặp nhiều khó khăn trong giám sát thi hành án dân sự.

*Hai là, chưa có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giám sát thi hành án dân sự trong xã hội:* Có thể nói, hiện nay, nhận thức về tầm quan trọng của thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền và toàn xã hội đã được nâng lên một bước. Tuy nhiên, tầm quan trọng của giám sát thi hành án dân sự lại chưa thực sự được quan tâm nhiều. Còn có nhiều ý kiến cho rằng giám sát thi hành án dân sự chỉ là công việc riêng của các cơ quan có thẩm quyền giám sát. Giám sát thi hành án dân sự chỉ được coi là việc "làm thêm" của các cơ quan nhà nước khác và xã hội, nếu có điều kiện thì họ phối hợp để tổ chức thi hành án, nhưng lại không quan tâm đến giám sát thi hành án dân sự. Đặc biệt, sự giám sát của nhân dân còn rất ít.

*Ba là, năng lực của một số chủ thể giám sát thi hành án dân sự còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra:* Để đảm bảo giám sát thi hành án dân sự đạt hiệu quả cao, thì chủ thể giám sát thi hành án dân sự đòi hỏi phải có sự hiểu biết sâu sắc về pháp luật thi hành án dân sự; có khả năng, phương pháp giám sát tốt. Tuy nhiên thực tế cho thấy có một số chủ thể giám sát thi hành án dân sự khi tiến hành giám sát thi hành án dân sự lại chưa có hiểu biết sâu về thi hành án dân sự, nên gặp lúng túng trong giám sát thi hành án dân sự.

*Bốn là, chưa có cơ chế để minh bạch hóa các hoạt động liên quan đến trình tự, thủ tục thi hành án dân sự:* Khi tiến hành giám sát thi hành án dân sự, đòi hỏi chủ thể giám sát thi hành án dân sự phải theo dõi, đánh giá tính hợp pháp trong hoạt động của đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Chính vì vậy, đòi hỏi các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, cũng như hoạt động của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự phải được công khai hóa. Nhưng hiện tại nhiều hoạt động thi hành án chưa được minh bạch hóa, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thi hành án dân sự chưa được sâu rộng, nên nhân dân không có điều kiện hiểu biết sâu sắc quy định của pháp luật thi hành án dân sự và tiếp cận với các vụ việc thi hành án dân sự cụ thể nên, không thể tham gia giám sát thường xuyên hoạt động thi hành án dân sự.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu thực trạng về giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, mặc dù hoạt động giám sát thi hành án dân sự đã được Đảng, Nhà nước quan tâm, đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có chứa đựng các quy định về giám sát thi hành án dân sự, làm cơ sở cho việc giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực trạng giám sát thi hành án dân sự của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự, thực trạng việc sử dụng hình thức, phương thức giám sát thi hành án dân sự, kết quả giám sát thi hành án dân sự và sự ảnh hưởng của giám sát thi hành án dân sự đối với kết quả, hiệu quả thi hành án dân sự cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được như: hoạt động giám sát đã được tăng cường, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, đối tượng giám sát thi hành án dân sự đã bước đầu được định hình, thì bên cạnh đó còn có nhiều bất cập cần phải được giải quyết trong thời gian tới để bảo đảm giám sát thi hành án dân sự hiệu quả hơn, góp phần tích cực vào việc đảm bảo pháp chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của thi hành án dân sự, đáp ứng được các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

## *Chương 4*

# **BẢO ĐẢM GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỐI**

### **4.1. Một số quan điểm về bảo đảm giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam**

Giám sát thi hành án dân sự góp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực thi hành án dân sự và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong khi đó, thi hành án dân sự lại là một hoạt động phức tạp, nhạy cảm, có ảnh hưởng và liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp khác nhau; tác động và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Chính vì vậy, bảo đảm và nâng cao hiệu quả của giám sát thi hành án dân sự có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động đến nhiều vấn đề có liên quan. Nhằm bảo đảm giám sát thi hành án dân sự cần phải quán triệt một số quan điểm sau:

#### ***4.1.1. Đặt trong tổng thể của công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân***

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định nhiệm vụ: xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Vấn đề cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp, trong đó có các Cơ quan Thi hành án dân sự được coi là một trong những nội dung quan trọng trong cải cách thể chế tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Nhà nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tiếp tục khẳng định phải đẩy mạnh đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp,

trong đó nêu rõ: "*Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng án tồn đọng kéo dài*".

Hoạt động thi hành án dân sự là một nội dung của hoạt động nhà nước, là một bộ phận của hoạt động tư pháp, nên hoạt động thi hành án dân sự có mối quan hệ mật thiết đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước, nhất là hoạt động tư pháp. Nếu như hoạt động thi hành án dân sự không có hiệu quả, thì toàn bộ kết quả hoạt động của quá trình tổ tụng trước đó sẽ chỉ là con số không, thậm chí dẫn đến "nhòn" pháp luật của một bộ phận dân cư. Do đó, bảo đảm giám sát thi hành án dân sự cũng là một trong những biện pháp để đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và nó phải được đặt trong tổng thể của cải cách tư pháp, cải cách bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### ***4.1.2. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng***

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định:

Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Giám sát thi hành án dân sự nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động thi hành án dân sự, hạn chế các hành vi tiêu cực, sách nhiễu trong thi hành án dân sự, đồng thời nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội vào việc thi hành án dân sự. Vì thế, giám sát thi hành án dân sự không chỉ là hoạt động của Nhà nước, mà là của toàn xã hội.

Mặt khác, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nêu rõ:

Cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị, bản chất Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp [13].

Do đó, bảo đảm giám sát thi hành án dân sự là một trong những nội dung của cải cách tư pháp, cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

#### ***4.1.3. Hạn chế các tác động trái chiều làm ảnh hưởng đến tính ổn định và phát triển của thi hành án dân sự***

Để bảo đảm giám sát thi hành án dân sự đòi hỏi phải thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như xây dựng và cải cách cơ chế giám sát, đầu tư nhân lực, vật lực cho hoạt động giám sát, đặc biệt phải tăng cường hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Khi tăng cường hoạt động giám sát thi hành án dân sự đòi hỏi các chủ thể giám sát thi hành án dân sự phải giám sát chặt chẽ hơn, toàn diện hơn đối với hoạt động thi hành án dân sự. Đồng thời, các chủ thể có chức năng giám sát như Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện Kiểm sát cũng phải tổ chức nhiều hơn các Đoàn giám sát để theo dõi, kiểm tra hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự và các đối tượng có liên quan.

Mặt khác, trong quá trình giám sát thi hành án dân sự các chủ thể giám sát phải trực tiếp tham gia vào hoạt động thi hành án hoặc có những tác động nhất định lên quá trình thi hành án. Tất cả những điều đó, cũng đồng nghĩa với việc các chủ thể giám sát có tác động nhiều hơn đến hoạt động thi hành án dân sự, gây ảnh hưởng, thậm chí có thể gây khó hoặc cản trở hoạt động thi hành án dân sự. Do đó, việc bảo đảm giám sát thi hành án dân sự phải được tiến hành một cách thận trọng, tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng để hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực đến thi hành án dân sự, đặc biệt phải xây dựng được cơ chế hữu hiệu nhằm ngăn chặn mọi sự lạm quyền trong giám sát thi hành án dân sự của các chủ thể giám sát khi tiến

hành giám sát và đảm bảo không gây ra những tác động trái chiều, ảnh hưởng đến hoạt động thi hành án dân sự.

#### ***4.1.4. Góp phần hạn chế tình trạng tiêu cực, sách nhiễu và vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự***

Thi hành án dân sự có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích vật chất của Nhà nước, của cơ quan tổ chức và cá nhân. Chính vì vậy, trong quá trình thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên tục tìm mọi cách để gây ảnh hưởng đến Thủ trưởng, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự và những công chức làm công tác thi hành án nhằm tác động đến quá trình tổ chức thi hành án dân sự. Đối với những người có quyền lợi, họ luôn mong muốn được đẩy nhanh quá trình thi hành án dân sự. Ngược lại, người phải thi hành án lại luôn tìm mọi cách để làm chậm tiến trình thi hành án, thậm chí tìm mọi cách tác động để đưa ra những biện pháp nhằm không phải thi hành án. Để làm những điều đó, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan thường sử dụng rất nhiều những biện pháp khác nhau, trong đó có việc sử dụng vật chất để hối lộ, mua chuộc nhằm tác động đến Thủ trưởng, chấp hành viên và cán bộ công chức Cơ quan Thi hành án dân sự. Đồng thời, thi hành án dân sự là một trong những hoạt động rất phức tạp, trong quá trình thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự không chỉ tuân thủ các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, mà còn phải vận dụng nhuần nhuyễn nhiều loại văn bản khác nhau để tổ chức thi hành án. Trong khi đó, trình độ hiểu biết pháp luật của người dân, đặc biệt là của phần lớn những người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan còn hạn chế, nên cũng là điều kiện thuận lợi cho một số cá nhân lợi dụng để trục lợi, gây sách nhiễu người được thi hành án, người phải thi hành án. Đối với người được thi hành án, thì họ đe dọa kéo dài quá trình thi hành án hoặc là không thể thi hành án được do bị cản trở của quy định này hay quy định khác của pháp luật. Còn đối với người phải thi hành án, họ lại dụ dỗ,



đồng lõa, thậm chí có trường hợp còn tư vấn cho người phải thi hành án vận dụng các quy định của pháp luật để trốn tránh việc thi hành án.

Mặt khác, do tính chất của thi hành án phức tạp, số lượng vụ việc thi hành án hàng năm do một chấp hành viên đảm nhận lớn và không ngừng tăng lên do sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Hơn nữa hoạt động thi hành án dân sự thực sự chỉ mới được quan tâm một cách toàn diện kể từ năm 1993 thời điểm chuyển giao thi hành án dân sự từ Tòa án sang cho Chính phủ quản lý, nên về tổ chức Cơ quan Thi hành án dân sự, hệ thống văn bản pháp luật và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án dân sự vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, nên thường dễ xảy ra vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự. Do đó, bảo đảm giám sát thi hành án dân sự phải hướng tới hạn chế được các hành vi tiêu cực, sách nhiễu và vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự.

#### ***4.1.5. Phát huy được tổng hợp sức mạnh của toàn xã hội***

Thi hành án dựa trên cơ sở các bản án, quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại hoặc Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Chính vì vậy, thi hành án chỉ được tiến hành sau khi đã kết thúc quá trình tố tụng của Tòa án và quá trình giải quyết tranh chấp của Trọng tài Thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trước đó. Do đó, ngay trong quá trình tố tụng và giải quyết tranh chấp, nếu như đương sự nhận thấy sự bất lợi nghiêng về phía mình, họ sẽ tìm mọi cách để tẩu tán tài sản trước khi bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài Thương mại hoặc quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh được tuyên và có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, nếu như các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đầy đủ các biện pháp ngăn chặn như kê biên, phong tỏa, tạm giữ tài sản của người phạm tội, ngăn ngừa việc tẩu tán tài sản, thì việc thi hành án sẽ thuận lợi.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, theo quy định của pháp luật, thì người có thẩm quyền kháng nghị có quyền hoãn, tạm đình chỉ thi hành án để xem xét việc kháng nghị hoặc xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự

giám đốc thẩm, tái thẩm. Ngược lại, Cơ quan Thi hành án dân sự cũng có quyền đề nghị Tòa án xem xét lại bản án, quyết định nếu thấy có căn cứ cho rằng bản án xét xử không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng hoặc yêu cầu Tòa án giải thích những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của Tòa án. Nếu tất cả những công việc này không được Tòa án thực hiện một cách nghiêm túc và có trách nhiệm, thì cũng làm chậm tiến độ, thậm chí gây khó khăn cho hoạt động thi hành án dân sự.

Để tổ chức thi hành dứt điểm các bản án khó, đối tượng có điều kiện thi hành án, nhưng cố tình chống đối, chây ì, cơ quan Thi hành án dân sự đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế cần thiết. Để đảm bảo cưỡng chế thành công, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ, của các cơ quan hữu quan như Công an, Kiểm sát, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương; nhân dân địa phương, các cơ quan, tổ chức kinh tế có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự để đảm bảo phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào việc thi hành án dân sự.

Do đó, bảo đảm giám sát thi hành án dân sự phải nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; đảm bảo được sự phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan Thi hành án dân sự với các cơ quan hữu quan trong quá trình tổ chức thi hành bản án, quyết định có hiệu lực thi hành của Tòa án và của Trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào thi hành án dân sự.

## **4.2. Một số giải pháp bảo đảm giám sát thi hành án dân sự ở Việt Nam**

Việc xây dựng cơ chế đảm bảo thi hành án được tiến hành trên nhiều phương diện, trong đó có việc tăng cường và nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự. Trên cơ sở các quan điểm nêu trên, để bảo đảm giám sát thi hành án dân sự cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

### **4.2.1. Hoàn thiện thể chế về giám sát thi hành án dân sự**

Để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả giám sát thi hành án dân sự, vấn đề quan

trọng là thể chế giám sát - cơ sở pháp lý cho hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Do vậy, trong thời gian tới các cơ quan có thẩm quyền cần khẩn trương xây dựng và sửa đổi bổ sung kịp thời các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự, về giám sát thi hành án dân sự làm cơ sở và hành lang pháp lý cho giám sát thi hành án dân sự.

Một trong những nội dung quan trọng của giám sát thi hành án dân sự là theo dõi, kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi và quyết định của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Do đó, để xác định được hành vi của các đối tượng giám sát có hợp pháp hay không thì cần thiết phải có một hệ thống pháp luật thi hành án dân sự đầy đủ làm cơ sở cho hoạt động giám sát. Các chủ thể giám sát sẽ căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật về thi hành án dân sự để kiểm tra tính hợp pháp đối với hành vi, quyết định của Thủ trưởng, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự, của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân và các đối tượng khác có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự như các cơ quan, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội...

Thời gian vừa qua, Luật Thi hành án dân sự được ban hành đã khắc phục được một số bất cập như các quy định về miễn, giảm thi hành án, các quy định về chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án, các quy định về giải quyết khiếu nại và các quy định liên quan đến kiểm sát thi hành án dân sự, các quy định về bảo đảm thi hành án, cưỡng chế thi hành án.... Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, thì Luật Thi hành án dân sự, kể cả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014 cũng vẫn chưa giải quyết được một cách cơ bản những vấn đề đặt ra trong tình hình mới mà cần tiếp tục phải có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về dân sự, kinh tế, lao động không đồng bộ và chưa trở thành công cụ hữu hiệu trong quản lý kinh tế - xã hội. Vấn đề đăng ký quyền sở hữu tài sản chưa được quy định đầy đủ, chưa trở thành tập quán phổ biến, thành yêu cầu bắt buộc trong giao lưu dân sự. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh) chậm được triển khai.

Mặt khác, trong thời gian dài chúng ta chưa có cơ chế hữu hiệu để kiểm soát tình trạng vốn, tài sản, thu nhập của doanh nghiệp, cá nhân có đăng ký kinh doanh. Chế độ kế toán, thống kê trong thời gian dài không được chấp hành nghiêm chỉnh, trong khi lại chưa có cơ chế kiểm soát, giám sát hữu hiệu, chưa thực hiện được chức năng giám sát hoạt động của các loại hình doanh nghiệp thông qua hệ thống tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, chưa có quy định bắt buộc giao dịch thông qua hệ thống tài khoản, hạn chế sử dụng tiền mặt v.v... Những bất cập này đã tạo kẽ hở lớn trong việc thi hành án, khó thu hồi tài sản để trả cho người được thi hành án, do đó, để bảo đảm giám sát thi hành án dân sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự làm chuẩn mực, thước đo cho hoạt động giám sát thi hành án dân sự.

Nếu như pháp luật về thi hành án dân sự là thước đo, là chuẩn mực, để các chủ thể giám sát thi hành án dân sự dựa vào đó đánh giá hành vi, quyết định của Thủ trưởng, chấp hành viên, cán bộ, công chức thi hành án dân sự nói riêng và các đối tượng giám sát thi hành án dân sự nói chung là hợp pháp hay không hợp pháp, thì các quy định về giám sát, giám sát thi hành án dân sự là công cụ, phương tiện để các chủ thể giám sát tiến hành các hoạt động giám sát. Hay nói một cách khác, các quy định về giám sát, giám sát thi hành án dân sự sẽ quy định về thẩm quyền giám sát, thủ tục tiến hành giám sát, quyền, nghĩa vụ của chủ thể giám sát, đối tượng giám sát mà trên cơ sở các quy định đó, chủ thể giám sát thi hành án dân sự tiến hành giám sát hoạt động của đối tượng giám thi hành án dân sự.

Cho đến thời điểm này, có thể nói các quy định về giám sát ở nước ta vừa thiếu, vừa rời rạc, thiếu tính hệ thống và chưa có một văn bản pháp luật riêng quy định về giám sát, ngoại trừ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội mới được ban hành gần đây nhưng cũng chỉ quy định về hoạt động giám sát của duy nhất một chủ thể giám sát đó là Quốc hội. Hầu hết các quy định về giám sát được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật có quy định về tổ chức và hoạt động của các chủ thể giám sát như: Hiến pháp, Luật Tổ chức Hội

đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Cho đến nay chưa một văn bản pháp luật nào có quy định một cách toàn diện, đầy đủ về giám sát thi hành án dân sự, mà chủ yếu việc giám sát được tiến hành trên cơ sở các văn bản quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự. Ví dụ, các quy định về kiểm sát thi hành án dân sự được quy định trong Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân và Luật Thi hành án dân sự hoặc giám sát của Mặt trận Tổ quốc được quy định trong Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, Luật Tổ chức Mặt trận, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc giám sát của nhân dân được quy định trong Luật Khiếu nại, Luật tố cáo, Luật Thi hành án dân sự... Chính sự rời rạc, thiếu hệ thống và các quy định còn mang tính chung chung, không đi vào từng lĩnh vực cụ thể này đã dẫn đến hoạt động giám sát thi hành án dân sự kém hiệu quả. Do đó, cần phải có các quy định cụ thể của pháp luật về giám sát thi hành án dân sự.

Để thực hiện việc giám sát thi hành án dân sự, pháp luật đã trao cho các chủ thể giám sát thi hành án dân sự những quyền năng nhất định. Trên cơ sở quyền năng đó, các chủ thể tiến hành theo dõi, kiểm tra hoạt động của các đối tượng giám sát. Trong quá trình giám sát thi hành án dân sự, khi cần thiết, các chủ thể giám sát có thể dùng quyền năng của mình để tác động vào quá trình thi hành án và trong nhiều trường hợp sự tác động đó làm ảnh hưởng đến quá trình thi hành án dân sự, thậm chí có những trường hợp còn gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án và của người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Ví dụ, việc tạm đình chỉ của người có thẩm quyền kháng nghị có thể làm kéo dài thời gian thi hành án. Do đó, để nâng cao trách nhiệm của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự khi tiến hành giám sát và ngăn chặn sự lạm quyền trong giám sát thi hành án dân sự, cần thiết phải có các quy định cụ thể về trách nhiệm của chủ thể giám sát khi gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Cùng với việc hoàn thiện thể chế giám sát, các cơ quan có thẩm quyền cần đẩy mạnh việc công khai, minh bạch hóa trình tự, thủ tục thi hành án dân sự. Như trên đã trình bày, trong quá trình giám sát thi hành án dân sự, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự sẽ kiểm tra, theo dõi và đôn đốc, cũng như tác động, điều chỉnh các hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của Thủ trưởng, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự và các đối tượng giám sát thi hành án dân sự khác. Để làm được điều này, các chủ thể giám sát thi hành án dân sự cần phải được biết về các hoạt động của đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự, mà trọng tâm là hoạt động của Thủ trưởng và chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự, tức các chủ thể giám sát cần được biết các đối tượng giám sát được quyền làm gì, không được làm gì; có nghĩa vụ thực hiện công việc gì hay không được thực hiện hành vi nào và làm công việc đó như thế nào. Muốn vậy, ngoài việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự, về giám sát thi hành án dân sự, thì đòi hỏi phải công khai hóa, minh bạch hóa các hoạt động của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Mặt khác, việc công khai hóa, minh bạch hóa các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, quy trình, thủ tục thi hành án dân sự còn giúp cho người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có liên quan dễ dàng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Đồng thời, nó còn có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng, chấp hành viên và các cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự và những người có liên quan đến thi hành án dân sự. Mặc dù, việc công khai hóa, minh bạch hóa các hoạt động thi hành án dân sự có ý nghĩa lớn như vậy đối với thi hành án dân sự, giám sát thi hành án dân sự, nhưng công khai những hoạt động nào, của đối tượng giám sát thi hành án dân sự nào thì lại phải được tính toán một cách kỹ lưỡng và cần căn cứ vào hoạt động của đối tượng giám sát và mức độ ảnh hưởng của các hoạt động đó đến việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự.

#### ***4.2.2. Tăng cường hoạt động giám sát và nâng cao trách nhiệm của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự***

Thi hành án dân sự là hoạt động thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự, thì hoạt động giám sát thi hành án dân sự phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục. Khi hoạt động giám sát được tiến hành thường xuyên và liên tục, sẽ giúp các chủ thể giám sát kịp thời phát hiện những hành vi, quyết định có vi phạm pháp luật của các đối tượng giám sát trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự. Mặt khác, việc giám sát thi hành án không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra tính hợp pháp đối với các hành vi của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự, mà thông qua hoạt động giám sát, các chủ thể giám sát thi hành án còn kiến nghị, yêu cầu những đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, khắc phục thiệt hại nếu có và điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các quy định của pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giám sát, các chủ thể giám sát phát hiện những nguyên nhân dẫn đến vi phạm pháp luật trong thi hành án, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và kiến nghị các đối tượng giám sát thi hành án dân sự thực hiện. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự, thì chủ thể đã tiến hành hoạt động giám sát còn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết quả giám sát, theo dõi việc khắc phục các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát. Để làm được những việc này, đòi hỏi hoạt động giám sát thi hành án dân sự phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục.

Trong giám sát thi hành án dân sự, chủ thể giám sát đóng một vai trò quan trọng trong sự thành công của hoạt động giám sát. Do đó, để nâng cao hiệu quả giám sát nói chung, giám sát thi hành án dân sự nói riêng, thì nâng cao chất lượng của chủ thể giám sát thi hành án dân sự cũng là một trong những biện pháp làm tăng hiệu quả của giám sát thi hành án dân sự. Cụ thể:

- *Cần nâng cao chất lượng cơ quan chuyên trách của Quốc hội và Hội đồng nhân dân để thực hiện giám sát hoạt động tư pháp: Thi hành án dân sự*

là một hoạt động hành chính - tư pháp, nên việc nâng cao chất lượng chủ thể giám sát, trước hết cũng là nâng cao chất lượng chủ thể giám sát công tác tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 đã của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách công tác tư pháp đến 2020 đã nêu rõ: *"Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp, đặc biệt là của lãnh đạo các cơ quan tư pháp. Thành lập Ủy ban tư pháp của Quốc hội để giúp Quốc hội thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động tư pháp"* [13]. Việc thành lập Ủy ban Tư pháp để giám sát hoạt động tư pháp sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Quốc hội tập trung nhân lực, vật lực và đầu tư sâu cho giám sát hoạt động tư pháp, trong đó có thi hành án dân sự. Thành lập Ủy ban chuyên trách giám sát hoạt động tư pháp cũng cho phép Quốc hội có thể có những Đoàn giám sát chuyên sâu về thi hành án dân sự trong thời gian Quốc hội không họp, hoặc trong phiên họp của Quốc hội. Các đại biểu chuyên trách của Ủy ban này có thể đầu tư thời gian để nghiên cứu sâu về thi hành án dân sự, từ đó nâng cao chất lượng của hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Tuy nhiên, qua triển khai thực hiện cho thấy, việc đầu tư về nguồn nhân lực, vật lực cho hoạt động giám sát của Ủy ban Tư pháp chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Do đó, việc giám sát đối với hoạt động thi hành án dân sự nói riêng và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung chưa được thường xuyên và đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

- *Cho phép Luật sư được tham gia bảo vệ quyền lợi của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án:* Trong những năm vừa qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, sự bùng nổ của thông tin, nhân dân đã được tiếp xúc nhiều với pháp luật, trình độ pháp luật của nhân dân đã được nâng lên một bước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy không phải bất cứ người dân nào cũng có đầy đủ kiến thức pháp luật để tự bảo vệ quyền lợi của mình, nhất là trong thi hành án dân sự một lĩnh vực có liên quan đến nhiều văn bản pháp luật khác nhau điều chỉnh. Do đó, để giúp người dân bảo vệ quyền lợi của mình và giám sát chặt chẽ các hoạt động thi



hành án dân sự, cần thiết phải có các quy định của pháp luật chính thức ghi nhận sự tham gia của Luật sư trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự.

- *Quy định và tăng cường vai trò giám sát của Tòa án nhân dân trong thi hành án dân sự:* Về mặt lý luận cũng như thực tiễn thi hành án dân sự cho thấy, tăng cường trách nhiệm của Tòa án trong thi hành án dân sự, trong đó có giám sát việc thi hành án dân sự có vai trò rất quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi để Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức thi hành án. Thông qua giám sát hoạt động thi hành án dân sự, Tòa án sẽ kịp thời phát hiện những sai sót, hạn chế trong công tác xét xử để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng xét xử, ban hành những bản án, quyết định đảm bảo chính xác, vô tư, khách quan, khả thi nhằm thuyết phục người phải thi hành án tự nguyện thi hành án và thu hút sự đồng thuận vào cuộc của cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội và việc thi hành án dân sự. Do đó, cần phải xây dựng, bổ sung các quy định của pháp luật về giám sát của Tòa án đối với hoạt động thi hành án dân sự.

- *Xây dựng cơ chế thu hút sự giám sát của nhân dân đối với thi hành án dân sự.* Theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, còn tố cáo và giải quyết tố cáo thi hành án dân sự lại được thực hiện trên cơ sở các quy định của Luật Khiếu nại tố cáo. Do đó, việc giám sát của người dân đối với hoạt động thi hành án dân sự còn gặp nhiều khó khăn do phải tuân thủ nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Mặt khác, hiện tại tố cáo chỉ được thực hiện trên cơ sở các hành vi vi phạm pháp luật tới mức có gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công dân, nên đã làm hạn chế tính tích cực của hoạt động giám sát của nhân dân do việc tố cáo chỉ được thực hiện sau khi đã xảy ra vi phạm pháp luật tới mức gây thiệt hại cho Nhà nước và của công dân. Đồng thời, khi tố cáo, người dân phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung tố cáo, nên nếu xảy ra trường hợp tố cáo sai thì họ phải gánh chịu hậu quả xấu. Nhưng tố cáo đúng thì hiện tại

cũng chưa có cơ chế để thưởng cho những người tố cáo, điều này dẫn đến hậu quả là nhân dân ngại không tham gia vào giám sát thi hành án dân sự. Do đó, cần phải xây dựng cơ chế thuận tiện, tạo mọi điều kiện để người dân tham gia giám sát hoạt động thi hành án dân sự, trong đó quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi và thiết chế bảo vệ người dân trong giám sát thi hành án dân sự.

- *Xây dựng cơ chế nâng cao trách nhiệm của các chủ thể giám sát.* Như đã nêu ở trên (4.1.3), giám sát thi hành án dân sự trong chừng mực nhất định, nếu không được quan tâm đúng mức, không xây dựng được các thiết chế cần thiết nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự để hạn chế các sai sót, thậm chí là lạm dụng quyền lực trong chính quá trình giám sát, thì giám sát không những không đảm bảo được tính đúng đắn trong thi hành án dân sự, mà còn có thể gây ra những tác động tiêu cực, cản trở quá trình thi hành án. Do đó, tăng cường hoạt động giám sát thi hành án dân sự cần có các biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng quyền giám sát gây ảnh hưởng xấu tới quá trình thi hành án dân sự nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự.

#### ***4.2.3. Nâng cao nhận thức của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với giám sát thi hành án dân sự***

Để nâng cao hiệu quả công tác giám sát thi hành án dân sự, điều đầu tiên đặt ra là thái độ của Nhà nước, của xã hội và đặc biệt là của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự đối với giám sát thi hành án dân sự như thế nào. Nếu như các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân có thái độ đúng đắn đối với thi hành án dân sự, đối với giám sát thi hành án dân sự, thì họ sẽ quan tâm đến giám sát thi hành án dân sự. Nhờ có sự quan tâm này, họ sẽ tích cực tham gia vào hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Để có thể nâng cao được nhận thức của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với giám sát thi hành án dân sự cần phải:

- *Làm chuyển biến nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi hành án dân sự.* Thi hành án dân sự là hoạt động mang tính thực

tiền cao, có thể nói hầu hết các hoạt động thi hành án dân sự đều được triển khai trong thực tiễn và gắn bó chặt chẽ với cơ sở. Đồng thời, do thi hành án dân sự liên quan trực tiếp đến tài sản của đương sự, có liên quan đến nhiều cơ quan nhà nước khác nhau như Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ quan Thuế, Tổ chức tài chính, Tài nguyên môi trường, nhà đất, Công an... và có tác động lớn đến tình hình an ninh, chính trị của từng địa phương. Do đó, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự Cơ quan Thi hành án dân sự cần phải có sự chỉ đạo phối hợp của các cấp ủy Đảng và chính quyền. Do đó, nếu như cấp ủy và chính quyền địa phương không coi thi hành án dân sự là việc chung và có trách nhiệm với công tác thi hành án dân sự, thì việc giám sát thi hành án cũng sẽ bị buông lỏng.

- *Tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự.* Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật một mặt làm nâng cao nhận thức về pháp luật thi hành án cho nhân dân và những đối tượng trực tiếp liên quan đến việc thi hành án dân sự, giúp người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự nâng cao khả năng tự bảo vệ mình, mặt khác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật về thi hành án dân sự giúp nhân dân và những người có liên quan trực tiếp đến việc thi hành án nắm rõ được các quyền, nghĩa vụ của mình và của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự cũng như pháp luật về thi hành án dân sự, từ đó làm cơ sở để họ có thể tham gia giám sát thi hành án dân sự.

#### ***4.2.4. Mở rộng đối tượng giám sát, nội dung giám sát, đổi mới hình thức, phương thức giám sát***

- *Về đối tượng giám sát,* trong thời gian tới cần có quy định mở rộng đối tượng giám sát thuộc diện khiếu nại của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự. Trên thực tế, tham gia vào quá trình thi hành án dân sự có nhiều đối tượng khác nhau như: Thủ trưởng, chấp hành viên Cơ quan Thi hành án dân sự, thẩm tra viên; thư ký thi hành án, kế toán thi hành án, thủ quỹ thi hành án và

các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đó là Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân, Thẩm phán, cán bộ Tòa án, Thủ trưởng và cán bộ của cơ quan nơi trả thu nhập cho người phải thi hành án... tất cả những người này ở các mức độ khác nhau, đều có tác động đến hiệu quả của thi hành án dân sự. Ví dụ như thủ trưởng của tổ chức kinh tế nơi người phải thi hành án nhận thu nhập không chịu cung cấp số liệu về thu nhập của người phải thi hành án hoặc không thực hiện quyết định cưỡng chế của chấp hành viên khi áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án, thì kết quả thi hành án rõ ràng bị ảnh hưởng. Trong khi đó, Luật Thi hành án dân sự lại chỉ quy định cho người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có liên quan đến việc thi hành án chỉ được khiếu nại hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng và chấp hành viên của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Mặt khác, hiện tại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, thì trong cơ cấu tổ chức của Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự còn có chức danh thẩm tra viên thi hành án dân sự, cũng là một chức danh tư pháp, có chức năng thẩm tra các hồ sơ thi hành án. Do đó, nếu không mở rộng đối tượng giám sát thuộc diện khiếu nại của người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án, thì hiệu quả giám sát của chủ thể này đối với thi hành án dân sự sẽ bị hạn chế.

- *Về nội dung giám sát:* Để đảm bảo nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự, thì đổi mới nội dung giám sát cũng phải được đặt ra. Căn cứ vào các phân tích đã nêu trên, có thể thấy cần phải đổi mới một số vấn đề liên quan đến nội dung giám sát thi hành án dân sự đó là quy định rõ các quyền, nghĩa vụ của chủ thể giám sát thi hành án dân sự, đối tượng giám sát thi hành án dân sự trong các văn bản pháp luật thi hành án dân sự. Hiện tại, quyền và nghĩa vụ của chủ thể giám sát thi hành án dân sự, đối tượng thi hành án dân sự chủ yếu dựa trên cơ sở các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể giám sát và đối tượng giám sát thi hành án dân sự, nên khi tiến hành giám sát thi hành án dân sự một lĩnh vực giám sát rất cụ thể trong hoạt

động của bộ máy nhà nước, các chủ thể giám sát và đối tượng giám sát thi hành án dân sự gặp rất nhiều lúng túng trong việc tiến hành giám sát. Các chủ thể giám sát thi hành án dân sự không xác định được quyền, nghĩa vụ của mình đến đâu, được giám sát đối với những hoạt động nào của đối tượng giám sát thi hành án dân sự, phạm vi giám sát bao gồm những nội dung gì...và đối tượng giám sát thi hành án dân sự cũng không rõ mình phải thực hiện công việc gì khi nhận được những kiến nghị, yêu cầu của chủ thể giám sát. Do đó, để nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự cần phải quy định rõ ràng quyền, nghĩa vụ của các chủ thể giám sát thi hành án dân sự, đối tượng giám sát thi hành án dân sự.

- *Về hình thức, phương thức giám sát:* Giám sát như thế nào, giám sát bằng cách nào cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát thi hành án dân sự. Trong giám sát thi hành án dân sự, nếu như có hình thức, phương pháp giám sát phù hợp sẽ nâng cao được hiệu quả thi hành án dân sự, ngược lại, hình thức và phương pháp giám sát thi hành án dân sự không phù hợp sẽ làm cho hiệu quả giám sát thi hành án dân sự không cao, thậm chí có thể đưa lại những tác động tiêu cực tới hoạt động thi hành án dân sự. Để bảo đảm giám sát thi hành án dân sự, về mặt hình thức và phương thức giám sát thi hành án dân sự cần phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai hình thức giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Bởi vì, như đã trình bày ở trên, về mặt lý luận cũng như thực tiễn, hiện tại có hai hình thức giám sát cơ bản đó là hình thức giám sát trực tiếp và hình thức giám sát gián tiếp. Hai hình thức giám sát này được hầu hết các chủ thể giám sát thi hành án sử dụng, thậm chí có chủ thể giám sát sử dụng cùng lúc cả hai hình thức trong quá trình giám sát thi hành án dân sự. Hai hình thức giám sát này xét ở góc độ này hay góc độ khác đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng, nên cần được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng để vận dụng nhằm phát huy ưu điểm và hạn chế nhược điểm, cụ thể là:

+ *Đối với hình thức giám sát trực tiếp:* Khi sử dụng hình thức giám sát trực tiếp, các chủ thể bằng chính hoạt động của mình để thu thập các thông tin

về đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Do đó, hình thức giám sát trực tiếp cho phép các chủ thể giám sát kiểm tra, theo dõi trực tiếp hoạt động của các đối tượng giám sát thi hành án dân sự, tự mình kiểm tra tính hợp pháp của các hoạt động của các đối tượng giám sát, cũng như tự mình đưa ra các kiến nghị, các yêu cầu đối với đối tượng giám sát thi hành án dân sự khi phát hiện có các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát thi hành án dân sự. Chính vì vậy, sử dụng hình thức giám sát trực tiếp cho phép xử lý nhanh chóng, các vấn đề bất cập nảy sinh trong thi hành án dân sự. Tuy vậy, giám sát trực tiếp cũng có những nhược điểm nhất định như *hạn chế về mặt không gian* (Khi sử dụng hình thức giám sát trực tiếp, bắt buộc chủ thể giám sát phải trực tiếp tham gia hoặc quan sát được hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự. Do đó, đòi hỏi chủ thể giám sát phải có mặt tại nơi diễn ra hoạt động của đối tượng giám sát, vì vậy, tại một thời điểm, chủ thể giám sát chỉ có thể giám sát được một số ít hoạt động của đối tượng giám sát, do không thể cùng lúc giám sát trực tiếp ở nhiều địa điểm khác nhau) và *hạn chế về mặt thời gian* (Khi tiến hành giám sát hoạt động thi hành án dân sự, bắt buộc các chủ thể giám sát phải giành thời gian vật chất cho hoạt động giám sát, nhưng hoạt động thi hành án dân sự diễn ra thường xuyên, liên tục, ở nhiều địa điểm khác nhau và do nhiều đối tượng tiến hành, trong khi đó nhiệm vụ giám sát thi hành án dân sự ở một số chủ thể giám sát chỉ là một trong nhiều lĩnh vực thuộc trách nhiệm giám sát của chủ thể giám sát. Do đó, việc đầu tư thời gian vật chất cho giám sát thi hành án dân sự một cách thỏa đáng là khó có thể thực hiện được) và *tốn kém về nhân lực, vật lực* (để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ giám sát thi hành án dân sự, khi trực tiếp giám sát hoạt động thi hành án dân sự, ngoài việc chủ thể giám sát phải giành thời gian vật chất thỏa đáng cho việc giám sát, chủ thể giám sát phải có kế hoạch và đầu tư nhân lực, vật lực cho việc giám sát, bởi lẽ khi sử dụng hình thức giám sát trực tiếp, các chủ thể giám sát chỉ có thể sử dụng một cách hạn chế những người nằm ngoài sự quản lý của chủ thể giám sát để tiến hành giám sát. Bên cạnh đó, do phạm vi giám sát của

một số chủ thể giám sát rộng, nên muốn giám sát có hiệu quả, chủ thể giám sát phải phân tán người làm giám sát và tới trực tiếp nơi cần giám sát nên gây tốn kém về nguồn lực con người và cần chi phí phục vụ giám sát lớn).

+ *Đối với hình thức giám sát gián tiếp*: Do tiến hành giám sát thông qua hoạt động của các chủ thể khác, nên trong cùng một thời điểm chủ thể giám sát thi hành án dân sự có thể tiến hành giám sát đối với hoạt động của nhiều đối tượng giám sát thi hành án dân sự khác nhau. Đồng thời, hình thức giám sát gián tiếp cũng cho phép có thể huy động được sự tham gia rộng rãi của các chủ thể khác đối với hoạt động giám sát thi hành án dân sự. Mặc dù có nhiều ưu điểm như vậy, nhưng hình thức này cũng có những nhược điểm nhất định đó là việc theo dõi, kiểm tra, nắm bắt thông tin về đối tượng giám sát thi hành án dân sự không được nhanh chóng và chính xác, nên khó có thể đưa ra được những biện pháp xử lý chính xác. Mặt khác, việc phân biệt hình thức giám sát trực tiếp và hình thức giám sát gián tiếp trong thi hành án dân sự chỉ mang tính chất tương đối, vì với mỗi hình thức giám sát, đối với chủ thể này có thể giám sát trực tiếp, nhưng với chủ thể khác lại là giám sát gián tiếp. Ví dụ, nhân dân gián tiếp giám sát thi hành án dân sự thông qua hoạt động giám sát thi hành án dân sự của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân. Nhưng đối với Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân với tư cách là chủ thể giám sát thi hành án dân sự, thì hoạt động giám sát của họ với hoạt động thi hành án dân sự lại là hình thức trực tiếp.

Do đó, để nâng cao hiệu quả giám sát thi hành án dân sự, đòi hỏi các chủ thể giám sát thi hành án dân sự phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai hình thức giám sát đã nêu trên. Tuy nhiên, mức độ kết hợp như thế nào, phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa chủ thể giám sát với đối tượng giám sát trong thi hành án dân sự.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

Thi hành án dân sự là một hoạt động của Nhà nước là một trong những phương thức để thực thi quyền lực nhà nước, đồng thời cũng là biện pháp để đảm bảo nâng cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thông qua hoạt động thi hành án dân sự, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân được bảo vệ, công lý, công bằng xã hội trở thành hiện thực. Bản án, quyết định đã có hiệu lực nếu không được tổ chức thi hành dứt điểm sẽ làm vô hiệu hóa toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trước đó, làm ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước.

Giám sát thi hành án dân sự với tính cách là một trong những biện pháp đảm bảo thực thi quyền lực nhà nước theo dõi, quan sát một cách chủ động, thường xuyên, liên tục đối với hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự, chấp hành viên, các công chức khác của Cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án dân sự. Đồng thời, sẵn sàng tác động để buộc và hướng hoạt động của những cơ quan, cá nhân này theo đúng các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nhằm tổ chức thi hành một cách có hiệu quả nhất các bản án, quyết định có hiệu lực thi hành của Tòa án, Trọng tài Thương mại và Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

Với ý nghĩa như vậy, giám sát thi hành án dân sự có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong thi hành án dân sự, góp phần đẩy lùi những bất cập tồn tại trong thi hành án dân sự, từ đó nâng cao kết quả, hiệu quả công tác thi hành án dân sự, củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan tư pháp nói riêng và đối với bộ máy nhà nước nói chung. Trên cơ sở đó xây dựng bộ máy nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, tiến tới xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Để làm được điều này, đòi hỏi hiệu quả các hoạt động của Nhà nước, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự phải được nâng cao. Trong thời gian vừa qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành những chủ trương, chính sách lớn và nhiều văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Cơ



quan Thi hành án dân sự (Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, Chỉ thị số 20/2001/CTTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác thi hành án dân sự; Pháp lệnh Luật sư năm 2001....); Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Đặc biệt là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được ban hành gần đây đã khẳng định phải: *"xây dựng cơ chế đảm bảo mọi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của Tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành"* và để đảm bảo cho bản án, quyết định của Tòa án được nghiêm chỉnh thi hành, Nghị quyết này cũng nêu rõ phải *"hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp"*.

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả giám sát thi hành án dân sự góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả công tác thi hành án dân sự, nghiên cứu sinh đã mạnh dạn nghiên cứu và bước đầu đưa ra một số quan niệm về giám sát thi hành án dân sự; hệ thống hóa lại các quy định của pháp luật về giám sát thi hành án dân sự và đưa ra một số giải pháp bước đầu nhằm bảo đảm giám sát thi hành án dân sự, từ đó góp phần đảm bảo thực hiện quyền lực nhà nước trong thi hành án dân sự có hiệu quả và thống nhất.

## 2. KIẾN NGHỊ

Từ các kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu sinh có một số khuyến nghị như sau:

### 1. Về xây dựng thể chế

Sửa đổi, bổ sung Luật giám sát của Quốc hội theo hướng có chế định riêng quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám sát đối với từng lĩnh vực hoạt động cụ thể của bộ máy nhà nước, trong đó có hoạt động thi hành án dân sự; tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự và các Luật có liên quan để minh bạch hóa các hoạt động thi hành án dân sự, đồng thời bổ sung các quy định quy định cụ thể các quyền, nghĩa vụ của chủ thể giám sát, đối tượng giám sát trong giám sát hoạt động thi hành án dân sự. Bổ sung các quy định cho phép Luật sư tham gia vào quá trình thi hành án dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

## **2. Tăng cường hiệu quả giám sát của một số chủ thể giám sát**

- Tăng cường năng lực giám sát chuyên sâu của Ủy ban Tư pháp trong từng lĩnh vực của hoạt tư pháp bao gồm: hoạt động của cơ quan điều tra; hoạt động của cơ quan Kiểm sát, Tòa án và Cơ quan Thi hành án dân sự. Trong đó chú trọng xây dựng bộ máy giúp việc của Ủy ban đủ mạnh để giúp Ủy ban trong giám sát; tăng cường cơ sở vật chất; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng giám sát cho Đại biểu Quốc hội.

- Tăng cường giám sát đối với hoạt động tư pháp, nhất là hoạt động xét xử và thi hành án dân sự, trong đó chú trọng giám sát việc thi hành Luật, Pháp lệnh và các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xét xử và thi hành án dân sự.

## **3. Về xây dựng mô hình giám sát hiệu quả**

Để đảm bảo cho việc giám sát thi hành án dân sự hiệu quả, Nghiên cứu sinh đề xuất mô hình giám sát sau đây:

- *Quốc hội*: Giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động thi hành án dân sự và các hoạt động có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự. Theo đó, Quốc hội giám sát hoạt động của Chính phủ, của các Bộ, ngành; của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong thi hành án dân sự;

- *Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*: Kiểm sát đối với toàn bộ hoạt động thi hành án dân sự của các Cơ quan quản lý Thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự; các hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân các cấp có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự;

- *Tòa án nhân dân tối cao*: giám sát kết quả thi hành bản án, quyết định của Tòa án đối với các Cơ quan Thi hành án dân sự.

- *Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp*: giám sát hoạt động thi hành án dân sự ở địa phương.

- *Đương sự*, người được thi hành án, người phải thi hành và người có quyền, lợi ích liên quan tự mình hoặc thông qua Luật sư giám sát hoạt động của Chấp hành viên và Cơ quan Thi hành án dân sự.

- *Nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội*, giám sát toàn bộ hoạt động thi hành án dân sự thông qua phản biện xã hội và thông qua hoạt động của các cơ quan đại diện.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC  
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Thế Anh (2012), "Tiêu chí xác định việc thi hành án dân sự tồn đọng và phân loại", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* (6), tr. 8 – 12.
2. Hoàng Thế Anh (2013), "Một số hạn chế trong công tác thống kê thi hành án dân sự năm 2013 và biện pháp khắc phục", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* (Số chuyên đề), tr. 157 -165.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Bình (200), *Một số ý kiến về thi hành án dân sự*, Báo cáo hội thảo Tư pháp dân sự.
2. Bộ Tư pháp (2004), “*Báo cáo tổng kết 10 năm hoạt động thi hành án dân sự giai đoạn 1993 đến 2013*”, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2012), “*Sơ kết thực hiện Luật Thi hành án dân sự năm 2008*”, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2013), *Tổng kết 20 năm hoạt động thi hành án dân sự*, Hà Nội.
5. Chính phủ (), *Các Báo cáo về công tác thi hành án dân sự trước Quốc hội từ năm 1993 đến 2014*, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Dung (2005), *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Sĩ Dũng (2004), *Quyền giám sát của Quốc hội – Nội dung và thực tiễn từ góc nhìn tham chiếu*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Nguyễn Sĩ Dũng (2006), *Thường thức về hoạt động giám sát của Quốc hội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 về một số vấn đề trọng tâm công tác tư pháp trong tương lai*, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 về Chiến lược cải cách tư pháp từ nay đến năm 2020*, Hà Nội.

14. Trần Ngọc Đường (1999), “Quyền giám sát tối cao và một số suy nghĩ về việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực hiện quyền giám sát tối cao của Quốc hội”, *Kỷ yếu Hội thảo về hoạt động giám sát của Quốc hội*, tr.11-15.
15. Trần Ngọc Đường (2003), *Quyền giám sát tối cao của Quốc hội và quyền giám sát của các cơ quan của Quốc hội: đối tượng, nội dung, phương thức thực hiện và hậu quả pháp lý, Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực của nhà nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Trần Ngọc Đường (2006), “Tăng cường năng lực giám sát của Quốc hội”, *Báo Nhân dân* số ra ngày 02/01/2006.
17. Trương Thị Hồng Hà (2004), "Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm chức năng giám sát của Quốc hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Nhà nước và Pháp luật*, (3), tr. 33-41.
18. Trương Thị Hồng Hà (2007), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo chức năng giám sát của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật Hà Nội.
19. Lê Văn Hòe (2004), “Sự phát triển của định chế pháp lý về giám sát của Quốc hội trong lịch sử lập hiến Việt Nam”, *Đề tài nghiên cứu của khoa Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*.
20. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000-2001), “Tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội”, *Tổng quan đề tài khoa học*.
21. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn (2002), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, H.
22. Phạm Văn Hùng (2003), *Quyền giám sát của Quốc hội đối với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân*, Luận án Tiến sĩ luật học , Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
23. Phùng Văn Hùng (2004), “Kỹ năng giám sát của đại biểu Quốc hội”, *Kỷ yếu hội thảo về tổ chức hoạt động giám sát của Quốc hội*, tr.145.

24. Trần Thanh Hương (2003), "Đối tượng giám sát của Quốc hội", *Nghiên cứu lập pháp*, (2), tr.22-27.
25. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2003), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
26. Nguyễn Văn Kim (2001), *Tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của một số nước trên thế giới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Phạm Ngọc Kỳ (1996), *Về quyền giám sát tối cao của Quốc hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. Phan Trung Lý (2004), "Giám sát và luật hoạt động giám sát của Quốc hội", *Kỷ yếu hội thảo về tổ chức hoạt động giám sát của Quốc hội*, Hà Nội, tr.20.
29. Phan Trung Lý, Phạm Văn Hùng (1998), "Những quy định của Hiến pháp nước ta về chức năng giám sát của Quốc hội", *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Đinh Văn Mậu (2003), *Quyền lực nhà nước và quyền công dân*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
31. Hoàng Thị Ngân (2003), "Về cách tiếp cận quyền giám sát của Quốc hội", *Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực của nhà nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Nguyễn Đức Nghĩa (2003), *Cơ sở lý luận và thực tiễn khắc phục án dân sự tồn đọng ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
33. Hạnh Nguyên (2006), "Ngày càng khẳng định quyền giám sát tối cao", *Báo Quân đội nhân dân* ngày 7/1/2006, Hà Nội.
34. Quốc hội (1992) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
35. Quốc hội (1998), *Luật 09/1998/QH10 ngày 2/12 về khiếu nại tố cáo*, Hà Nội.

36. Quốc hội (1999), *Luật 14/1999/QH10 ngày 12/6 về Mặt trận Tổ quốc*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2001), *Luật 30/2001/QH10 ngày 25/12 về tổ chức Quốc hội*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2001), *Luật 32/2001/QH10 ngày 25/12 Luật Tổ chức Chính phủ*, Hà Nội.
39. Quốc hội (2002), *Luật 33/2002/QH10 ngày 2/4 về tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
40. Quốc hội (2002), *Luật 34/2002/QH10 ngày 2/4 về tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
41. Quốc hội (2003), *Luật 05/2003/QH11 ngày 17/6 về hoạt động giám sát của Quốc hội*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2003), *Luật 11/2003/QH11 ngày 26/11 về tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2003), *Luật 12/2003/QH11 ngày 26/11 về bầu cử Hội đồng nhân dân*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2003), *Luật 26/2004/QH11 ngày 15/6 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2004), *Luật 22/2004/QH11 ngày 15/6 về thanh tra*, Hà Nội.
46. Nguyễn Hữu Quỳnh và tập thể tác giả (1999), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
47. Nguyễn Quang Thái (2008), *Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học , Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
48. Bùi Ngọc Thanh (2004), “Bàn thêm về tổ chức bộ máy Nhà nước và hoạt động giám sát của Quốc hội”, *Kỷ yếu hội thảo về tổ chức hoạt động giám sát của Quốc hội*, tr.118.

49. Lưu Trung Thành (2004), "Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân", *Luật học*, (4), tr. 53-60.
50. Nguyễn Thành (2001), "Hoạt động chất vấn nhìn từ thực tế một kỳ họp Quốc hội", *Nghiên cứu lập pháp*, (6), tr.11-15.
51. Nguyễn Thanh Thủy (2008), *Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự ở Việt Nam hiện*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
52. Lê Như Tiến (2004), "Hiệu quả giám sát của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội thông qua việc Chính phủ và các cơ quan hữu quan tiếp thu, xử lý các kiến nghị giám sát", *Kỷ yếu hội thảo về tổ chức hoạt động giám sát của Quốc hội*, tr.137.
53. Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử (2005), *Kỷ yếu Hội nghị tập huấn kỹ năng giám sát*.
54. Lê Anh Tuấn (2004), *Đổi mới thủ tục thi hành án dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
55. Đào Trí Úc (2003), "Quan niệm về giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước và các cơ chế thực hiện giám sát", *Nhà nước và Pháp luật*, (6), tr.3-7.
56. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1989), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
57. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1993), *Pháp lệnh Thi hành án dân sự*, Hà Nội.
58. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), "*Pháp lệnh 13/2004/PL-UBTVQH11 ngày 14/1/2004*" về Thi hành án dân sự, Hà Nội.
59. Ủy ban Tư pháp Quốc hội Khóa XIII (2012), *Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Ủy ban Tư pháp Quốc hội đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Hà Nội.
60. Văn phòng Quốc hội (2004), *Công tác tham mưu tổng hợp phục vụ ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội, những vấn đề rút ra và kiến nghị*, Báo cáo tóm tắt đề tài, Hà Nội.



61. Văn phòng Quốc hội (2006), *Thường thức về hoạt động giám sát của Quốc hội*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
62. Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp (2004), *Bộ Tư pháp Chương trình đổi mới công tác xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản triển khai*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
63. Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp (2005) *Thiết chế chính trị và bộ máy nhà nước một số nước trên thế giới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
64. Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2005), “Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới”, *Báo cáo phúc trình đề tài cấp nhà nước độc lập*, Hà Nội.
65. Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2005), *Luận cứ khoa học và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động thi hành án ở Việt Nam trong giai đoạn mới*, Báo cáo phúc trình đề tài cấp nhà nước độc lập, Hà Nội.
66. Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp (2005), *Thiết chế chính trị và bộ máy nhà nước một số nước trên thế giới*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
67. Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, tr.706, Nxb Tư pháp.
68. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2000) "Tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự - thực trạng và phương hướng đổi mới", *Thông tin khoa học Pháp lý*, Hà Nội.
69. Võ Khánh Vinh (2003), Một số vấn đề chung về hiệu quả và việc nâng cao hiệu quả giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước, *Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước*, tr.96, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
70. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - thông tin, H.
71. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
72. <http://moj.gov.vn/tcdcpl/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi>.

# PHỤ LỤC

**Phụ lục 1**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2010**

(Kèm theo Báo cáo số:20/BC-CP ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ)

Đơn vị tính: việc

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Số ủy thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện thi hành	Số thi hành xong	Số trả đơn yêu cầu thi hành án	Số chuyển kỳ sau thi hành tiếp					Tỷ lệ thi hành xong/Số có điều kiện thi hành	
		Số năm trước chuyển sang	Số thụ lý mới	Tổng số thụ lý						Có điều kiện thi hành		Chưa có điều kiện thi hành				Tổng số chuyển kỳ sau
										Số thi hành dở dang	Số chưa thi hành	Số hoãn thi hành	Số tạm đình chỉ	Số lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	An Giang	3,412	7301	10,713	249	10,464	7,795	6,916	536	826	53	1,367	19	747	3,012	88.72%
2	BR-Vũng Tàu	3,768	5303	9,071	115	8,956	5,463	4,828	165	525	110	1,220	36	2,072	3,963	88.38%
3	Bắc Giang	3,143	4810	7,953	286	7,667	4,878	4,592	172	227	59	2,390	16	211	2,903	94.14%
4	Bắc Kạn	903	1035	1,938	68	1,870	979	941	64	30	8	752	0	75	865	96.12%
5	Bạc Liêu	4,296	4530	8,826	205	8,621	5,697	4,659	353	736	302	810	8	1,753	3,609	81.78%
6	Bắc Ninh	1,488	2737	4,225	63	4,162	2,810	2,615	97	183	12	1,118	2	135	1,450	93.06%
7	Bến Tre	2,347	6770	9,117	197	8,920	7,327	6,851	422	476	0	277	7	887	1,647	93.50%
8	Bình Định	4,509	5597	10,106	40	10,066	7,107	6,372	669	339	396	1,592	13	685	3,025	89.66%
9	Bình Dương	3,872	11746	15,618	439	15,179	12,663	10,460	251	1,782	421	739	28	1,498	4,468	82.60%
10	Bình Phước	4,656	4543	9,199	314	8,885	5,769	4,806	237	483	480	1,369	13	1,497	3,842	83.31%
11	Bình Thuận	6,647	5489	12,136	186	11,950	7,913	6,010	285	1,372	531	387	7	3,358	5,655	75.95%
12	Cà Mau	5,248	7810	13,058	146	12,912	8,566	7,181	907	628	757	2,120	16	1,303	4,824	83.83%
13	Cần Thơ	2,325	7193	9,518	308	9,210	7,530	6,673	390	525	332	472	19	799	2,147	88.62%
14	Cao Bằng	1,682	990	2,672	54	2,618	1,330	1,209	151	69	52	1,055	3	79	1,258	90.90%
15	Đà Nẵng	5,319	5759	11,078	373	10,705	7,330	6,270	266	966	94	1,613	9	1,487	4,169	85.54%
16	Đắk Lắk	4,350	9246	13,596	222	13,374	9,005	7,981	364	504	520	1,723	11	2,271	5,029	88.63%
17	Đắk Nông	748	2136	2,884	97	2,787	2,081	1,922	69	96	63	473	5	159	796	92.36%
18	Điện Biên	1,540	1341	2,881	83	2,798	1,696	1,600	69	65	31	1,020	1	12	1,129	94.34%

19	<b>Đồng Nai</b>	8,566	12993	21,559	933	20,626	14,759	11,976	428	1,807	976	2,220	20	3,199	8,222	81.14%
20	<b>Đồng Tháp</b>	5,586	10389	15,975	98	15,877	11,735	9,879	716	1,711	145	1,717	14	1,695	5,282	84.18%
21	<b>Gia Lai</b>	1,983	4584	6,567	82	6,485	5,104	4,463	110	512	129	814	4	453	1,912	87.44%
22	<b>Hà Giang</b>	585	1280	1,865	127	1,738	1,331	1,276	38	36	19	248	0	121	424	95.87%
23	<b>Hà Nam</b>	1,043	1108	2,151	77	2,074	1,253	1,008	49	37	208	765	2	5	1,017	80.45%
24	<b>Hà Nội</b>	12,603	21717	34,320	1,456	32,864	24,237	21,817	356	1,883	537	6,884	57	1,330	10,691	90.02%
25	<b>Hà Tĩnh</b>	1,632	1712	3,344	75	3,269	2,384	2,062	143	232	90	287	0	455	1,064	86.49%
26	<b>Hải Dương</b>	3,976	4162	8,138	174	7,964	5,034	4,475	58	330	229	2,222	0	650	3,431	88.90%
27	<b>Hải Phòng</b>	10,435	5685	16,120	402	15,718	7,436	6,710	155	462	264	7,370	9	748	8,853	90.24%
28	<b>Hậu Giang</b>	1,855	3222	5,077	53	5,024	3,869	3,174	157	388	307	355	2	641	1,693	82.04%
29	<b>Hồ Chí Minh</b>	40,539	41778	82,317	1,982	80,335	48,888	42,724	1,847	4,816	1,348	13,422	122	16,056	35,764	87.39%
30	<b>Hoà Bình</b>	806	2491	3,297	82	3,215	2,586	2,442	80	105	39	509	1	39	693	94.43%
31	<b>Hưng Yên</b>	3,288	2181	5,469	169	5,300	2,542	2,464	54	61	17	4	10	2,690	2,782	96.93%
32	<b>Khánh Hoà</b>	7,946	5378	13,324	149	13,175	6,740	5,842	234	470	428	1,249	15	4,937	7,099	86.68%
33	<b>Kiên Giang</b>	4,949	8184	13,133	284	12,849	9,830	8,825	501	497	508	1,169	5	1,344	3,523	89.78%
34	<b>Kon Tum</b>	758	1308	2,066	20	2,046	1,694	1,432	48	142	120	217	0	87	566	84.53%
35	<b>Lai Châu</b>	399	1077	1,476	18	1,458	1,225	1,161	16	52	12	213	2	2	281	94.78%
36	<b>Lâm Đồng</b>	3,732	7359	11,091	147	10,944	8,337	7,287	315	1,050	0	827	6	1,459	3,342	87.41%
37	<b>Lạng Sơn</b>	1,964	2614	4,578	245	4,333	2,997	2,618	231	305	74	1,071	1	33	1,484	87.35%
38	<b>Lào Cai</b>	1,747	2165	3,912	39	3,873	2,421	2,129	42	168	64	1,380	1	29	1,642	87.94%
39	<b>Long An</b>	12,574	9612	22,186	170	22,016	15,458	9,540	829	2,624	3,294	1,755	37	3,937	11,647	61.72%
40	<b>Nam Định</b>	3,574	2544	6,118	133	5,985	3,278	3,005	117	85	188	2,341	4	245	2,863	91.67%
41	<b>Nghệ An</b>	6,593	8076	14,669	620	14,049	8,933	8,107	347	571	255	4,051	5	713	5,595	90.75%
42	<b>Ninh Bình</b>	2,018	1747	3,765	103	3,662	2,040	1,748	60	199	93	6	0	1,556	1,854	85.69%
43	<b>Ninh Thuận</b>	2,140	2394	4,534	35	4,499	2,989	2,611	77	246	132	991	3	439	1,811	87.35%
44	<b>Phú Thọ</b>	3,791	3821	7,612	199	7,413	4,364	4,364	274	0	0	91	3	2,681	2,775	100.00%
45	<b>Phú Yên</b>	2,074	3727	5,801	170	5,631	4,546	4,205	0	341	0	922	12	151	1,426	92.50%
46	<b>Quảng Bình</b>	1,918	1433	3,351	55	3,296	2,102	1,823	100	256	23	93	3	998	1,373	86.73%
47	<b>Quảng Nam</b>	2,938	4419	7,357	142	7,215	4,855	4,353	255	323	179	1,028	6	1,071	2,607	89.66%

48	<b>Quảng Ngãi</b>	1,140	3952	5,092	61	5,031	3,442	3,078	99	243	121	166	16	1,308	1,854	89.42%
49	<b>Quảng Ninh</b>	7,698	3705	11,403	181	11,222	6,002	5,185	78	506	311	863	5	4,274	5,959	86.39%
50	<b>Quảng Trị</b>	923	1994	2,917	42	2,875	2,392	2,156	66	216	20	307	4	106	653	90.13%
51	<b>Sóc Trăng</b>	2,237	4230	6,467	125	6,342	4,285	3,602	177	408	275	1,036	15	829	2,563	84.06%
52	<b>Sơn La</b>	5,093	2637	7,730	117	7,613	4,540	3,984	66	374	182	1,556	3	1,448	3,563	87.75%
53	<b>Tây Ninh</b>	8,848	10228	19,076	356	18,720	11,611	9,540	575	1,691	380	2,823	52	3,659	8,605	82.16%
54	<b>Thái Bình</b>	3,199	2683	5,882	79	5,803	3,320	3,040	167	186	94	163	3	2,150	2,596	91.57%
55	<b>Thái Nguyên</b>	6,167	4256	10,423	197	10,226	5,496	4,887	201	453	156	1,833	3	2,693	5,138	88.92%
56	<b>Thanh Hoá</b>	5,837	5039	10,876	202	10,674	6,284	5,354	301	711	219	1,932	98	2,059	5,019	85.20%
57	<b>TT Huế</b>	1,694	2042	3,736	144	3,592	2,297	2,134	97	118	45	607	4	587	1,361	92.90%
58	<b>Tiền Giang</b>	13,519	12192	25,711	271	25,440	15,733	13,141	716	1,244	1,348	2,407	20	6,564	11,583	83.53%
59	<b>Trà Vinh</b>	3,859	5201	9,060	102	8,958	6,508	5,660	403	510	338	642	17	1,388	2,895	86.97%
60	<b>Tuyên Quang</b>	1,558	2247	3,805	22	3,783	2,615	2,561	110	52	2	10	0	1,048	1,112	97.93%
61	<b>Vĩnh Long</b>	5,653	3905	9,558	120	9,438	5,749	4,830	533	506	413	1,513	8	1,635	4,075	84.01%
62	<b>Vĩnh Phúc</b>	2,808	3505	6,313	192	6,121	4,237	3,721	113	341	175	660	2	1,109	2,287	87.82%
63	<b>Yên Bái</b>	2,603	2171	4,774	116	4,658	2,844	2,567	97	151	126	74	1	1,642	1,994	90.26%
64	<b>Quận đội</b>	388	541	929	31	898	695	527	32	133	35	168	0	3	339	75.83%
	<b>Cộng</b>	285,489	343,964	629,453	14,042	615,411	406,896	351,373	16,935	37,384	18,139	91,478	808	99,294	247,103	86.35%

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2010**  
(Kèm theo Báo cáo số:20/BC-CP ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số thụ lý				Số ủy thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện thi hành	Số thi hành xong	Số trả đơn yêu cầu thi hành	Số chuyển kỳ sau thi hành tiếp					Tỷ lệ thi hành xong/Số có điều kiện thi hành
		Số năm trước chuyển sang	Số thụ lý mới	Tổng số thụ lý	Chưa có điều kiện thi hành						Tổng số chuyển kỳ sau					
					Số có điều kiện chưa thi hành							Số hoãn thi hành	Số tạm đình chỉ thi hành	Số lý do khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	An Giang	149658306	316121474	465779780	27552548	438,227,232	223,765,631	159,600,173	67,879,402	64,165,458	40,999,467	2,982,511	102,600,221	210,747,657	71.3%	
2	BR-Vũng Tàu	376203885	260224146	636428031	8385237	628,042,794	183,139,361	159,454,461	158,445,735	23,684,900	53,110,795	480,053	232,866,850	310,142,598	87.1%	
3	Bắc Giang	31940744	64986601	96927345	3088119	93,839,226	23,983,445	21,516,294	11,653,859	2,467,151	52,514,858	1,045,701	4,641,363	60,669,073	89.7%	
4	Bắc Kạn	10569936	10283829	20853765	5909149	14,944,616	4,149,990	4,010,179	3,745,838	139,811	6,249,990	0	798,798	7,188,599	96.6%	
5	Bạc Liêu	122655184	82701167	205356351	9163853	196,192,498	65,482,361	48,568,377	26,902,443	16,913,984	13,591,187	171,903	90,044,604	120,721,678	74.2%	
6	Bắc Ninh	57145829	86429384	143575213	2286949	141,288,264	52,638,136	48,633,321	29,360,790	4,004,815	27,121,332	5,864	32,162,142	63,294,153	92.4%	
7	Bến Tre	70680509	83570173	154250682	4795707	149,454,975	62,540,362	49,628,258	28,581,699	12,912,104	4,852,927	3,672,254	49,807,733	71,245,018	79.4%	
8	Bình Định	11045509	243601743	254647252	971761	253,675,491	94,938,206	82,417,088	52,539,916	12,521,118	18,793,671	292,306	87,111,392	118,718,487	86.8%	
9	Bình Dương	456802820	765607079	1222409899	31950247	1,190,459,652	453,537,546	345,561,940	52,002,410	107,975,606	54,750,931	23,370,883	606,797,882	792,895,302	76.2%	
10	Bình Phước	61054622	249580670	310635292	48051104	262,584,188	99,485,465	62,803,162	12,691,781	36,682,303	6,429,548	141,961	143,835,433	187,089,245	63.1%	
11	Bình Thuận	138606160	96864441	235470601	11288251	224,182,350	136,156,389	81,021,260	11,120,125	55,135,129	3,466,297	2,311,326	71,128,213	132,040,965	59.5%	
12	Cà Mau	151682521	122882825	274565346	8476160	266,089,186	113,584,866	77,296,555	51,946,556	36,288,311	32,392,714	1,637,748	66,527,302	136,846,075	68.1%	
13	Cần Thơ	277881832	481451835	759333667	40030502	719,303,165	250,079,367	193,571,296	202,577,034	56,508,071	18,004,576	16,245,309	232,396,879	323,154,835	77.4%	
14	Cao Bằng	15856636	13573309	29429945	1079103	28,350,842	11,299,777	10,604,505	2,312,691	695,272	7,689,720	59,779	6,988,875	15,433,646	93.8%	
15	Đà Nẵng	352684359	410174547	762858906	32779907	730,078,999	409,389,147	312,625,117	54,574,353	96,764,030	32,829,558	8,547,844	224,738,097	362,879,529	76.4%	
16	Đắk Lắk	279435387	368169651	647605038	13989723	633,615,315	163,851,039	128,837,835	112,772,238	35,013,204	20,353,070	6,465,365	330,173,603	392,005,242	78.6%	
17	Đắk Nông	53626875	59459743	113086618	11331054	101,755,564	22,236,885	19,091,458	38,928,723	3,145,427	17,315,850	139,570	23,134,536	43,735,383	85.9%	
18	Điện Biên	20643698	5229011	25872709	411943	25,460,766	11,137,909	10,425,526	601,053	712,383	12,680,159	210,000	831,645	14,434,187	93.6%	
19	Đồng Nai	455352611	770924773	1226277384	180139017	1,046,138,367	349,949,776	263,564,826	54,082,112	86,384,950	36,300,335	8,817,965	596,988,179	728,491,429	75.3%	

20	<b>Đồng Tháp</b>	226907273	220016887	446924160	16886122	430,038,038	145,568,330	107,773,966	53,157,922	37,794,364	50,108,828	835,170	180,367,788	269,106,150	74.0%
21	<b>Gia Lai</b>	113874227	194309979	308184206	7852244	300,331,962	126,196,799	105,116,811	51,282,180	21,079,988	9,845,349	466,566	112,541,068	143,932,971	83.3%
22	<b>Hà Giang</b>	48855910	-18854239	30001671	19614150	10,387,521	4,194,737	3,877,154	913,486	317,583	2,064,775	0	3,214,523	5,596,881	92.4%
23	<b>Hà Nam</b>	8834480	10511207	19345687	687978	18,657,709	6,648,607	4,734,958	3,330,354	1,913,649	8,403,915	650	274,183	10,592,397	71.2%
24	<b>Hà Nội</b>	840976247	1172444610	2013420857	234325383	1,779,095,474	947,625,302	753,501,899	100,148,424	194,123,403	320,067,243	61,218,733	350,035,772	925,445,151	79.5%
25	<b>Hà Tĩnh</b>	14511911	18408505	32920416	781339	32,139,077	17,002,966	12,429,944	6,808,554	4,573,022	4,403,006	0	3,924,551	12,900,579	73.1%
26	<b>Hải Dương</b>	68076049	25222367	93298416	827258	92,471,158	25,636,115	18,984,387	3,170,289	6,651,728	33,818,047	0	29,846,707	70,316,482	74.1%
27	<b>Hải Phòng</b>	241987665	106391120	348378785	8691319	339,687,466	94,454,164	81,134,404	16,573,383	13,319,760	137,435,831	3,021,709	88,202,379	241,979,679	85.9%
28	<b>Hậu Giang</b>	63127271	70965616	134092887	2175791	131,917,096	77,713,044	42,504,231	7,491,872	35,208,813	14,964,742	12,713	31,734,725	81,920,993	54.7%
29	<b>Hồ Chí Minh</b>	9444264587	5307964463	14752229050	673614278	14,078,614,772	3,786,516,333	3,236,204,878	692,254,277	550,311,455	1,170,329,743	275,530,544	8,153,983,875	10,150,155,617	85.5%
30	<b>Hoà Bình</b>	7396698	22872005	30268703	2916390	27,352,313	11,448,587	10,334,139	7,687,564	1,114,448	3,998,811	4,980	4,212,371	9,330,610	90.3%
31	<b>Hưng Yên</b>	87616697	54593576	142210273	3504044	138,706,229	19,376,567	18,851,014	9,202,578	525,553	2,848,379	247,453	107,031,252	110,652,637	97.3%
32	<b>Khánh Hoà</b>	311494939	226735748	538230687	47908142	490,322,545	106,563,696	87,904,171	30,688,893	18,659,525	18,578,440	6,435,764	328,055,752	371,729,481	82.5%
33	<b>Kiên Giang</b>	178247391	257926000	436173391	16097125	420,076,266	188,495,440	144,158,085	1,589,645	44,337,355	165,981,444	25,678,999	38,330,738	274,328,536	76.5%
34	<b>Kon Tum</b>	14132929	21859608	35992537	3832092	32,160,445	22,758,648	13,410,522	3,754,120	9,348,126	2,473,189	0	3,174,488	14,995,803	58.9%
35	<b>Lai Châu</b>	3051258	4280098	7331356	227267	7,104,089	3,926,217	3,621,899	528,874	304,318	1,947,614	42,035	659,349	2,953,316	92.2%
36	<b>Lâm Đồng</b>	247200884	236915881	484116765	6133517	477,983,248	157,739,267	112,746,731	62,666,759	44,992,536	32,716,392	139,653	224,721,177	302,569,758	71.5%
37	<b>Lạng Sơn</b>	47853810	14734396	62588206	2067573	60,520,633	14,733,943	11,224,564	9,589,870	3,509,379	31,342,812	550	4,853,458	39,706,199	76.2%
38	<b>Lào Cai</b>	22267208	19054450	41321658	1020414	40,301,244	17,830,603	15,896,228	2,993,425	1,934,375	13,796,887	1,509,598	4,170,731	21,411,591	89.2%
39	<b>Long An</b>	353167250	299486432	652653682	25794924	626,858,758	273,125,851	160,269,127	48,817,548	112,856,724	61,018,275	3,289,389	240,607,695	417,772,083	58.7%
40	<b>Nam Định</b>	35550353	24681654	60232007	2304742	57,927,265	14,843,041	13,264,185	11,990,818	1,578,856	21,201,065	54,318	9,838,023	32,672,262	89.4%
41	<b>Nghệ An</b>	85326677	79062034	164388711	6275084	158,113,627	64,702,457	55,992,362	8,537,528	8,710,095	38,436,450	112,150	46,325,042	93,583,737	86.5%
42	<b>Ninh Bình</b>	29567832	50348009	79915841	949844	78,965,997	50,828,242	48,046,224	2,946,028	2,782,018	754,845	0	24,436,882	27,973,745	94.5%
43	<b>Ninh Thuận</b>	47971335	30837701	78809036	737029	78,072,007	34,949,867	26,969,639	3,146,419	7,980,228	26,574,507	6,463,434	6,937,780	47,955,949	77.2%
44	<b>Phú Thọ</b>	79852406	127145491	206997897	14308857	192,689,040	74,350,118	53,377,088	30,072,713	20,973,030	1,861,923	1,300	86,402,986	109,239,239	71.8%
45	<b>Phú Yên</b>	54227966	46444090	100672056	6210156	94,461,900	65,134,080	58,975,928	0	6,158,152	15,953,686	115,076	13,259,058	35,485,972	90.5%
46	<b>Quảng Bình</b>	22120546	19723820	41844366	4728589	37,115,777	12,830,761	9,621,398	4,875,486	3,209,363	6,959,449	2,158,549	10,291,532	22,618,893	75.0%
47	<b>Quảng Nam</b>	111028929	134117046	245145975	5072295	240,073,680	53,526,185	46,136,953	20,129,335	7,389,232	38,325,721	1,225,682	126,866,757	173,807,392	86.2%

48	<b>Quảng Ngãi</b>	68382068	95904544	164286612	1121769	163,164,843	36,631,362	26,852,091	6,370,209	9,779,271	1,272,776	11,778,584	107,111,912	129,942,543	73.3%
49	<b>Quảng Ninh</b>	110294878	263713642	374008520	1560985	372,447,535	276,523,498	220,285,669	16,287,819	56,237,829	15,862,429	359,819	63,413,970	135,874,047	79.7%
50	<b>Quảng Trị</b>	40249650	21461866	61711516	1004086	60,707,430	25,081,516	23,888,379	8,865,568	1,193,137	4,676,252	2,432,130	19,651,964	27,953,483	95.2%
51	<b>Sóc Trăng</b>	84066579	156153482	240220061	17263066	222,956,995	79,386,722	61,879,162	9,584,601	17,507,560	51,788,395	5,450,100	76,747,177	151,493,232	77.9%
52	<b>Sơn La</b>	36651139	9171233	45822372	869287	44,953,085	12,553,683	9,868,960	840,076	2,684,723	17,601,598	184,916	13,772,812	34,244,049	78.6%
53	<b>Tây Ninh</b>	186100911	297677022	483777933	19971148	463,806,785	204,937,744	167,242,042	37,528,881	37,695,702	28,193,957	1,426,566	191,719,637	259,035,862	81.6%
54	<b>Thái Bình</b>	39680330	20459775	60140105	842319	59,297,786	17,880,260	15,208,590	3,784,599	2,671,670	1,377,314	273,857	35,981,756	40,304,597	85.1%
55	<b>Thái Nguyên</b>	76474836	84040919	160515755	4470086	156,045,669	23,672,189	20,706,199	32,867,330	2,965,990	21,321,759	1,138,520	77,045,871	102,472,140	87.5%
56	<b>Thanh Hoá</b>	70805004	2928487	73733491	4276975	69,456,516	42,673,153	31,311,751	10,746,300	11,361,402	37,298,979	296,785	26,783,363	75,740,529	73.4%
57	<b>TT Huế</b>	71825719	84043486	155869205	10362014	145,507,191	20,367,780	17,722,407	4,816,782	2,645,373	4,726,796	1,572,953	114,022,880	122,968,002	87.0%
58	<b>Tiền Giang</b>	268274934	246487938	514762872	8288703	506,474,169	210,116,128	160,771,468	31,138,409	49,344,660	34,258,938	1,010,525	229,950,169	314,564,292	76.5%
59	<b>Trà Vinh</b>	109737471	136603515	246340986	81725500	164,615,486	65,846,158	49,072,553	22,791,385	16,773,605	1,333,138	714,976	73,929,829	92,751,548	74.5%
60	<b>Tuyên Quang</b>	11041832	14420959	25462791	1397676	24,065,115	13,188,775	12,996,224	1,127,990	192,551	592,156	0	9,156,194	9,940,901	98.5%
61	<b>Vĩnh Long</b>	173377916	178454312	351832228	15233211	336,599,017	95,631,838	72,394,600	28,833,025	23,237,238	25,921,260	204,473	186,008,421	235,371,392	75.7%
62	<b>Vĩnh Phúc</b>	98063576	65214891	163278467	1435921	161,842,546	65,891,604	50,850,066	42,774,898	15,041,538	9,049,162	0	44,126,882	68,217,582	77.2%
63	<b>Yên Bái</b>	19069642	8774315	27843957	2224428	25,619,529	7,153,796	5,892,218	2,232,782	1,261,578	893,281	535	15,339,135	17,494,529	82.4%
64	<b>Quân đội</b>	36008753	21636068	57644821	1275296	56,369,525	20,400,161	18,083,662	9,216,998	2,316,499	24,570,971	0	2,181,395	29,068,865	88.6%
	<b>Cộng</b>	17403123389	15025523473	32428646862	1730546750	30,698,100,112	10,368,001,992	8,301,320,561	2,436,874,754	2,066,681,431	2,976,397,514	492,008,096	14,424,817,756	19,959,904,797	80.1%



## BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ VIỆC 12 THÁNG NĂM 2011

(Kèm theo Báo cáo số: 17/BC-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

Đơn vị tính: Việc

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số việc thụ lý	Số ủy thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện							Số chưa có điều kiện thi hành					Tỷ lệ đạt	
					Số thi hành xong				Số đang giải quyết			Tổng số có điều kiện thi hành	Hoãn	Tạm đình chỉ	Trả đơn	Lý do khác		Tổng số chưa có điều kiện thi hành
					Tổng số	Xong hoàn toàn	Đều	Đình chỉ	Tổng số	Dỡ đang	Chưa thi hành							
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22
1	An Giang	11,157	196	10,961	7,447	7,012	281	154	1,011	902	109	8,458	1,200	20	505	778	2,503	88.0%
2	Bắc Giang	8,333	253	8,080	5,067	4,612	409	46	214	190	24	5,281	2,385	2	224	188	2,799	95.9%
3	Bắc Kạn	2,149	84	2,065	1,275	1,033	45	197	15	11	4	1,290	703	0	70	2	775	98.8%
4	Bạc Liêu	8,778	201	8,577	4,988	4,191	600	197	943	629	314	5,931	927	5	290	1,424	2,646	84.1%
5	Bắc Ninh	4,512	101	4,411	2,947	2,777	50	120	227	200	27	3,174	1,032	1	80	124	1,237	92.8%
6	Bến Tre	9,813	120	9,693	7,088	6,691	286	111	552	552	0	7,640	555	21	404	1,073	2,053	92.8%
7	Bình Định	9,970	53	9,917	6,676	5,927	520	229	561	279	282	7,237	1,614	13	531	522	2,680	92.2%
8	Bình Dương	16,102	394	15,708	11,016	10,105	630	281	1,965	1,827	138	12,981	839	19	384	1,485	2,727	84.9%
9	Bình Phước	11,572	297	11,275	6,889	6,045	613	231	1,408	1,003	405	8,297	1,588	16	263	1,111	2,978	83.0%
10	Bình Thuận	12,375	211	12,164	6,491	5,454	431	606	1,259	890	369	7,750	740	20	485	3,169	4,414	83.8%
11	BR-Vũng Tàu	9,038	126	8,912	4,824	4,539	87	198	792	614	178	5,616	1,368	9	178	1,741	3,296	85.9%
12	Cà Mau	12,302	184	12,118	7,497	7,180	0	317	1,283	833	450	8,780	1,859	17	531	931	3,338	85.4%
13	Cần Thơ	9,553	269	9,284	6,632	6,457	0	175	837	565	272	7,469	521	8	353	933	1,815	88.8%
14	Cao Bằng	2,590	46	2,544	1,618	1,187	5	426	166	129	37	1,784	663	1	39	57	760	90.7%
15	Đà Nẵng	11,162	347	10,815	6,484	5,875	368	241	788	721	67	7,272	1,856	13	190	1,484	3,543	89.2%
16	Đắk Lắk	17,473	292	17,181	10,292	9,746	203	343	1,105	551	554	11,397	2,055	8	643	3,078	5,784	90.3%
17	Đắk Nông	3,249	52	3,197	2,086	1,971	30	85	228	122	106	2,314	534	11	56	282	883	90.1%
18	Điện Biên	2,846	121	2,725	1,759	1,532	0	227	112	94	18	1,871	798	0	45	11	854	94.0%
19	Đồng Nai	22,358	687	21,671	12,703	11,531	469	703	2,333	2,034	299	15,036	2,589	19	501	3,526	6,635	84.5%
20	Đồng Tháp	17,139	161	16,978	11,298	10,912	20	366	1,834	1,626	208	13,132	1,269	9	819	1,749	3,846	86.0%

21	<b>Gia Lai</b>	8,074	167	7,907	5,654	5,527	32	95	845	692	153	6,499	709	4	142	553	1,408	87.0%
22	<b>Hà Giang</b>	1,825	121	1,704	1,301	1,186	65	50	36	27	9	1,337	232	1	37	97	367	97.3%
23	<b>Hà Nam</b>	2,391	92	2,299	1,257	1,178	0	79	221	58	163	1,478	778	1	39	3	821	85.0%
24	<b>Hà Nội</b>	32,332	1,340	30,992	21,011	19,858	4	1,149	2,113	1,791	322	23,124	6,684	42	437	705	7,868	90.9%
25	<b>Hà Tĩnh</b>	3,398	79	3,319	2,453	2,185	74	194	343	288	55	2,796	318	1	80	124	523	87.7%
26	<b>Hải Dương</b>	8,126	227	7,899	4,790	4,463	0	327	697	449	248	5,487	1,686	2	137	587	2,412	87.3%
27	<b>Hải Phòng</b>	15,166	398	14,768	6,168	5,560	46	562	792	534	258	6,960	7,020	9	147	632	7,808	88.6%
28	<b>Hậu Giang</b>	5,602	94	5,508	3,334	3,185	36	113	682	451	231	4,016	381	10	279	822	1,492	83.0%
29	<b>Hồ Chí Minh</b>	79,894	1,924	77,970	44,015	42,445	1,536	34	6,797	5,360	1,437	50,812	11,851	111	2,123	13,073	27,158	86.6%
30	<b>Hoà Bình</b>	3,167	67	3,100	2,265	2,179	14	72	275	206	69	2,540	457	2	49	52	560	89.2%
31	<b>Hưng Yên</b>	5,917	199	5,718	3,269	2,828	0	441	187	136	51	3,456	4	4	98	2,156	2,262	94.6%
32	<b>Khánh Hoà</b>	13,141	102	13,039	6,217	5,865	81	271	923	517	406	7,140	1,052	16	435	4,396	5,899	87.1%
33	<b>Kiên Giang</b>	13,520	155	13,365	9,284	7,959	906	419	948	452	496	10,232	1,289	13	445	1,386	3,133	90.7%
34	<b>Kon Tum</b>	2,235	20	2,215	1,712	1,640	54	18	117	81	36	1,829	278	2	44	62	386	93.6%
35	<b>Lai Châu</b>	1,523	27	1,496	1,246	1,195	21	30	54	42	12	1,300	183	9	4	0	196	95.8%
36	<b>Lâm Đồng</b>	10,633	123	10,510	6,860	6,062	563	235	903	903	0	7,763	1,115	6	352	1,274	2,747	88.4%
37	<b>Lạng Sơn</b>	4,609	275	4,334	2,903	2,684	4	215	269	221	48	3,172	1,000	0	147	15	1,162	91.5%
38	<b>Lào Cai</b>	3,861	31	3,830	2,282	2,196	0	86	231	167	64	2,513	1,216	0	78	23	1,317	90.8%
39	<b>Long An</b>	23,468	195	23,273	11,774	10,772	583	419	2,312	1,697	615	14,086	2,289	69	836	5,993	9,187	83.6%
40	<b>Nam Định</b>	6,052	92	5,960	3,035	2,798	16	221	283	80	203	3,318	2,301	3	71	267	2,642	91.5%
41	<b>Nghệ An</b>	15,733	654	15,079	9,777	8,894	331	552	542	434	108	10,319	3,594	2	444	720	4,760	94.7%
42	<b>Ninh Bình</b>	3,892	95	3,797	2,100	1,946	2	152	264	158	106	2,364	283	0	70	1,080	1,433	88.8%
43	<b>Ninh Thuận</b>	4,462	48	4,414	2,534	2,280	138	116	398	281	117	2,932	950	4	74	454	1,482	86.4%
44	<b>Phú Thọ</b>	8,656	233	8,423	4,795	4,385	117	293	799	264	535	5,594	295	2	276	2,256	2,829	85.7%
45	<b>Phú Yên</b>	5,954	140	5,814	4,059	3,834	225	0	430	430	0	4,489	1,129	10	0	186	1,325	90.4%
46	<b>Quảng Bình</b>	3,339	97	3,242	1,999	1,755	51	193	232	216	16	2,231	331	5	133	542	1,011	89.6%
47	<b>Quảng Nam</b>	7,418	100	7,318	4,778	4,419	200	159	483	335	148	5,261	1,061	6	222	768	2,057	90.8%
48	<b>Quảng Ngãi</b>	5,189	69	5,120	3,061	2,805	66	190	389	271	118	3,450	251	16	132	1,271	1,670	88.7%
49	<b>Quảng Ninh</b>	11,166	183	10,983	6,344	5,587	98	659	772	489	283	7,116	1,921	3	72	1,871	3,867	89.2%

50	<b>Quảng Trị</b>	2,888	36	2,852	2,247	2,183	0	64	189	172	17	2,436	271	1	73	71	416	92.2%
51	<b>Sóc Trăng</b>	8,194	216	7,978	4,773	4,618	10	145	1,046	641	405	5,819	1,188	17	317	637	2,159	82.0%
52	<b>Sơn La</b>	7,026	123	6,903	4,137	3,740	163	234	646	405	241	4,783	1,867	3	113	137	2,120	86.5%
53	<b>Tây Ninh</b>	22,152	349	21,803	12,758	9,564	2,664	530	2,538	2,008	530	15,296	2,510	14	641	3,342	6,507	83.4%
54	<b>Thái Bình</b>	5,932	125	5,807	3,359	2,937	290	132	283	198	85	3,642	145	4	204	1,812	2,165	92.2%
55	<b>Thái Nguyên</b>	9,872	262	9,610	5,079	4,204	101	774	680	581	99	5,759	3,267	7	296	281	3,851	88.2%
56	<b>Thanh Hoá</b>	11,836	292	11,544	6,026	5,142	415	469	919	647	272	6,945	2,159	24	228	2,188	4,599	86.8%
57	<b>Tiền Giang</b>	26,632	281	26,351	12,540	12,028	156	356	2,157	1,037	1,120	14,697	2,525	30	499	8,600	11,654	85.3%
58	<b>Trà Vinh</b>	9,246	71	9,175	6,095	5,556	410	129	605	338	267	6,700	540	13	485	1,437	2,475	91.0%
59	<b>TT Huế</b>	3,791	136	3,655	2,169	1,947	118	104	207	158	49	2,376	573	5	140	561	1,279	91.3%
60	<b>Tuyên Quang</b>	4,158	63	4,095	2,764	2,530	98	136	87	87	0	2,851	1,084	2	112	46	1,244	96.9%
61	<b>Vĩnh Long</b>	9,417	252	9,165	4,986	4,303	271	412	772	424	348	5,758	1,473	14	647	1,273	3,407	86.6%
62	<b>Vĩnh Phúc</b>	6,654	247	6,407	4,351	4,140	0	211	526	317	209	4,877	584	7	96	843	1,530	89.2%
63	<b>Yên Bái</b>	4,571	100	4,471	2,648	2,363	113	172	199	131	68	2,847	490	2	89	1,043	1,624	93.0%
64	<b>Quân đội</b>	913	27	886	704	620	73	11	165	165		869	166		21	1	188	81.0%
	<b>Cộng</b>	646,667	14,122	632,545	379,990	348,322	15,192	16,476	51,989	38,111	13,878	431,979	94,595	708	17,955	87,308	200,566	88.0%

## BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ TIỀN 12 THÁNG NĂM 2011

(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính Phủ)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng thụ lý	Số ủy thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện thi hành						Số chưa có điều kiện					Tỉ lệ đạt
					Tổng số thi hành xong	Thi hành xong (thực thu)	Miễn, giảm THA	Đình chỉ THA	Chưa thi hành	Tổng số có điều kiện	Hoãn THA	Tạm đình chỉ THA	Trả đơn YC THA	Lý do khác	Tổng số chưa có ĐK THA	
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20
1	An Giang	520,837,029	42,948,825	477,888,204	201,330,268	183,852,482	271,192	17,206,594	63,405,658	264,735,926	33,955,616	1,632,400	56,950,551	120,613,711	213,152,278	76.0%
2	Bắc Giang	164,906,732	3,568,277	161,338,455	73,815,930	58,969,028	883,371	13,963,531	3,624,415	77,440,345	25,623,873	23,800	51,207,378	7,043,059	83,898,110	95.3%
3	Bắc Kạn	15,430,039	882,947	14,547,092	6,382,498	4,315,331	942,147	1,125,020	178,308	6,560,806	6,035,463	0	1,950,823	0	7,986,286	97.3%
4	Bạc Liêu	206,542,495	6,672,627	199,869,868	59,899,372	48,543,452	95,744	11,260,176	20,369,494	80,268,866	20,217,667	122,954	18,184,734	81,075,647	119,601,002	74.6%
5	Bắc Ninh	233,830,615	982,513	232,848,102	76,365,052	65,993,912	547,938	9,823,202	4,581,166	80,946,218	28,603,785	5,864	88,240,723	35,051,512	151,901,884	94.3%
6	Bến Tre	172,787,666	11,437,212	161,350,454	45,001,222	44,874,606	63,308	63,308	14,296,447	59,297,669	10,203,668	5,749,399	22,979,561	63,120,157	102,052,785	75.9%
7	Bình Định	304,392,886	757,452	303,635,434	135,745,454	123,800,200	159,304	11,785,950	13,147,490	148,892,944	22,087,691	790,749	69,543,270	62,320,780	154,742,490	91.2%
8	Bình Dương	1,612,491,549	62,278,827	1,550,212,722	429,411,710	348,633,976	108,509	80,669,225	158,998,067	588,409,777	64,494,809	11,829,304	105,902,138	779,576,694	961,802,945	73.0%
9	Bình Phước	371,362,799	9,165,346	362,197,453	93,946,189	80,488,105	134,430	13,323,654	52,974,133	146,920,322	22,200,220	234,540	81,372,686	111,469,685	215,277,131	63.9%
10	Bình Thuận	261,277,386	6,409,227	254,868,159	66,124,733	53,893,028	291,777	11,939,928	29,767,942	95,892,675	22,643,403	2,616,436	28,822,293	104,893,352	158,975,484	69.0%
11	BR-Vũng Tàu	689,768,379	11,707,590	678,060,789	180,856,194	165,728,949	29,624	15,097,621	56,375,568	237,231,762	70,311,450	1,517,874	68,118,631	300,881,072	440,829,027	76.2%
12	Cà Mau	280,201,200	6,681,384	273,519,816	90,355,452	67,177,756	0	23,177,696	30,523,423	120,878,875	30,969,658	3,090,772	52,381,395	66,199,116	152,640,941	74.7%
13	Cần Thơ	738,963,019	47,208,983	691,754,036	235,025,632	156,877,419	91,071	78,057,142	80,137,996	315,163,628	31,060,293	1,325,824	56,578,226	287,626,065	376,590,408	74.6%
14	Cao Bằng	24,883,360	527,652	24,355,708	7,724,807	4,354,486	2,638,441	731,880	1,195,913	8,920,720	13,111,250	0	1,442,257	881,481	15,434,988	86.6%
15	Đà Nẵng	1,138,903,554	101,039,821	1,037,863,733	372,524,036	298,782,332	144,473	73,597,231	120,672,033	493,196,069	36,228,038	5,202,916	275,716,083	227,520,627	544,667,664	75.5%
16	Đắk Lắk	1,002,745,563	45,471,493	957,274,070	251,666,483	198,205,750	214,401	53,246,332	40,990,277	292,656,760	34,881,317	3,467,168	157,597,267	468,671,558	664,617,310	86.0%
17	Đắk Nông	115,365,316	3,242,345	112,122,971	29,294,632	22,527,687	37,671	6,729,274	5,973,509	35,268,141	23,972,504	4,211,165	11,951,951	36,719,210	76,854,830	83.1%
18	Điện Biên	25,937,474	752,390	25,185,084	11,250,368	9,349,370	645,791	1,255,207	753,620	12,003,988	11,237,059		858,963	1,085,074	13,181,096	93.7%
19	Đồng Nai	1,560,054,564	52,575,517	1,507,479,047	365,226,712	299,645,662	295,166	65,285,884	170,958,933	536,185,645	76,446,548	3,527,929	153,942,330	737,376,595	971,293,402	68.1%
20	Đồng Tháp	606,545,906	26,389,114	580,156,792	224,577,745	215,018,050	291,142	9,268,553	53,184,371	277,762,116	22,689,954	1,731,944	100,557,091	177,415,687	302,394,676	80.9%
21	Gia Lai	948,220,702	223,224,286	724,996,416	178,902,547	162,921,672	16,833	15,964,042	30,523,054	209,425,601	9,030,601	612,388	42,806,821	463,121,005	515,570,815	85.4%
22	Hà Giang	24,764,313	737,607	24,026,706	13,269,677	11,302,322	217,015	1,750,340	360,572	13,630,249	3,510,939	19,800	3,521,107	3,344,611	10,396,457	97.4%
23	Hà Nam	59,309,925	20,790,261	38,519,664	22,782,951	21,995,803	56,310	730,838	2,881,474	25,664,425	7,736,979	650	4,217,610	900,000	12,855,239	88.8%
24	Hà Nội	2,113,916,635	226,424,853	1,887,491,782	796,078,438	585,702,744	3,107,084	207,268,610	184,867,948	980,946,386	291,904,928	54,451,958	222,145,484	338,043,026	906,545,396	81.2%
25	Hà Tĩnh	38,060,788	2,422,818	35,637,970	16,980,143	15,274,286	437,225	1,268,632	4,496,530	21,476,673	6,541,796	654	4,510,657	3,108,190	14,161,297	79.1%
26	Hải Dương	132,134,178	6,164,402	125,969,776	36,176,764	31,800,017	385,839	3,990,908	12,294,726	48,471,490	26,256,664	1,786,274	28,595,191	20,860,157	77,498,286	74.6%
27	Hải Phòng	430,701,340	17,402,382	413,298,958	99,828,178	79,166,582	529,665	20,131,931	18,357,844	118,186,022	115,022,365	15,924,413	80,099,850	84,066,308	295,112,936	84.5%

28	Hậu Giang	168,142,189	4,316,101	163,826,088	45,549,872	39,248,206	27,075	6,274,591	23,198,082	68,747,954	30,640,904	1,078,284	20,823,080	42,535,866	95,078,134	66.3%
29	Hồ Chí Minh	15,501,651,429	1,138,859,344	14,362,792,085	3,620,441,860	3,612,476,718	3,982,571	3,982,571	1,304,530,781	4,924,972,641	1,065,116,101	155,594,895	1,109,251,505	7,107,856,943	9,437,819,444	73.5%
30	Hoà Bình	46,518,105	2,172,537	44,345,568	22,091,768	19,494,006	251,706	2,346,056	2,642,397	24,734,165	3,791,388	100,192	5,612,776	10,107,047	19,611,403	89.3%
31	Hưng Yên	318,080,844	28,449,320	289,631,524	162,317,794	148,334,184	447,843	13,535,767	18,438,562	180,756,356	1,779,317	503,753	33,956,599	72,635,499	108,875,168	89.8%
32	Khánh Hoà	755,907,954	73,616,030	682,291,924	150,251,973	138,319,315	330,052	11,602,606	39,144,001	189,395,974	46,340,058	10,720,446	92,871,192	342,964,254	492,895,950	79.3%
33	Kiên Giang	411,186,563	13,946,228	397,240,335	150,217,408	131,772,475	350,612	18,094,321	35,778,176	185,995,584	26,590,413	1,462,334	50,757,266	132,434,738	211,244,751	80.8%
34	Kon Tum	87,380,429	7,717,060	79,663,369	28,576,995	27,308,170	47,537	1,221,288	2,212,000	30,788,995	7,457,332	22,227,199	10,655,321	8,534,522	48,874,374	92.8%
35	Lai Châu	7,393,068	499,220	6,893,848	4,699,750	4,115,845	294,515	289,390	187,488	4,887,238	1,816,207	10,560	179,843		2,006,610	96.2%
36	Lâm Đồng	688,581,919	3,996,069	684,585,850	179,175,227	132,751,895	258,596	46,164,736	47,369,625	226,544,852	37,375,025	462,608	63,280,517	356,922,848	458,040,998	79.1%
37	Lạng Sơn	58,294,482	3,101,494	55,192,988	18,482,452	16,347,415	771,034	1,364,003	2,182,984	20,665,436	29,244,119	0	3,718,103	1,565,330	34,527,552	89.4%
38	Lào Cai	46,926,168	735,971	46,190,197	17,327,391	14,246,070	867,640	2,213,681	2,319,683	19,647,074	12,860,586	0	7,806,765	5,875,772	26,543,123	88.2%
39	Long An	898,402,305	52,144,861	846,257,444	214,438,810	163,190,509	1,461,576	49,786,725	125,146,539	339,585,349	69,616,044	2,439,819	94,789,987	339,826,245	506,672,095	63.1%
40	Nam Định	71,311,196	1,640,017	69,671,179	15,427,553	14,402,612	382,748	642,193	3,716,088	19,143,641	30,196,518	40,974	11,790,254	8,499,792	50,527,538	80.6%
41	Nghệ An	202,361,795	13,472,084	188,889,711	61,906,464	51,306,585	884,921	9,714,958	14,826,161	76,732,625	39,342,638	142,650	25,369,850	47,301,948	112,157,086	80.7%
42	Ninh Bình	41,764,950	692,525	41,072,425	13,242,170	12,036,654	378,462	827,054	3,502,193	16,744,363	5,850,948		2,621,150	15,855,964	24,328,062	79.1%
43	Ninh Thuận	99,572,389	2,207,292	97,365,097	30,409,509	26,284,092	184,987	3,940,430	5,504,820	35,914,329	24,954,476	6,479,898	7,754,488	22,261,906	61,450,768	84.7%
44	Phủ Thọ	254,193,876	11,583,791	242,610,085	66,724,980	55,490,900	380,096	10,853,984	34,063,851	100,788,831	11,768,770	30,544	37,862,874	92,159,066	141,821,254	66.2%
45	Phú Yên	141,664,415	5,299,499	136,364,916	43,679,070	43,460,779	218,291	0	7,902,331	51,581,401	28,400,781	78,257	0	56,304,477	84,783,515	84.7%
46	Q/Ninh	383,539,852	1,548,136	381,991,716	261,337,086	112,570,402	132,510,730	16,255,954	15,758,103	277,095,189	37,166,910	26,050	27,614,203	40,089,364	104,896,527	94.3%
47	Quân đội	52,301,666	357,738	51,943,928	6,156,927	5,917,292	19,210	220,425	15,751,254	21,908,181	0	0	2,994,672	27,041,075	30,035,747	28.1%
48	Quảng Bình	55,410,278	901,126	54,509,152	34,891,590	11,254,634	18,741,756	4,895,200	3,779,772	38,671,362	3,440,272	137,665	2,903,966	9,355,887	15,837,790	90.2%
49	Quảng Nam	780,875,879	4,454,898	776,420,981	426,623,120	55,814,995	367,026,051	3,782,074	7,444,716	434,067,836	126,892,135	1,234,250	24,672,906	189,553,854	342,353,145	98.3%
50	Quảng Ngãi	352,766,385	5,074,622	347,691,763	189,505,491	29,666,588	146,049,935	13,788,968	17,606,340	207,111,831	17,351,584	1,679,972	5,470,003	116,078,373	140,579,932	91.5%
51	Quảng Trị	84,462,921	711,556	83,751,365	46,980,798	32,492,206	1,125,148	13,363,444	4,147,236	51,128,034	3,781,264	3,403	13,934,351	14,904,313	32,623,331	91.9%
52	Sóc Trăng	307,400,071	23,670,674	283,729,397	95,703,921	84,646,758	39,277	11,017,886	23,749,456	119,453,377	37,266,921	1,147,341	35,939,612	89,922,146	164,276,020	80.1%
53	Sơn La	50,760,932	1,667,220	49,093,712	14,380,382	10,938,355	1,297,124	2,144,903	4,700,832	19,081,214	23,011,080	67,855	3,772,484	3,161,079	30,012,498	75.4%
54	Tây Ninh	640,973,848	45,697,275	595,276,573	185,249,780	167,613,718	89,755	17,546,307	90,878,926	276,128,706	27,966,062	6,004,858	55,254,666	229,922,281	319,147,867	67.1%
55	Thái Bình	62,158,448	1,960,965	60,197,483	17,630,026	15,687,409	196,509	1,746,108	3,082,809	20,712,835	2,518,959	452,012	6,126,608	30,387,069	39,484,648	85.1%
56	Thái Nguyên	181,606,829	11,019,820	170,587,009	53,668,448	32,246,668	916,336	20,505,444	9,298,165	62,966,613	30,292,844	129,764	46,534,818	30,662,970	107,620,396	85.2%
57	Thanh Hoá	151,276,348	2,394,095	148,882,253	55,425,805	43,133,681	987,145	11,304,979	8,702,169	64,127,974	34,211,504	412,109	9,118,335	41,012,331	84,754,279	86.4%
58	Tiền Giang	788,653,216	33,377,583	755,275,633	183,464,953	152,443,952	153,134	30,867,867	50,583,776	234,048,729	29,898,932	6,073,187	61,277,646	423,977,139	521,226,904	78.4%
59	Trà Vinh	247,223,182	4,067,239	243,155,943	58,952,042	51,774,868	127,247	7,049,927	18,310,367	77,262,409	13,901,819	1,030,991	24,091,545	126,869,179	165,893,534	76.3%
60	TT Huế	131,891,109	2,424,212	129,466,897	26,785,930	24,482,299	105,937	2,197,694	4,777,996	31,563,926	2,574,715	1,530,545	32,937,430	60,860,281	97,902,971	84.9%
61	Tuyên Quang	105,033,795	6,446,519	98,587,276	21,168,067	19,423,271	558,975	1,185,821	481,579	21,649,646	15,196,977		17,647,487	44,093,166	76,937,630	97.8%
62	Vĩnh Long	366,123,408	8,917,139	357,206,269	88,669,614	76,175,351	340,402	12,153,861	31,118,189	119,787,803	22,345,456	8,851,699	40,115,294	166,106,017	237,418,466	74.0%
63	Vĩnh Phúc	173,518,717	2,465,864	171,052,853	93,277,703	82,387,842	723,999	10,165,862	38,970,278	132,247,981	6,343,427	74,842	9,412,850	22,973,753	38,804,872	70.5%
64	Yên Bái	29,771,733	683,659	29,088,074	5,257,418	4,432,208	424,265	400,945	879,126	6,136,544	5,615,524	736	5,894,327	11,440,943	22,951,530	85.7%
	Cộng	37,876,497,670	2,460,155,934	35,416,341,736	10,167,712,899	9,022,883,934	32,668,233	1,112,160,732	3,198,577,762	13,366,290,661	2,979,896,548	350,106,867	3,795,009,844	14,925,037,816	22,050,051,075	76.1%

## THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ VIỆC 12 THÁNG NĂM 2012

(Kèm theo Báo cáo số 289/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2012)

Đơn vị tính: Việc

STT	Đơn vị	Tổng số việc			Ủy Thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện thi hành										Số chưa có điều kiện thi hành					Số chuyên kì sau	Tỉ lệ (xong/ có đk)	Tỷ lệ có điều kiện/số phải thi hành	Tỷ lệ chưa có điều kiện/số phải thi hành	
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số có điều kiện	Chia ra:										Tổng số chưa có điều kiện	Chia ra:							
			Cũ chuyên sang	Thụ Lý mới				Số thi hành xong, trong đó:					Đang giải quyết						Hoãn	Tạm ĐC	Trả đơn					Lý do khác
								Tổng số thi hành xong	Xong HT	Đều		Đình chỉ	Tổng số	Dờ dang	Chưa Thi hành											
										Chưa xong	xong															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	24	25				
1	An Giang	12,624	3,009	9,615	186	12,438	9,048	8,057	7,914	0	0	143	991	886	105	3,390	1,211	9	565	1,605	3,816	89.05%	72.74%	27.26%		
2	Bắc Giang	9,155	2,789	6,366	321	8,834	5,980	5,703	5,326	0	23	354	277	236	41	2,854	2,415	7	204	228	2,927	95.37%	67.69%	32.31%		
3	Bắc Kạn	2,003	720	1,283	73	1,930	1,210	1,197	1,048	0	37	112	13	9	4	720	661	3	53	3	680	98.93%	62.69%	37.31%		
4	Bạc Liêu	8,929	3,299	5,630	183	8,746	5,759	5,103	5,025	0	0	78	656	483	173	2,987	945	22	279	1,741	3,364	88.61%	65.85%	34.15%		
5	Bắc Ninh	4,918	1,384	3,534	155	4,763	3,531	3,290	3,153	0	32	105	241	210	31	1,232	939	2	92	199	1,381	93.17%	74.13%	25.87%		
6	Bến Tre	12,640	2,201	10,439	171	12,469	9,561	8,163	8,048	296	0	115	1,102	1,102	0	2,908	923	9	535	1,441	3,771	85.38%	76.68%	23.32%		
7	Bình Định	9,894	2,710	7,184	77	9,817	6,830	6,286	6,085	0	14	187	544	310	234	2,987	1,763	5	545	674	2,986	92.04%	69.57%	30.43%		
8	Bình Dương	18,136	4,308	13,828	418	17,718	13,925	12,063	11,110	0	573	380	1,862	1,726	136	3,793	1,005	18	378	2,392	5,277	86.63%	78.59%	21.41%		
9	Bình Phước	12,118	4,123	7,995	356	11,762	8,610	7,465	6,928	0	256	281	1,145	795	350	3,152	2,331	18	395	408	3,902	86.70%	73.20%	26.80%		
10	Bình Thuận	11,900	5,188	6,712	183	11,717	8,269	6,353	5,487	0	500	366	1,916	1,438	478	3,448	793	18	366	2,271	4,998	76.83%	70.57%	29.43%		
11	BR-Vũng Tàu	9,994	3,910	6,084	152	9,842	5,976	5,375	5,079	0	67	229	601	505	96	3,866	1,866	12	214	1,774	4,253	89.94%	60.72%	39.28%		
12	Cà Mau	11,558	4,090	7,468	186	11,372	8,299	7,375	7,155	0	3	217	924	554	370	3,073	2,051	28	542	452	3,455	88.87%	72.98%	27.02%		
13	Cần Thơ	10,754	2,299	8,455	323	10,431	8,224	7,074	6,926	0	5	143	1,150	868	282	2,207	477	4	442	1,284	2,915	86.02%	78.84%	21.16%		
14	Cao Bằng	2,094	887	1,207	27	2,067	1,328	1,251	1,106	0	12	133	77	68	9	739	615	4	55	65	761	94.20%	64.25%	35.75%		
15	Đà Nẵng	11,907	4,141	7,766	424	11,483	7,621	6,773	6,548	0	0	225	848	745	103	3,862	2,277	29	246	1,310	4,464	88.87%	66.37%	33.63%		
16	Đắk Lắk	17,322	6,246	11,076	243	17,079	11,938	10,844	10,204	0	135	505	1,094	548	546	5,141	2,188	8	859	2,086	5,376	90.84%	69.90%	30.10%		
17	Đắk Nông	3,823	1,055	2,768	75	3,748	2,702	2,470	2,393	0	22	55	232	129	103	1,046	604	2	77	363	1,201	91.41%	72.09%	27.91%		
18	Điện Biên	2,656	921	1,735	88	2,568	1,848	1,774	1,667	0	0	107	74	63	11	720	675	0	36	9	758	96.00%	71.96%	28.04%		
19	Đồng Nai	22,488	8,467	14,021	587	21,901	15,168	12,917	12,295	0	259	363	2,251	2,098	153	6,733	2,869	20	435	3,409	8,549	85.16%	69.26%	30.74%		
20	Đồng Tháp	16,204	4,861	11,343	213	15,991	12,514	11,110	10,822	0	3	285	1,404	1,404	0	3,477	1,563	17	886	1,011	3,995	88.78%	78.26%	21.74%		
21	Gia Lai	9,824	2,111	7,713	90	9,734	8,303	7,440	7,311	0	38	91	863	677	186	1,431	677	584	4	166	2,290	89.61%	85.30%	14.70%		

22	Hà Giang	1,998	366	1,632	140	1,858	1,513	1,441	1,295	16	103	43	56	34	22	345	233	1	38	73	379	95.24%	81.43%	18.57%
23	Hà Nam	2,512	1,003	1,509	59	2,453	1,588	1,381	1,322		0	59	207	64	143	865	816	3	36	10	1,036	86.96%	64.74%	35.26%
24	Hà Nội	31,763	9,544	22,219	1,256	30,507	22,993	20,971	20,254	0	4	713	2,022	1,680	342	7,514	6,478	43	392	601	9,144	91.21%	75.37%	24.63%
25	Hà Tĩnh	3,632	786	2,846	81	3,551	3,068	2,817	2,673	0	10	134	251	230	21	483	340	0	76	67	658	91.82%	86.40%	13.60%
26	Hải Dương	7,885	2,972	4,913	195	7,690	5,533	4,918	4,639	0	7	272	615	365	250	2,157	1,676	2	115	364	2,657	88.88%	71.95%	28.05%
27	Hải Phòng	14,751	8,453	6,298	315	14,436	7,438	5,231	4,876	0	36	319	2,207	1,174	1,033	6,998	5,846	12	141	999	9,064	70.33%	51.52%	48.48%
28	Hậu Giang	6,133	1,895	4,238	103	6,030	4,512	3,777	3,667	0	13	97	735	640	95	1,518	614	9	224	671	2,029	83.71%	74.83%	25.17%
29	Hồ Chí Minh	76,566	31,832	44,734	2,161	74,405	51,830	44,992	43,609	0	4	1,379	6,838	5,811	1,027	22,575	10,778	122	2,039	9,636	27,374	86.81%	69.66%	30.34%
30	Hoà Bình	3,123	786	2,337	49	3,074	2,641	2,488	2,417	0	0	71	153	131	22	433	347	1	35	50	551	94.21%	85.91%	14.09%
31	Hưng Yên	5,804	2,351	3,453	167	5,637	3,605	3,558	3,207	0	0	351	47	36	11	2,032	1	3	118	1,910	1,961	98.70%	63.95%	36.05%
32	Khánh Hoà	12,285	6,387	5,898	145	12,140	6,787	6,104	5,881	0	0	223	683	400	283	5,353	914	19	266	4,154	5,770	89.94%	55.91%	44.09%
33	Kiên Giang	13,972	3,636	10,336	149	13,823	10,136	9,316	8,618	0	295	403	820	687	133	3,687	1,450	14	525	1,698	3,982	91.91%	73.33%	26.67%
34	Kon Tum	2,408	459	1,949	22	2,386	2,019	1,930	1,885	0	21	24	89	58	31	367	235	2	31	99	425	95.59%	84.62%	15.38%
35	Lai Châu	1,591	246	1,345	20	1,571	1,412	1,346	1,316	0	0	30	66	58	8	159	147	1	11	0	214	95.33%	89.88%	10.12%
36	Lâm Đồng	10,903	3,298	7,605	102	10,801	7,555	6,810	6,280	0	333	197	745	745	0	3,246	1,510	9	248	1,479	3,743	90.14%	69.95%	30.05%
37	Lạng Sơn	4,598	1,284	3,314	257	4,341	3,171	2,950	2,822	0	0	128	221	182	39	1,170	972	1	175	22	1,216	93.03%	73.05%	26.95%
38	Lào Cai	3,910	1,470	2,440	31	3,879	2,539	2,337	2,303	0	0	34	202	144	58	1,340	1,268	0	52	20	1,490	92.04%	65.46%	34.54%
39	Long An	24,188	10,663	13,525	253	23,935	15,559	13,235	12,324	0	604	307	2,324	1,828	496	8,376	2,758	27	735	4,856	9,965	85.06%	65.01%	34.99%
40	Nam Định	6,280	2,854	3,426	116	6,164	3,831	3,558	3,303		0	255	273	73	200	2,333	2,051	2	141	139	2,465	92.87%	62.15%	37.85%
41	Nghệ An	14,910	4,858	10,052	617	14,293	10,234	9,700	9,119	0	0	581	534	429	105	4,059	3,018	1	379	661	4,214	94.78%	71.60%	28.40%
42	Ninh Bình	3,922	1,627	2,295	137	3,785	2,389	2,157	2,022	0	8	127	232	134	98	1,396	274	3	33	1,086	1,595	90.29%	63.12%	36.88%
43	Ninh Thuận	4,024	1,806	2,218	29	3,995	2,416	2,207	2,151	0	3	53	209	158	51	1,579	1,133	2	130	314	1,658	91.35%	60.48%	39.52%
44	Phú Thọ	8,884	3,352	5,532	243	8,641	6,132	5,481	5,025		86	370	651	330	321	2,509	676	4	232	1,597	2,928	89.38%	70.96%	29.04%
45	Phú Yên	6,186	1,755	4,431	146	6,040	4,615	4,156	3,917	0	147	92	459	459	0	1,425	1,086	5	171	163	1,713	90.05%	76.41%	23.59%
46	Quảng Bình	3,168	1,110	2,058	71	3,097	2,314	2,098	1,905	0	0	193	216	195	21	783	526	3	78	176	921	90.67%	74.72%	25.28%
47	Quảng Nam	7,678	2,318	5,360	141	7,537	5,659	5,251	5,106	0	1	144	408	326	82	1,878	1,202	14	242	420	2,044	92.79%	75.08%	24.92%
48	Quảng Ngãi	6,130	1,927	4,203	96	6,034	4,216	3,773	3,540	0	159	74	443	250	193	1,818	361	14	180	1,263	2,081	89.49%	69.87%	30.13%
49	Quảng Ninh	9,632	4,567	5,065	117	9,515	6,236	5,638	5,213	0	17	408	598	530	68	3,279	2,065	9	86	1,119	3,791	90.41%	65.54%	34.46%
50	Quảng Trị	3,359	532	2,827	38	3,321	2,945	2,712	2,673	0	0	39	233	143	90	376	315	1	49	11	560	92.09%	88.68%	11.32%
51	Sóc Trăng	8,844	2,888	5,956	175	8,669	6,041	5,421	5,294	0	5	122	620	396	224	2,628	1,382	9	352	885	2,896	89.74%	69.69%	30.31%
52	Son La	6,932	2,653	4,279	71	6,861	5,176	4,535	4,389	0	7	139	641	469	172	1,685	1,452	0	52	181	2,274	87.62%	75.44%	24.56%
53	Tây Ninh	24,627	8,404	16,223	396	24,231	15,072	12,192	10,862	0	961	369	2,880	2,113	767	9,159	2,927	17	630	5,585	11,409	80.89%	62.20%	37.80%
54	Thái Bình	6,045	2,244	3,801	69	5,976	4,008	3,737	3,572	0	0	165	271	167	104	1,968	1,657	4	148	159	2,091	93.24%	67.07%	32.93%

55	Thái Nguyên	9,922	4,235	5,687	273	9,649	6,124	5,503	5,051	0	38	414	621	537	84	3,525	3,156	7	312	50	3,834	89.86%	63.47%	36.53%
56	Thanh Hoá	11,867	5,290	6,577	395	11,472	6,688	5,619	5,350	0	0	269	1,069	702	367	4,784	2,042	2	306	2,434	5,547	84.02%	58.30%	41.70%
57	Tiền Giang	26,644	13,312	13,332	352	26,292	14,307	12,926	12,309	0	104	513	1,381	793	588	11,985	2,755	32	686	8,512	12,680	90.35%	54.42%	45.58%
58	Trà Vinh	9,733	2,595	7,138	102	9,631	7,058	6,497	6,203	0	173	121	561	303	258	2,573	505	7	398	1,663	2,736	92.05%	73.28%	26.72%
59	TT Huế	3,734	1,346	2,388	196	3,538	2,323	2,155	2,092	0	4	59	168	147	21	1,215	754	5	95	361	1,288	92.77%	65.66%	34.34%
60	Tuyên Quang	4,107	1,219	2,888	37	4,070	2,778	2,593	2,522	0	0	71	185	185	0	1,292	1,083	0	99	110	1,378	93.34%	68.26%	31.74%
61	Vĩnh Long	9,314	3,532	5,782	125	9,189	6,036	5,415	5,032	0	68	315	621	436	185	3,153	1,625	12	435	1,081	3,339	89.71%	65.69%	34.31%
62	Vĩnh Phúc	6,401	1,960	4,441	180	6,221	4,895	4,451	4,343	0	0	108	444	290	154	1,326	464	1	69	792	1,701	90.93%	78.69%	21.31%
63	Yên Bái	4,701	1,734	2,967	74	4,627	3,287	3,042	2,862	0	20	160	245	215	30	1,340	1,220	2	101	17	1,484	92.55%	71.04%	28.96%
	<b>Cộng</b>	<b>656,007</b>	<b>234,268</b>	<b>421,739</b>	<b>14,232</b>	<b>641,775</b>	<b>445,323</b>	<b>394,502</b>	<b>374,873</b>	<b>312</b>	<b>5,210</b>	<b>14,419</b>	<b>50,509</b>	<b>38,901</b>	<b>11,608</b>	<b>196,452</b>	<b>98,960</b>	<b>1,244</b>	<b>17,869</b>	<b>78,379</b>	<b>229,404</b>	<b>88.59%</b>	<b>69.39%</b>	<b>30.61%</b>
64	Quốc phòng	1,085	332	753	48	1,110	932	782	765	0	0	17	150	137	13	178	158	1	18	1	310	83.91%	83.96%	16.04%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>657,092</b>	<b>234,600</b>	<b>422,492</b>	<b>14,280</b>	<b>642,885</b>	<b>446,255</b>	<b>395,284</b>	<b>375,638</b>	<b>312</b>	<b>5,210</b>	<b>14,436</b>	<b>50,659</b>	<b>39,038</b>	<b>11,621</b>	<b>196,630</b>	<b>99,118</b>	<b>1,245</b>	<b>17,887</b>	<b>78,380</b>	<b>229,714</b>	<b>88.58%</b>	<b>69.41%</b>	<b>30.59%</b>



## THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ GIÁ TRỊ 12 THÁNG NĂM 2012

(Kèm theo Báo cáo số 289/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2012)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số tiền thụ lý			Ủy Thác	Tổng số phải thi hành	Số có điều kiện						Số chưa có điều kiện				Số chuyển kỳ sau	Thi hành xong/có số ĐK	Tỉ lệ có điều kiện/ số phải thi hành	Tỉ lệ không có điều kiện/ số phải thi hành	
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số có điều kiện	Tổng số xong	Chia ra:			Chưa thi hành	Tổng số chưa có điều kiện	Chia ra:							
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới					Thực thu	Miễn giảm	Đình chỉ			Hoãn	Tạm đình chỉ	Trà đơn					Lý do khác
1	An Giang	967.724,063	219.607,385	748.116,678	81.627,242	886.096,821	334.998,453	245.548,676	231.958,290	87.108	13.503,278	89.449,777	551.098,368	65.713,170	1.167,727	105.866,468	378.351,003	534.681,677	73.30%	37.81%	62.19%
2	Bắc Giang	180.653,043	36.315,147	144.337,896	4.356,738	176.296,305	71.059,510	64.642,565	45.295,813	968,048	18.378,704	6.416,945	105.236,795	35.772,759	1.619,819	44.987,633	22.856,584	66.666,107	90.97%	40.31%	59.69%
3	Bắc Kan	16.331,167	6.213,771	10.117,396	2.591,640	13.739,527	5.006,072	4.938,179	2.971,380	575,404	1.391,395	67,893	8.733,455	5.687,768	10,400	1.328,161	1.707,126	7.473,187	98.64%	36.44%	63.56%
4	Bạc Liêu	208.946,912	121.785,762	87.161,150	7.901,317	201.045,595	71.290,349	54.996,089	45.255,701	367,782	9.372,606	16.294,260	129.755,246	15.868,614	292,746	16.147,516	97.446,370	129.901,990	77.14%	35.46%	64.54%
5	Bắc Ninh	335.170,760	68.242,327	266.928,433	8.834,257	326.336,503	54.387,622	49.450,224	43.170,095	663,693	5.616,436	4.937,398	271.948,881	33.838,551	5,864	63.253,395	174.851,071	213.632,884	90.92%	16.67%	83.33%
6	Bến Tre	271.916,888	93.369,671	178.547,217	7.471,931	264.444,957	83.265,246	65.523,468	56.158,973	210,133	9.154,361	17.741,778	181.179,711	46.656,292	4.551,192	45.198,687	84.773,540	153.722,803	78.69%	31.49%	68.51%
7	Bình Định	711.845,552	98.346,710	613.498,842	6.944,272	704.901,280	91.213,333	74.020,433	64.077,268	172,095	9.771,070	17.192,900	613.687,947	152.773,982	548,280	168.586,625	291.779,060	462.294,222	81.15%	12.94%	87.06%
8	Bình Dương	2.660.640,200	1.014.898,874	1.645.741,326	519.197,735	2.141.442,465	552.491,833	436.019,486	385.145,939	101,090	50.772,457	116.472,347	1.588.950,632	85.950,567	22.217,440	166.752,446	1.314.030,179	1.538.670,533	78.92%	25.80%	74.20%
9	Bình Phước	402.483,567	186.878,578	215.604,989	75.842,419	326.641,148	145.232,781	101.978,499	88.361,961	86,977	13.529,561	43.254,282	181.408,367	70.402,472	851,777	56.501,123	53.652,995	168.161,526	70.22%	44.46%	55.54%
10	Bình Thuận	389.059,806	159.921,133	229.138,673	5.940,992	383.118,814	167.267,741	70.441,424	58.847,601	124,488	11.469,335	96.826,317	215.851,073	73.870,895	3.580,968	29.906,113	108.493,097	282.771,277	42.11%	43.66%	56.34%
11	BR-Vũng Tàu	1.189.751,163	429.085,964	760.665,199	65.502,172	1.124.248,991	261.517,380	189.074,734	132.663,496	727,490	55.683,748	72.442,646	862.731,611	268.367,211	9.916,086	71.775,669	512.672,645	863.398,588	72.30%	23.26%	76.74%
12	Cà Mau	284.095,857	130.782,969	153.312,888	15.944,815	268.151,042	111.578,861	86.770,416	68.955,765	215,063	17.599,588	24.808,445	156.572,181	52.839,185	1.528,368	55.254,640	46.949,988	126.125,986	77.77%	41.61%	58.39%
13	Cần Thơ	1.156.127,997	400.150,178	755.977,819	86.514,248	1.069.613,749	367.723,094	272.715,830	239.233,363	5,529	33.476,938	95.007,264	701.890,655	20.365,444	15,751	103.099,572	578.409,888	693.798,347	74.16%	34.38%	65.62%
14	Cao Bằng	23.916,084	15.188,644	8.727,440	645,534	23.270,550	8.125,859	7.474,470	4.252,656	949,460	2.272,354	651,389	15.144,691	9.659,065	25,596	1.832,885	3.627,145	13.963,195	91.98%	34.92%	65.08%
15	Đà Nẵng	833.116,206	389.623,614	443.492,592	35.145,730	797.970,476	236.074,353	178.501,682	140.609,600	203,780	37.688,302	57.572,671	561.896,123	121.157,373	10.569,780	86.919,549	343.249,421	532.549,245	75.61%	29.58%	70.42%
16	Đắk Lắk	1.131.650,874	548.010,320	583.640,554	25.603,317	1.106.047,557	323.698,845	259.957,526	190.693,440	434,055	68.830,031	63.741,319	782.348,712	137.417,133	1.155,000	275.808,086	367.968,493	570.281,945	80.31%	29.27%	70.73%
17	Đắk Nông	156.378,947	70.876,388	85.502,559	5.228,974	151.149,973	45.607,658	40.691,411	30.816,294	15,839	9.859,278	4.916,247	105.542,315	29.879,536	514,338	12.066,967	63.081,474	98.391,595	89.22%	30.17%	69.83%
18	Điện Biên	22.639,846	13.075,753	9.564,093	371,977	22.267,869	7.672,010	7.235,583	5.754,029	475,810	1.005,744	436,427	14.595,859	13.304,930	0	512,959	777,970	14.519,327	94.31%	34.45%	65.55%
19	Đồng Nai	2.170.754,236	988.310,005	1.182.444,231	130.147,016	2.040.607,220	581.508,212	425.035,216	345.682,722	187,031	79.165,463	156.472,996	1.459.099,008	81.103,288	9.933,758	348.584,979	1.019.476,983	1.266.987,025	73.09%	28.50%	71.50%
20	Đồng Tháp	714.755,800	255.021,956	459.733,844	52.724,752	662.031,048	202.864,521	160.944,070	148.400,040	172,537	12.371,493	41.920,451	459.166,527	25.675,954	3.812,173	244.461,656	185.216,744	256.625,322	79.34%	30.64%	69.36%
21	Gia Lai	965.354,509	503.287,048	462.067,461	36.567,153	928.787,356	243.163,367	216.254,259	197.427,503	32,694	18.794,062	26.909,108	685.623,989	16.307,471	1.115,064	98.868,738	569.332,716	613.664,359	88.93%	26.18%	73.82%
22	Hà Giang	33.431,720	7.235,922	26.195,798	2.413,401	31.018,319	14.653,097	12.864,216	11.701,395	189,756	973,065	1.788,881	16.365,222	2.433,922	530,000	2.777,726	10.623,574	15.376,377	87.79%	47.24%	52.76%
23	Hà Nam	46.382,444	11.519,103	34.863,341	8.869,963	37.512,481	22.565,256	20.405,020	9.546,596	57,522	10.800,902	2.160,236	14.947,225	10.952,752	7,394	2.140,269	1.846,810	14.967,192	90.43%	60.15%	39.85%

24	Hà Nội	2,963,275,810	869,267,860	2,094,007,950	315,223,546	2,648,052,264	1,083,348,162	840,594,351	642,322,056	2,809,270	195,463,025	242,753,811	1,564,704,102	775,602,704	177,241,557	244,975,762	366,884,079	1,562,482,151	77.59%	40.91%	59.09%
25	Hà Tĩnh	66,964,675	14,147,170	52,817,505	1,506,628	65,458,047	47,174,178	38,780,069	34,396,599	355,941	4,027,529	8,394,109	18,283,869	5,821,553	0	11,639,557	822,759	15,038,421	82.21%	72.07%	27.93%
26	Hải Dương	124,431,541	61,197,821	63,233,720	2,854,788	121,576,753	37,951,932	30,322,007	23,625,338	475,828	6,220,841	7,629,925	83,624,821	32,586,255	7,987,038	18,983,042	24,068,486	72,271,704	79.90%	31.22%	68.78%
27	Hải Phòng	393,035,552	233,370,930	159,664,622	23,467,214	369,568,338	119,492,314	62,829,544	55,396,873	215,066	7,217,605	56,662,770	250,076,024	97,047,915	16,576,862	16,396,192	120,055,055	290,342,602	52.58%	32.33%	67.67%
28	Hậu Giang	189,325,241	97,453,136	91,872,105	18,441,314	170,883,927	78,592,227	58,366,623	54,264,114	8,300	4,094,209	20,225,604	92,291,700	36,432,279	2,767,640	19,680,150	33,411,631	92,837,154	74.27%	45.99%	54.01%
29	Hồ Chí Minh	16,697,838,519	9,633,098,720	7,064,739,799	1,019,263,205	15,678,575,314	4,594,691,879	3,493,807,410	2,847,570,341	5,336,888	640,900,181	1,100,884,469	1,083,883,435	1,444,715,837	285,736,093	1,073,162,502	8,280,269,003	11,111,605,402	76.04%	29.31%	70.69%
30	Hoà Bình	41,815,522	16,641,024	25,174,498	798,195	41,017,327	17,510,067	16,844,738	15,834,238	129,703	880,797	665,329	23,507,260	9,028,965	770	7,108,130	7,369,395	17,064,459	96.20%	42.69%	57.31%
31	Hưng Yên	423,170,854	93,357,131	329,813,723	74,083,032	349,087,822	254,119,946	242,063,158	228,636,210	907,668	12,519,280	12,056,788	94,967,876	0	755,008	25,542,369	68,670,499	81,482,295	95.26%	72.80%	27.20%
32	Khánh Hoà	973,248,795	439,168,759	534,080,036	71,538,811	901,709,984	235,624,010	190,027,548	117,633,378	167,141	72,227,029	45,596,462	666,085,974	63,674,470	9,260,715	77,813,098	515,337,691	633,869,338	80.65%	26.13%	73.87%
33	Kiên Giang	577,507,690	196,265,661	381,242,029	11,086,939	566,420,751	219,726,381	180,396,538	149,100,136	225,262	31,071,140	39,329,843	346,694,370	25,614,222	869,399	74,680,660	245,530,089	311,343,553	82.10%	38.79%	61.21%
34	Kon Tum	103,921,756	40,431,053	63,490,703	6,590,607	97,331,149	35,730,428	34,325,977	29,365,434	40,816	4,919,727	1,404,451	61,600,721	11,438,223	22,086,056	5,121,806	22,954,636	57,883,366	96.07%	36.71%	63.29%
35	Lai Châu	7,355,947	2,014,255	5,341,692	857,660	6,498,287	3,797,854	3,606,849	3,244,119	212,538	150,192	191,005	2,700,433	2,067,140	200	633,093	0	2,258,345	94.97%	58.44%	41.56%
36	Lâm Đồng	878,346,447	442,130,106	436,216,341	3,661,408	874,685,039	220,485,102	179,650,565	146,275,552	157,711	33,217,302	40,834,537	654,199,937	62,159,034	993,325	155,929,254	435,118,324	539,105,220	81.48%	25.21%	74.79%
37	Lạng Sơn	78,890,354	32,992,433	45,897,921	6,666,414	72,223,940	19,647,489	17,277,721	13,849,746	654,660	2,773,315	2,369,768	52,576,451	30,123,434	2,209,020	15,344,986	4,899,011	39,601,233	87.94%	27.20%	72.80%
38	Lào Cai	67,678,046	21,056,041	46,622,005	6,800,611	60,877,435	19,382,458	17,756,424	15,420,837	544,638	1,790,949	1,626,034	41,494,977	25,843,912	0	9,806,833	5,844,232	33,314,178	91.61%	31.84%	68.16%
39	Long An	1,184,578,098	537,028,647	647,549,451	66,667,979	1,117,910,119	447,527,443	299,405,474	211,505,156	236,979	87,663,339	148,121,969	670,382,676	146,515,859	11,961,268	86,517,427	425,388,122	731,987,218	66.90%	40.03%	59.97%
40	Nam Định	112,736,760	42,453,372	70,283,388	3,387,936	109,348,824	38,132,303	33,860,208	28,957,875	721,522	4,180,811	4,272,095	71,216,521	53,150,864	53,200	10,717,234	7,295,223	64,771,382	88.80%	34.87%	65.13%
41	Nghệ An	232,276,656	101,613,397	130,663,259	12,871,374	219,405,282	78,167,914	62,628,219	58,901,841	1,863,189	1,863,189	15,539,695	141,237,368	49,877,436	511,000	34,023,676	56,825,256	122,753,387	80.12%	35.63%	64.37%
42	Ninh Bình	128,836,122	25,209,105	103,627,017	4,298,335	124,537,787	55,394,355	31,523,672	29,951,298	419,691	1,152,683	23,870,683	69,143,432	10,714,023	211,250	1,579,286	56,638,873	91,434,829	56.91%	44.48%	55.52%
43	Ninh Thuận	116,416,842	59,201,100	57,215,742	3,032,358	113,384,484	43,807,823	39,578,278	29,967,843	40,457	9,569,978	4,229,545	69,576,661	33,466,942	26,065	18,855,367	17,228,287	54,950,839	90.35%	38.64%	61.36%
44	Phù Thọ	268,086,876	138,022,231	130,064,645	13,301,899	254,784,977	93,483,549	58,708,154	36,493,352	459,405	21,755,397	34,775,395	161,301,428	14,549,327	570,828	39,396,289	106,784,984	156,680,534	62.80%	36.69%	63.31%
45	Phù Yên	362,440,787	92,685,846	269,754,941	158,667,038	203,773,749	91,069,726	63,095,635	60,266,096	183,726	2,645,813	27,974,091	112,704,023	12,431,017	19,773	21,343,662	78,909,571	119,334,452	69.28%	44.69%	55.31%
46	Quảng Bình	37,748,872	16,713,596	21,035,276	361,003	37,387,869	19,512,776	15,488,242	11,602,269	223,901	3,662,072	4,024,534	17,875,093	10,436,518	64,559	3,085,013	4,289,003	18,814,614	79.37%	52.19%	47.81%
47	Quảng Nam	551,048,340	325,124,955	225,923,385	2,488,761	548,559,579	74,757,712	67,648,421	61,753,024	238,656	5,656,741	7,109,291	473,801,867	191,737,765	120,537,641	29,434,549	132,091,912	451,476,609	90.49%	13.63%	86.37%
48	Quảng Ngãi	308,204,457	152,716,269	155,488,188	10,513,602	297,690,855	77,959,421	58,205,174	55,526,837	92,211	2,586,126	19,754,247	219,731,434	22,293,243	4,736,604	27,270,361	165,431,226	212,215,320	74.66%	26.19%	73.81%
49	Quảng Ninh	262,928,426	93,040,427	169,887,999	11,279,898	251,648,528	101,939,703	88,084,117	77,400,732	1,103,303	9,580,082	13,855,586	149,708,825	61,369,660	27,669,886	16,595,974	44,073,305	146,968,437	86.41%	40.51%	59.49%
50	Quảng Trị	64,341,024	22,836,216	41,504,808	1,523,343	62,817,681	32,401,363	30,018,357	27,206,096	44,143	2,768,118	2,383,006	30,416,318	23,695,095	3,403	6,352,335	365,485	26,446,989	92.65%	51.58%	48.42%
51	Sóc Trăng	399,512,350	152,085,864	247,426,486	11,824,676	387,687,674	114,493,582	93,223,718	80,563,656	83,764	12,576,298	21,269,864	273,194,092	49,484,763	962,590	44,273,358	178,473,381	250,190,598	81.42%	29.53%	70.47%
52	Sơn La	74,361,127	30,940,846	43,420,281	928,447	73,432,680	48,871,615	44,620,900	17,354,142	970,523	26,296,235	4,250,715	24,561,065	21,809,141	0	988,514	1,763,410	27,823,266	91.30%	66.55%	33.45%
53	Tây Ninh	892,906,605	354,772,127	538,134,478	45,407,554	847,499,051	334,722,330	246,016,628	218,314,506	45,101	27,657,021	88,705,702	512,776,721	34,833,924	2,467,827	71,510,153	403,964,817	529,972,270	73.50%	39.50%	60.50%
54	Thái Bình	150,833,667	36,440,849	114,392,818	64,261,872	86,571,795	25,408,139	21,465,477	16,547,687	691,357	4,226,433	3,942,662	61,163,656	23,483,361	451,952	17,055,563	20,172,780	48,050,755	84.48%	29.35%	70.65%
55	Thái Nguyên	193,710,538	70,383,743	123,326,795	10,087,703	183,622,835	45,256,357	38,728,986	25,739,310	922,643	12,067,033	6,527,371	138,366,478	87,201,222	4,125,557	36,176,030	10,863,669	108,717,819	85.58%	24.65%	75.35%
56	Thanh Hoá	193,251,254	84,338,113	108,913,141	7,334,604	185,916,650	56,255,865	40,857,828	33,611,761	373,449	6,872,618	15,398,037	129,660,785	37,592,293	107,817	28,925,619	63,035,056	116,133,203	72.63%	30.26%	69.74%
57	Tiền Giang	981,411,637	510,533,034	470,878,603	22,594,591	958,817,046	273,580,830	230,022,480	188,646,536	187,069	41,188,875	43,558,350	685,236,216	32,405,863	3,687,447	172,078,550	477,064,356	556,716,016	84.08%	28.53%	71.47%
58	Trà Vinh	396,895,391	160,112,356	236,783,035	19,651,947	377,243,444	97,690,079	80,702,217	73,697,455	122,679	6,882,083	16,987,862	279,553,365	12,656,016	165,881	41,796,295	224,935,173	254,744,932	82.61%	25.90%	74.10%

59	TT Huế	185,915,464	69,743,537	116,171,927	40,525,302	145,390,162	26,181,880	24,453,959	21,051,347	26,309	3,376,303	1,727,921	119,208,282	6,506,103	1,819,554	43,444,832	67,437,793	77,491,371	93.40%	18.01%	81.99%
60	Tuyên Quang	133,729,208	59,771,722	73,957,486	613,712	133,115,496	24,824,858	23,358,510	17,055,962	348,248	5,954,300	1,466,348	108,290,638	11,458,798	0	15,192,598	81,639,242	94,564,388	94.09%	18.65%	81.35%
61	Vĩnh Long	496,394,574	228,421,361	267,973,213	17,111,336	479,283,238	107,260,994	84,875,356	61,748,325	300,179	22,826,852	22,385,638	372,022,244	50,838,918	3,812,466	50,818,185	266,552,675	343,589,697	79.13%	22.38%	77.62%
62	Vĩnh Phúc	226,093,327	68,362,300	157,731,027	11,564,259	214,529,068	94,718,701	74,586,373	68,581,183	426,759	5,578,431	20,132,328	119,810,367	21,381,158	0	23,962,256	74,466,953	115,980,439	78.75%	44.15%	55.85%
63	Yên Bái	38,542,134	17,936,329	20,605,805	1,603,589	36,938,545	14,710,191	12,509,280	9,786,510	484,596	2,238,174	2,200,911	22,228,354	15,073,750	1,000	6,860,390	293,214	17,568,875	85.04%	39.82%	60.18%
<b>Cộng</b>		46,453,134,926	21,410,826,664	25,042,308,262	3,291,131,085	43,162,003,841	13,408,369,389	10,315,798,668	8,446,145,690	29,874,673	1,839,778,297	3,092,570,729	29,753,634,452	5,033,117,336	784,420,772	4,607,702,812	19,328,393,533	28,238,502,370	76.94%	31.07%	68.93%
64	Quân đội	51,969,301	42,792,329	12,993,436	1,103,360	50,865,941	22,446,053	22,005,613	19,080,282	43,326	2,882,005	440,440	28,419,888	24,869,947	1,234,872	1,265,070	1,050,000	27,595,259	98.04%	44.13%	55.87%
<b>Tổng cộng</b>		46,505,104,227	21,453,618,993	25,055,301,698	3,292,234,445	43,212,869,782	13,430,815,442	10,337,804,278	8,465,225,972	29,917,999	1,842,660,302	3,093,011,169	29,782,054,340	5,057,987,283	785,655,644	4,608,967,882	19,329,443,533	28,266,097,692	76.97%	31.08%	68.92%

## THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ VIỆC 12 THÁNG NĂM 2013

(Kèm Báo cáo số 414/BC-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2013)

Đơn vị tính: việc

STT	Tên đơn vị	Tổng số việc thụ lý			Kết quả giải quyết														Số việc chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong/ có điều kiện (%)	Tỷ lệ có điều kiện/ Tổng số thụ lý (%)
		Tổng số	Chia ra:		Số việc có điều kiện giải quyết										Số việc chưa có điều kiện giải quyết						
			Số năm trước chuyển sang	Số mới thụ lý	Tổng số	Số giải quyết xong	Chia ra:					Tổng số đang giải quyết	Số việc thi hành dở dang	Số việc chưa thi hành	Tổng số	Chia ra:					
							Số đã giải quyết xong	Số đang giải quyết	Số việc hoãn thi hành án	Số việc đình chỉ thi hành án	Số việc trả đơn yêu cầu thi hành án					Số việc miễn thi hành án	Số việc hoãn thi hành án	Số việc tạm đình chỉ thi hành án			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	<b>Tổng cộng</b>	732,179	229,714	502,465	569,693	492,975	18,546	436,250	9,821	22,527	5,831	76,718	69,899	6,819	162,426	121,161	639	40,626	239,144	86.53%	77.81%
	THA quân đội	786	310	476	672	520	24	448	26	22	0	152	139	13	114	112	1	1	266	77.38%	85.50%
	THA dân sự	731,393	229,404	501,989	569,021	492,455	18,522	435,802	9,795	22,505	5,831	76,566	69,760	6,806	162,312	121,049	638	40,625	238,878	86.54%	77.80%
1	An Giang	13,383	3,816	9,567	11,123	10,003	294	8,497	194	947	71	1,120	1,086	34	2,260	1,801	8	451	3,380	89.93%	83.11%
2	Bạc Liêu	10,082	3,364	6,718	7,718	6,946	228	6,366	96	251	5	772	701	71	2,364	1,402	5	957	3,136	90.00%	76.55%
3	Bắc Giang	10,328	2,927	7,401	7,441	7,079	438	6,035	158	275	173	362	313	49	2,887	2,763	10	114	3,249	95.14%	72.05%
4	Bắc Kạn	2,016	680	1,336	1,414	1,376	74	1,143	30	62	67	38	34	4	602	599	0	3	640	97.31%	70.14%
5	Bắc Ninh	5,536	1,381	4,155	4,337	4,024	92	3,615	53	128	136	313	297	16	1,199	1,129	5	65	1,512	92.78%	78.34%
6	Bến Tre	16,379	3,771	12,608	14,066	12,774	267	11,159	189	1,109	50	1,292	1,254	38	2,313	1,371	4	938	3,605	90.81%	85.88%
7	Bình Dương	23,410	5,277	18,133	20,223	16,486	760	15,018	238	447	23	3,737	3,733	4	3,187	1,881	18	1,288	6,924	81.52%	86.39%
8	Bình Định	10,388	2,986	7,402	7,870	7,270	67	6,436	95	590	82	600	571	29	2,540	2,081	3	456	3,140	92.38%	75.76%
9	Bình Phước	13,217	3,902	9,315	10,524	9,020	457	7,814	193	489	67	1,504	1,373	131	2,693	2,260	42	391	4,197	85.71%	79.62%
10	Bình Thuận	14,014	4,998	9,016	11,034	8,721	221	7,590	310	543	57	2,313	2,171	142	2,980	1,923	13	1,044	5,293	79.04%	78.74%
11	BR-V Tàu	10,894	4,253	6,641	8,247	6,602	210	6,076	84	188	44	1,645	1,432	213	2,647	2,030	19	598	4,292	80.05%	75.70%
12	Cà Mau	13,942	3,455	10,487	11,555	10,197	310	9,150	202	527	8	1,358	1,345	13	2,387	2,000	21	366	3,745	88.25%	82.88%
13	Cao Bằng	2,058	761	1,297	1,475	1,400	37	1,229	40	40	54	75	56	19	583	526	2	55	658	94.92%	71.67%
14	Cần Thơ	12,248	2,915	9,333	10,808	8,609	446	7,385	151	619	8	2,199	1,915	284	1,440	843	15	582	3,639	79.65%	88.24%

15	Đà Nẵng	11,314	4,464	6,850	8,396	7,459	639	6,215	134	361	110	937	873	64	2,918	2,578	13	327	3,855	88.84%	74.21%
16	Đắk Lắk	17,185	5,376	11,809	13,411	12,327	269	10,459	325	1,111	163	1,084	942	142	3,774	2,544	13	1,217	4,858	91.92%	78.04%
17	Đắk Nông	4,694	1,201	3,493	3,599	3,196	123	2,903	66	98	6	403	300	103	1,095	855	7	233	1,498	88.80%	76.67%
18	Điện Biên	2,558	758	1,800	2,015	1,937	80	1,734	37	45	41	78	72	6	543	529	1	13	621	96.13%	78.77%
19	Đồng Nai	28,798	8,549	20,249	22,480	17,156	708	15,330	401	571	146	5,324	5,171	153	6,318	4,456	19	1,843	11,642	76.32%	78.06%
20	Đồng Tháp	18,111	3,995	14,116	16,082	14,574	404	12,611	193	1,253	113	1,508	1,489	19	2,029	1,717	11	301	3,537	90.62%	88.80%
21	Gia Lai	12,130	2,290	9,840	9,982	7,697	328	6,944	173	252	0	2,285	2,284	1	2,148	1,275	5	868	4,433	77.11%	82.29%
22	Hà Giang	1,997	379	1,618	1,736	1,584	47	1,445	27	47	18	152	145	7	261	247	0	14	413	91.24%	86.93%
23	Hà Nam	2,737	1,036	1,701	1,878	1,720	69	1,521	22	51	57	158	66	92	859	850	3	6	1,017	91.59%	68.62%
24	Hà Nội	33,313	9,144	24,169	25,677	23,472	1,278	20,969	371	399	455	2,205	2,144	61	7,637	7,126	55	456	9,842	91.41%	77.08%
25	Hà Tĩnh	4,234	658	3,576	3,830	3,575	76	3,352	29	87	31	255	248	7	404	322	2	80	659	93.34%	90.46%
26	Hải Dương	9,749	2,657	7,092	8,060	7,309	222	6,782	125	76	104	751	626	125	1,689	1,410	0	279	2,440	90.68%	82.68%
27	Hải Phòng	16,804	9,064	7,740	9,462	7,638	543	6,291	331	184	289	1,824	1,582	242	7,342	6,742	4	596	9,166	80.72%	56.31%
28	Hậu Giang	7,280	2,029	5,251	5,947	4,698	145	4,065	97	382	9	1,249	1,229	20	1,333	965	6	362	2,582	79.00%	81.69%
29	Hòa Bình	3,941	551	3,390	3,578	3,385	67	3,187	48	50	33	193	173	20	363	339	1	23	556	94.61%	90.79%
30	Hồ Chí Minh	81,273	27,374	53,899	61,911	55,108	2,978	48,567	1,047	1,929	587	6,803	6,111	692	19,362	12,403	127	6,832	26,165	89.01%	76.18%
31	Hung Yên	6,235	1,961	4,274	4,795	4,439	207	3,911	66	84	171	356	217	139	1,440	951	2	487	1,796	92.58%	76.90%
32	Kiên Giang	15,154	3,982	11,172	12,256	10,909	280	9,458	318	789	64	1,347	1,225	122	2,898	2,147	15	736	4,245	89.01%	80.88%
33	Kon Tum	3,014	425	2,589	2,619	2,424	69	2,298	19	34	4	195	194	1	395	367	1	27	590	92.55%	86.89%
34	Khánh Hoà	13,618	5,770	7,848	10,498	7,792	167	6,865	213	406	141	2,706	1,609	1,097	3,120	1,520	20	1,580	5,826	74.22%	77.09%
35	Lai Châu	1,825	214	1,611	1,692	1,607	27	1,555	8	11	6	85	85	0	133	132	1	0	218	94.98%	92.71%
36	Lạng Sơn	4,952	1,216	3,736	3,978	3,677	258	3,180	53	143	43	301	275	26	974	974	0	0	1,275	92.43%	80.33%
37	Lào Cai	4,520	1,490	3,030	3,309	3,091	69	2,872	36	69	45	218	217	1	1,211	1,199	1	11	1,429	93.41%	73.21%
38	Lâm Đồng	12,450	3,743	8,707	9,001	8,058	184	7,316	206	325	27	943	943	0	3,449	2,232	18	1,199	4,392	89.52%	72.30%
39	Long An	26,337	9,965	16,372	18,436	15,453	647	13,762	303	615	126	2,983	2,638	345	7,901	3,254	23	4,624	10,884	83.82%	70.00%
40	Nam Định	6,366	2,465	3,901	4,502	4,179	153	3,611	66	94	255	323	188	135	1,864	1,746	3	115	2,187	92.83%	70.72%
41	Ninh Bình	4,771	1,595	3,176	3,419	3,085	172	2,787	46	27	53	334	284	50	1,352	578	0	774	1,686	90.23%	71.66%
42	Ninh Thuận	4,786	1,658	3,128	3,759	3,391	93	3,081	44	133	40	368	278	90	1,027	962	1	64	1,395	90.21%	78.54%
43	Nghệ An	14,327	4,214	10,113	11,286	10,708	698	9,195	177	417	221	578	467	111	3,041	2,686	3	352	3,619	94.88%	78.77%
44	Phú Thọ	9,652	2,928	6,724	7,322	6,592	208	5,986	175	171	52	730	532	198	2,330	994	5	1,331	3,060	90.03%	75.86%
45	Phú Yên	6,950	1,713	5,237	5,563	4,951	193	4,301	112	272	73	612	612	0	1,388	1,350	6	32	2,000	89.00%	80.04%

46	Quảng Bình	3,465	921	2,544	2,877	2,677	76	2,442	57	48	54	200	192	8	588	484	0	104	788	93.05%	83.03%
47	Quảng Nam	8,157	2,044	6,113	6,821	6,362	139	5,934	85	156	48	459	432	27	1,345	1,158	10	177	1,804	93.27%	83.62%
48	Quảng Ninh	9,621	3,791	5,830	7,053	6,382	162	5,745	222	84	169	671	652	19	2,568	1,955	5	608	3,239	90.49%	73.31%
49	Quảng Ngãi	7,488	2,081	5,407	6,453	5,083	121	4,687	57	215	3	1,370	1,018	352	1,035	631	2	402	2,405	78.77%	86.18%
50	Quảng Trị	3,593	560	3,033	3,407	3,236	31	3,117	15	47	26	171	170	1	200	191	1	8	371	94.98%	94.82%
51	Sóc Trăng	9,462	2,896	6,566	7,591	6,344	149	5,620	103	437	35	1,247	985	262	1,871	1,687	16	168	3,118	83.57%	80.23%
52	Son La	6,777	2,274	4,503	5,567	5,084	57	4,881	63	44	39	483	440	43	1,210	1,158	1	51	1,693	91.32%	82.15%
53	Tây Ninh	30,192	11,409	18,783	24,977	15,217	563	13,033	415	1,137	69	9,760	9,238	522	5,215	3,745	12	1,458	14,975	60.92%	82.73%
54	Tiền Giang	27,538	12,680	14,858	18,093	16,205	395	13,777	459	1,396	178	1,888	1,864	24	9,445	7,872	25	1,548	11,333	89.57%	65.70%
55	TT Huế	4,489	1,288	3,201	3,534	3,250	234	2,887	42	74	13	284	247	37	957	819	6	132	1,241	91.96%	78.73%
56	Tuyên Quang	4,286	1,378	2,908	3,121	2,926	40	2,684	36	104	62	195	195	0	1,165	1,067	0	98	1,360	93.75%	72.82%
57	Thái Bình	6,313	2,091	4,222	4,613	4,346	101	3,917	78	146	104	267	188	79	1,700	1,550	9	141	1,967	94.21%	73.07%
58	Thái Nguyên	10,759	3,834	6,925	7,690	7,038	254	6,211	162	209	202	652	584	68	2,960	2,842	2	116	3,612	91.52%	71.48%
59	Thanh Hóa	13,475	5,547	7,928	9,709	8,749	300	7,612	197	436	204	960	845	115	3,766	3,147	5	614	4,726	90.11%	72.05%
60	Trà Vinh	14,092	2,736	11,356	11,263	9,518	96	8,610	128	630	54	1,745	1,704	41	2,829	1,187	8	1,634	4,574	84.51%	79.92%
61	Vĩnh Long	10,247	3,339	6,908	7,637	6,834	165	5,881	230	470	88	803	781	22	2,610	1,889	3	718	3,413	89.49%	74.53%
62	Vĩnh Phúc	7,086	1,701	5,385	5,979	5,516	258	4,994	68	106	90	463	393	70	1,107	553	2	552	1,570	92.26%	84.38%
63	Yên Bái	5,383	1,484	3,899	4,322	3,990	79	3,704	77	65	65	332	332	0	1,061	1,055	0	6	1,393	92.32%	80.29%

## THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ GIÁ TRỊ 12 THÁNG NĂM 2013

(Kèm Báo cáo số 414/BC-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2013)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số tiền thụ lý			Kết quả giải quyết														Số chuyển kỳ sau	Thi hành xong/có ĐK	Tỉ lệ có ĐK/ Tổng số thụ lý
		Chia ra:			Số có điều kiện							Số chưa có điều kiện									
					Chia ra:			Chia ra:			Chia ra:										
		Tổng số	Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới				Tổng số	Tổng số xong	Ủy thác	Thi hành xong	Đình chỉ	Trả đơn	Miễn, giảm	Số thi hành đỡ đang	Chưa thi hành	Tổng số	Hoãn			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
<b>Tổng cộng</b>	70.562.600,894	28.266.097,629	42.296.503,265	39.584.914,060	28.965.005,600	7.935.184,482	29.948.848,669	3.644.809,888	7.403.282,155	32.880,405	8.028.878,353	2.591.030,108	30.977.683,028	14.347.606,109	573.676,558	16.056.400,361	41.597.591,489	73.17%	56.10%		
THA quân đội	68,310,325	27,595,259	40,715,066	53,705,897	31,872,713	2,185,216	6,826,626	11,741,393	11,096,796	22,682	1,213,931	20,619,253	14,604,428	12,319,556	1,234,872	1,050,000	36,437,612	59,35%	78,62%		
THA dân sự	70.494.290,569	28.238.502,370	42.255.788,199	39.531.208,163	28.933.132,887	7.932.999,266	29.942.022,043	3.633.068,495	7.392.185,359	32.857,723	8.027.664,422	2.570,410,855	30.963,078,600	14.335,286,553	572,441,686	16,055,350,361	41,561,153,877	73,19%	56,08%		
1 An Giang	1,460,912,530	534,681,677	926,230,853	1,032,487,584	841,535,257	168,197,856	315,707,135	22,692,671	334,664,838	272,757	163,712,260	27,240,067	428,424,946	322,808,245	162,004	105,454,697	619,377,273	81,51%	70,67%		
2 Bạc Liêu	292,264,940	129,901,990	162,362,950	188,486,475	149,046,873	11,690,931	70,098,418	41,521,298	25,471,498	264,728	37,048,332	2,391,270	103,778,465	57,118,963	601,764	46,057,738	143,218,067	79,08%	64,49%		
3 Bắc Giang	341,120,980	66,666,107	274,454,873	215,658,585	188,870,307	38,886,062	58,348,117	9,320,557	81,287,161	1,028,410	24,973,760	1,814,518	125,462,395	91,915,206	10,882,508	22,664,681	152,250,673	87,58%	63,22%		
4 Bắc Kạn	21,272,857	7,473,187	13,799,670	13,107,857	12,917,270	3,069,290	4,935,086	1,292,466	3,114,762	505,666	137,647	52,940	8,165,180	5,437,018	0	2,728,162	8,355,767	98,55%	61,62%		
5 Bắc Ninh	617,551,723	213,632,884	403,918,839	290,113,648	251,811,217	96,213,946	73,353,780	26,139,810	55,083,231	1,020,450	37,706,793	595,638	327,438,075	272,318,532	7,685,097	47,434,446	365,740,506	86,80%	46,98%		
6 Bến Tre	481,081,674	153,722,803	327,358,871	273,599,402	229,596,325	32,879,897	77,108,846	15,384,677	104,132,905	90,000	42,857,947	1,145,129	207,482,272	74,934,571	144,667	132,403,035	251,485,349	83,92%	56,87%		
7 Bình Dương	3,747,245,787	1,538,670,533	2,208,575,254	1,602,408,462	1,072,419,349	266,760,614	408,569,325	140,960,887	256,057,748	70,775	520,413,173	9,575,940	2,144,837,325	1,085,300,589	14,226,009	1,045,310,727	2,674,826,438	66,93%	42,76%		
8 Bình Định	888,363,955	462,294,222	426,069,733	442,293,426	396,475,966	5,262,208	125,818,642	16,723,326	248,531,459	140,331	44,919,256	898,204	446,070,529	35,519,750	124,220,697	286,330,082	491,887,989	89,64%	49,79%		
9 Bình Phước	512,494,470	168,161,526	344,332,944	317,546,224	253,152,798	23,293,184	95,047,554	26,340,884	108,317,176	154,000	60,856,306	3,537,120	194,948,246	121,409,088	6,699,386	66,839,772	259,341,672	79,72%	61,96%		
10 Bình Thuận	562,920,598	282,771,277	280,149,321	327,199,641	180,656,797	14,440,571	68,102,983	45,114,981	52,891,082	107,180	134,087,264	12,455,580	235,720,957	104,608,161	2,713,626	128,399,170	382,263,801	55,21%	58,13%		
11 BR-V Tàu	1,696,594,888	863,398,588	833,196,300	905,706,437	477,517,194	135,648,872	190,035,774	68,703,999	82,978,059	150,490	315,215,582	112,973,661	790,888,451	414,258,228	6,012,194	370,618,029	1,219,077,694	52,72%	53,38%		
12 Cà Mau	726,440,067	126,125,986	600,314,081	618,537,705	399,849,004	247,243,938	77,011,806	16,498,935	58,922,146	172,179	217,775,059	913,642	107,902,362	87,988,824	3,776,691	16,136,847	326,591,063	64,64%	85,15%		
13 Cao Bằng	25,472,658	13,963,195	11,509,463	10,087,242	9,669,217	641,370	5,718,364	924,151	1,971,950	413,382	364,178	53,847	15,385,416	11,909,236	20,380	3,455,800	15,803,441	95,86%	39,60%		
14 Cần Thơ	1,666,849,238	693,798,347	973,050,891	1,127,737,713	613,640,291	174,536,345	138,549,993	104,101,472	196,440,876	11,605	337,088,441	177,008,981	539,111,525	127,721,633	15,134,128	396,255,764	1,053,208,947	54,41%	67,66%		
15 Đà Nẵng	1,351,685,463	532,549,245	819,136,218	800,083,950	689,659,684	167,497,523	196,458,887	40,009,600	285,341,092	352,582	103,688,559	6,735,707	551,601,513	454,709,505	10,020,311	86,871,697	662,025,779	86,20%	59,19%		
16 Đắk Lắk	1,046,281,945	570,281,945	476,000,000	606,304,383	527,113,175	14,737,521	132,848,229	60,404,969	318,627,237	495,219	69,003,044	10,188,164	439,977,562	150,980,304	13,805,247	275,192,011	519,168,770	86,94%	57,95%		
17 Đắk Nông	221,338,872	98,391,595	122,947,277	86,437,196	74,739,513	9,171,956	34,541,385	17,519,583	13,494,715	11,874	8,575,581	3,122,102	134,901,676	68,109,954	2,639,269	64,152,453	146,599,359	86,47%	39,05%		
18 Điện Biên	38,694,613	14,519,327	24,175,286	25,600,338	24,258,074	1,636,966	15,455,428	2,055,062	4,585,702	524,916	1,335,364	6,900	13,094,275	11,257,390	22,600	1,814,285	14,436,539	94,76%	66,16%		
19 Đồng Nai	2,889,997,228	1,266,987,025	1,623,010,203	1,935,999,659	1,040,515,757	221,274,352	383,854,152	186,701,742	248,454,172	231,339	885,121,807	10,362,095	953,997,569	487,278,321	2,925,224	463,794,024	1,849,481,471	53,75%	66,99%		
20 Đồng Tháp	831,157,356	256,625,322	574,532,034	593,147,831	505,664,367	55,906,964	188,837,176	15,259,803	245,331,180	329,244	83,855,080	3,628,384	238,009,525	54,950,106	2,024,331	181,035,088	325,492,989	85,25%	71,36%		
21 Gia Lai	1,263,706,480	613,664,359	650,042,121	794,357,571	648,264,360	114,789,638	161,162,040	15,248,997	356,941,467	122,218	146,033,073	60,138	469,348,909	44,132,394	570,056	424,646,459	615,442,120	81,61%	62,86%		
22 Hà Giang	33,796,524	15,376,377	18,420,147	23,441,517	20,304,900	438,485	9,687,578	2,787,362	7,213,184	178,291	3,096,054	40,563	10,355,007	4,386,390	0	5,968,617	13,491,624	86,62%	69,36%		
23 Hà Nam	893,499,623	14,967,192	878,532,431	880,086,893	857,720,745	2,316,482	506,477,535	2,909,444	345,766,695	250,589	1,276,640	21,089,508	13,412,730	12,463,438	7,394	941,898	35,778,878	97,46%	98,50%		
24 Hà Nội	4,329,853,698	1,562,482,151	2,767,371,547	2,513,999,377	2,089,082,824	841,638,380	535,864,340	379,290,622	329,253,687	3,035,795	415,639,309	9,277,243	1,815,854,222	1,037,400,518	53,438,315	725,015,389	2,240,770,774	83,10%	58,06%		

25	Hà Tĩnh	78,798,118	15,038,421	63,759,697	65,892,666	59,148,771	2,973,470	24,712,586	2,591,637	28,638,759	232,319	6,684,883	59,012	12,905,452	10,186,629	1,565,401	1,153,422	19,649,347	89.77%	83.62%
26	Hải Dương	1,241,299,315	72,271,704	1,169,027,611	1,173,096,518	82,519,173	3,789,807	33,177,001	12,919,646	32,159,431	473,288	15,541,171	1,075,036,174	68,202,797	41,081,209	0	27,121,588	1,158,780,142	7.03%	94.51%
27	Hải Phòng	1,623,038,628	290,342,602	1,332,696,026	845,381,183	516,581,526	173,320,059	180,642,256	33,185,406	128,575,021	858,784	233,589,329	95,210,328	777,657,445	381,849,904	2,566,805	393,240,736	1,106,457,102	61.11%	52.09%
28	Hậu Giang	274,582,404	92,837,154	181,745,250	153,104,853	113,340,754	24,853,350	55,026,168	10,179,433	23,253,410	28,393	38,925,733	838,366	121,477,551	79,523,049	180,983	41,773,519	161,241,650	74.03%	55.76%
29	Hòa Bình	91,387,026	17,064,459	74,322,567	50,259,902	44,967,051	1,604,743	18,734,209	10,083,411	14,418,754	125,935	5,033,872	258,979	41,127,125	35,071,847	1,949,844	4,105,434	46,419,975	89.47%	55.00%
30	Hồ Chí Minh	25,182,348,885	11,111,605,402	14,070,743,482	12,451,270,940	9,814,929,568	3,596,816,873	2,998,607,001	1,479,104,550	1,735,227,946	5,173,198	2,171,132,256	465,209,116	12,731,077,945	4,756,281,157	188,918,516	7,785,878,272	15,367,419,317	78.83%	49.44%
31	Hưng Yên	392,161,248	81,482,295	310,678,953	314,855,290	221,931,352	77,964,728	92,695,297	36,004,377	14,154,931	1,112,019	23,216,136	69,707,802	77,305,958	19,600,271	118,295	57,587,392	170,229,896	70.49%	80.29%
32	Kiên Giang	901,868,108	311,343,553	590,524,555	466,643,407	385,425,143	58,296,375	205,485,991	25,949,355	95,493,823	199,599	70,626,580	10,591,684	435,224,701	159,735,444	2,677,128	272,812,129	516,442,965	82.60%	51.74%
33	Kon Tum	259,089,559	57,883,366	201,206,193	135,407,789	128,455,454	50,124,057	42,806,490	9,529,365	25,968,328	27,214	6,937,369	14,966	123,681,770	56,417,467	21,973,750	45,290,553	130,634,105	94.87%	52.26%
34	Khánh Hoà	1,509,103,387	633,869,338	875,234,049	949,899,602	448,464,199	125,228,596	169,434,838	72,351,238	81,094,551	354,976	419,036,302	82,399,101	559,203,785	364,941,097	17,224,832	177,037,856	1,060,639,188	47.21%	62.94%
35	Lai Châu	15,546,541	2,258,345	13,288,196	4,892,648	4,372,626	339,933	3,305,346	345,035	161,525	220,787	520,022	0	10,653,893	9,748,893	905,000	0	11,173,915	89.37%	31.47%
36	Lạng Sơn	101,400,015	39,601,233	61,798,782	68,992,730	62,330,518	12,787,155	22,746,177	3,883,430	22,134,603	779,153	6,241,561	420,651	32,407,285	32,407,285	0	0	39,069,497	90.34%	68.04%
37	Lào Cai	66,073,046	33,314,178	32,758,868	46,961,982	42,185,722	1,490,156	16,789,671	10,129,574	13,086,456	689,865	4,769,414	6,846	19,111,064	15,573,534	835,254	2,702,276	23,887,324	89.83%	71.08%
38	Lâm Đồng	1,153,814,148	539,105,220	614,708,928	501,380,262	417,857,950	43,575,444	179,109,766	92,157,254	102,890,478	125,008	83,522,312	0	652,433,886	455,781,711	12,411,963	184,240,212	735,956,198	83.34%	43.45%
39	Long An	1,767,497,536	731,987,218	1,035,510,318	937,720,287	720,302,073	305,096,827	241,858,608	61,750,346	111,221,051	375,241	137,696,989	79,721,225	829,777,249	267,627,567	15,856,224	546,293,458	1,047,195,463	76.81%	53.05%
40	Nam Định	134,031,850	64,771,382	69,260,468	105,836,954	93,385,784	6,527,923	26,748,691	33,821,666	25,340,208	947,296	3,239,171	9,211,999	28,194,896	20,361,653	54,136	7,779,107	40,646,066	88.24%	78.96%
41	Ninh Bình	286,359,935	91,434,829	194,925,106	140,693,247	126,273,205	29,889,915	61,315,911	1,104,214	33,679,294	283,871	13,604,407	815,635	145,666,688	82,823,292	0	62,843,396	160,086,730	89.75%	49.13%
42	Ninh Thuận	188,874,912	54,950,839	133,924,073	114,624,715	105,878,698	25,834,982	21,711,440	12,799,593	45,327,081	205,602	7,551,897	1,194,120	74,250,197	63,940,630	16,465	10,293,102	82,996,214	92.37%	60.69%
43	Nghệ An	271,992,469	122,753,387	149,239,081	166,820,103	137,485,663	16,537,069	59,794,878	21,302,810	38,387,948	1,462,960	23,046,933	6,287,506	105,172,365	44,834,509	15,269	60,322,587	134,506,804	82.42%	61.33%
44	Phú Thọ	373,980,037	156,680,534	217,299,503	188,370,119	144,904,085	24,849,408	52,982,257	9,484,614	57,275,115	312,691	37,776,689	5,689,345	185,609,918	65,746,497	41,410	119,822,011	229,075,952	76.93%	50.37%
45	Phú Yên	553,427,291	119,334,452	434,092,839	497,614,157	411,409,744	153,385,013	103,930,090	65,132,589	88,718,632	243,420	86,204,413	0	55,813,134	53,897,642	206,861	1,708,631	142,017,547	82.68%	89.92%
46	Quảng Bình	75,132,749	18,814,614	56,318,135	30,608,155	27,967,708	1,059,973	22,748,744	2,039,645	1,894,883	224,463	2,405,973	234,474	44,524,594	37,693,101	0	6,831,493	47,165,041	91.37%	40.74%
47	Quảng Nam	716,856,754	451,476,609	265,380,145	170,517,535	161,434,231	23,657,801	73,009,884	28,677,431	35,829,003	260,111	8,320,698	762,606	546,339,119	260,102,993	8,089,570	278,146,556	555,422,422	94.67%	23.79%
48	Quảng Ninh	554,903,703	146,968,437	407,935,266	214,645,346	197,144,020	55,499,279	65,960,325	44,463,684	29,971,786	1,248,946	16,497,051	1,004,275	340,258,357	304,964,303	2,059,347	33,234,707	357,759,683	91.85%	38.68%
49	Quảng Ngãi	435,657,060	212,215,320	223,441,740	283,891,270	156,934,000	10,032,292	83,961,556	8,592,698	54,259,453	88,001	40,932,879	86,024,391	151,765,790	108,928,106	249,798	42,587,886	278,723,060	55.28%	65.16%
50	Quảng Trị	103,043,989	26,446,989	76,597,000	83,403,844	78,245,586	3,019,471	37,807,218	11,337,469	26,021,682	59,746	5,158,058	200	19,640,145	18,555,672	3,403	1,081,070	24,798,403	93.82%	80.94%
51	Sóc Trăng	601,260,058	250,190,598	351,069,460	338,453,961	178,135,352	41,312,002	71,809,555	23,917,718	41,031,054	65,023	99,308,631	61,009,978	262,806,097	239,190,619	1,666,257	21,949,221	423,124,706	52.63%	56.29%
52	Sơn La	71,481,255	27,823,266	43,657,989	42,494,019	36,319,584	7,466,768	20,786,033	3,403,112	3,648,778	1,014,893	5,788,346	386,089	28,987,236	27,898,684	0	1,088,552	35,161,671	85.47%	59.45%
53	Tây Ninh	1,378,523,058	529,972,270	848,550,788	1,084,223,686	660,001,731	103,962,931	382,268,909	45,255,735	128,395,025	119,131	395,730,135	28,491,820	294,299,372	110,155,122	205,687	183,938,563	718,521,327	60.87%	78.65%
54	Tiền Giang	1,279,133,287	556,716,016	722,417,271	720,511,114	593,690,526	205,916,450	189,965,745	51,697,952	145,740,817	369,563	126,691,363	129,225	558,622,173	466,902,234	11,720,990	79,998,949	685,442,761	82.40%	56.33%
55	TT Huế	275,472,508	77,491,371	197,981,137	90,484,976	81,257,982	17,211,738	30,468,256	19,389,587	14,172,886	15,515	7,962,389	1,264,605	184,983,747	64,712,662	1,874,899	118,396,186	194,210,741	89.80%	32.85%
56	Tuyên Quang	139,827,649	94,564,388	45,263,261	44,774,831	38,331,945	639,420	18,934,628	2,482,973	15,600,944	673,980	6,442,886	0	95,052,818	51,139,610	0	43,913,208	101,495,704	85.61%	32.02%
57	Thái Bình	236,955,606	48,050,755	188,904,851	174,934,454	105,735,547	6,772,233	25,776,902	47,410,776	24,919,853	855,783	7,201,096	61,997,811	62,021,152	40,025,899	336,174	21,659,079	131,220,059	60.44%	73.83%
58	Thái Nguyên	206,829,044	108,717,819	98,111,225	93,808,459	78,491,392	4,787,075	31,275,951	15,867,776	25,142,203	1,418,387	12,508,994	2,808,073	113,020,585	68,525,987	2,929	44,491,669	128,337,652	83.67%	45.36%
59	Thanh Hóa	353,245,755	116,133,203	237,112,552	235,460,441	149,103,264	9,512,642	86,362,943	11,013,062	41,369,151	845,466	83,227,252	3,129,925	117,785,314	65,254,713	342,103	52,188,498	204,142,491	63.32%	66.66%
60	Trà Vinh	650,057,524	254,744,932	395,312,592	345,468,941	267,627,247	4,863,861	61,644,208	10,638,916	190,269,708	210,554	77,472,949	368,745	304,588,583	134,423,961	638,128	169,526,494	382,430,277	77.47%	53.14%
61	Vĩnh Long	601,934,921	343,589,697	258,345,224	273,990,976	234,855,806	34,775,133	110,483,770	21,783,064	67,571,972	241,867	38,965,348	169,822	327,943,945	123,287,400	1,377	204,655,168	367,079,115	85.72%	45.52%
62	Vĩnh Phúc	345,630,340	115,980,439	229,649,901	266,929,964	221,779,992	13,092,391	129,308,011	22,094,768	56,770,484	514,338	40,361,353	4,788,619	78,700,376	28,667,349	990	50,032,037	123,850,348	83.09%	77.23%
63	Yên Bái	61,072,684	17,568,875	43,503,809	32,457,722	29,446,649	5,958,573	14,242,160	1,285,288	7,494,310	466,318	3,011,073	0	28,614,962	28,510,488	0	104,474	31,626,035	90.72%	53.15%



## THÔNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ VIỆC 12 THÁNG NĂM 2014

(Kèm Báo cáo số 395/BC-CP ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2014)

Đơn vị tính: việc

STT	Tên đơn vị	Tổng số việc thụ lý			Kết quả giải quyết														Số việc chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong/ có điều kiện (%)	Tỷ lệ có điều kiện/ Tổng số thụ lý (%)		
		Tổng số	Chia ra:		Số việc có điều kiện giải quyết										Số việc chưa có điều kiện giải quyết								
			Số năm trước chuyển sang	Số mới thụ lý	Tổng số	Chia ra:										Tổng số	Chia ra:						
						Số giải quyết xong	Số đã giải quyết xong					Số đang giải quyết					Số việc hoãn thi hành án	Số việc tạm đình chỉ thi hành án				Số việc lý do khác	
							Số việc ủy thác thi hành án	Số việc thi hành xong	Số việc đình chỉ thi hành án	Số việc trả đơn yêu cầu thi hành án	Số việc miễn thi hành án	Tổng số đang giải quyết	Số việc hành dở dang	Số việc chưa thi hành									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
	<b>Tổng cộng</b>	779,298	239,144	540,154	600,297	531,095	20,140	472,216	10,437	21,675	6,627	69,202	65,204	3,998	179,001	131,222	1,088	46,691	248,203	88.47%	77.03%		
	<b>THA Quân đội</b>	1,235	266	969	728	577	27	449	7	90	4	151	131	20	507	118	388	1	658	79.26%	58.95%		
	<b>THA Dân sự</b>	778,063	238,878	539,185	599,569	530,518	20,113	471,767	10,430	21,585	6,623	69,051	65,073	3,978	178,494	131,104	700	46,690	247,545	88.48%	77.06%		
1	An Giang	13,609	3,380	10,229	11,061	10,070	445	8,457	180	908	80	991	977	14	2,548	1,830	29	689	3,539	91.04%	81.28%		
2	Bắc Giang	11,868	3,249	8,619	8,432	8,015	445	7,042	141	257	130	417	374	43	3,436	3,268	4	164	3,853	95.05%	71.05%		
3	Bắc Kạn	2,157	640	1,517	1,637	1,602	73	1,370	41	36	82	35	32	3	520	517	-	3	555	97.86%	75.89%		
4	Bạc Liêu	10,635	3,136	7,499	8,342	7,533	186	7,067	76	195	9	809	797	12	2,293	1,343	8	942	3,102	90.30%	78.44%		
5	Bắc Ninh	6,438	1,512	4,926	5,004	4,665	114	4,310	64	114	63	339	334	5	1,434	1,354	6	74	1,773	93.23%	77.73%		
6	Bến Tre	17,440	3,605	13,835	15,017	13,444	220	12,243	187	765	29	1,573	1,571	2	2,423	1,271	9	1,143	3,996	89.53%	86.11%		
7	Bình Định	9,994	3,140	6,854	7,651	7,165	78	6,516	87	375	109	486	461	25	2,343	2,037	5	301	2,829	93.65%	76.56%		
8	Bình Dương	26,783	6,924	19,859	22,657	19,342	1,026	17,427	358	478	53	3,315	3,312	3	4,126	2,193	41	1,892	7,441	85.37%	84.59%		
9	Bình Phước	13,978	4,197	9,781	10,428	9,534	490	8,356	260	347	81	894	843	51	3,550	2,858	10	682	4,444	91.43%	74.60%		
10	Bình Thuận	14,850	5,293	9,557	12,016	8,813	198	7,845	334	380	56	3,203	3,044	159	2,834	1,631	49	1,154	6,037	73.34%	80.92%		
11	BR-V Tàu	12,173	4,292	7,881	9,081	8,249	231	7,649	103	233	33	832	816	16	3,092	2,333	22	737	3,924	90.84%	74.60%		
12	Cà Mau	16,293	3,745	12,548	12,930	10,906	275	9,530	273	677	151	2,024	2,020	4	3,363	2,627	13	723	5,387	84.35%	79.36%		
13	Cần Thơ	14,408	3,639	10,769	12,042	9,632	603	8,219	183	622	5	2,410	2,268	142	2,366	1,233	15	1,118	4,776	79.99%	83.58%		
14	Cao Bằng	2,069	658	1,411	1,569	1,529	31	1,355	30	62	51	40	34	6	500	467	-	33	540	97.45%	75.83%		

15	Đà Nẵng	11,818	3,855	7,963	8,403	7,714	615	6,436	186	348	129	689	504	185	3,415	3,113	17	285	4,104	91.80%	71.10%
16	Đắk Lắk	17,080	4,858	12,222	13,699	12,832	294	11,341	244	841	112	867	826	41	3,381	2,312	1	1,068	4,248	93.67%	80.20%
17	Đắk Nông	5,318	1,498	3,820	3,991	3,658	173	3,246	102	130	7	333	243	90	1,327	1,012	8	307	1,660	91.66%	75.05%
18	Điện Biên	2,627	621	2,006	2,133	2,071	109	1,873	30	26	33	62	59	3	494	477	1	16	556	97.09%	81.20%
19	Đồng Nai	30,773	11,642	19,131	22,940	19,841	793	17,566	417	871	194	3,099	3,048	51	7,833	6,115	16	1,702	10,932	86.49%	74.55%
20	Đồng Tháp	18,796	3,537	15,259	16,649	15,479	247	13,515	297	1,322	98	1,170	1,135	35	2,147	1,688	9	450	3,317	92.97%	88.58%
21	Gia Lai	13,094	4,433	8,661	10,125	9,331	396	8,154	210	564	7	794	794	-	2,969	2,417	15	537	3,763	92.16%	77.33%
22	Hà Giang	2,323	413	1,910	2,030	1,930	38	1,813	27	38	14	100	92	8	293	285	-	8	393	95.07%	87.39%
23	Hà Nam	2,918	1,017	1,901	1,958	1,854	87	1,683	14	26	44	104	39	65	960	948	5	7	1,064	94.69%	67.10%
24	Hà Nội	36,484	9,842	26,642	27,512	25,140	1,498	22,257	446	499	440	2,372	2,364	8	8,972	8,212	43	717	11,344	91.38%	75.41%
25	Hà Tĩnh	4,400	659	3,741	3,957	3,769	124	3,485	39	84	37	188	181	7	443	426	-	17	631	95.25%	89.93%
26	Hải Dương	10,181	2,440	7,741	8,461	7,518	235	6,932	117	102	132	943	821	122	1,720	1,474	-	246	2,663	88.85%	83.11%
27	Hải Phòng	16,918	9,166	7,752	9,866	7,954	481	6,664	262	168	379	1,912	1,805	107	7,052	6,057	16	979	8,964	80.62%	58.32%
28	Hậu Giang	8,271	2,582	5,689	6,726	5,345	157	4,587	160	433	8	1,381	1,371	10	1,545	882	6	657	2,926	79.47%	81.32%
29	Hồ Chí Minh	89,315	26,165	63,150	66,845	59,172	2,718	52,883	1,160	1,737	674	7,673	7,271	402	22,470	13,887	106	8,477	30,143	88.52%	74.84%
30	Hòa Bình	3,908	556	3,352	3,517	3,419	100	3,225	32	30	32	98	91	7	391	359	-	32	489	97.21%	89.99%
31	Hưng Yên	6,072	1,796	4,276	4,640	4,341	273	3,793	83	88	104	299	295	4	1,432	1,063	8	361	1,731	93.56%	76.42%
32	Khánh Hoà	13,388	5,826	7,562	9,967	8,133	460	6,848	274	424	127	1,834	1,021	813	3,421	2,193	19	1,209	5,255	81.60%	74.45%
33	Kiên Giang	17,574	4,245	13,329	14,294	12,176	323	10,565	301	907	80	2,118	2,049	69	3,280	2,757	15	508	5,398	85.18%	81.34%
34	Kon Tum	3,351	590	2,761	2,925	2,800	39	2,661	32	63	5	125	125	-	426	388	3	35	551	95.73%	87.29%
35	Lai Châu	1,887	218	1,669	1,738	1,668	19	1,610	9	22	8	70	70	-	149	149	-	-	219	95.97%	92.10%
36	Lâm Đồng	13,392	4,392	9,000	9,429	8,623	298	7,617	261	380	67	806	806	-	3,963	2,429	7	1,527	4,769	91.45%	70.41%
37	Lạng Sơn	5,369	1,275	4,094	4,427	4,115	208	3,643	57	149	58	312	298	14	942	937	-	5	1,254	92.95%	82.45%
38	Lào Cai	4,585	1,429	3,156	3,452	3,294	73	3,105	42	32	42	158	158	-	1,133	1,129	-	4	1,291	95.42%	75.29%
39	Long An	28,908	10,884	18,024	19,211	16,945	455	15,196	260	820	214	2,266	1,909	357	9,697	3,606	23	6,068	11,963	88.20%	66.46%
40	Nam Định	6,557	2,187	4,370	4,829	4,536	207	3,880	77	70	302	293	167	126	1,728	1,627	3	98	2,021	93.93%	73.65%
41	Nghệ An	15,315	3,619	11,696	12,703	12,111	607	10,690	122	373	319	592	487	105	2,612	2,425	4	183	3,204	95.34%	82.94%
42	Ninh Bình	5,019	1,686	3,333	3,260	3,043	171	2,724	55	36	57	217	210	7	1,759	551	6	1,202	1,976	93.34%	64.95%
43	Ninh Thuận	4,756	1,395	3,361	3,861	3,579	66	3,319	53	97	44	282	217	65	895	870	1	24	1,177	92.70%	81.18%
44	Phú Thọ	10,079	3,060	7,019	8,220	7,160	254	6,526	186	132	62	1,060	847	213	1,859	1,216	9	634	2,919	87.10%	81.56%
45	Phú Yên	7,870	2,000	5,870	6,337	5,670	193	4,944	176	351	6	667	667	-	1,533	1,488	10	35	2,200	89.47%	80.52%

46	Quảng Bình	3,281	788	2,493	2,779	2,583	66	2,375	58	36	48	196	191	5	502	442	-	60	698	92.95%	84.70%
47	Quảng Nam	9,159	1,804	7,355	7,779	7,376	157	6,971	76	146	26	403	377	26	1,380	1,227	13	140	1,783	94.82%	84.93%
48	Quảng Ngãi	7,228	2,405	4,823	6,428	4,848	244	4,347	41	211	5	1,580	1,572	8	800	721	9	70	2,380	75.42%	88.93%
49	Quảng Ninh	9,444	3,239	6,205	7,265	6,583	221	5,787	134	94	347	682	663	19	2,179	1,745	3	431	2,861	90.61%	76.93%
50	Quảng Trị	3,331	371	2,960	3,150	3,036	31	2,952	15	31	7	114	113	1	181	170	4	7	295	96.38%	94.57%
51	Sóc Trăng	10,835	3,118	7,717	9,127	7,402	176	6,661	114	391	60	1,725	1,446	279	1,708	1,584	19	105	3,433	81.10%	84.24%
52	Sơn La	6,343	1,693	4,650	5,228	4,897	66	4,693	72	44	22	331	330	1	1,115	1,080	1	34	1,446	93.67%	82.42%
53	Tây Ninh	32,636	14,975	17,661	24,853	18,041	602	15,381	550	1,305	203	6,812	6,729	83	7,783	4,677	19	3,087	14,595	72.59%	76.15%
54	Thái Bình	6,645	1,967	4,678	4,861	4,614	90	4,270	66	89	99	247	181	66	1,784	1,614	3	167	2,031	94.92%	73.15%
55	Thái Nguyên	10,800	3,612	7,188	8,017	7,525	342	6,437	122	267	357	492	489	3	2,783	2,664	7	112	3,275	93.86%	74.23%
56	Thanh Hóa	13,561	4,726	8,835	9,948	9,074	342	7,980	219	346	187	874	860	14	3,613	3,257	8	348	4,487	91.21%	73.36%
57	Tiền Giang	26,383	11,333	15,050	17,600	15,515	622	13,676	301	742	174	2,085	2,082	3	8,783	7,465	25	1,293	10,868	88.15%	66.71%
58	Trà Vinh	14,222	4,574	9,648	11,161	9,632	172	8,758	165	488	49	1,529	1,529	-	3,061	1,076	5	1,980	4,590	86.30%	78.48%
59	TT Huế	5,211	1,241	3,970	3,934	3,724	254	3,350	47	49	24	210	181	29	1,277	963	4	310	1,487	94.66%	75.49%
60	Tuyên Quang	4,553	1,360	3,193	3,397	3,226	66	2,901	45	146	68	171	171	-	1,156	1,085	-	71	1,327	94.97%	74.61%
61	Vĩnh Long	10,762	3,413	7,349	7,888	7,149	260	6,141	224	455	69	739	737	2	2,874	1,873	12	989	3,613	90.63%	73.29%
62	Vĩnh Phúc	6,937	1,570	5,367	5,675	5,264	195	4,898	58	80	33	411	371	40	1,262	824	6	432	1,673	92.76%	81.81%
63	Yên Bái	5,691	1,393	4,298	4,507	4,309	81	4,022	75	53	78	198	198	-	1,184	1,183	-	1	1,382	95.61%	79.20%

## THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI HÀNH VỀ GIÁ TRỊ 12 THÁNG NĂM 2014

(Kèm Báo cáo số 395/BC-CP ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2014)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số tiền thụ lý			Kết quả giải quyết														Số chuyển kỳ sau	Thi hành xong/có DK	Tỉ lệ có DK/Tổng số thụ lý
					Số có điều kiện							Số chưa có điều kiện									
		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:							Tổng số	Chia ra:							
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Tổng số xong	Đã giải quyết xong					Số thi hành dở dang		Chưa thi hành	Hoãn	Tạm đình chỉ	Lý do khác				
					Ủy thác	Thi hành xong	Đình chỉ	Trả đơn	Miễn, giảm												
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
	Tổng cộng	95.108.655,390	41.597.591,489	53.511.063,901	50.807.978,403	38.981.505,442	11.521.502,765	12.332.120,583	4.503.570,976	10.579.800,829	44.510,288	10.052.887,390	1.773,585,572	44.300,676,987	19.113,465,625	1.516,462,650	23.670,748,712	56.127,149,948	76,72%	53,42%	
	THA quốc phòng	198.703,177	36.437,612	162.265,565	173.589,728	172.458,452	424,888	11.546,530	1.282,502	159,177,629	26,903	151,919	979,357	25.113,449	14.432,718	9,630,731	1,050,000	26,244,725	99,35%	87,36%	
	THA dân sự	94.909,952,213	41.561,153,877	53.348,798,336	50.634,388,675	38.809,046,990	11.251,077,877	12.320,574,053	4.502,288,474	10.420,623,200	44.483,385	10.052,735,471	1.772,606,215	44.275,563,538	19.099,032,907	1.506,831,919	23.669,698,712	56.100,905,223	76,65%	53,35%	
1	An Giang	1,753,157,902	619,377,273	1,133,780,629	1,369,099,261	1,103,491,311	467,245,330	258,039,235	62,478,771	315,378,829	349,146	264,471,664	1,136,286	384,058,641	240,029,762	252,987	143,775,892	649,666,591	80,60%	78,09%	
2	Bắc Giang	782,065,344	152,250,673	629,814,671	371,305,442	320,501,112	108,517,625	129,876,482	21,796,832	59,424,581	885,592	30,171,761	20,632,569	410,759,902	257,184,608	4,954,042	148,621,252	461,564,232	86,32%	47,48%	
3	Bắc Kạn	29,789,765	8,355,767	21,433,998	11,206,747	10,893,961	2,551,105	5,454,086	1,498,851	666,229	723,690	292,966	19,820	18,583,018	13,490,944	0	5,092,074	18,895,804	97,21%	37,62%	
4	Bạc Liêu	366,103,216	143,218,067	222,885,149	194,958,041	159,983,232	31,235,410	76,937,992	14,163,382	37,177,341	469,107	34,634,369	340,440	171,145,175	96,242,534	498,651	74,403,990	206,119,984	82,06%	53,25%	
5	Bắc Ninh	933,153,455	365,740,506	567,412,949	268,457,015	231,129,882	20,047,944	108,913,793	36,419,942	64,735,533	1,012,670	36,819,830	507,303	664,696,440	499,400,988	46,080,320	119,215,132	702,023,573	86,10%	28,77%	
6	Bến Tre	548,195,977	251,485,349	296,710,628	269,716,660	211,565,330	16,950,238	91,838,921	15,150,992	87,497,598	127,582	58,151,330	0	278,479,316	54,888,965	3,447,251	220,143,100	336,630,646	78,44%	49,20%	
7	Bình Định	845,900,316	491,887,989	354,012,327	330,208,938	291,881,602	11,962,700	113,077,116	73,120,986	93,282,047	438,753	37,985,213	342,123	515,691,378	98,849,943	322,138	416,519,297	554,018,714	88,39%	39,04%	
8	Bình Dương	4,853,539,532	2,674,826,438	2,178,713,094	2,003,904,262	1,478,196,411	245,260,243	583,923,349	396,857,549	251,876,721	278,549	525,707,851	0	2,849,635,270	971,672,987	26,585,432	1,851,376,851	3,375,343,121	73,77%	41,29%	
9	Bình Phước	677,900,673	259,341,672	418,559,001	289,739,528	242,977,698	26,365,348	76,255,937	36,159,193	104,073,957	123,263	45,608,602	1,153,228	388,161,145	215,134,359	222,182	172,804,604	434,922,975	83,86%	42,74%	
10	Bình Thuận	839,812,582	382,263,801	457,548,781	403,892,194	243,344,266	10,049,915	87,611,887	81,337,594	64,172,432	172,438	145,834,172	14,713,756	435,920,388	193,975,556	11,225,700	230,719,132	596,468,316	60,25%	48,09%	
11	BR-V Tàu	1,966,045,907	1,219,077,694	746,968,213	963,382,216	709,718,124	146,362,167	266,082,267	70,635,623	226,489,597	148,470	253,465,462	198,631	1,002,663,691	466,408,107	14,360,535	521,895,049	1,256,327,784	73,67%	49,00%	
12	Cà Mau	828,566,799	326,591,063	501,975,736	531,198,563	305,872,376	67,129,464	104,090,114	42,487,512	91,807,148	358,138	225,187,463	138,724	297,368,236	102,175,358	926,484	194,266,394	522,694,423	57,58%	64,11%	
13	Cần Thơ	2,585,949,987	1,053,208,947	1,532,741,040	1,462,674,887	806,796,965	273,826,141	201,064,055	74,056,093	257,840,123	10,553	642,315,549	13,562,374	1,123,275,100	261,673,339	315,145,366	546,456,395	1,779,153,023	55,16%	56,56%	
14	Cao Bằng	32,529,821	15,803,441	16,726,380	17,507,119	16,925,118	403,883	10,122,265	2,708,206	3,308,227	382,537	471,794	110,207	15,022,702	14,243,774	0	778,928	15,604,703	96,68%	53,82%	
15	Đà Nẵng	1,908,935,020	662,025,779	1,246,909,241	1,104,644,619	956,304,361	219,884,332	455,458,242	75,388,571	204,987,735	585,481	110,614,860	37,725,398	804,290,401	659,308,275	46,383,778	98,598,348	952,630,659	86,57%	57,87%	
16	Đắk Lắk	1,794,127,263	519,168,770	1,274,958,493	1,439,597,130	1,300,541,760	22,961,633	132,645,680	52,038,956	1,092,071,904	823,587	135,245,200	3,810,170	354,530,133	99,933,936	214,327	254,381,870	493,585,503	90,34%	80,24%	

17	Đắk Nông	327,872,881	146,599,359	181,273,522	153,109,872	139,442,685	6,428,142	87,726,272	16,711,512	28,521,727	55,032	9,312,304	4,354,883	174,763,009	64,596,496	1,865,566	108,300,947	188,430,196	91.07%	46.70%
18	Điện Biên	31,925,092	14,436,539	17,488,553	15,646,654	14,581,750	2,234,385	10,264,095	563,485	943,035	576,751	918,174	146,730	16,278,438	12,417,626	453,762	3,407,050	17,343,342	93.19%	49.01%
19	Đồng Nai	3,508,508,446	1,849,481,471	1,659,026,975	1,950,283,124	1,342,530,277	236,404,444	587,941,266	138,711,443	378,884,424	588,700	606,780,171	972,676	1,558,225,322	1,045,315,955	4,908,645	508,000,722	2,165,978,169	68.84%	55.59%
20	Đồng Tháp	1,117,652,175	325,492,989	792,159,186	726,020,114	642,599,361	97,562,470	179,375,430	35,254,301	329,829,830	577,330	81,213,909	2,206,844	391,632,061	89,641,637	2,801,963	299,188,461	475,052,814	88.51%	64.96%
21	Già Lai	952,040,359	615,442,120	336,598,239	432,877,963	394,653,262	18,383,907	150,440,591	44,928,266	180,757,691	142,807	38,224,701	0	519,162,396	370,524,360	8,209,214	140,428,822	557,387,097	91.17%	45.47%
22	Hà Giang	45,802,218	13,491,624	32,310,594	29,485,940	25,613,082	800,427	10,615,703	1,493,288	12,528,632	175,032	3,815,391	57,467	16,316,278	15,258,815	0	1,057,463	20,189,136	86.87%	64.38%
23	Hà Nam	88,061,300	35,778,878	52,282,422	57,221,263	52,208,881	6,527,241	17,270,885	646,312	27,553,403	211,040	1,297,795	3,714,587	30,840,037	27,916,105	101,679	2,822,253	35,852,419	91.24%	64.98%
24	Hà Nội	8,081,595,567	2,240,770,774	5,840,824,793	5,176,494,224	4,666,802,171	2,176,524,492	907,787,594	400,877,645	1,177,922,085	3,690,355	509,003,582	688,471	2,905,101,344	1,630,053,800	102,016,763	1,173,030,781	3,414,793,396	90.15%	64.05%
25	Hà Tĩnh	80,397,104	19,649,347	60,747,757	63,600,853	55,512,511	5,173,310	24,843,795	3,322,859	21,891,282	281,265	8,008,610	79,732	16,796,251	16,357,378	0	438,873	24,884,593	87.28%	79.11%
26	Hải Dương	1,401,294,109	1,158,780,142	242,513,967	1,275,158,690	164,107,587	21,099,023	106,252,408	13,544,156	22,542,665	669,335	101,934,592	1,009,116,511	126,135,419	90,179,123	0	35,956,296	1,237,186,522	12.87%	91.00%
27	Hải Phòng	2,990,682,705	1,106,457,102	1,884,225,603	2,292,993,510	1,432,019,714	1,104,794,876	125,348,066	61,687,531	138,864,925	1,324,316	814,894,500	46,079,296	697,689,195	339,246,661	7,869,294	350,573,240	1,558,662,991	62.45%	76.67%
28	Hậu Giang	358,749,536	161,241,650	197,507,886	197,468,866	111,688,921	16,407,789	63,550,122	4,854,931	26,849,348	26,731	83,342,446	2,437,499	161,280,670	76,886,068	180,983	84,213,619	247,060,615	56.56%	55.04%
29	Hồ Chí Minh	32,460,175,672	15,367,419,317	17,092,756,355	15,318,647,416	12,102,905,199	3,931,697,173	3,979,194,226	1,814,431,974	2,372,691,006	4,890,820	2,966,750,108	248,992,109	17,141,528,256	5,649,707,897	623,269,932	10,868,550,427	20,357,270,473	79.01%	47.19%
30	Hòa Bình	93,814,826	46,419,975	47,394,850	74,429,153	72,655,418	38,043,173	21,648,191	2,195,258	10,592,083	176,714	1,615,285	158,450	19,385,672	7,747,593	0	11,638,079	21,159,407	97.62%	79.34%
31	Hưng Yên	361,532,857	170,229,896	191,302,961	253,019,504	203,464,569	42,610,913	63,754,033	33,225,536	63,177,608	696,479	49,535,085	19,850	108,513,353	20,998,978	22,154,835	65,359,540	158,068,288	80.41%	69.99%
32	Khánh Hoà	1,696,059,207	1,060,639,188	635,420,019	841,594,192	521,493,215	90,105,727	208,639,350	114,373,086	107,833,373	541,680	228,825,478	91,275,499	854,465,015	422,175,577	11,261,832	421,027,605	1,174,565,993	61.96%	49.62%
33	Kiên Giang	1,241,076,119	516,442,965	724,633,154	679,188,219	538,201,469	74,815,423	280,625,414	40,937,967	141,430,502	392,163	126,695,942	14,290,808	561,887,900	298,583,994	468,461	262,835,445	702,874,650	79.24%	54.73%
34	Kon Tum	303,621,944	130,634,105	172,987,839	181,313,885	169,629,414	58,851,378	36,632,060	29,118,676	44,991,396	35,904	11,684,471	0	122,308,059	109,788,974	407,281	12,111,805	133,992,530	93.56%	59.72%
35	Lai Châu	19,591,531	11,173,915	8,417,616	17,308,356	16,785,697	835,303	4,299,941	2,030,571	9,492,107	127,775	522,659	0	2,283,175	2,283,175	0	0	2,805,834	96.98%	88.35%
36	Lâm Đồng	1,533,371,939	735,956,198	797,415,741	664,944,745	579,224,179	38,592,563	219,316,395	124,720,368	196,332,863	261,990	85,720,566	0	868,427,194	532,636,359	786,705	335,004,130	954,147,760	87.11%	43.36%
37	Lạng Sơn	87,906,353	39,069,497	48,836,856	49,661,132	43,069,597	8,445,158	23,845,104	2,640,027	7,283,411	855,897	6,404,599	186,936	38,245,221	35,522,845	0	2,722,376	44,836,756	86.73%	56.49%
38	Lào Cai	72,417,885	23,887,324	48,530,561	49,777,720	46,223,949	3,116,578	36,521,694	2,397,782	3,016,163	1,171,732	3,553,771	0	22,640,165	20,554,385	0	2,085,780	26,193,936	92.86%	68.74%
39	Long An	3,124,407,569	1,047,195,463	2,077,212,106	1,519,008,564	1,213,715,126	585,600,285	371,338,346	45,672,448	210,351,466	752,581	155,521,810	149,771,628	1,605,399,005	576,696,792	82,532,216	946,169,997	1,910,692,443	79.90%	48.62%
40	Nam Định	89,016,895	40,646,066	48,370,829	58,345,132	52,908,202	10,546,529	26,572,459	3,782,905	10,337,535	1,668,774	2,497,597	2,939,333	30,671,763	21,547,421	2,878,750	6,245,592	36,108,693	90.68%	65.54%
41	Nghệ An	586,102,400	134,506,804	451,595,595	351,722,831	305,248,529	28,099,055	186,591,476	11,956,772	75,931,756	2,669,470	38,700,527	7,773,775	234,379,569	189,711,968	15,269	44,652,332	280,853,871	86.79%	60.01%
42	Ninh Bình	283,083,910	160,086,730	122,997,180	102,523,576	69,423,431	6,709,974	34,295,801	3,774,357	24,307,368	335,931	33,040,345	59,800	180,560,334	10,039,896	3,790,548	166,729,890	213,660,479	67.71%	36.22%
43	Ninh Thuận	294,452,770	82,996,214	211,456,556	228,837,589	143,129,236	70,687,786	31,755,605	8,980,203	31,553,153	152,490	81,462,441	4,245,911	65,615,181	50,586,517	16,465	15,012,199	151,323,534	62.55%	77.72%
44	Phú Thọ	740,759,825	229,075,952	511,683,873	562,859,308	429,818,926	13,945,396	253,822,950	36,226,862	125,308,138	515,580	106,658,268	26,382,114	177,900,517	74,649,594	4,977,600	98,273,323	310,940,899	76.36%	75.98%
45	Phú Yên	483,561,014	142,017,547	341,543,467	279,297,303	247,964,299	84,894,694	89,311,764	13,674,619	59,987,931	95,292	31,333,004	0	204,263,711	195,032,641	445,804	8,785,266	235,596,715	88.78%	57.76%

46	Quảng Bình	139,803,286	47,165,041	92,638,245	80,371,111	65,890,764	9,336,879	38,118,971	8,786,342	9,365,774	282,798	13,789,102	691,245	59,432,175	52,242,419	0	7,189,756	73,912,522	81.98%	57.49%
47	Quảng Nam	1,330,931,706	555,422,422	775,509,284	168,172,189	154,544,228	13,795,329	95,272,483	15,280,420	29,764,643	431,353	13,435,617	192,344	1,162,759,517	366,222,780	9,296,988	787,239,749	1,176,387,478	91.90%	12.64%
48	Quảng Ngãi	600,901,843	278,723,060	322,178,783	436,463,907	272,610,833	29,026,772	115,050,495	11,524,832	116,883,800	124,934	163,646,466	206,608	164,437,936	154,546,357	668,303	9,223,276	328,291,010	62.46%	72.63%
49	Quảng Ninh	707,642,680	357,759,683	349,882,997	297,033,317	252,392,802	75,592,403	77,624,605	18,080,930	78,666,493	2,428,371	43,919,050	721,465	410,609,363	357,851,614	2,512,522	50,245,227	455,249,878	84.97%	41.98%
50	Quảng Trị	141,028,245	24,798,403	116,229,842	116,363,851	113,993,519	1,828,663	56,940,819	8,855,246	46,224,967	143,824	2,354,332	16,000	24,664,394	22,003,560	225,760	2,435,074	27,034,726	97.96%	82.51%
51	Sóc Trăng	1,050,194,797	423,124,706	627,070,091	723,884,439	530,473,784	237,653,354	72,445,076	13,835,334	206,430,438	109,582	148,055,480	45,355,175	326,310,358	283,095,491	1,399,261	41,815,606	519,721,013	73.28%	68.93%
52	Sơn La	96,131,095	35,161,671	60,969,424	47,411,113	40,814,819	1,448,393	24,593,373	4,474,301	8,880,397	1,418,355	6,540,042	56,252	48,719,982	46,584,245	0	2,135,737	55,316,276	86.09%	49.32%
53	Tây Ninh	1,548,533,455	718,521,327	830,012,128	914,020,974	583,440,536	139,811,866	244,873,004	34,267,111	164,023,698	464,857	329,007,111	1,573,327	634,512,481	224,412,385	11,679,292	398,420,804	965,092,919	63.83%	59.02%
54	Thái Bình	451,078,580	131,220,059	319,858,521	156,240,441	122,665,095	63,414,032	27,070,349	25,752,607	4,698,767	1,729,340	32,057,467	1,517,879	294,838,139	26,941,031	4,768,366	263,128,742	328,413,485	78.51%	34.64%
55	Thái Nguyên	305,844,292	128,337,652	177,506,640	196,772,489	170,363,449	5,670,882	79,654,015	10,202,705	72,279,405	2,556,442	24,151,172	2,257,868	109,071,803	74,859,666	1,795,910	32,416,227	135,480,843	86.58%	64.34%
56	Thanh Hóa	540,120,100	204,142,491	335,977,609	248,854,294	175,369,118	14,857,617	67,329,499	56,556,721	35,389,768	1,235,513	72,396,303	1,088,873	291,265,806	127,758,641	111,708,534	51,798,631	364,750,982	70.47%	46.07%
57	Tiền Giang	1,727,170,766	685,442,761	1,041,728,004	1,052,012,950	881,411,728	170,532,584	230,315,793	49,123,121	431,130,399	309,830	170,582,727	18,495	675,157,816	556,420,752	3,185,484	115,551,580	845,759,038	83.78%	60.91%
58	Trà Vinh	666,818,099	382,430,277	284,387,822	315,493,133	219,091,237	29,602,209	85,712,896	40,669,342	62,849,129	257,661	96,401,896	0	351,324,966	112,070,150	179,228	239,075,588	447,726,862	69.44%	47.31%
59	TT Huế	531,146,067	194,210,741	336,935,326	124,086,430	112,711,062	19,024,469	52,024,517	24,838,974	16,773,872	49,230	10,419,564	955,804	407,059,637	72,556,093	4,210,363	330,293,181	418,435,005	90.83%	23.36%
60	Tuyên Quang	149,474,969	101,495,704	47,979,265	105,794,513	97,487,222	9,844,537	18,229,047	2,751,225	65,911,611	750,802	8,307,291	0	43,680,456	33,054,736	0	10,625,720	51,987,747	92.15%	70.78%
61	Vĩnh Long	1,051,173,098	367,079,115	684,093,983	540,447,603	457,550,615	224,616,912	100,673,979	71,641,794	60,317,712	300,218	82,884,560	12,428	510,725,495	230,225,189	1,876,515	278,623,791	593,622,483	84.66%	51.41%
62	Vĩnh Phúc	594,094,256	123,850,348	470,243,908	444,791,858	340,998,766	23,186,510	76,539,819	30,006,955	210,678,384	587,098	96,192,578	7,600,514	149,302,398	72,200,365	1,292,632	75,809,401	253,095,490	76.66%	74.87%
63	Yên Bái	76,557,114	31,626,035	44,931,079	31,841,746	29,493,249	1,143,374	17,132,858	6,606,323	3,857,038	753,656	2,348,497	0	44,715,368	44,715,368	0	0	47,063,865	92.62%	41.59%

**Phụ lục 2**

**TỔNG HỢP GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁM SÁT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN NĂM 2010**

*(Kèm theo Báo cáo số:20/BC-CP ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ)*

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Cơ quan tiến hành giám sát					Kết quả thực hiện việc giám sát	
			Quốc hội		Hội đồng nhân dân, ĐB HĐND	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Đã thực hiện kết luận giám sát	Chưa thực hiện kết luận giám sát
			Đoàn đại biểu Quốc hội	Đại biểu Quốc hội					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	An Giang	7	0	0	6	0	1	5	2
2	BR-Vũng Tàu	3	1	0	2	0	0	3	0
3	Bắc Giang	5	0	0	5	0	0	5	0
4	Bắc Kạn	5	0	0	3	0	2	1	0
5	Bạc Liêu	5	2	0	3	0	0	0	0
6	Bắc Ninh	1	0	0	1	0	0	1	0
7	Bến Tre	2	0	0	2	0	0	2	0
8	Bình Định	10	3	0	7	0	0	6	4
9	Bình Dương	8	2	0	6	0	0	8	0
10	Bình Phước	4	0	0	4	0	0	4	0
11	Bình Thuận	6	0	0	3	0	3	6	0
12	Cà Mau	1	0	0	1	0	0	1	0
13	Cần Thơ	6	2	0	4	0	0	6	0
14	Cao Bằng	7	1	0	6	0	0	7	0
15	Đà Nẵng	4	3	0	1	0	0	0	0
16	Đắk Lắk	2	0	2	0	0	0	2	0
17	Đắk Nông	1	0	0	1	0	0	1	0
18	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0

19	<b>Đồng Nai</b>	3	0	0	3	0	0	0	2
20	<b>Đồng Tháp</b>	7	0	0	6	0	1	7	0
21	<b>Gia Lai</b>	8	0	1	7	0	0	8	0
22	<b>Hà Giang</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
23	<b>Hà Nam</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
24	<b>Hà Nội</b>	15	1	0	14	0	0	14	0
25	<b>Hà Tĩnh</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
26	<b>Hải Dương</b>	13	0	0	13	0	0	13	0
27	<b>Hải Phòng</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
28	<b>Hậu Giang</b>	10	0	1	9	0	0	2	0
29	<b>Hồ Chí Minh</b>	10	3	0	5	0	2	10	0
30	<b>Hoà Bình</b>	2	0	0	2	0	0	1	1
31	<b>Hưng Yên</b>	7	0	0	5	1	1	7	0
32	<b>Khánh Hoà</b>	2	0	0	2	0	0	0	0
33	<b>Kiên Giang</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
34	<b>Kon Tum</b>	6	0	0	6	0	0	0	1
35	<b>Lai Châu</b>	1	0	0	1	0	0	0	0
36	<b>Lâm Đồng</b>	4	2	0	1	0	1	3	1
37	<b>Lạng Sơn</b>	5	0	0	4	0	1	5	0
38	<b>Lào Cai</b>	1	0	0	1	0	0	1	0
39	<b>Long An</b>	14	0	0	10	1	3	14	0
40	<b>Nam Định</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
41	<b>Nghệ An</b>	4	0	0	4	0	0	4	0
42	<b>Ninh Bình</b>	2	0	0	2	0	0	2	0
43	<b>Ninh Thuận</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
44	<b>Phú Thọ</b>	3	0	0	3	0	0	3	0
45	<b>Phú Yên</b>	3	0	0	3	0	0	3	0
46	<b>Quảng Bình</b>	9	1	0	7	0	1	6	3
47	<b>Quảng Nam</b>	3	0	0	2	0	1	1	2



48	<b>Quảng Ngãi</b>	6	0	0	3	0	3	6	0
49	<b>Quảng Ninh</b>	9	3	0	2	0	4	8	1
50	<b>Quảng Trị</b>	9	0	0	9	0	0	0	9
51	<b>Sóc Trăng</b>	5	0	0	4	0	1	3	1
52	<b>Sơn La</b>	4	0	0	4	0	0	4	0
53	<b>Tây Ninh</b>	3	0	0	3	0	0	3	0
54	<b>Thái Bình</b>	2	0	0	2	0	0	0	0
55	<b>Thái Nguyên</b>	2	0	0	2	0	0	2	0
56	<b>Thanh Hoá</b>	4	0	0	4	0	0	4	0
57	<b>TT Huế</b>	2	0	0	2	0	0	0	2
58	<b>Tiền Giang</b>	5	0	0	3	1	1	5	0
59	<b>Trà Vinh</b>	5	1	0	3	0	1	5	0
60	<b>Tuyên Quang</b>	4	0	0	4	0	0	4	0
61	<b>Vĩnh Long</b>	25	0	0	0	0	25	3	22
62	<b>Vĩnh Phúc</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
63	<b>Yên Bái</b>	1	0	0	1	0	0	1	0
<b>Cộng</b>		<b>295</b>	<b>25</b>	<b>4</b>	<b>211</b>	<b>3</b>	<b>52</b>	<b>210</b>	<b>51</b>

## TỔNG HỢP GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁM SÁT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN NĂM 2011

(Kèm Báo cáo số: 17/BC-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

*Đơn vị tính: Cuộc giám sát*

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Cơ quan tiến hành giám sát				Kết quả thực hiện việc giám sát		
			Quốc hội		Hội đồng nhân dân, ĐB HĐND	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Đã thực hiện kết luận giám sát	Chưa thực hiện kết luận giám sát
			Đoàn đại biểu Quốc hội	Đại biểu Quốc hội					
1	An Giang	7	0	0	4	0	3	7	0
2	BR-Vũng Tàu	4	0	0	3	0	1	0	4
3	Bắc Giang	3	0	0	2	1	0	3	0
4	Bắc Kạn	4	0	0	2	0	2	4	0
5	Bạc Liêu	3	0	0	3	0	0	2	1
6	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Bến Tre	2	0	0	2	0	0	2	0
8	Bình Định	3	0	0	2	0	1	0	3
9	Bình Dương	1	0	0	1	0	0	1	0
10	Bình Phước	5	0	0	3	0	2	0	0
11	Bình Thuận	8	0	0	4	0	4	0	0
12	Cà Mau	3	0	0	3	0	0	3	0
13	Cần Thơ	7	2	0	3	0	2	7	0
14	Cao Bằng	2	0	0	1	1	0	2	0
15	Đà Nẵng	1	0	0	0	1	0	0	0
16	Đắk Lắk	2	0	0	2	0	0	0	0
17	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Đồng Nai	3	0	0	2	0	1	2	0

20	Đồng Tháp	8	0	0	8	0	0	5	0
21	Gia Lai	2	0	0	2	0	0	2	0
22	Hà Giang	1	0	0	1	0	0	1	0
23	Hà Nam	1	0	0	1	0	0	0	0
24	Hà Nội	19	0	0	15	0	4	9	0
25	Hà Tĩnh	2	0	0	2	0	0	0	0
26	Hải Dương	10	0	0	6	1	3	10	0
27	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hậu Giang	4	0	0	4	0	0	4	0
29	Hồ Chí Minh	12	0	0	1	1	10	10	2
30	Hoà Bình	7	0	0	5	0	2	7	0
31	Hưng Yên	12	0	0	12	0	0	0	0
32	Khánh Hoà	5	2	0	2	0	1	3	1
33	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Lai Châu	5	0	0	5	0	0	5	0
36	Lâm Đồng	1	0	0	1	0	0	1	0
37	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Lào Cai	1	0	0	1	0	0	0	0
39	Long An	20	1	0	19	0	0	19	0
40	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Nghệ An	7	0	0	7	0	0	7	0
42	Ninh Bình	34	1	0	33	0	0	0	0
43	Ninh Thuận	1	0	0	1	0	0	0	0
44	Phú Thọ	3	1	0	1	0	1	3	0
45	Phú Yên	3	0	0	3	0	0	0	0
46	Quảng Bình	9	0	0	9	0	0	0	0
47	Quảng Nam	5	0	0	4	0	1	3	0

48	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Quảng Ninh	6	0	0	3	0	3	6	0
50	Quảng Trị	2	0	0	2	0	0	2	0
51	Sóc Trăng	3	0	0	3	0	0	3	0
52	Son La	2	0	0	2	0	0	1	1
53	Tây Ninh	7	0	0	7	0	0	5	2
54	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
55	Thái Nguyên	1	0	0	1	0	0	1	0
56	Thanh Hoá	18	0	0	15	2	1	18	0
57	TT Huế	1	0	0	1	0	0	1	0
58	Tiền Giang	4	0	0	2	0	2	4	1
59	Trà Vinh	5	0	0	4	0	1	3	2
60	Tuyên Quang	1	0	0	1	0	0	1	0
61	Vĩnh Long	3	1	0	2	0	0	2	1
62	Vĩnh Phúc	1	0	0	1	0	0	1	0
63	Yên Bái	3	0	0	3	0	0	2	0
Cộng		287	8	0	227	7	45	172	18

## THỐNG KÊ SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ 12 THÁNG NĂM 2012

(Kèm theo Báo cáo số 289/BC-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2012)

*Đơn vị tính: Cuộc giám sát*

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Cơ quan tiến hành giám sát					Kết quả thực hiện việc giám sát	
			Chia ra:					Đã thực hiện kết luận giám sát	Chưa thực hiện kết luận giám sát
			Quốc hội		Hội đồng nhân dân, ĐB HĐND	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác		
			Đoàn đại biểu Quốc hội	Đại biểu Quốc hội					
1	2	3	4	5	6	7	8		
1	An Giang	5	0	0	5	0	0	5	0
2	Bắc Giang	5	0	0	4	1	0	5	0
3	Bắc Kạn	1	0	0	1	0	0	1	0
4	Bạc Liêu	2	0	0	2	0	0	1	1
5	Bắc Ninh	4	0	0	3	0	1	4	0
6	Bến Tre	7	0	0	7	0	0	6	1
7	Bình Định	10	0	0	10	0	0	10	0
8	Bình Dương	5	0	0	5	0	0	5	0
9	Bình Phước	8	1	0	5	0	2	0	8
10	Bình Thuận	11	0	0	10	0	1	7	4
11	BR-Vũng Tàu	2	0	0	0	0	2	1	1
12	Cà Mau	3	0	0	3	0	0	3	0
13	Cần Thơ	7	0	0	7	0	0	3	4
14	Cao Bằng	1	0	0	1	0	0	1	0
15	Đà Nẵng	4	0	0	3	1	0	4	0
16	Đắk Lắk	5	0	0	5	0	0	5	0
17	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Đồng Nai	5	0	0	4	0	1	5	0

20	Đông Tháp	6	0	0	6	0	0	6	0
21	Gia Lai	2	1	0	1	0	0	2	0
22	Hà Giang	3	1	0	2	0	0	2	1
23	Hà Nam	2	0	0	2	0	0	2	0
24	Hà Nội	18	0	0	14	0	4	14	4
25	Hà Tĩnh	2	0	0	2	0	0	2	0
26	Hải Dương	6	0	0	6	0	0	3	3
27	Hải Phòng	4	1	0	3	0	0	1	3
28	Hậu Giang	5	0	0	4	0	1	4	1
29	Hồ Chí Minh	4	0	0	2	0	2	2	2
30	Hoà Bình	5	0	0	4	0	1	3	2
31	Hung Yên	12	0	0	11	1	0	12	0
32	Khánh Hoà	2	0	0	2	0	0	1	1
33	Kiên Giang	1	0	0	0	0	1	1	0
34	Kon Tum	1	0	0	1	0	0	1	0
35	Lai Châu	1	0	0	1	0	0	1	0
36	Lâm Đồng	3	0	0	3	0	0	1	2
37	Lạng Sơn	5	0	0	4	0	1	4	1
38	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Long An	15	0	0	15	0	0	15	0
40	Nam Định	1	0	0	1	0	0	1	0
41	Nghệ An	10	1	0	8	1	0	10	0
42	Ninh Bình	10	0	0	10	0	0	10	0
43	Ninh Thuận	3	0	0	2	0	1	1	2
44	Phú Thọ	9	0	0	8	0	1	5	4
45	Phú Yên	2	0	0	2	0	0	2	0
46	Quảng Bình	5	0	0	5	0	0	5	0
47	Quảng Nam	4	0	0	4	0	0	1	3
48	Quảng Ngãi	3	0	0	3	0	0	2	1
49	Quảng Ninh	1	0	0	1	0	0	1	0

50	Quảng Trị	3	0	0	1	0	2	3	0
51	Sóc Trăng	8	0	0	7	1	0	8	0
52	Sơn La	4	0	0	3	0	1	3	1
53	Tây Ninh	9	0	0	9	0	0	9	0
54	Thái Bình	1	0	0	1	0	0	0	1
55	Thái Nguyên	5	0	0	5	0	0	5	0
56	Thanh Hoá	25	0	0	20	4	1	24	1
57	Tiền Giang	2	0	0	2	0	0	1	1
58	Trà Vinh	7	0	0	6	0	1	4	3
59	TT Huế	4	0	0	4	0	0	4	0
60	Tuyên Quang	4	0	0	4	0	0	4	0
61	Vĩnh Long	8	1	0	5	0	2	3	5
62	Vĩnh Phúc	4	0	0	4	0	0	1	3
63	Yên Bái	7	0	0	7	0	0	7	0
<b>Cộng</b>		<b>321</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>280</b>	<b>9</b>	<b>26</b>	<b>257</b>	<b>64</b>

## SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN GIÁM SÁT 12 THÁNG NĂM 2013

(Kèm Báo cáo số 414/BC-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2013)

*Đơn vị tính: Cuộc giám sát*

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
	<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>299</b>	<b>10</b>	<b>262</b>	<b>4</b>	<b>23</b>	<b>235</b>	<b>58</b>	<b>199</b>	<b>25</b>	<b>20</b>
1	An Giang	10	0	8	0	2	8	2	7	1	0
2	Bạc Liêu	3	0	3	0	0	2	1	2	0	0
3	Bắc Giang	4	0	4	0	0	4	0	3	1	0
4	Bắc Kạn	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
5	Bắc Ninh	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0
6	Bến Tre	10	0	8	0	2	7	3	6	1	0
7	Bình Dương	4	0	4	0	0	1	3	0	0	0
8	Bình Định	4	1	3	0	0	3	1	3	0	0
9	Bình Phước	4	0	4	0	0	3	1	3	1	0
10	Bình Thuận	6	0	6	0	0	6	0	4	1	1
11	BR-V Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Cà Mau	6	0	6	0	0	4	2	3	0	1
13	Cao Bằng	3	0	1	1	1	2	1	3	0	0
14	Cần Thơ	6	0	4	0	2	4	2	1	0	4



15	Đà Nẵng	2	2	0	0	0	0	2	0	0	0
16	Đắk Lắk	5	0	5	0	0	5	0	4	0	1
17	Đắk Nông	3	0	3	0	0	2	1	1	0	0
18	Điện Biên	2	0	1	0	1	2	0	1	1	0
19	Đồng Nai	4	0	2	0	2	2	2	2	0	0
20	Đồng Tháp	10	0	10	0	0	7	3	2	4	1
21	Gia Lai	2	0	1	0	1	2	0	2	0	0
22	Hà Giang	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Hà Nội	18	0	13	1	4	16	2	10	5	0
25	Hà Tĩnh	3	0	2	0	1	0	3	0	0	0
26	Hải Dương	6	2	3	0	1	5	1	5	1	0
27	Hải Phòng	4	4	0	0	0	4	0	2	0	2
28	Hậu Giang	9	0	8	0	1	8	1	8	0	0
29	Hòa Bình	6	0	6	0	0	5	1	5	0	0
30	Hồ Chí Minh	5	0	5	0	0	5	0	5	0	0
31	Hưng Yên	11	0	11	0	0	5	3	5	0	0
32	Kiên Giang	5	0	5	0	0	1	4	1	0	0
33	Kon Tum	7	0	7	0	0	6	1	5	2	0
34	Khánh Hoà	4	0	4	0	0	4	0	3	0	1
35	Lai Châu	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
36	Lạng Sơn	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
37	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Lâm Đồng	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0
39	Long An	17	0	17	0	0	16	1	12	0	5
40	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Ninh Bình	5	0	5	0	0	5	0	5	0	0

42	Ninh Thuận	4	0	4	0	0	4	0	4	0	0
43	Nghệ An	2	0	2	0	0	1	1	2	0	0
44	Phú Thọ	1	0	1	0	0					
45	Phú Yên	6	1	5	0	0	5	1	5	1	0
46	Quảng Bình	6	0	6	0	0	6	0	6	0	0
47	Quảng Nam	4	0	4	0	0	3	1	3	0	0
48	Quảng Ninh	13	0	11	0	2	12	1	12	0	0
49	Quảng Ngãi	3	0	3	0	0	0	1	2	0	0
50	Quảng Trị	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
51	Sóc Trăng	15	0	15	0	0	9	6	9	0	0
52	Sơn La	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
53	Tây Ninh	6	0	6	0	0	5	1	3	2	1
54	Tiền Giang	4	0	3	0	1	4	0	1	3	0
55	TT Huế	2	0	2	0	0	2	0	1	0	1
56	Tuyên Quang	3	0	2	0	1	2	1	2	0	0
57	Thái Bình	4	0	3	0	1	4	0	4	0	0
58	Thái Nguyên	4	0	4	0	0	3	1	3	0	0
59	Thanh Hóa	10	0	8	2	0	9	1	7	1	1
60	Trà Vinh	4	0	4	0	0	2	2	2	0	1
61	Vĩnh Long	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
62	Vĩnh Phúc	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
63	Yên Bái	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0

## SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN GIÁM SÁT 12 THÁNG NĂM 2014

(Kèm Báo cáo số 395/BC-CP ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về công tác thi hành án dân sự năm 2014)

*Đơn vị tính: Cuộc giám sát*

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
	<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>265</b>	<b>12</b>	<b>219</b>	<b>3</b>	<b>31</b>	<b>199</b>	<b>58</b>	<b>171</b>	<b>23</b>	<b>9</b>
1	An Giang	7	0	6	0	1	7	0	7	0	0
2	Bắc Giang	4	0	4	0	0	3	1	0	3	0
3	Bắc Kạn	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0
4	Bạc Liêu	14	0	14	0	0	4	10	4	0	0
5	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bến Tre	3	0	3	0	0	3	0	2	0	1
7	Bình Định	4	0	4	0	0	2	2	2	0	0
8	Bình Dương	4	0	4	0	0	4	0	4	0	0
9	Bình Phước	5	0	4	1	0	5	0	5	0	0
10	Bình Thuận	7	0	7	0	0	6	1	5	0	0
11	BR-V Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Cà Mau	3	0	3	0	0	1	2	0	0	1
13	Cần Thơ	4	0	2	0	2	1	3	0	0	0
14	Cao Bằng	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0

15	Đà Nẵng	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0
16	Đắk Lắk	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
17	Đắk Nông	2	0	1	0	1	1	1	0	1	0
18	Điện Biên	5	0	5	0	0	5	0	5	0	0
19	Đồng Nai	13	1	11	0	1	10	2	9	1	0
20	Đồng Tháp	6	0	6	0	0	5	1	3	2	0
21	Gia Lai	3	0	3	0	0	0	0	3	0	0
22	Hà Giang	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0
23	Hà Nam	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0
24	Hà Nội	14	7	7	0	0	9	5	8	1	0
25	Hà Tĩnh	4	0	3	0	1	3	1	1	2	1
26	Hải Dương	6	0	6	0	0	6	0	6	0	0
27	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hậu Giang	13	0	9	0	4	9	4	8	1	0
29	Hồ Chí Minh	9	0	7	0	2	5	4	5	0	0
30	Hòa Bình	9	2	2	0	5	8	0	8	0	0
31	Hung Yên	9	0	9	0	0	8	1	8	0	0
32	Khánh Hoà	3	0	2	0	1	2	1	1	1	0
33	Kiên Giang	2	0	1	0	1	2	0	1	1	0
34	Kon Tum	4	0	3	0	1	3	1	3	0	0
35	Lai Châu	3	0	2	0	1	3	0	3	0	0
36	Lâm Đồng	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
37	Lạng Sơn	4	0	4	0	0	4	0	2	2	0
38	Lào Cai	6	0	6	0	0	6	0	5	1	0
39	Long An	12	0	12	0	0	11	0	10	0	1
40	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Nghệ An	5	0	5	0	0	5	0	3	1	1

42	Ninh Bình	3	0	3	0	0	3	0	3	0	0
43	Ninh Thuận	4	0	4	0	0	4	0	2	0	2
44	Phú Thọ	1	0	1	0	0	1	0	0	0	1
45	Phú Yên	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
46	Quảng Bình	5	0	5	0	0	4	1	5	0	0
47	Quảng Nam	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
48	Quảng Ngãi	6	0	6	0	0	2	3	2	1	0
49	Quảng Ninh	4	0	4	0	0	2	2	2	0	0
50	Quảng Trị	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
51	Sóc Trăng	5	0	1	0	4	4	1	4	0	0
52	Sơn La	1	0	1	0	0	1	0	0	1	0
53	Tây Ninh	8	0	8	0	0	3	5	2	1	0
54	Thái Bình	4	2	2	0	0	4	0	4	0	0
55	Thái Nguyên	2	0	1	0	1	0	2	0	0	0
56	Thanh Hóa	5	0	3	2	0	4	1	3	1	0
57	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Trà Vinh	5	0	4	0	1	5	0	4	0	1
59	TT Huế	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0
60	Tuyên Quang	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0
61	Vĩnh Long	3	0	1	0	2	2	1	0	2	0
62	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Yên Bái	3	0	3	0	0	2	1	2	0	0